MỘNG BÌNH SƠN

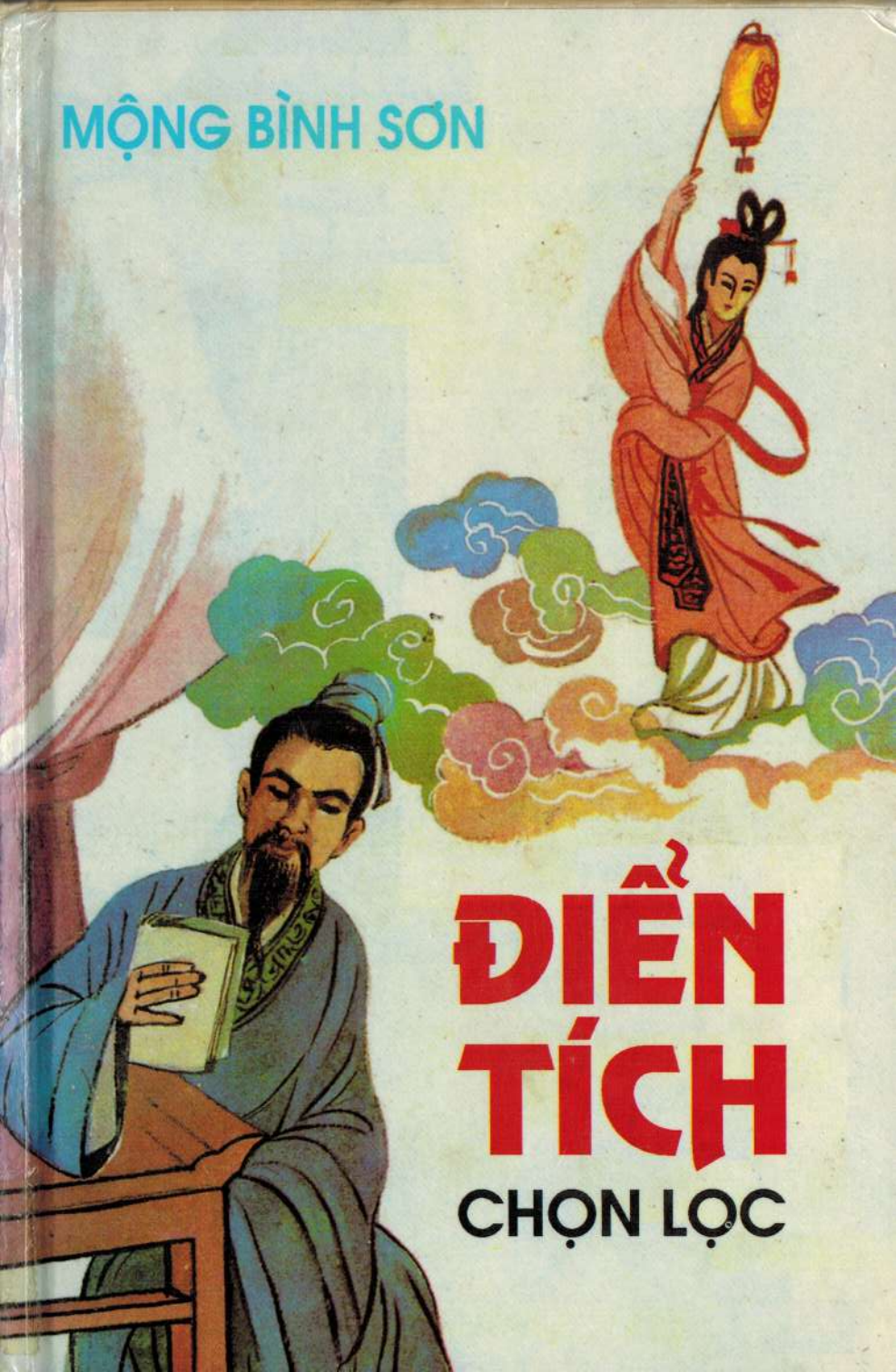

ĐIỂN TÍCH

CHỌN LỌC

Sa-Đéc, March 10, 2015

MỤC LỤC

	Trang
Lời tựa	
1. Trúc Mai	9
2. Đồng Tước	13
3. Bố Kinh	17
4. Má đào	22
5. Lam Kiều	28
6. Khối tình	36
7. Kết cỏ ngậm vành	46
8. Bá Nha, Tử Kỳ	60
9. Sông Tương	77
10. Gương vỡ lại lành	81
11. Nằm gai nếm mật	88
12. Trao tơ, gieo cầu	120
13. Gươm báu	126
14. Ngô Khởi, Mãi Thần	131
15. Đông sàng	143
16. Gái quạt mồ	147

17. Đằng Vương các 160
18. Tường đông 165
19. Chỉ hồng 179
20. Lá thắm 189
21. Hững hờ chàng Tiêu 192
22. Ba đào 197
23. Hoa tàn mà lại thêm tươi 204
24. Ngựa Tái Ông, dê lộ kỳ 217
25. Thất tịch 221
26. Giấm chua 224
27. Đào nguyên 229
28. Khúc nghê thường 233
29. Tư mã Giang châu 239
30. Kiết phụ 252
31. Bể dâu 256
32. Công dã tràng 286
33. Di Tề 295
34. Ả Tạ, nàng Ban 299
35. Mạnh Thường Quân 305
36. Lầu xanh lầu hồng 312
37. Tôn Tẫn, Bàng Quyên 315
38. Chức cẩm hồi văn 339

LỜI TỰA

Trong Thi văn cổ Việt Nam các bậc văn nhân xưa thường dùng điển tích để diễn đạt tình ý.

Vì vậy, người đọc và nghiên cứu thi văn cổ, muốn thông hiểu thấu đáo, bắt buộc phải am tường về điển tích.

Ngày xưa, các bậc cựu học dùng danh từ **Học vấn uyên thâm** *để chỉ những người am hiểu nhiều về điển tích.*

Vậy điển tích là gì ?

Điển tích là những câu nói ngắn hoặc những câu chuyện trong sách đời trước chứa đựng một nội dung xã hội và văn học sâu sắc được lưu truyền qua sử sách và được các học giả của mọi thời kỳ thừa nhận giá trị điển tích của nó.

Văn học Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ cảnh tân. Những điển tích trong văn thơ lần lần được hay bỏ. Cho đến nay, chúng ta ít gặp những điển tích vận dụng trong văn thơ mới để diễn đạt tình ý, do đó, điển tích cũng dần dần biến dạng trong văn chương.

Tuy nhiên, thơ văn cổ là một bộ phận của lịch sử văn học dân tộc mà chúng ta không thể tách rời khi nghiên cứu văn học sử. Vì vậy, việc tìm hiểu điển tích trong thi văn cổ là chuyện cần thiết.

Với mục đích đó, cuốn **Điển tích chọn lọc** *này sẽ phần nào giúp các bạn đọc muốn tìm hiểu và nghiên cứu cổ văn trong khi các sách diễn giải về điển tích mỗi ngày một khan hiếm.*

MỘNG BÌNH SƠN

Sa-Đéc, March 10, 2015

1. TRÚC MAI

Trong truyện Kiều, lúc nàng Kiều bán mình cho Mã Giám Sinh lấy tiền chuộc tội cho cha, trước ngày lên đường theo họ Mã về Lâm Tri, nàng Kiều một mình một bóng dưới ngọn đèn khuya, ôm mặt khóc nhớ đến Kim Trọng, người yêu đang ở tại Liêu Dương, nơi xa xôi ngàn trùng cách biệt, chẳng biết chàng Kim có thấu hiểu nỗi lòng đau đớn của nàng trong lúc phải đoạn ly :

Để diễn tả tâm trạng này, Nguyễn Du tiên sinh đã viết :

Thề hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa.
Trời Liêu non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà từ tôi.
Biết bao duyên nợ thề bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì.
Tái sinh chưa dứt hương thề
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Trong đoạn thơ này tác giả đã dùng điển tích : *trúc mai.*

Trúc mai là cây trúc và cây mai, hai thứ cây vào mùa đông lạnh giá vẫn xanh tốt như thường. Trong nghệ thuật các họa sĩ thường lấy bốn thứ cây : *Mai Lan Cúc Trúc* làm tượng trưng cho bốn mùa (tứ quí).

Người Trung Hoa thường vẽ tranh thủy mạc có bụi trúc bên cạnh cây mai. Ở đây đặc tính của cây trúc và cây mai bao gồm hai câu :

Trúc bất chỉ thiên
Mai bất chích địa

Nghĩa là : Đọt cây trúc không bao giờ chỉ lên trời. Đọt cây mai không bao giờ chỉ xuống đất. Sự khác biệt ấy mang tính chất hòa hợp với nhau về âm dương.

Trong sách *Lưỡng ban thư vũ tùy bút* có chép câu chuyện trúc mai như sau :

Ngày xưa, tại huyện Long Môn thuộc tỉnh Quảng Đông có một cái đầm nước rất đẹp. Các trai tài, gái sắc thường dạo chơi trong dịp cuối thu. Vào mùa này, các cây cối đều rụng lá, riêng có hai loại cây Mai và Trúc lá vẫn xanh tươi, làm chú ý mọi du khách đi thưởng ngoạn.

Thuở ấy, trong số khách tài hoa phong nhã có nàng Hoàng Kỳ Mai và chàng Lâm Bá Trúc là nam nữ khác thường con nhà gia phong thế phiệt, thường gặp nhau trong các buổi chiều thu trên bờ đầm Long Môn thơ mộng.

Nàng Hoàng Kỳ Mai đẹp về cốt cách như cành mai, mà người xưa thường ví với người con gái : *minh hạc, xương mai.*

Trong truyện Kiều, tác giả cũng ví người đẹp với hình dáng cây mai :

Mai cốt cách, tuyết tinh thần.
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Còn chàng Lâm Bá Trúc, tác phong mềm mại cao quí như một cây trúc, nên người xưa thường lấy cây trúc làm mẫu để ví với các nho sinh, công tử.

Trên bờ đầm Long Môn chính nhờ hai loại cây này đã tô điểm cho cảnh vật hữu tình và làm cho cặp trai tài, gái sắc Lâm Bá Trúc và Hoàng Kỳ Mai khăng khít với nhau trong các buổi du ngoạn.

Trải một mùa thu, qua những lần tri ngộ, đôi trai gái đã yêu nhau tha thiết.

Rồi mùa đông đến, mặc dù những cành mai, khóm trúc trên bờ đầm Long Môn vẫn còn đậm tình với du khách, nhưng cũng không vì thế mà du khách kéo dài mãi mùa thu.

Mùa chia tay đã đến. Mặt nước gương của đầm Long Môn không còn vọng lại những tiếng tiêu, tiếng sáo hòa lẫn với tiếng ca ngâm trên những chiếc thuyền nan nhởn nhơ trên sông.

Hoàng Kỳ Mai và Lâm Bá Trúc cũng phải tạm biệt nhau để trở về quê hương sau một mùa du ngoạn.

Tình yêu ấp ủ trong lòng. Ngày chia tay biết bao giờ họp mặt. Tình yêu biết ngày nào được tái duyên.

Một hôm, Lâm Bá Trúc cùng Hoàng Kỳ Mai nắm tay nhau ngồi trên thuyền, chèo quanh ven bờ. Hoàng Kỳ Mai bẻ một cành trúc, Lâm Bá Trúc bẻ một cành mai, đôi trai gái thề nguyền :

Hai cành trúc mai, ta đôi chúng ta. Nếu quả lương duyên trời định, chúng ta nên vợ nên chồng thì sau khi chúng ta cùng nhau ném cành mai và cành trúc nay

cuống mặt hồ, mỗi nơi một vật, nếu gió đưa nước cuốn hai cành trúc mai họp lại nhau, thì đó là trúc mai hòa hợp chúng ta sẽ về thưa lại với song đường tác hợp lương duyên.

Thề nguyện xong, Lâm Bá Trúc và Hoàng Kỳ Mai ném hai cành cây mỗi cành một hướng, chỉ một lúc sau sóng gió đẩy đưa, hai cành trúc mai hiệp nhau một chỗ.

Lời ước nguyền linh ứng, Hoàng Kỳ Mai và Lâm Bá Trúc chia tay, đem việc này kể lại với cha mẹ đôi bên. Hai họ cho đó là duyên tiền định, không dám làm trái, nên tác thành cho Lâm Bá Trúc và Hoàng Kỳ Mai đẹp đôi chồng vợ.

Về sau, khi nói đến trúc mai, tức là nói đến tình vợ chồng. Các văn nhân thi sĩ thường mượn điển tích *trúc mai* để nói lên tình ân ái, nghĩa phu thê. Và trong truyện Kiều cụ Nguyễn Du cũng đã mượn điển tích *trúc mai* để nói lên điều đó.

2. ĐỒNG TƯỚC

Nhân tiết Thanh Minh, chị em nàng Kiều cùng với Vương Quan đi tảo mộ.

Lúc trở về, chiều tà bóng xế, nơi tiểu khê, bên mả Đạm Tiên, bỗng gặp chàng nho sĩ Kim Trọng cỡi ngựa trắng, cùng hai tên tiểu đồng vừa đến nơi.

Trước cuộc gặp gỡ đột ngột và thi vị ấy, tác giả truyện Kiều đã viết :

Trộm nghe thơm nức hương lân
Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều

Hai câu thơ này để diễn tả nỗi mừng của Kim Trọng khi được gặp hai nàng Kiều.

Trong thơ có mang điển tích *Đồng Tước*

Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều là dịch từ câu *Đồng Tước thâm xuân tỏa nhị kiều* trong bài *Xích Bích hoài cổ* của nhà thơ Đỗ Phủ.

Đồng Tước là tên một cái đài của Ngụy Võ Đế tức Tào Tháo tự là Mạnh Đức xây trên sông Chương Giang, thuộc tỉnh Hà Nam bên Trung Quốc trong thời Tam Quốc phân tranh.

Xây xong đài Đồng Tước, Tào Mạnh Đức mở tiệc khánh thành. Con trai của Tào Mạnh Đức là Tào Thực

rất giỏi về thi phú đã làm một bài phú vịnh Đồng Tước đài, có câu :

Liên nhị kiều ư Đông Tây hề

Nhược trường không chi nhuế đống.

có nghĩa : *Bắc liền hai cây cầu ở Đông Tây như cái cầu vồng nổi lên giữa lưng trời.*

Sau ngày Ngụy Võ Đế khánh thành Đồng Tước đài, Khổng Minh Gia Cát Lượng là quân sư của Lưu Bị mưu việc lập lại nhà Hán tranh giành ảnh hưởng với Tôn Quyền và Tào Tháo nên sang Đông Ngô thuyết khách, tìm cách gây xích mích giữa Tào Tháo và Tôn Quyền để Ngô Ngụy chiến tranh.

Bên Đông Ngô binh quyền thuộc về tay Châu Du làm Đô Đốc thủy sư quản thủ. Mọi quyết định về chiến tranh do Châu Du định đoạt mặc dù Tôn Quyền là chúa tể Giang Đông.

Khổng Minh Gia Cát Lượng biết Châu Du và Tôn Sách (chúa Đông Ngô) là anh em bạn rể. Hai người đều là rể của Kiều Công, Tôn Sách lấy người con gái lớn của Kiều Công là Đại Kiều, Châu Du lấy cô gái nhỏ là Tiểu Kiều.

Đại Kiều và Tiểu Kiều là hai mỹ nhân nổi tiếng bậc nhất ở Đông Ngô.

Muốn khiêu khích để Châu Du căm hận Tào Tháo, Khổng Minh đem việc Tào Tháo xây Đồng Tước đài kể lại cho Châu Du nghe và hỏi Châu Du :

— Trong lúc thế chiến đang căng thẳng, dân gian đang chờ đợi sự thanh bình, Tào Tháo lấy uy quyền của vua ức chế mọi nơi, việc đó còn dễ hiểu, chứ như

việc Tào Tháo lấy của kho, xây đài Đồng Tước rất tốn kém, mục đích để làm gì tướng quân có biết không ?

Châu Du suy nghĩ rồi lắc đầu :

— Tôi không hiểu được dụng ý của Tào Tháo.

Khổng Minh nói :

— Chủ tâm của Tào Tháo xây Đồng Tước đài là muốn gây chiến với Đông Ngô.

Châu Du hỏi :

— Muốn chiến tranh với Đông Ngô thì xây đài Đồng Tước để làm gì ?

Khổng Minh cười.

— Thật tình tướng quân không biết sao ?

Châu Du lắc đầu.

Khổng Minh nói :

— Chẳng lẽ việc Tào Tháo luyện tập thủy binh ngày đêm, tướng quân cũng không biết ?

Châu Du đáp :

— Điều đó tôi có nghe.

Khổng Minh nói :

— Cùng với việc luyện tập thủy binh, Tào Tháo để tâm xây cất Đồng Tước đài mục đích là sau chiến tranh, chiếm cứ Đông Ngô, Tào Tháo sẽ bắt Đại Kiều và Tiểu Kiều, cho ở Đồng Tước đài để chung vui về tình ái.

Châu Du nghe nói, đỏ mặt, tức giận hỏi :

— Ông lấy bằng cớ gì mà dám nói Tào Tháo xây Đồng Tước đài để bắt Nhị Kiều đem về hành lạc.

Thấy nét mặt giận dữ của Châu Du, Khổng Minh biết Châu Du đã mắc mưu mình, nên bình tĩnh đáp :

— Đây, tôi đọc bài phú của Tào Thực vịnh Đồng Tước đài để tướng quân rõ việc này.

Đoạn, Khổng Minh thong thả đọc lại từng câu. Nhưng đến hai câu :

Liên nhị kiều ư Đông Tây hề
Nhược trường không chi nhuế đống.

thì Khổng Minh cải thành hai câu khác :

Lãm nhị Kiều ư Đông Nam hề
Lạc triêu tịch chi dữ cộng.

nghĩa là : Bắt hai nàng Kiều ở Đông Nam về để sớm tối chung vui.

(Chữ nhị kiều của Tào Thực dùng là hai cái cầu. Chữ nhị Kiều do Khổng Minh sửa lại là hai nàng Kiều ám chỉ Đại Kiều vợ Tôn Sách và Tiểu Kiều vợ Châu Du).

Vì Châu Du không biết rõ bài phú của Tào Thực vịnh Đồng Tước đài trong ngày khánh thành nên tin lời giảng giải của Khổng Minh là thật.

Châu Du càng nghĩ càng căm giận Tào Tháo, quyết chí việc tiêu diệt Tào. Và sau đó, trên sông Xích Bích, Châu Du đã đánh một trận hỏa công, đốt trụi 10 vạn quân Tào, khiến Tào Tháo đại bại, tạo thuận lợi cho Lưu Bị chiếm Kinh Châu, tiến vào Lưỡng Xuyên, hình thành thế ba chân vạc trong thời Tam quốc.

Về sau, Đỗ Phủ tức là Mục Chi, nhà thơ một thời nổi tiếng ở Trung Quốc, khi qua sông Xích Bích có làm bài thơ hoài cổ, trong đó có câu :

Đông phong bất dữ Châu Lang tiện
Đồng Tước thâm xuân tỏa nhị Kiều

Trong một bài dịch thơ Đỗ Phủ, cụ Trần Trọng Kim có dịch hai câu thơ này :

Gió Đông chẳng giúp thuận chiều
Trong đền Đồng Tước hai Kiều khóa xuân

3. BỐ KINH

Bố kinh là do bốn chữ : *bố quần, kinh thoa* rút ngắn lại.

★ Bố quần có nghĩa là quần bằng vải.

★ Kinh thoa là cái trâm cài đầu bằng gai.

Chữ Bố kinh dùng để chỉ người vợ hiền lấy theo tích xưa.

Trong truyện Kiều, lúc Thúy Kiều sang chơi nơi thư phòng của Kim Trọng, trong lúc vắng vẻ, Kim Trọng muốn lả lơi âu yếm, Thúy Kiều sợ Kim Trọng đi quá trớn, phạm đến gia phong lễ giáo, nên tỏ lời khuyên Kim Trọng :

Thưa rằng : Đừng lấy làm chơi
Giá chưa thưa hết một lời đã nao
Vẻ chi một đóa yêu đào
Buồng hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh
Đã cho vào bậc bố kinh
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu
Ra tường trên bộc trong dâu
Thì con người ấy ai cầu làm chi.

Chữ *Bố kinh* lấy tích ở truyện *Lương Hồng và Mạnh Quang* mà ra.

Sách Di Uyển có chép :

Ở đất Giang Nam có một hàn sĩ tên Lương Hồng, nhà nghèo, ham học, chuộng đạo đức, nhân nghĩa. Lương Hồng sống trong một chòi tranh vách đất của cha mẹ để lại.

Suốt năm tháng, Lương Hồng chỉ lo miệt mài kinh sử, không tham giàu có cao sang, biết trọng liêm sỉ, giữ gìn khí tiết, không làm mất phẩm giá của con người.

Các bạn bè thường lui tới, cũng toàn là những nho sĩ trọng nghĩa khinh tài. Do đó Lương Hồng được bạn bè ca tụng, nổi tiếng là một hiền sĩ trong vùng Giang Nam.

Bấy giờ, có một nhà phú hộ nghe tiếng Lương Hồng là một hàn sĩ ham học, giữ đạo thanh bần nên đem lòng cảm mến, tìm đến giúp đỡ. Trong buổi diện kiến ban đầu, nhà phú hộ đem tặng cho Lương Hồng hai gói trà ngon. Loại trà này hái nơi đỉnh núi Vũ Di, một ngọn núi chuyên trồng trà ngon nhất ở Trung Quốc.

Người phú hộ nói :

— Tôi nghe tiếng lương sinh là một hàn sĩ, đức tài lỗi lạc nên đem lòng mến phục, muốn gần gũi để giúp đỡ. Nhân đây có vài gói trà ngon, tôi đem tặng cho lương sinh dùng cho sảng khoái tinh thần trong lúc sách đèn bận rộn.

Lương Hồng từ chối :

— Tôi nghèo, lâu nay đã quên không dùng của ngon vật lạ, ngài thương tình đến thăm là quí rồi. Nếu

có gì cần dạy bảo xin ngài vui lòng chỉ giáo, còn lễ vật, ngài cho tôi được phép chối từ.

Nhà phú hộ nài nỉ hết lời, nhưng Lương Hồng nhất định không nhận.

Cử chỉ ấy càng làm cho nhà phú hộ kia kính phục hơn nữa.

Cầm lễ vật ra về, nhà phú hộ nghĩ bụng :

— *Hay là chàng nho sĩ kia có mặc cảm với giàu, đã hiểu lầm ta có cử chỉ khinh rẻ nên không bằng lòng ?*

Sau đó không lâu, người phú hộ lại một lần nữa mang lễ vật đến biếu Lương Hồng.

Lần này, người phú hộ cẩn thận buộc ngựa từ ngoài xa, đi giày cỏ, vào đến thư phòng giữa lúc Lương Hồng đang đọc sách.

Người phú hộ muốn tỏ cho Lương Hồng biết mình rất kính trọng người quân tử đọc sách thánh hiền, nên chắp tay đứng chờ ngoài cửa không dám vọng động.

Từ giờ Ngọ đến giờ Mùi, Lương Hồng mới gấp sách đứng dậy. Lúc ấy người phú hộ mới dám lên tiếng xin vào.

Lương Hồng niềm nở đón chào. Người phú hộ ngồi tiếp chuyện họ Lương rất cung kính. Lúc ra về, người phú hộ nâng hai tay, biếu Lương Hồng một gói trà nhỏ. Thực ra, vì mến đức, trọng tài Lương Hồng, nên người phú hộ đã bỏ bên gói trà mấy nén vàng để mong giúp đỡ Lương Hồng.

Lương Hồng lại từ chối :

— Tôi mang ơn ngài đến thăm nhiều lần, tôi và ngài trọng nhau vì tình, mến nhau vì nghĩa, lẽ nào để

cho lễ vật, tiền của làm hoen ố mối tình đó. Tôi xin ngài đừng để tôi phải xa cách ngài.

Người phú hộ không biết làm cách nào để giúp đỡ Lương Hồng, đành phải đem lễ vật trở về.

Tiếng đồn về tài đức của Lương Hồng mỗi lúc một lan xa. Nhiều bậc danh gia, vọng tộc muốn đem con gái quí của mình gả cho Lương Hồng, nhưng khi bạn bè nói đến, Lương Hồng tỏ ra lạnh nhạt.

Cách nơi Lương Hồng ở chừng mười dặm, có nhà họ Mạnh, giòng dõi nho gia, tuy giàu có mấy đời nhưng rất trọng nghĩa khinh tài, dân chúng khắp vùng ai cũng mến phục. Nhà họ Mạnh cũng có một tiểu thơ tên nàng Mạnh Quang, sắc nước hương trời, các vương tôn công tử xa gần đều để ý.

Con nhà giàu, có sắc đẹp thì việc kén rể chẳng khó khăn gì, nhưng nhà họ Mạnh nghe tiếng Lương Hồng nghèo tiền của, nhưng giàu đạo đức lại có ý muốn gả nàng Mạnh Quang cho họ Lương.

Lương Hồng tuy tánh không ham giàu, nhưng thấy họ Mạnh mấy đời lương thiện, dân chúng đều mến đức, nên bằng lòng cùng nàng Mạnh Quang kết nghĩa đá vàng.

Thế là lễ thành hôn được cử hành giữa hai họ Lương Mạnh.

Lúc mới về nhà chồng, muốn cho Lương Hồng tận hưởng sắc đẹp của mình nên nàng Mạnh Quang đã ăn mặc xiêm y lộng lẫy, trang sức toàn vàng ngọc đắt tiền, cốt để làm tăng sắc đẹp của người con gái. Nào ngờ Lương Hồng không lấy đó làm vui, qua bảy ngày đêm, Lương Hồng không để ý đến, không chịu động phòng

hoa chúc, và khi nàng Mạnh Quang đến trước mặt, Lương Hồng quay nhìn nơi khác.

Nàng Mạnh Quang lấy làm lạ, biết mình có điều gì không đẹp ý chồng, nhưng kiểm điểm từ lời ăn tiếng nói, cách đối xử thì không thấy gì sai trái cả. Nàng lúc nào cũng một mực kính trọng chồng.

Nghĩ mãi, Mạnh Quang ngờ rằng do nàng trang sức quá lộng lẫy nên chồng nàng không bằng lòng chăng?

Chiều hôm sau, Mạnh Quang trút bỏ hết lớp xiêm y và các vật trang sức sang trọng để mặc quần áo vải, cài thoa gai ra hầu chồng.

Thấy vợ mặc quần áo vải, cài thoa gai, Lương Hồng mừng rỡ nói:

— Đây mới chính là vợ của Lương Hồng. Trong cao sang thường không giữ được nhân nghĩa, Lương chỉ muốn sống trong cảnh thanh bần, tự mình cày ruộng mà ăn, dệt vải mà mặc, lúc nào vợ cũng trọng chồng, chồng cũng yêu mến vợ.

Nghe chồng nói, nàng Mạnh Quang mừng rỡ. Từ đấy, nàng ở với chồng rất mực cung kính, nổi tiếng là người vợ hiền trong thiên hạ.

Người đời sau, lấy chữ *Bố kinh* trong điển tích này để chỉ các bậc vợ hiền.

Ngoài chữ *Bố kinh* trên, văn thơ cổ còn xuất hiện những chữ *Kinh nhơn*, *Kinh phụ*, *Sơn kinh* đều lấy ở tích này mà ra.

4. MÁ ĐÀO

Má đào là do chữ Đào kiểm mà ra.

★ Đào là hoa đào.

★ Kiểm là má, nghĩa là má hồng thắm như cánh hoa đào.

Trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, tác giả *Ôn Như Hầu* có câu :

Ảng đào kiểm đâm bông não chúng
Khóe thu ba dợn sóng khuynh thành.

Hai câu thơ này tác giả dùng tả người đàn bà đẹp, và cũng trong *Cung oán ngâm khúc* tác giả xót thương thân phận người đàn bà đẹp qua câu :

Mà xui phận bạc nằm trong má đào

Chữ *má đào* lấy trong tích Thôi Hộ, người đời Đường, gặp người con gái đẹp trong vườn đào.

Thôi Hộ là một nho sĩ tài danh, nổi tiếng là một người thơ hay.

Một năm kia, nhằm tiết Thanh Minh, Thôi Hộ mang lều chõng lên đường ra kinh kỳ ứng thi. Thôi Hộ vừa đi vừa ngắm cảnh dọc đường dẫn ra chốn kinh kỳ hoa lệ. Vào buổi xế chiều, chàng Thôi đến một ngôi nhà có một

vườn đào tuyệt đẹp, hoa đào đang đua nở. Thôi Hộ nhìn vào trong vườn thấy một giai nhân tuyệt sắc, đang đứng sau cánh cửa.

Ngắm nhìn giai nhân một lúc, Thôi Hộ rón rén bước vào cổng vườn.

Giai nhân trông thấy bẽn lẽn hỏi :

— Công tử từ đâu lạc lối vào đây ?

Thôi Hộ không biết phải trả lời làm sao vì chính sắc đẹp của nàng đã cuốn hút chàng vào đây không có mục đích.

Thôi Hộ nói :

— Tôi đi đường xa, không gặp nơi giải khát nên nhân lúc qua đây vào xin nước, chẳng biết người đẹp có vui lòng đón tiếp không ?

Thấy Thôi Hộ có vẻ đoan trang, ăn nói tề chỉnh, giai nhân vồn vã mời vào trại và lấy trà Vũ Di ra đãi khách.

Thôi Hộ vừa uống trà, vừa ngắm sắc đẹp của giai nhân.

Giai nhân hỏi :

— Công tử dùng trà này có ngon không ?

Thôi Hộ lúng túng vì trà Vũ Di là một thứ trà ngon nhất ở nước Tàu, mọc trên đỉnh núi Vũ Di thuộc tỉnh Sơn Tây, ai uống cũng phải khen, nhưng Thôi Hộ vì mải chiêm ngưỡng sắc đẹp của giai nhân còn biết gì mùi vị của trà Vũ Di nữa.

Thấy chàng trai đắm đuối nhìn mình, giai nhân bẽn lẽn một lúc rồi cũng quen dần nên cùng Thôi Hộ chuyện trò thân mật. Câu chuyện của đôi trai tài gái sắc

này đi đến chỗ tâm đầu ý hợp. Hai người đều tỏ lòng quyến luyến lúc chia tay.

Qua năm sau, Thôi Hộ lại có dịp đi qua chốn ấy vào buổi đầu xuân. Nhưng lần này Thôi Hộ nhìn vào trong không thấy bóng giai nhân. Thôi Hộ buồn rầu nhìn cảnh cũ, hoa đào vẫn nở, cội đào còn đó mà nhà ai cửa đóng then cài.

Thôi Hộ dạo xem trong vườn một lúc rồi lấy bút mực ra, đề một bài thơ nơi cánh cửa, chỗ người đẹp đã đứng năm xưa :

Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhơn diện đào hoa tương ánh hồng
Nhơn diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Dịch :

Ngày này năm ngoái cửa ngoài
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi
Mặt người chẳng biết đâu rồi
Hoa đào còn đó vẫn cười gió đông.

Viết xong bài thơ trên cánh cửa, Thôi Hộ buồn rầu rời khỏi đào gia trang quay về quê cũ.

Ngày tháng trôi như bóng câu qua cửa sổ, xuân về trong gió heo may, mưa bụi giăng tím bầu trời, tiếng pháo chào xuân nổ vang khắp thôn xóm, Thôi Hộ lại nhớ đến người đẹp ở vườn đào, lòng buồn khôn tả, chàng lên đường đến thăm vườn cũ.

Hoa đào trong vườn vẫn khoe sắc thắm tươi dưới bầu trời xuân ấm áp. Thôi Hộ lần bước vào vườn hoa, bỗng nghe có tiếng khóc thảm thiết, Thôi Hộ giật mình,

rảo bước đến gần tiếng khóc đó. Tiếng khóc đang tha thiết trong cánh cửa vọng ra. Chàng gõ cửa hỏi thăm.

Một lão trượng da mồi tóc bạc, chống gậy trúc ra mở cửa, mời chàng vào.

Thôi Hộ kính cẩn hỏi thăm mới biết vị lão trượng này là thân phụ của người đẹp đứng trong cánh cửa mà Thôi Hộ đã hội diện năm xưa. Vị lão trượng kể lại cho Thôi Hộ nghe :

— Lão là Đào Bạch Phụng, năm nay đã ngoài 60 tuổi, chỉ có một đứa con gái là Đào Phụng Trinh, năm nay vừa độ trăng tròn. Cha con lão ở trong vườn đào này từ thuở Phụng Trinh mới chào đời, và thân mẫu của Phụng Trinh cũng mất nơi đây.

Cách đây hai năm, Phụng Trinh có kể lại khi lão đi vắng có một chàng nho sĩ đi qua đây vào xin nước uống.

Rồi một năm qua, nhân ngày xuân mới lão và Phụng Trinh ra chùa dâng hương thì chàng nho sĩ ấy lại đến thăm, nhưng không gặp ai ở nhà. Chàng nho sĩ ấy đề lại một bài thơ trên vách cửa.

Đến lúc về, đọc bài thơ trên vách, Phụng Trinh tưởng nhớ đến chàng nho sĩ tài hoa kia mà lâm bệnh tương tư. Con gái lão đau suốt một năm trời, và vừa trút hơi thở cuối cùng trong lúc công tử vừa bước chân đến cửa đào hoa viện. Vì vậy, công tử vừa nghe tiếng khóc than thảm thiết của lão thương con.

Thôi Hộ nghe thân phụ của nàng Phụng Trinh kể đến đó vùng ôm mặt khóc, tiếng khóc còn thảm thiết hơn tiếng khóc của thân phụ nàng Phụng Trinh khi nãy. Chàng không ngờ bài thơ của chàng đã gieo vào lòng Phụng Trinh một mối đau buồn, và nàng đã ôm một mối tình tuyệt vọng.

Ông lão Đào Bạch Phụng thấy chàng nho sinh đang nghe chuyện bỗng khóc òa lên bi thiết như thế, lấy làm lạ hỏi :

— Con gái lão tử vong, vì thương con lão khóc than là phải, còn công tử từ đâu đến đây sao cũng cám cảnh đau buồn này ?

Thôi Hộ gạt nước mắt nói :

— Thưa lão trượng, tôi là Thôi Hộ, chính là chàng nho sinh trước kia đã đề thơ lên vách làm cho nàng Phụng Trinh phải ngậm hờn trong ân ái. Nếu nàng có bề nào, Thôi Hộ này còn mặt mũi nào sống trong trời đất. Xin lão trượng cho phép tiểu tử được viếng thăm xác nàng Phụng Trinh. Ông lão đau khổ nhìn Thôi Hộ, không ngờ Thôi Hộ lại đến kịp lúc nàng Phụng Trinh từ trần. Lão nói :

— Thật lão không ngờ có chuyện kỳ duyên như vậy.

Lão dắt Thôi Hộ vào phòng sau, chỗ nàng Phụng Trinh nằm. Phụng Trinh nằm thiêm thiếp như đang ngủ say, tuy hơi thở đã tắt nhưng thân thể vẫn còn ấm áp, vóc liễu tuy gầy mòn nhưng vẻ mỹ miều của giai nhân vẫn chưa phai.

Thôi Hộ quá thương tâm, vật mình than khóc, chàng ôm Phụng Trinh vào lòng gọi lớn :

— Phụng Trinh nàng ơi ! Thôi Hộ đã về đây !

Chàng Thôi gọi ba tiếng liền thì Phụng Trinh từ từ mở mắt, cất tiếng thở dài, nhìn Thôi Hộ mỉm cười sung sướng.

Phụng Trinh đã sống lại. Ông lão Đào Bạch Phụng mừng vui không kể xiết, lòng già rung động, cùng với Thôi Hộ đỡ Phụng Trinh dậy.

Rồi đợi cho nàng Phụng Trinh sức khỏe bình phục, lão trượng Đào Bạch Phụng cho phép đôi trai tài gái sắc này đẹp duyên chồng vợ.

Trong truyện Kiều có câu :

Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Là lấy ý hai câu thơ của Thôi Hộ viết trên cửa nhà nàng Phụng Trinh trong lúc đến không gặp nàng.

Ngày nay, trong thi văn khi nói đến *má đào* tức là nói đến người đàn bà đẹp.

Ví như :

Má đào không thuốc mà say
Nước kia muốn đổ thành này muốn nghiêng.

5. LAM KIỀU

★ Lam là tên một con sông *Sông Lam* hoặc *Lam Giang*.

★ Kiều là cầu, tức là cầu bắc qua sông Lam, thuộc tỉnh Thiểm Tây bên Trung Quốc.

Trong truyện Kiều có hai câu thơ nhắc đến điển tích Lam Kiều :

Tình riêng tưởng ít nhớ nhiều,
Xăm xăm dẻ nẻo Lam Kiều lần sang.

Câu thơ này tác giả truyện Kiều tả lúc Kim Trọng tương tư thương nhớ Vương Thúy Kiều. Chàng Kim tìm đủ cách để được gặp gỡ và gần người đẹp.

Và, trong hai câu thơ này cũng nhắc đến điển tích *Lam Kiều.*

Rằng mua ngọc đến Lam Kiều
Sinh nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?

Hai câu thơ này tác giả tả lúc Mã Giám Sinh được tin có giai nhân bán mình chuộc cha nên họ Mã lần đến mặc cả.

Lam Kiều có ý là nơi gặp gỡ duyên lành và nơi trao sinh lễ để xe duyên cầm sắc.

Điển tích này lấy ở truyện Bùi Hằng đến Lam Kiều đăng chày ngọc cưới nàng Vân Anh làm vợ.

Tích truyện Bùi Hằng như sau :

Vào đời nhà Đường có một chàng nho sĩ tên Bùi Hằng, tướng mạo khôi ngô tuấn tú, tài cao học rộng, cốt cách phi thường. Trong các môn cầm, kỳ, thi, họa đều giỏi hơn người, nổi tiếng là con nhà thế phiệt.

Sau khi thành danh, chàng đi kén vợ, nhưng càng đi chàng càng thất vọng vì mãi không lựa chọn được một giai nhân nào cho thật ưng ý.

Tuy nhiên, không lấy thế làm nản lòng, chàng tự nhủ :

— *Trong thế gian chẳng thiếu gì bậc phong lưu đài các, nếu chưa gặp được giai nhân chỉ vì duyên nợ chưa đến mà thôi.*

Chàng tiếp tục đi đó, đi đây để tìm cho được ý trung nhân mà chàng mơ ước.

Thường ngày, chàng mặc áo xanh Tư Mã Giao Châu, cỡi ngựa trắng, mang trên lưng bầu rượu, túi thơ, đủng đỉnh thả bước ngoạn du khắp chốn. Chàng thường đến những nơi danh lam thắng cảnh để uống rượu đề thơ.

Một hôm, Bùi Hằng đi về phía Tây Bắc thành Thiểm Tây, bỗng thấy một giai nhân tuy lớn tuổi (trạc độ tứ tuần) nhưng sắc đẹp vẫn còn lưu lại ở tuổi thanh xuân một cái gì rất khả ái. Nàng đang tỉa hoa trong một túp lều cỏ.

Bùi Hằng đứng nhìn mãi, vẻ như đang tiếc rẻ một đóa hoa khuynh thành đã bị thời gian làm mờ phai sắc thắm.

Không bỏ lỡ dịp may, Bùi Hằng xuống ngựa, lân la hỏi thăm tung tích người thiếu phụ, thì được biết nàng là Vân Kiều phu nhân.

Đã lâu, Vân Kiều phu nhân có nghe chàng nho sĩ Bùi Hằng cố tâm tìm người xe duyên kết tóc, nên khi thấy chàng có vẻ say sưa ngắm sắc đẹp của nàng, nàng liền bước vào trong viết mấy câu thơ sai người nhà đem ra cho Bùi Hằng.

Bùi Hằng mở thư ra xem :

Nhất ẩm quỳnh tương bách cảnh sanh
Huyền sương đáo tận kiến Vân Anh.
Lam Kiều bổn thị thần tiên chốt
Hà tất khi khu thượng ngọc kinh.

Dịch :

Uống chén quỳnh tương trăm cảnh sanh
Huyền sương giã thuốc thấy Vân Anh
Lam Kiều vốn chỗ thần tiên ở
Hà tất đi tìm đến ngọc kinh.

Đọc bài thơ, Bùi Hằng kinh ngạc, chẳng biết vì sao Vân Kiều phu nhân lại hiểu rõ tâm trạng của chàng là muốn đi tìm ý trung nhân. Cứ theo bài thơ thì Vân Kiều phu nhân bảo chàng đến Lam Kiều sẽ gặp Vân Anh, nơi đó chàng sẽ gặp duyên lành.

Mà Vân Anh là ai ? Có phải đó là một giai nhân sắc nước hương trời đó chăng ? Có làm cho chàng toại nguyện ?

Tuy nghi ngờ, nhưng Bùi Hằng vẫn làm theo bài thơ. Chàng lên ngựa, thong thả ra đi, lần dò hỏi thăm đường đến Lam Kiều.

Đi mãi, hoàng hôn đã xóa mờ thôn xóm mà Lam Kiều chưa thấy.

Rồi bóng đêm bao phủ không gian, Bùi Hằng dắt ngựa vào một quán trọ ven đường xin nghỉ tạm để ngày mai tiếp tục ra đi.

Tối hôm ấy chàng trằn trọc mãi không sao ngủ được. Hình dáng Vân Kiều phu nhân như có cái gì kích động tình cảm của chàng. Chàng tin rằng Vân Kiều phu nhân đã chỉ dẫn thì không thể không đem lại cho chàng một ước mơ.

Sáng hôm sau, Bùi Hằng từ giã chủ quán ra đi. Chủ quán là một bà lão quắc thước, trông có vẻ tiên phong đạo cốt.

Chàng vừa đi vài dặm đường, ngoảnh lại nhìn hướng cũ thì không còn thấy quán lá đâu cả, mà đằng sau hiện ra rừng cây bát ngát. Trước mặt chàng là một con sông lớn, có một chiếc cầu bắc ngang.

Bùi Hằng nghĩ thầm :

— Tại sao cảnh vật lại đổi thay lạ lùng như thế ? Ta không phải là đang nằm ngủ chiêm bao. Chàng gò cương ngựa cho đi chậm rãi, lấy bài thơ của Vân Kiều phu nhân ra đọc và ngẫm nghĩ :

— Trong câu thơ thứ ba có nói *Lam Kiều vốn chỗ thần tiên ở*, vậy đây là cảnh thần tiên sao ? Có thể bà lão chủ quán mà ta gặp vừa rồi là tiên chăng ? Nếu vậy, chiếc cầu này đúng là Lam Kiều rồi.

Bùi Hằng giục ngựa lần tới. Bên cầu hiện ra một quán lá, chung quanh quán là rừng dâu. Chủ quán là một bà lão da mồi tóc bạc, nhưng tác phong đạo mạo, đoan trang. Chàng xuống ngựa, buộc ngựa vào góc quán và bước vào xin nước uống.

Bà lão niềm nở chào khách và gọi con gái bà đem nước ra mời.

Từ phía sau nương dâu, một giai nhân lả lướt bước ra, sắc đẹp tuyệt trần làm cho Bùi Hằng nhìn không nháy mắt.

Giai nhân bưng chén ngọc, rót đầy nước đưa mời Bùi Hằng uống. Bùi Hằng đã thả gót du ngoạn khắp nơi, nhưng chưa từng thấy một cô gái nào kiều diễm, ủy mỵ như con gái bà chủ quán.

Bùi Hằng tỏ tình cảm của mình và gạn hỏi tông tích bà lão thì được biết giai nhân trong quán tên là Vân Anh, em ruột Vân Kiều phu nhân, thiếu phụ đã cho chàng bài thơ hôm trước, còn bà lão là thân mẫu của Vân Anh, Vân Kiều.

Bùi Hằng mừng rỡ, biết rằng Vân Kiều phu nhân có nhã ý giới thiệu Vân Anh, em ruột của nàng để cùng với Bùi Hằng tác thành giai ngẫu. Chàng lấy bức thư có nét chữ của Vân Kiều trao cho bà lão xem, và xin cưới Vân Anh làm vợ.

Lão bà mỉm cười đáp :

— Ta có hai người con gái, Vân Kiều đã thành gia thất, chỉ còn Vân Anh sớm hôm hầu hạ tuổi già. Nếu quả duyên trời định thì mụ đây cũng không dám trái ý. Nhưng muốn cưới con gái mụ phải nạp sính lễ.

Bùi Hằng mừng rỡ hỏi :

— Xin lão bà dạy cho tiểu tử biết phải nạp bao nhiêu ?

Bà lão nói :

— Sính lễ không bằng vàng bạc, mà bằng một vật quí. Đó là chiếc chày ngọc dùng để giã thuốc huyền

sương. Chiếc chày ngọc ấy phải vừa với chiếc cối ngọc này.

Vừa nói, bà lão vừa trao cho Bùi Hằng một chiếc cối bằng ngọc ông ánh. Bùi Hằng cầm chiếc cối ngọc ngắm nghía thấy quả là thứ ngọc tốt, nhưng còn chày ngọc biết đâu mà tìm, chàng thở dài nhìn Vân Anh. Sắc đẹp của Vân Anh làm cho chàng không thể chần chờ được nữa, chàng quyết chí đi tìm chày ngọc để đẹp duyên với nàng.

Bùi Hằng bái tạ lão bà, chào Vân Anh xin hẹn ngày tái ngộ.

Thế là Bùi Hằng một người một ngựa, lang thang khắp thiên hạ để tìm chày ngọc.

Sự khổ sở mà Bùi Hằng gánh chịu trong cuộc phiêu lưu rất nhiều, nhưng nghĩ đến sắc đẹp của Vân Anh, được xe duyên với nàng tiên nữ làm cho chàng không lúc nào chán nản.

Chàng đi... đi mãi... mà chày ngọc để giã thuốc huyền sương làm sao tìm được trong dân gian ! Không có chày ngọc để làm sính lễ giao duyên cùng Vân Anh Bùi Hằng cảm thấy đời mình không còn sức sống nữa. Bao nhiêu tự cao tự đại của một chàng trai khôi ngô tuấn tú tài cao học rộng, giờ đây trước một Vân Anh, giai nhân tuyệt sắc, chàng cảm thấy như yếu hèn không còn gì nữa.

Bùi Hằng một người một ngựa, dong ruổi khắp nơi, không định hướng, có lúc chàng ghé về nhà chưa ráo mồ hôi lại ra đi. Nét đau khổ đã hiện rõ trên mặt của chàng trại mới ngày nào còn vô tư trước các tiểu thơ đài các. Các thú vui : cầm, kỳ, thi, họa không còn giúp

chàng quên việc đi tìm chày ngọc giã thuốc huyền sương làm nghi lễ xe duyên với giai nhân ở Lam Kiều.

Rồi một hôm, qua những ngày tháng bôn ba mệt mỏi, Bùi Hằng lại gặp một quán vắng bên đường. Chàng buộc ngựa vào quán xin nghỉ lại một đêm để ngày mai tiếp tục bước đường vô định.

May thay, vừa vào trong quán, Bùi Hằng trông thấy chủ quán là một bà lão, tay cầm chày ngọc miệng hát nghêu ngao :

Chày sương ta có
Ai muốn cần dùng
Duyên thắm chỉ hồng
Cầu sương đợi khách.

Bùi Hằng trông thấy chày ngọc lòng mừng khấp khởi, vội vã khấu đầu thi lễ và nói :

— Tiểu nhân đã khổ tâm đi tìm chày ngọc giã thuốc huyền sương để làm vật sính lễ nơi Lam Kiều, nay lão bà có chày ngọc, xin lão bà thương tình giúp cho tiểu nhân được toại ước.

Bà lão cười :

— Chày ngọc sương không phải dễ tìm nếu như người đi tìm nó không thành tâm, bền chí. Nay ta thấy công tử là người có quyết tâm giữ trọn hương thề, thì đây cũng là duyên tiền định. Ta bằng lòng trao cho công tử để sớm đẹp duyên cùng nàng Vân Anh.

Nói xong, bà lão trao chày ngọc cho Bùi Hằng không luyến tiếc.

Chiếc chày ngọc là một báu vật của tiên gia, sáng ngời trong tay Bùi Hằng đã hứa hẹn mối ba sinh nồng thắm.

Đêm đó Bùi Hằng nôn nao trong lòng, không sao ngủ được. Chàng ôm chày ngọc vào lòng mân mê như trìu mến một mỹ nữ.

Sáng hôm sau, trời vừa rạng, Bùi Hằng đã từ tạ bà lão dắt ngựa ra đi. Chàng quyết chí gấp rút trở lại nẻo Lam Kiều.

Cũng như lần trước, chàng ra đi vài dặm quay lại thì không thấy quán lá bên đường nữa, mà đằng sau chàng là mấy cụm nương dâu. Trước mặt chàng là một dòng sông uốn khúc.

Lần theo dòng sông, chàng trở về nẻo cũ, nơi có chiếc cầu và thảo lư của mẹ con Vân Anh. Đi được một lúc, chàng đến nơi. Cảnh cũ người xưa còn đó. Nơi lều cỏ hai mẹ con Vân Anh đang dệt lụa quay tơ.

Bùi Hằng xuống ngựa dâng chày ngọc. Bà lão cầm chày ngọc để giã thuốc huyền sương ướm thử vào cối ngọc, thấy chày và cối vừa khít nhau. Bà lão mừng rỡ, cho đôi trẻ làm lễ tơ hồng, Bùi Hằng sánh duyên cùng Vân Anh.

Trong truyện Kiều, lúc Kim Trọng gặp Thúy Kiều trong đêm trăng, chàng Kim có tỏ ý với Thúy Kiều việc mang sính lễ :

Sinh rằng : Gió mát trăng thanh,
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam !
Chày sương chưa nên cầu Lam,
Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chăng ?

Chữ chày sương và cầu Lam lấy ở tích Bùi Hằng dâng chày ngọc giã thuốc huyền sương để làm đồ sính lễ xe duyên với nàng Vân Anh ở Lam Kiều

6. KHỐI TÌNH

Khối tình có nghĩa là mối tình sâu nặng đúc lại thành khối.

Trong truyện Kiều, lúc Thúy Kiều sắp sửa theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri, nàng ngồi một mình một bóng trước ngọn đèn khuya, đau khổ vì đã nặng tình với Kim Trọng, mà không thể kết ước xe duyên :

Biết bao duyên nợ thề bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì.
Tái sinh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan.

Điển tích *Khối tình* lấy ở tích Trương Chi, My Nương mà ra.

Tình sử Trung Quốc có chép :

Vào đời Đường, có một vị đại thần sanh được một người con gái rất đẹp, tên My Nương.

My Nương sống trên nhung gấm, được nuông chiều đến nỗi không một cô tiểu thư nào sánh nổi. Nguồn

hạnh phúc gia đình như vậy, lúc nàng vừa tuổi trăng tròn thì vị đại thần tuổi đã già, nên từ quan, xin về dưỡng lão.

Được một sự nghiệp giàu có và một địa vị cao sang, vị đại thần không ham muốn gì hơn là dựng lên một ngôi biệt thự trên bờ một giải sông xanh để chiều chiều rảo đứng nơi lan can nhìn dòng nước chảy, nhìn ánh trăng trong, nhìn những thú vui trong thiên nhiên, mà chỉ có lúc nhàn rỗi nơi thôn dã mới cảm thấy được nét thi vị của nó.

Bởi vậy, ngôi biệt thự đã hoàn thành, viên đại thần đem cả vợ con và kẻ ăn người làm về cư ngụ nơi đó.

Nàng My Nương vẫn hưởng các thú vui của đài trang, ngày ngày quanh quẩn trong khuê phòng, lúc đọc sách, lúc thêu thùa, có lúc cô vén rèm châu, bâng khuâng nhìn xuống dòng sông hiu quạnh. Và những đêm trăng lên, có lúc My Nương cũng theo mẹ nàng ra hóng gió bên lan can để đùa với những đóa hoa hàm tiếu sắp sửa khoe màu tươi trong buổi sáng.

Một đêm, vào mùa thu, ánh trăng rằm lơi lả rọi vào song thưa, khiến lòng nàng bâng khuâng như đang thiếu một tình cảm gì trông cõi u minh ấy. Nàng vén rèm nhìn ra ngoài, thấy mẹ nàng đang thơ thẩn trước hiên, nàng đẩy cửa bước ra, đứng dựa vào gốc cây đào bên cạnh hồ sen. Một luồng gió thổi đến mát rượi, xa xa văng vẳng một điệu sáo du dương trầm bổng, khiến nàng cảm thấy thích thú vô cùng.

Tiếng sáo mỗi lúc một gần và phát ra từ một chiếc thuyền con đang bập bềnh trên sông nước. Nàng My Nương đôi mắt không rời chiếc thuyền con ấy. Nhưng

tiếng sáo chỉ trôi lên vài khúc nhạc rồi im bặt, và chiếc thuyền con cũng trôi về phía cuối trời nàng không thấy nữa.

Vắng tiếng sáo, My Nương cảm thấy ánh trăng không còn đẹp nữa, mọi cảnh vật quanh nàng như cô đơn, vô nghĩa, nàng rảo bước trở vào khuê phòng.

Đêm hôm sau, cũng vào lúc trăng sáng, nàng lại nghe tiếng sáo du dương đêm trước, nổi lên với khúc nhạc trầm bổng, nhặt khoan. Nàng vội vén mành bước ra sân, nhìn xuống mặt sông và thấy lòng mình rộn lên một niềm vui khác lạ.

Nàng đứng mãi, dõi mắt nhìn theo chiếc thuyền và không rời giọng sáo, mãi cho đến lúc chiếc thuyền khuất bóng nơi xa xa ở cuối dòng sông, tiếng sáo không còn trôi giọng nữa, nàng mới quay về phòng.

Nối tiếp theo mấy đêm liền, đêm nào nàng cũng chờ nghe tiếng sáo trên sông với một tâm trạng mông lung, khao khát. Tiếng sáo ấy đã đem đến cho nàng một sức sống, một ước mơ, một niềm cảm giác mà từ thuở bé đến giờ nàng chưa từng thấy. Với tiếng sáo ấy, cảnh vật xung quanh nàng như chứa đầy sinh lực của mùa xuân.

Nhưng tiếng sáo ấy chỉ đem lại niềm vui cho nàng trọn ba đêm. Đến đêm thứ tư, nàng không còn được nghe tiếng sáo ấy nữa.

Nguồn vui của lòng nàng như vụt tắt. Ánh trăng vàng lả lướt trên các cánh hoa không làm cho nàng thấy đẹp nữa. Nàng trở vào phòng nằm ôm gối mộng.

Nàng tưởng tượng kẻ thổi sáo kia phải là một gã thư sinh, mắt xanh tuấn tú, một kẻ qui phái mang mộng

hải hồ, đi khắp đó đây du ngoạn để tìm nguồn cảm hứng thiên nhiên. Bàn tay chàng là bàn tay có những ngón nõn nà khi lướt qua ống trúc để điều khiển những cung trầm bổng, có sức quyến rũ tâm hồn kẻ khác. Tâm hồn chàng là cả bầu vũ trụ đầy hoa lệ, chứa muôn vàn tình yêu...

Tâm hồn thơ mộng triền miên trong khuê phòng, khiến cho My Nương mỗi lúc một đắm say, và nàng mong đợi tiếng sáo hàng đêm trên sông vắng. Nhưng lạ lùng làm sao, con thuyền đâu vắng bặt, tiếng sáo mà nàng mong đợi như đã chết lịm dưới sương thu, chẳng bao giờ nàng được nghe nữa.

Nỗi buồn xâm chiếm cả tâm hồn nàng. Rồi một hôm nàng nhuốm bệnh, nằm liệt không dậy được nữa. Những cánh đào, những đóa trà mi trước hiên không còn được nàng vuốt ve hàng đêm trong lúc nàng nhìn trăng, hứng gió nữa.

Nàng lâm bệnh ! Cả tòa biệt thự của vị đại thần kia bao phủ nỗi u buồn, bọn tỳ nữ lo bận rộn chăm sóc, các danh y trong vùng được mời đến để xem bệnh, ra toa. Mẹ nàng, hàng đêm ngồi bên cạnh nàng nghe từng hơi thở. Mọi cử động của nàng trong lúc đau yếu đều được mọi người trong gia đình chú ý.

Sau một thời gian chạy chữa, các danh y đều lắc đầu, vì thuốc thang đã đầy đủ mà bệnh tình chẳng thuyên giảm chút nào. Vợ chồng quan đại thần buồn não ruột, không biết cách nào để cứu chữa nữa, thỉnh thoảng nhìn nhau dưới ánh huyền đăng, thở dài.

Dù cha mẹ có thương yêu, gần gũi con gái đến đâu cũng không hiểu nổi nỗi lòng trắc ẩn của con khi đứng trước một cơn lốc tình yêu.

Một đêm kia, trong lúc My Nương đang mê man trên giường bệnh, thình lình ngoài sông vắng, tiếng sáo dìu dặt nổi lên, giọng trầm bổng theo gió lọt vào màn trúc. My Nương vùng bừng tỉnh, đôi mắt mở to, trên làn môi héo điểm một nụ cười. Nàng nằm im, nhưng tâm hồn đang thả theo tiếng sáo, bay bổng vào khoảng mông lung.

Nhưng rồi tiếng sáo im bặt. Tâm hồn người con gái trở về với trạng thái cũ, bệnh trạng vẫn không thay đổi, và nàng lại mê man.

Mẹ nàng My Nương đem việc này nói với chồng

— Nếu bệnh nó có thể dùng tiếng sáo mà chữa được thì chẳng khó gì. Ta sẽ truyền đòi tên thổi sáo đến đây để thổi cho nó nghe.

Phu nhân thở dài than :

— Nhưng biết người thổi sáo là ai, nhà cửa ở đâu mà đi thỉnh.

Quan đại thần tỏ ý tự tin :

— Ta làm quan đại thần, quyền uy khắp nước, chẳng lẽ không tìm ra tên họ, nhà cửa của kẻ thổi sáo ấy hay sao.

Hôm sau, quan đại thần viết thơ gởi cho quan Tổng trấn trong vùng, cho người tìm tung tích người thổi sáo trên sông.

Quan Tổng trấn được thơ, cho lính đi khắp nơi để gạn hỏi. Chẳng bao lâu, quan đại thần được phúc đáp, cho biết người thổi sáo tên Trương Chi, một gã thuyền chài, sống về nghề đánh cá. Anh ta nghèo khổ, không

có nhà cửa, sự nghiệp chỉ có một chiếc thuyền nan đêm ngày xuôi ngược trên sông, nay đầu ghềnh, mai cuối bãi.

Quan đại thần không cần điều đó, miễn sao đòi được Trương Chi, anh chàng thổi sáo ấy vào biệt thự mình, để tiếng sáo làm cho My Nương giảm bệnh.

Quan liền sai hai tên nô bộc, đem theo một ít bạc vàng, hàng đêm neo thuyền dưới sông, tìm kiếm cho được Trương Chi dẫn về.

Một đêm kia, trời vừa chạng vạng, Trương Chi vừa đánh xong một mẻ lưới ở đầu ghềnh, toan nhổ sào đi về hướng biệt thự quan đại thần thì có hai tên lính hầu cặp thuyền đến hỏi :

— Người đánh cá kia, có phải tên Trương Chi chăng?

Trương Chi ngơ ngác. Nhưng sau đó chàng an lòng vì biết được hai tên lính hầu vâng lệnh quan đại thần mời chàng đến ngôi biệt thự để thổi sáo cho tiểu thư nghe.

Trương Chi có tâm hồn nghệ sĩ, giàu tình cảm, nên nghe nói thổi sáo cho một cô gái nghe thì không hề từ chối. Chàng cuốn tay lưới, gói gọn hành trang và quay mũi thuyền. Hai tên lính hầu cũng cặp thuyền theo sát và nói để Trương Chi an lòng :

— Anh đánh cá ơi ! Anh đừng lo ngày hôm nay không có cá để bán. Nếu anh thổi sáo hay, làm vừa lòng tiểu thư, thì số tiền thưởng còn gấp trăm lần tiền đánh cá của anh đấy.

Trương Chi mỉm cười không đáp. Tâm hồn chàng như đang theo đuổi một ý nghĩ xa xôi. Chàng theo hai tên lính hầu vào đến biệt thự, và được vợ chồng quan đại thần tiếp đón rất nồng hậu.

Trước quang cảnh giàu sang ấy, lòng Trương Chi cảm thấy ái ngại. Tuy nhiên, lòng tử tế của vợ chồng quan đại thần làm cho chàng bớt sợ sệt.

Sau khi mời Trương Chi dùng vài chén trà ngon, viên quan đại thần nói :

— Ta nghe đồn nhà ngươi thổi sáo rất hay. Hiện nay con gái ta trọng bệnh, không thuốc thang nào chữa khỏi, nhưng nghe tiếng sáo nàng lại tỉnh táo tinh thần. Vậy nhà ngươi hãy thổi vài khúc nhạc xem sao. Nếu tiếng sáo nhà ngươi có thể làm giảm được bệnh của con gái ta, thì mỗi ngày nhà ngươi đến đây giúp ta, chừng nào nàng khỏi bệnh ta sẽ đền đáp công ơn xứng đáng.

Trương Chi tuân lời, đem sáo ra thổi. Tiếng sáo vừa cất lên thì trong giường bệnh My Nương đang mê man bỗng tỉnh lại, tâm hồn lắng nghe tiếng nhạc.

Qua một lúc, nàng ngồi phắt dậy, nói người mẹ :

— Ai thổi sáo vậy ?

Người mẹ đáp :

— Người thổi sáo là gã Trương Chi, sống về nghề chài lưới trên sông. Vì thấy con làm bệnh nên cha con cho đòi người ấy đến đây thổi sáo cho con vui tai.

My Nương nhổm dậy, chống tay như muốn bước ra khỏi giường.

Mẹ nàng bước đến ngăn lại, nói :

— Con định đi đâu ?

My Nương đáp :

— Con muốn gặp mặt người ấy.

Người mẹ xua tay :

— Không! Con còn đang đau yếu, đừng ra ngoài bất tiện. Nếu con muốn gặp mặt người ấy để mẹ ra lệnh cho gia nhân dẫn gã vào đây cũng được.

Dứt lời, mẹ nàng bước ra ngoài.

Một lúc sau, viên quan đại thần dẫn Trương Chi vào phòng.

Bức rèm vừa vén lên, hình bóng Trương Chi vừa hiện ra, My Nương trông thấy bỗng hét lên một tiếng thất thanh và nói :

— Hãy đuổi nó ra !

Bọn gia nhân vội đưa Trương Chi ra ngoài tức khắc, trong lúc đó My Nương thở hồn hển trên giường.

Trái với mọi mơ ước của lòng nàng, Trương Chi không phải là chàng trai uy nghi, tuấn tú, thanh nhã như tiếng sáo của chàng. Thân hình chàng lùn tịt, mắt lộ, mũi đỏ, miệng rộng hoác, đôi chân đi khập khễnh, quần áo dơ bẩn vô cùng.

Tiếng sáo và hình dáng người thổi sáo là hai trạng thái tương phản cực độ, khiến cho lòng My Nương chán ngán, thất vọng, bao nhiêu mơ ước trong lòng đều chết lịm. Những gì tươi đẹp mà trước đây nàng đã tưởng tượng thì nay chỉ là mộng ảo.

Trương Chi được phép quan đại thần cho về, ông tặng cho chàng một số vàng bạc đáng giá, nhưng chàng không nhận.

My Nương từ ngày thấy mặt Trương Chi bệnh tình nàng rũ sạch, trở nên lành mạnh như xưa. Tuy nhiên, nàng mất cái vẻ hồn nhiên của tuổi xanh, có lẽ tâm hồn nàng đã bị một vết thương của trò nhân thế.

Trái hẳn với My Nương, Trương Chi từ ngày ra khỏi biệt thự của quan đại thần trở về sống với con

thuyền vô định, đã bị sắc đẹp của My Nương ám ảnh trong lòng, khiến cho chàng ngày một thẫn thờ, ủ rũ. Chàng biếng ăn, bỏ ngủ, không còn thiết gì đến nghề chài lưới để kiếm sống như xưa.

Chàng xấu xí thật, nhưng con người xấu xí không phải không có khả năng tiếp nhận sắc đẹp, không phải không biết thưởng thức cái đẹp ở trần gian. Trương Chi, con người nghệ sĩ, đã biết say mê tiếng nhạc, thì cũng biết say mê cái đẹp trời dành cho mỹ nhân.

Cuối cùng, chàng lâm bệnh. Tiếng sáo của chàng không còn réo rắt trên sông trong những đêm trăng nữa. Chiếc thuyền con trở thành nơi giường bệnh của một kẻ si tình không nhà không cửa, không bạn bè, không cơm cháo.

Ai săn sóc cho chàng! Gió sương đâu phải là thuốc men chữa cho con người cô độc?

Một đêm kia, Trương Chi chết. Tiếng quạ bên sông đã đưa chàng qua bên kia thế giới, linh hồn của kẻ chết vì bệnh tương tư. Một vài đồng nghiệp thương tình đắp cho chàng một nấm mộ bên mé sông.

Thời gian lặng lẽ trôi trong quên lãng. Không ai còn nhắc đến anh chàng thổi sáo nữa.

Rồi một ngày nào đó, vào mùa đông, mưa rơi tầm tã, nước sông dâng cao, xoáy trôi cả nấm mộ Trương Chi. Đến khi nước cạn, người ta không thấy hài cốt của Trương Chi đâu nữa, mà chỉ thấy trong đáy mộ anh chàng thổi sáo thuở xưa hiện ra một viên đá, trong vắt như thủy tinh, tròn và đẹp như một khối ngọc.

Hòn đá ấy được anh lái đò ngang đem về để trước mũi thuyền cho khách qua đò ngắm nghía. Ai cũng cho đó là một vật lạ.

Một hôm viên đại thần có dịp qua đò, trông thấy cầm lên xem và hỏi:

— Viên đá này nhà ngươi nhặt ở đâu vậy?

Người lái đò đáp:

— Trong đáy mộ của chàng thổi sáo thuở xưa.

Viên quan đại thần hỏi:

— Nhà ngươi dùng viên đá này làm gì?

Người lái đò thưa:

— Bẩm đại nhân, tôi thấy viên đá đẹp thì nhặt chơi, đâu biết làm gì.

Quan đại thần thấy viên đá đẹp hỏi mua. Người lái đò thấy vô dụng, bằng lòng trao cho quan đại thần mà không chút gì luyến tiếc.

Quan đại thần đem viên đá về nhà, cũng không biết dùng làm gì, nên để trên bàn giấy, đè các giấy tờ cho khỏi bay, trong các giấy tờ ấy phần nhiều là thi phú mà ông thường làm trong lúc nhàn rỗi.

Một chiều, My Nương đi qua án thư của cha nàng. Tánh nàng hay tò mò xem những bài thơ, bài phú của cha, khi nhìn thấy viên đá lạ, nàng cầm lên xem. Ban đầu nàng thấy trong vắt, nhưng khi nàng nhìn một lúc thì bỗng thấy hình dáng xấu xí của anh chàng thổi sáo ngày xưa hiện ra trong viên đá ấy. Nàng cảm cảnh, nghĩ đến cuộc đời người nghệ sĩ, vì thân phận nghèo nàn, vì thân hình xấu xí mà ôm chặt mối tương tư cho đến chết. Hai giọt nước mắt nàng trào ra trên đôi mi rồi từ từ lăn xuống. Trong lúc nàng vô tình, không để ý giọt nước mắt đã nhỏ vào viên đá, tức thì viên đá tan biến trong tay nàng.

Sau này, người ta bảo viên đá ấy là khối tình của Trương Chi. Chàng chết nhưng khối tình chưa tan, đến khi khối tình ấy gặp được giọt nước mắt cảm thông của My Nương thì mới chịu tan rã.

7. KẾT CỎ NGẬM VÀNH

Kết cỏ ngậm vành là dịch ở bốn chữ *Kiết thảo hàm hoàn*.

Trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du có câu :

Dám nhờ cốt nhục tử sanh
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau.

Điển tích *kết cỏ ngậm vành* lấy ở câu chuyện sau đây :

Theo truyện Chiến Quốc Xuân Thu, vua Cảnh Công nước Tấn sai Tuần Lâm Phủ làm đại tướng, Nguỵ Khỏa làm phó tướng đem ba trăm cỗ xe sang đánh nước Lộ.

Chúa nước Lộ là Anh Nhi đem quân chống cự, nhưng vì nước nhỏ, thế yếu, bị quân Tấn vây hãm, chẳng bao lâu vua nước Lộ không giữ nổi thành bị Tuần Lâm Phủ bắt giải về kinh đô nước Tấn.

Vua Cảnh Công nước Tấn không giết Anh Nhi mà còn xây một tòa lâu đài rất đẹp cho Anh Nhi ở riêng một chỗ.

Sau khi chiếm được nước Lộ, Tuần Lâm Phủ rút quân về Tắc Sơn đóng trại, giao cho tướng Nguỵ Khỏa ở lại thủ thành nước Lộ.

Bấy giờ, chúa nước Tần là Tần Hoàng Công hay tin nước Tấn đánh chiếm nước Lộ, giết tướng Phụng Thư, bắt vua Anh Nhi về nước, cho ở riêng một biệt thự, còn Nguỵ Khỏa được lệnh giữ thành nước Lộ và đang thu phục nhân tâm, tính việc lâu dài, nên nghĩ thầm :

— Nếu để nước Tấn có cơ hội chế ngự được nước Lộ, dân nước Lộ tùng phục thì uy thế nước Tấn sẽ vượt hẳn nước Tần.

Nghĩ như thế, liền sai Đỗ Hồi là viên tướng có sức mạnh phi thường kéo đại binh đến nước Lộ để cướp lại thành địch.

Đỗ Hồi nguyên gốc người Bạch Định, quê ở vùng Thanh Mi Sơn, chuyên dùng cây khai sơn đại phủ (búa lớn) nặng 120 cân, sức địch muôn người, được Tần Hoàng Công phong làm đại tướng. Người dân nước Tần kể lại rằng : *Một hôm Đỗ Hồi vào rừng săn bắn, một mình tay không mà đánh chết năm con cọp lớn, lột da đem về may áo ấm.*

Nước Tần nhờ có Đỗ Hồi mà giữ an được bờ cõi, không nước nào dám dòm ngó cả. Trước đây có giặc Sa Nga đến quấy nhiễu, Đỗ Hồi chỉ đánh một trận đã bắt được muôn quân giặc, nên được Tần Hoàng Công trọng dụng.

Vâng lệnh vua Tần, Đỗ Hồi dẫn quân đến vây thành nước Lộ.

Nguỵ Khỏa hay tin, vội đem quân ra khỏi thành nằm dặm để mai phục, nghênh chiến. Đỗ Hồi ỷ mình có sức mạnh, nên chẳng cần bố trí trận mạc, một mình vác cây khai sơn đại phủ cùng 300 tinh binh xông vào trận đánh

giết quân Ngụy Khỏa như vào chỗ không người, quân Ngụy Khỏa tan rất nhanh, lớp chết, lớp bỏ chạy. Ngụy Khỏa hoảng sợ, vội kéo tàn quân vào thành, đóng cửa thật chặt, không dám nghênh chiến, mặc dù Đỗ Hồi kéo quân đến trước cửa thành chửi rủa đủ điều.

Sợ thất thủ, Ngụy Khỏa gởi mật thư về nước Tấn, xin binh cứu viện.

Tấn Cảnh Công sai em của Ngụy Khỏa là Ngụy Ý trấn nơi ải biên đầu đem một lực lượng hùng hậu đến tiếp cứu.

Ngụy Ý vội vã điều binh đến nơi, thấy quân Đỗ Hồi chỉ có mấy trăm tên, nên cười thầm, suy nghĩ :

— Quân nước Tần chỉ có mấy trăm đứa, với lực lượng như vậy mà anh ta sợ sệt là nghĩa làm sao ? Anh ta là tướng giỏi, đã từng lấy thành đoạt ải, công trạng không ít, nay lại để mất uy danh trước một tên tiểu tốt của nước Tần.

Nghĩ như thế, Ngụy Ý không cần giao tranh với quân Đỗ Hồi, kêu Ngụy Khỏa mở cửa thành dẫn quân vào an nghỉ.

Ngụy Khỏa thấy em mình đem quân tiếp viện, lại có ý khinh địch, nên kể lại sức mạnh của Đỗ Hồi, một mình vác búa rượt chém, binh Tấn không ai dám cản lại, cho Ngụy Ý nghe.

Ngụy Ý nói :

— Anh đề cao sức mạnh của tướng địch như vậy làm sao quân ta có đủ tinh thần chống cự ? Ngày mai em xin ra trận lấy đầu Đỗ Hồi cho anh xem.

Ngụy Khỏa buồn bã không nói.

Hôm sau, Ngụy Ý chưa kịp điểm binh thì Đỗ Hồi đã vác búa dẫn ba trăm quân tùy tùng ra trước cửa thành khiêu chiến.

Ngụy Ý tức giận liền dẫn quân ra hét lớn :

— Thằng mọi giống Bạch Định kia, tài cán bao nhiêu dám nghênh ngang vô lễ vậy ?

Đỗ Hồi chẳng để ý đến lời nhục mạ của Ngụy Ý múa búa xông vào đám quân Tấn chém người như chém chuối. Quân Tấn tuy đông, nhưng không một sức mạnh nào có thể cản lại chiếc búa khai sơn đại phủ của Đỗ Hồi, nên tan rã như một đàn kiến, lớp chết, lớp bị thương, máu tuôn như suối. Ngụy Ý vừa giục ngựa tới, đưa đao cản Đỗ Hồi lại, thì bị Đỗ Hồi đập cho một búa chân tay bủn rủn, suýt rơi xuống ngựa, vùng la lớn một tiếng, quay ngựa chạy dài. Đỗ Hồi giục ngựa đuổi theo, sinh mạng Ngụy Ý mười phần nguy hiểm.

Ngụy Khỏa đứng trên thành trông thấy thất kinh vội kéo quân ra tiếp cứu, vừa đánh vừa lùi, ngăn chặn binh Tần lại để cứu binh Tấn và thu quân vào thành đóng cửa lại, mặc cho Đỗ Hồi đứng ngoài thành mắng nhiếc, khinh miệt.

Đêm ấy, Ngụy Khỏa buồn rầu, không biết cách nào để đánh lui quân Đỗ Hồi được.

Trong lúc suy nghĩ mông lung, Ngụy Khỏa dựa mình vào thành ghế, chợp mắt ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Trong giấc mơ, Ngụy Khỏa trông thấy một ông lão, đầu tóc bạc phơ, đến gọi Ngụy Khỏa nói : *Thanh thảo pha ! Thanh thảo pha !*

Ngụy Khỏa giật mình tỉnh dậy, hình bóng ông lão biến đâu mất, bên tai Ngụy Khỏa còn nghe văng vẳng tiếng nói : *Thanh thảo pha !*

Ngụy Khỏa không hiểu gì cả, cho đây là cơn ác mộng, vì ban ngày thua trận nên tâm thần bất định, sinh chuyện mộng mị lúc bàn đêm.

Nghĩ như vậy, Ngụy Khỏa leo lên giường ngủ tiếp. Trong lúc tâm thần vừa chập chờn nửa tỉnh nửa say thì lại nghe có tiếng gọi : *Thanh thảo pha ! Thanh thảo pha !*

Ngụy Khỏa giật mình, không sao ngủ được, đốt đèn ngồi đợi trời sáng.

Trời vừa rạng đông, ngoài thành đã nghe tiếng hét của quân Tần và tiếng chửi rủa, khiêu khích của Đỗ Hồi làm cho Ngụy Khỏa thêm rối trí.

Ngụy Khỏa đem câu chuyện đêm vừa rồi kể lại cho Ngụy Ý nghe và nói :

— Ta từ khi chinh chiến đến nay biết bao trận thắng bại, lẽ nào mới giao tranh có một trận với Đỗ Hồi mà tinh thần sa sút như vậy. Ta chắc trong giấc mộng vừa rồi có điều gì quan trọng.

Ngụy Ý nói :

— Cách nơi đây năm dặm, gần đất Phu Thi có một chỗ tên là Thanh thảo pha. Có lẽ thần linh mách bảo cho ta đánh tan quân Tần ở đó.

Ngụy Khỏa nghe nói mừng rỡ, kêu những quân sĩ đã ở lâu trong thành nước Lộ đến hỏi thì được biết Thanh thảo pha là một vùng hoang vắng, ở đó có một loại cỏ mọc cao, thân dẻo, người ta dùng cỏ này xe thành gióng để gánh các vật nặng.

Ngụy Ý nói :

— Vậy ngày mai em đem một toán quân mai phục ở đó, còn anh đem quân nghênh chiến với Đỗ Hồi, dụ Đỗ Hồi rượt đến vùng Thanh thảo pha, dùng thế tiền công, hậu kích, tả hữu giáp công đánh cho tan đội quân của Đỗ Hồi rồi chúng ta thừa thắng bắt Đỗ Hồi sau. Đỗ Hồi dù sức mạnh đến đâu thì *mãnh hổ nan địch quần hồ*.

Ngụy Khỏa cho là diệu kế, hợp với điều chiêm bao vừa rồi, truyền quân chuẩn bị làm theo lời của Ngụy Ý.

Đêm hôm ấy, vừa mới canh ba, Ngụy Ý mở cửa thành dẫn một đoàn quân âm thầm ra đi, kéo đến Thanh thảo pha mai phục. Trong lúc tối trời, không thấy một tên quân nào của Đỗ Hồi ngăn cản.

Sáng hôm sau, Ngụy Khỏa mở cửa thành nghênh chiến với Đỗ Hồi nhưng không đánh mà chỉ để bảo vệ thực lực, kéo chạy về hướng Thanh thảo pha.

Đỗ Hồi là một viên tướng có sức mạnh xuất chúng, nên không cần để ý đến mưu lược của đối phương, một người một ngựa đuổi theo đoàn quân Ngụy Khỏa.

Quả nhiên, khi lọt vào nơi phục binh của Ngụy Ý, Ngụy Khỏa dừng quân lại, tức thì phục quân của Ngụy Ý bốn mặt nổi lên, la ó vang trời, vây Đỗ Hồi và đám kiêu binh của quân Tần vào giữa trận.

Tưởng Đỗ Hồi sẽ mở đường liều bỏ chạy, nhưng không, Đỗ Hồi đã cầm khai sơn đại phủ chém bốn mặt, làm cho quân Tần rối loạn không dám vây hãm, và lần tan rã, lớp chết, lớp bị thương vô số.

Anh em Ngụy Khỏa thất kinh, toan thu góp tàn quân trốn chạy về thành để cố thủ thì thấy Đỗ Hồi đang vùng vẫy đâm chém bỗng cả người ngựa đều té lăn xuống đất. Con ngựa hoảng hốt, đứng dậy đi được ít

bước lại ngã xuống, Đỗ Hồi cũng thế, vừa gượng dậy nhảy đến trước thì lại té liềng xiềng, chiếc búa nặng 120 cân cũng rời ra khỏi tay, văng đi chỗ khác.

Thừa dịp Đỗ Hồi bị té, tay không còn vũ khí, Ngụy Khỏa và Ngụy Ý xáp tới bắt sống Đỗ Hồi trói lại. Đám tân quân của Ngụy Khỏa thấy vậy quay lại hợp nhau trói chặt Đỗ Hồi giải về thành. Quân Tần mất tướng vỡ chạy tán loạn.

Khi bắt dẫn Đỗ Hồi vào thành, Ngụy Khỏa hỏi :

— Nhà ngươi khoe khoang sức mạnh, nay đã bị bắt, còn dám hung hăng nữa sao ?

Đỗ Hồi cười lớn, nói :

— Đạo làm tướng việc sống chết là lẽ thường. Nếu ta không bị những hèm cỏ kết lại làm vướng chân ngựa thì mạng sống của hai người có còn không ?

Ngụy Khỏa nghe nói không hiểu vì sao nơi Thanh thảo pha lại có những hèm cỏ kết lại để làm vướng chân Đỗ Hồi, liền bàn với em là Ngụy Ý :

— Đỗ Hồi là một dũng tướng, sức mạnh địch muôn người. Ta không nên để nó sống, lỡ xảy ra biến cố gì thì không thể lường trước được.

Ngụy Ý cho lời nói của anh mình là phải truyền quân đem Đỗ Hồi ra pháp trường chém lấy thủ cấp đem về dâng cho Tần Vương và đại tướng Tuân Lâm Phủ.

Đêm hôm sau, trong lúc Ngụy Khỏa vào giường ngủ, vừa mơ màng thì thấy ông già hôm nọ hiện ra kính cẩn chắp tay chào Ngụy Khỏa, nói :

— Lão phu chúc mừng tướng công thắng trận.

Ngụy Khỏa giật mình, thấy đúng là ông lão đã gọi Ngụy Khỏa phục binh nơi Thanh thảo pha hôm trước Ngụy Khỏa hỏi :

— Có phải lão trượng đã giúp anh em ta thắng được Đỗ Hồi ở trận Thanh thảo pha không ?

Ông lão đáp :

— Tướng công có biết vì sao Đỗ Hồi đang giao tranh lại té xuống ngựa không ? Đó là do lão kết cỏ dài tại Thanh thảo pha để Đỗ Hồi sa ngựa, không còn giao chiến được nữa.

Ngụy Khỏa nghe nói vội vàng chắp tay bái tạ ông lão và nói :

— Lâu nay mạc tướng chưa hề biết danh lão trượng, chưa có chút ơn huệ gì với lão trượng, tại sao lão trượng có chuyện giúp đỡ tận tình như vậy ? Ngày nay sinh mạng của mạc tướng còn đây là nhờ ơn huệ lão trượng giúp sức.

Ngụy Khỏa chưa nói hết lời thì ông lão đã xua tay nói :

— Tướng công không biết. Thật ra lão phu mang ơn tướng công rất nặng, việc lão phu giúp đỡ tướng công nơi Thanh thảo pha chưa thấm vào đâu.

Ngụy Khỏa hỏi :

— Xin lão trượng cho biết lão trượng đã mang ơn mạc tướng như thế nào ?

Ông lão chậm rãi kể :

— Lão phu là cha của Tố Cơ, cảm ơn tướng công trước đây đã không chôn sống con gái lão, mà đã đem con gái lão gả cho một người xứng đáng. Ơn ấy dù ở suối vàng, lão phu cũng không quên.

Dứt lời, ông lão biến mất, và Ngụy Khỏa cũng giật mình thức dậy, tâm trí còn miên man trong câu chuyện xa xưa.

Nguyên thân phụ Ngụy Khỏa là Ngụy Lê lúc sinh tiền có người hầu thiếp trẻ đẹp, tên là Tố Cơ. Nàng Tố Cơ nhan sắc mặn mà, nết na đoan chính, thật là một giai nhân quốc sắc khuynh thành. Vì tuổi già, được một nàng hầu trẻ đẹp, Ngụy Lê rất quí mến Tố Cơ.

Ngụy Lê là một võ tướng, thường vâng mệnh triều đình đem quân chinh phạt đó đây. Mỗi khi xuất quân, Ngụy Lê nhớ thương Tố Cơ nên thường dặn đứa con trai là Ngụy Khỏa:

— Nếu chẳng may cha có chết nơi chiến trận, con nên tìm nơi tử tế mà gả Tố Cơ, đừng để nàng bơ vơ chích bóng, phải làm sao cho nàng hạnh phúc thì vong hồn cha mới hả hê nơi chốn tuyền đài.

Ngụy Khỏa là đứa con chí hiếu, hứa với Ngụy Lê là sẽ làm hài lòng thân phụ.

Nhưng Ngụy Lê không chết ở sa trường, mà lâm bệnh chết ở tư dinh.

Trước khi nhắm mắt, Ngụy Lê lại kêu hai con trai là Ngụy Khỏa và Ngụy Ý đến dặn:

— Cha sắp chết. Nàng Tố Cơ là người yêu quí nhất đời của cha. Cuộc đời cha chỉ có Tố Cơ mà thôi. Vậy lúc chôn cha, con chôn luôn Tố Cơ bên cạnh cha để vong hồn cha nơi suối vàng khỏi bơ vơ hiu quạnh.

Trối xong đâu đó, Ngụy Lê tắt thở. Ngụy Khỏa lo việc tang ma, chôn cất thân phụ chàng rất trọng lễ, nhưng không bắt nàng Tố Cơ chôn theo như lời Ngụy Lê dặn.

Ngụy Ý thấy vậy hỏi:

— Trước khi lâm chung, thân phụ có dặn đem chôn Tố Cơ bên mộ để thân phụ khỏi cô đơn, sao anh lại không làm theo lời trăn trối?

Ngụy Khỏa đáp:

— Lúc thân phụ còn mạnh khỏe, đem quân giao tranh với các nước, thân phụ có dặn nếu rủi ro bề nào anh nên tìm nơi gả chồng cho dì Tố Cơ, để nàng an vui hạnh phúc. Được vậy thân phụ mới an giấc nghìn thu. Đó là lời *chân mệnh*, còn vừa rồi, phụ thân lâm bệnh nặng, tinh thần mê sảng, ý chí không còn minh mẫn, những di mệnh trong lúc đó là « *loạn mệnh* » chúng ta làm con không nên tuân theo những lời đó.

Sau đó ba năm, khi đã mãn tang cha, Ngụy Khỏa đem nàng Tố Cơ về gả cho một nho sĩ danh tiếng, và nàng Tố Cơ tiếp tục sống cuộc đời yêu thương hạnh phúc.

Chịu ơn như vậy, thân phụ nàng Tố Cơ cho đến chết cũng không quên ơn, nên hiện hồn kết cỏ tại Thanh thảo pha để đền ơn Ngụy Khỏa.

***

Tích *Kết cỏ* như vậy, còn tích *Ngậm vành* do hai tích sau đây mà ra:

Về đời vua Thái Mậu nhà Thương, có một vị chư hầu đem dâng vua một con chim Hoàng trước.

Chim rất đẹp, vua Thái Mậu thương mến vô cùng, truyền các thái giám làm một chiếc lồng son, gắn chén ngọc đựng thức ăn thức uống cho chim.

Viên thái giám chăm sóc chim rất chu đáo. Và cứ mỗi buổi tan hầu vua thân hành đến ngắm nghía, tự tay cho chim ăn.

Tuy nhiên chim Hoàng tước biếng ăn, biếng hót, ngày đêm ủ rũ trong lồng son.

Viên thái giám thấy chim buồn, vua không vui, nên qui tâu :

— Tâu bệ hạ, chim mới bắt về, chưa quen lồng và còn lạ với cảnh vật xung quanh, xin bệ hạ cho phép hạ thần đưa chim ra ngoài vườn Ngự Uyển có lẽ chim sẽ không còn nhớ rừng nữa, cuộc sống trở nên bình thường.

Vua Thái Mậu đồng ý. Chim Hoàng tước được đem treo trong vườn Ngự Uyển, nơi gần gũi với cảnh vật thiên nhiên.

Ngỡ là Hoàng tước được treo ngoài vườn cây bao la, sẽ không còn ủ rũ nữa, nhưng trái lại, từ khi đưa Hoàng tước ra nơi đây thì có con Hoàng tước mái từ đâu bay đến, đậu trên cây cao kêu rất thảm não, sầu đau. Nghe tiếng chim mái kêu, Hoàng tước trống trong lồng càng ủ rũ, buồn rầu hơn nữa.

Thấy chim trống buồn rầu, chim mái kêu đau thương, vua Thái Mậu xót xa, liền ra lệnh cho viên thái giám mở lồng thả chim Hoàng tước ra.

Viên thái giám lấy làm lạ, nhìn vua tâu :

— Tâu bệ hạ, đây là vật quí của chư hầu đem dâng, xin bệ hạ đừng hủy bỏ.

Vua phán :

— Ta rất quí chim, nhưng ta cũng rất đau xót khi thấy chim buồn khổ. Ta nuôi chim là để cho vui, nay lòng ta thấy không vui thì nuôi chim để làm gì ?

Viên thái giám mặc dù tiếc chim quí, nhưng không

dám trái lệnh vua, liền mở lồng son thả chim Hoàng tước trống ra.

Được sổ lồng, Hoàng tước trống và Hoàng tước mái đều bay đậu lên cây, cất tiếng hót vui sướng, tung cánh bay lượn xung quanh đầu vua ba lần trước khi rời hoàng cung.

Vua Thái Mậu nhìn theo cho đến khi đôi chim mất dạng.

Viên thái giám tâu :

— Chim quí đã mất, bệ hạ không bao giờ tìm lại được nữa.

Vua Thái Mậu cười :

— Ta mất chim quí, nhưng chim được cái quí lớn lao nhất là trở về với bầu trời bao la, vợ chồng chim không còn xa cách khổ đau.

Ít lâu sau, giữa lúc vua Thái Mậu đang xem hoa trong vườn Ngự Uyển thì bỗng thấy con chim Hoàng tước trống bay đến, đáp xuống trước mặt vua, miệng ngậm một chiếc vòng ngọc. Chim Hoàng tước xòe cánh múa tung tăng và dâng chiếc vòng ngọc quí tạ ơn vua.

Điển tích *Ngậm vành* còn được kể như sau :

Về đời Hậu Hán có một cậu bé tên Dương Bảo mới 8 tuổi, ngày ngày thường chạy nhảy vui đùa trên cánh đồng gần khu rừng thuộc huyện Tử Xuyên.

Một hôm, Dương Bảo đang ngồi dưới gốc cây, bỗng nghe tiếng chim kêu thảm thiết.

Ngoảnh nhìn lại, Dương Bảo thấy một con chim sẻ lông vàng óng ánh, bị chim bồ cắt mổ rơi xuống từ

lúc nào, gãy cánh không còn bay được, lũ kiến lại bu vào cắn khắp mình. Chim dãy dụa rên than, tiếng kêu ai oán.

Dương Bảo chạy đến, nhặt chim sẻ lên, đuổi sạch hết kiến rồi đem về nhà rửa sạch các vết thương, xức thuốc và chăm sóc tử tế.

Hàng ngày, Dương Bảo không rời chim sẻ vào bắt mồi cho chim ăn và cùng với chim như đôi bạn tâ tình.

Thời gian một tháng, các vết thương của chim lành dần và lông cánh chim sẻ cũng mọc dài ra.

Dương Bảo mừng rỡ, thấy chim có thể bay và rừng kiếm ăn và sống với thiên nhiên được nên định đem chim vào thả nơi khu rừng cũ.

Nhưng lạ thay, lúc Dương Bảo vừa thả chim vào rừng thì có một chàng trai khôi ngô tuấn tú, mặc áo vàng mịn như lông chim, chân đi giày cỏ, dáng mạo như một vị Hoàng tử anh tuấn.

Không thấy chim đâu lại thấy chàng trai áo vàng đang cầm bốn chiếc vòng ngọc đến trước mặt Dương Bảo nói:

— Tôi chịu ơn cứu tử, nuôi nấng chăm sóc từ lâu nay tôi có bốn vật quí xin dâng đền ơn cậu, xin cậu hãy giữ lấy.

Dương Bảo lấy làm lạ hỏi :

— Té ra anh là chim vàng ấy ư

Chàng trai không trả lời câu hỏi, nói tiếp :

— Bốn vật quí này sẽ giúp cho con cháu cậu về sau bốn đời làm đến chức Tam Công, giữ được phẩm giá trong sạch, tiếng tăm lừng lẫy trong thiên hạ.

Nhận lãnh bốn chiếc vòng ngọc quí, Dương Bảo chưa kịp nói lời cảm ơn thì chàng trai áo vàng đã biến đâu mất.

Quả nhiên, về sau giòng họ Dương Bảo bốn đời làm chức Tam Công, quyền uy trong thiên hạ, tiếng thơm lẫy lừng

Sa-Đéc, March 10, 2015

8. BÁ NHA-TỬ KỲ

Bá Nha-Tử Kỳ là đôi bạn tri âm. Trong cổ văn, các văn nhân thi sĩ thường lấy mối tình của đôi bạn tri âm này làm điển hình cho mối giao cảm giữa bạn bè.

Trong truyện Kiều, lúc Kim Trọng muốn nghe Thúy Kiều đàn, đã thốt ra hai câu thơ .

Rằng nghe nổi tiếng cầm đài
Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ.

Chung Kỳ tức là Chung Tử Kỳ, bạn của một danh sĩ họ Du tên Thụy hiệu là Bá Nha, vào đời Xuân Thu Chiến Quốc.

Bá Nha tuy người nước Sở, nhưng lại làm quan nước Tấn đến bậc Thượng đại phu. Tấn và Sở thời đó giao hảo với nhau.

Vì vậy, một hôm vua nước Tấn sai Bá Nha sang nước Sở để gây tình thân hữu giữa hai nước. Vua nước Sở thấy Bá Nha là người nước Sở nên trọng đãi, truyền bày yến tiệc đãi đằng.

Tuy nhiên, Bá Nha không thấy thế làm vui, vì đã bao năm xa cách đất tổ quê hương, nay được trở về, lòng nhớ nhung những kỷ niệm thân yêu xa xưa lâng lâng trong tâm não. Từ mái gia đình đến những cây tùng, cây bá, mới ngày nào mà nay đã vừa một người

ôm, cái định luật biến chuyển không ngừng đã phủ một màu tang trên dòng đời xa cũ.

Sau các yến tiệc diễn ra ở triều đình, Bá Nha xin phép được trở về thăm viếng gia đình, bè bạn, họ hàng. Tấm lòng quyến luyến quê hương càng thấy thiết tha hơn lúc nào hết.

Nhưng vì nhiệm vụ chưa thành, Bá Nha không dám vì thế mà lưu lại nơi đất tổ, phải đành vào triều đình để từ giã vua nước Sở trở về nước Tấn.

Vua Sở ban khen rất nhiều vàng bạc, lụa là, gấm vóc và truyền đem ra một chiếc thuyền lớn để đưa Bá Nha trở về Tấn.

Bá Nha là một khách phong lưu, lỗi lạc, tâm hồn chứa đựng những tình cảm thanh cao, xem cảnh vật thiên nhiên như một món ăn tinh thần bất tận.

Một hôm, thuyền đến cửa sông Hàm Dương, gặp lúc trăng thu vằng vặc, trời rộng sao thưa, Bá Nha truyền cắm thuyền dưới chân núi để vui với cảnh đẹp hải hồ. Mặt nước sông lúc bấy giờ trong vắt như thủy tinh, gió lộng trăng ngàn bập bềnh sóng vỗ, Bá Nha truyền cho đồng tử đốt lư trầm và lấy túi đàn đặt lên trước án.

Rồi túi đàn được mở, cây Dao Cầm được thử dây. Hơi trầm quện gió réo rắt đưa tiếng đàn lên vút tận không trung.

Trong lúc đang hứng thú, bỗng tơ đồng đứt mất một dây, Bá Nha thất kinh tự nghĩ :

— Dây đàn đứt ắt có người quân tử nghe lén đâu đây.

Bèn truyền tả hữu tùy tùng lên bờ xem thử.

Tả hữu vâng lệnh, chưa kịp bước lên bờ, thì từ bên trên đã có tiếng vọng xuống :

— Xin đại nhân chớ lấy làm lạ, vì kẻ tiểu dân kiếm củi về muộn, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn tuyệt diệu nên cất bước đi không đành đó thôi.

Bá Nha cười lớn, nói :

— Người tiều phu nào mà dám nói chuyện nghe đàn trước mặt ta. Thật là kẻ cuồng vọng. Nhưng thôi, trong lúc ta đang vui ta không muốn làm phiền đến kẻ khác. Hãy đi đi.

Từ bên trên lại nghe tiếng vọng xuống đáp :

— Đại nhân nói như thế là sai ! Đại nhân không nhớ câu nói người xưa : *Thập thất chi ấp tất hữu trung tín* (trong một cái ấp có mười nhà ắt có người trung tín). Trong nhà có người quân tử thì ngoài cửa có người quân tử đến. Vả lại, nếu đại nhân khinh rằng trong chốn núi non, quê mùa không có người biết nghe đàn, thì tiếng đàn tuyệt diệu của đại nhân cũng không nên gảy ở đây làm gì ?

Nghe câu trả lời ấy, Bá Nha hơi ngượng, biết mình đã lỡ lời, bèn vội bước ra trước mũi thuyền, hỏi :

— Nếu kẻ trên bờ quả là người biết nghe đàn thì đây, ta thử hỏi, vừa rồi ta đã gảy khúc đàn gì ?

Giọng trên bờ vẫn bình thản vọng xuống :

— Đó là khúc *Khổng Vọng Vi* than cái chết của Nhan Hồi, nhưng vì bị đứt dây nên mất một câu chót.

Khúc ấy như thế này :

Khả tích Nhan Hồi mệnh tảo vong
Giáo nhân tư tưởng mãn như sương
Chỉ nhân lậu hạng, đom, bầu lạc.

Dịch :

Khá tiếc Nhan Hồi sớm mạng vong
Tóc sương rèn đúc nhân tâm
Đan, biểu ngõ hẹp vui cùng đạo

Còn câu chót :

Lưu đắc hiền danh vạn cổ cương

Dịch :

Danh tiếng lưu truyền vạn cổ niên

Bá Nha nghe nói lòng phơi phới, vội vã sai kẻ tùy tùng bắc cầu lên bờ để triệu thỉnh người lạ mặt xuống thuyền tâm sự.

Bọn tùy tùng tuân lệnh, nhưng chúng là những đứa phàm phu, tục tử, đâu phân biệt được kẻ qui người hiền. Chúng quen thói xu bợ, hễ thấy người sang trọng thì thưa bẩm, thấy kẻ nghèo khó thì khinh khi, thấy chủ mình sai mời một gã tiều phu nón lá, áo vải, tay cầm đòn gánh, lưng giắt búa cùn, chân đi giày cỏ, chúng lên mặt hống hách, nạt nộ :

— Hãy xuống thuyền ngay ! Ăn nói phải giữ lễ, hễ thấy lão gia phải sụp lạy, lão gia hỏi gì thì lựa lời mà nói kẻo mất đầu đó.

Người tiều phu vẫn thản nhiên như không nghe lời dặn dò của chúng, cứ từ từ bước xuống thuyền. Một tên quản hầu thấy thế vội chạy đến lấy chiếc đòn gánh và chiếc búa của người tiều phu bỏ nơi mũi thuyền, nói :

— Nhà ngươi xuống thuyền yết kiến lão gia không cần mang những thứ này theo.

Người tiều phu vẫn thản nhiên, bước xuống thuyền trông thấy Bá Nha chỉ xá dài một cái mà không lạy.

Bá Nha thấy thế cũng ngạc nhiên, song cũng đưa tay chào đón, và nói :

— Thôi, xin quí hữu miễn lễ cho.

Rồi như muốn thử tài người tiều phu, xem kiến thức đến đâu, Bá Nha kêu quân hầu nhắc ghế mời người tiều phu ngồi lại bên mình, và hỏi :

— Hiền hữu nghe đàn chắc là biết ai chế ra cây Dao Cầm, và biết chơi đàn có những thú vị gì ?

Gã tiều phu mỉm cười đáp :

— Đại nhân đã hỏi đến, chẳng lẽ tiểu nhân không nói ra những cái mình biết. Xưa kia, vua Phục Hy thấy có năm sắc sao rơi xuống cụm ngô đồng, và chim phượng hoàng đến đó đậu, biết cây ngô đồng là thứ gỗ quí, hấp thụ tinh hoa của trời đất, có thể dùng chế thành nhạc khí được, liền sai người hạ xuống, cắt làm ba đoạn. Đoạn ngọn tiếng quá trong và nhẹ, đoạn gốc tiếng đục và nặng, chỉ có đoạn giữa tiếng vừa trong vừa đục, có thể dùng được.

Vua bèn đem ngâm giữa dòng nước đúng bảy mươi hai ngày, đoạn đem phơi trong mát chờ cho thật khô, lựa tay thợ khéo là Lưu Tử Kỳ chế thành cây Dao Cầm.

Dao Cầm dài ba thước, sáu tấc, một phần án theo ba trăm sáu mươi một độ chu thiên, mặt trước rộng tám tấc án theo tám tiết, mặt sau rộng bốn tấc án theo bốn mùa, bề dày hai tấc án theo lưỡng nghi.

Đàn ấy gồm mười hai phím, tượng trưng cho mười hai tháng trong một năm, lại có một phím nữa tượng

trưng cho tháng nhuận, trên mắc năm dây án theo ngũ hành trong tượng ngữ âm : cung, thương, dốc, vũ, thủy.

Trước kia, vua Thuấn gảy đàn ngũ huyền, thiên hạ thái bình. Châu Văn Vương ở tù Dũ Lý, Bá Ấp Khảo thương nhớ, thêm một dây đàn oán gọi là dây Văn huyền (dây văn) lúc Vũ Vương đánh vua Trụ, trước ca, sau múa thêm một dây phấn kích, để phấn khởi gọi là dây Vũ huyền (dây vũ). Như vậy, trước đó năm dây, sau thêm hai dây nữa là thất huyền cầm.

Đàn ấy có bốn *kỵ* và bảy *không*.

Bốn kỵ là : kỵ rét lớn, nắng lớn, gió lớn, tuyết rơi lớn, gặp các lúc ấy thì người ta không dùng đàn.

Còn bảy không là : không đàn đám tang, không đàn trong lúc lòng nhiễu loạn, không đàn trong lúc bận rộn, không đàn trong lúc lòng không sạch, không đàn trong lúc y trang không tề chỉnh, không đàn trong lúc không đốt lò hương, không đàn trong lúc không có tri âm.

Lại còn có thêm tám *tuyệt* là : *thanh, kỳ, u, nhĩ, lí, tráng, lu, trường*. Trong tám tuyệt ấy gợi đủ cả tình cảm, vì như tiếng đàn có thể đi tới tuyệt vời vậy.

Bá Nha nghe nói biết người tiều phu là bậc kỳ tài, đem lòng kính trọng, hỏi :

— Hiền hữu quả là người tinh thông nhạc lý. Trước kia, Khổng Tử đang gảy đàn, Nhan Hồi bước vào nghe có tiếng u trầm, biết Khổng Tử có ý tham sát, nên lấy làm lạ, hỏi ra mới biết Khổng Tử đang đàn thấy một con mèo đang bắt chuột, nên ý niệm ấy xuất ra tiếng tơ đồng. Vậy thì Nhan Hồi trước kia nghe tiếng đàn mà biết lòng người, còn hiền hữu ngày nay nghe ta đàn có biết lòng ta đang tự lự gì không ?

Người tiều phu đáp :

— Xin đại nhân cứ gảy cho tôi nghe một khúc nhạc,nếu may ra tôi có cảm thông được thì đó cũng là điều may mắn.

Bá Nha nối dây đàn, gảy khúc *Ý tại non cao.*

Tiều phu mỉm cười nói :

— Tuyệt thay, ý chí cao vút ! *Ý tại non cao.*

Bá Nha nghe nói ngưng đàn, lấy lại tâm hồn, gảy thêm khúc *Ý tại lưu thủy.*

Tiều phu cũng cười và nói :

— Bao la trời nước ! Thật là một khúc *Ý tại lưu thủy* tuyệt hay.

Thấy tiều phu biết rõ lòng mình, Bá Nha thất kinh, khâm phục không cùng, mời người tiều phu ngồi lên trên, khiến bọn quân hầu dâng trà rồi bày tiệc rượu hai người đối ẩm.

Trong lúc uống rượu, Bá Nha cung kính chắp tay hỏi :

— Dám hỏi tiên sinh quí danh và quí quán ?

Người tiều phu cũng đứng lên đáp lễ, rồi nói :

— Tiều dân họ Chung, tên Tử Kỳ, ngụ tại thôn Tập Hiền, gần núi Mã Yên. Còn đại nhân chẳng hay cao danh quí tánh là chi, và hiện nay đi trấn nhậm nơi nào?

Bá Nha kính cẩn đáp :

— Tiện quan họ Du tên Thụy, tự Bá Nha, nhân vì có việc công vụ nên đến đây. Xét mình tài hèn, đức thiếu, không xứng đáng với lộc nước ơn vua, còn tiên sinh tài năng xuất chúng, học vấn cao siêu, lẽ ra phải xuất thân đoạt lấy công danh, phò vua giúp nước, lưu danh muôn thuở, sao tiên sinh cam ẩn dật nơi chốn núi non này làm gì?

Tử Kỳ nói :

— Tôi còn cha mẹ già, không có anh em, phận làm con phải lo đền chữ hiếu, dẫu cho công hầu bá tước cũng không thể đổi lấy một ngày hiếu dưỡng của tôi được.

Bá Nha reo lên :

— À ra tiên sinh là người chí hiếu, trong đời mấy ai được như vậy. Chẳng hay tiên sinh năm nay bao nhiêu tuổi.

Tử Kỳ đáp :

— Tiểu dân hai mươi bảy tuổi.

Bá Nha vồn vã nói :

— Tiện quan hơn tiên sinh một tuần (mười tuổi), nếu tiên sinh không chê tôi đức mọn tài hèn thì xin kết làm anh em để khỏi phụ nghĩa tri âm mà đời tôi chưa từng được gặp.

Tử Kỳ khiêm nhường đáp :

— Thưa đại nhân, đại nhân là bậc công khanh thượng quốc, còn tôi là kẻ áo vải quê mùa, năm tháng ra vào nơi thâm sơn cùng cốc, đâu dám cùng với đại quan sánh vai kết bạn, xin đại nhân miễn cho.

Bá Nha nghe Tử Kỳ từ chối mặt buồn dã dượi, than :

— Giá trị con người đâu chỉ ở chỗ giàu sang phú quí, mà là ở chỗ đức hạnh tài năng, nay nếu tiên sinh chịu nhận làm anh em với tôi thì thực là vạn hạnh, còn như giàu nghèo, sang hèn, chúng ta không nên nói đến.

Nói xong, Bá Nha sai quân hầu đốt lại lò hương, rồi cùng Tử Kỳ lạy tám lạy, nhận nhau làm anh em khác họ.

Bá Nha lớn tuổi hơn, làm anh. Hai người vui vẻ ngồi kề bên nhau đối ẩm. Nỗi lòng tâm sự của một khách phong trần với một người chung đỉnh giàu sang được hoàn toàn cởi mở, vượt qua những cái gì giả dối, thấp hèn của cuộc sống con người, để trở lại với cái thiện chân thuần túy.

Hai người trò chuyện mãi không thấy chán, đến khi ánh trăng đã nhạt màu, sao trên trời chỉ còn lác đác, tiếng gà eo óc đầu thôn dục ánh bình minh, hai người như vẫn còn đắm say trong tình giao cảm, quên cả thời gian.

Khi tên thủy thủ đến gần xin lệnh cho thuyền rời bến, Tử Kỳ vội đứng lên cáo biệt.

Bá Nha giọng run run, nhìn Tử Kỳ nói :

— Lòng tôi quá cảm mộ, chưa nỡ rời hiền đệ, vậy mời hiền đệ cùng đi với tôi một đoạn đường để du sơn, du thủy và trò chuyện cùng nhau cho cạn mối tâm tình.

Tử Kỳ bùi ngùi đáp :

— Lẽ ra tiểu đệ phải đưa tiễn hiền huynh vài dặm đường mới phải, ngặt vì song thân của tiểu đệ ở nhà đang trông, xin hiền huynh thứ lỗi.

Bá Nha nói :

— Vậy thì hiền đệ về nhà xin với song đường qua Tấn Vương thăm chơi chắc bá phụ bá mẫu không nỡ từ chối.

Tử Kỳ nói với giọng luyến tiếc :

— Tiểu đệ không dám phụ lời hiền huynh, song việc này không dám hứa chắc, vì nếu tiểu đệ không xin phép được thung đường thì thành ra tiểu đệ có lỗi với hiền huynh.

Cảm lòng hiếu thảo của Tử Kỳ, Bá Nha nói :

— Hiền đệ thật là một bậc quân tử. Nếu vậy thì thôi, tôi sẽ tìm cách đến thăm hiền đệ.

Tử Kỳ nói :

— Bao giờ hiền huynh sẽ ghé lại thăm tiểu đệ ?

Bá Nha bấm đốt ngón tay tính toán một lúc rồi nói :

— Sang năm, cũng đúng vào ngày này.

Tử Kỳ nói :

— Nếu vậy thì sang năm cũng đúng vào ngày này tiểu đệ xin đợi hiền huynh nơi gành đá.

Tử Kỳ nói xong, toan cáo biệt, Bá Nha giữ lại nói :

— Hãy khoan ! Xin hiền đệ thư thả chút đã.

Dứt lời, Bá Nha quay vào gọi quân hầu lấy ra hai nén vàng ròng, rồi hai tay dâng cao lên trước mặt nói :

— Đây là món lễ vật mọn của ngu huynh làm quà cho bá phụ và bá mẫu, tấm tình cốt nhục hiền đệ chớ nên từ chối.

Cảm tình tri ngộ, Tử Kỳ không dám từ chối, nghẹn ngào cầm hai nén vàng, lệ tràn khóe mắt, bùi ngùi ra đi.

Bá Nha tiễn đến đầu thuyền, nắm tay Tử Kỳ không nỡ rời.

Xưa nay có cuộc chia tay nào không ngậm ngùi giữa kẻ ở người đi, huống chi tình bạn tâm giao nỗi lòng chưa cạn, Bá Nha cứ nhìn theo, nhìn mãi cho đến lúc Tử Kỳ đi khuất mới cho lệnh nhổ neo.

Dọc đường, Bá Nha lâng lâng nhớ tiếc, đăm đăm đôi mắt về một phương trời nên mặc dù trời trong gió mát, cảnh vật đẹp muôn vàn, mà đối với Bá Nha lúc ấy như thờ ơ lãnh đạm

Về đến kinh đô, Bá Nha vào yết kiến vua Tấn để nhận lấy những lời ban khen trong công tác bang giao hai nước.

Thời gian lặng lẽ trôi như một dòng sông êm ả.

Mới ngày nào, gió thu xào xạc, tiếng sáo biệt ly còn văng vẳng bên tai, thế mà thấm thoắt đã qua một năm. Ngọn gió heo may từ phương Bắc thổi về, báo hiệu lại một mùa thu nữa đến.

Bá Nha nhớ lại ngày ước hẹn với Tử Kỳ, vội vã vào triều yết kiến vua xin được phép về nước Sở thăm quê.

Vua Tấn ưng thuận. Bá Nha sửa soạn hành trang, đem cây đàn theo với vài tên quân hầu, lặng lẽ xuống thuyền ra đi.

Khi đến Nam Dương, vừng kim ô đã ngả bóng xuống lòng sông, khói sóng dâng lên nghi ngút.

Một tên quân hầu vào báo cho Bá Nha biết thuyền đã đến núi Mã Yên. Bá Nha lập tức ra đứng trước mũi thuyền, quan sát cảnh vật, nhận ra nơi đây đúng là nơi đã gặp Tử Kỳ năm trước.

Sau khi hạ lệnh cắm thuyền, Bá Nha vẫn còn mải dõi mắt về phía núi Mã Yên, đỉnh núi cao vút, mịt mờ trong màn sương xám của hoàng hôn, gợi lên một cái gì xa vắng.

Bá Nha nghĩ bụng :

— Năm ngoái vì tiếng đàn mà gặp bạn tri âm, năm nay ta đàn một khúc nhạc nữa, hẳn Tử Kỳ nghe tiếng phải tìm đến.

Tối hôm ấy, Bá Nha sai quân hầu đốt lò hương, lấy cây Dao Cầm ra vặn phím, đem hết lòng nhớ nhung xây thành một khúc nhạc tâm tình. Khi đang đàn bỗng nghe trong tiếng đàn mình có hơi ai oán nổi lên Bá Nha thất kinh, dừng tay lại suy nghĩ :

— *Cung thương có tiếng ai oán thê thảm như vậy hẳn Tử Kỳ gặp nạn lớn rồi. Sáng mai ta phải lên bờ dò xét mới được.*

Đêm ấy, Bá Nha nằm thổn thức dưới ngọn đèn mờ suốt canh trường không chợp mắt. Nỗi lòng nhớ nhung bồi hồi, dào dạt dâng lên như mặt sóng trầm trầm bất tận của trường giang.

Trời chưa sáng, Bá Nha đã dắt vài tên quân hầu lên bờ, đem theo cây đàn và mười nén vàng nhắm chân núi Mã Yên lần tới.

Ra khỏi triền núi, hai bên cây cối um tùm và có mấy con đường băng ngang rất lớn. Bá Nha không biết đi đường nào, bèn ngồi nghỉ chân nơi một tảng đá, đợi có khách qua đường sẽ hỏi thăm.

Một lúc sau, có ông lão tay xách giỏ mây, tay cầm gậy trúc xăm xăm đi tới.

Bá Nha cúi mình thi lễ. Ông lão thấy thế hỏi :

— Tiểu sinh có điều gì cần hỏi han chăng ?

Bá Nha cung kính đáp :

— Thưa lão trượng, trong mấy con đường này đường nào về Tập Hiền thôn ?

Ông lão đáp :

— Cả hai con đường đều về Tập Hiền thôn cả. Con đường bên phải về thôn Thượng Tập Hiền, còn con

ng bên trái về thôn Hạ Tập Hiền. Tiểu sinh cần đến ı nào ?

Bá Nha hỏi :

— Thưa lão trượng, Chung Tử Kỳ ở về thôn nào ?

Vừa nghe nói đến ba tiếng Chung Tử Kỳ, ông lão bỗng sa sầm nét mặt, đôi mắt trũng sâu như rưng rưng hai giọt lệ, thứ lệ đặc và mặn tràn ra trên đôi má nhăn nheo.

Ông lão sụt sùi nói :

— Chung Tử Kỳ chính là con của lão. Năm ngoái cũng vào ngày tháng này, nó đi đốn củi về muộn, có gặp một người nước Tấn là Bá Nha tiên sinh. Vì chỗ đồng thanh tương ứng, hai người kết nghĩa anh em. Lúc ra đi, Bá Nha tiên sinh có tặng cho con tôi hai nén vàng, con tôi về nhà dùng tiền ấy mua sách đọc, bất kể giờ giấc. Vì ban ngày đốn củi mệt nhọc, ban đêm lo việc học hành, nên chẳng bao lâu lâm bệnh qua đời rồi.

Chưa kịp nghe hết câu, đôi dòng nước mắt của Bá Nha đầm đìa trào ra như hai dòng suối. Bá Nha nghẹn ngào không nói được nửa lời.

Chung lão thấy thế ngạc nhiên, quay lại hỏi tên quân hầu của Bá Nha :

— Tiên sinh đây là ai vậy ?

Tên quân hầu thưa :

— Thưa lão trượng, đây là quan Thượng đại phu nước Tấn Du Bá Nha đó.

Chung lão giật mình thốt lên hai tiếng : Ôi trời ! rồi cũng nghẹn ngào không nói gì được nữa. Cả hai người nhìn nhau mà thông cảm nỗi lòng nhau bằng

nước mắt. Hai thứ nước mắt khác nhau nhưng chảy cùng nhịp đập trong tâm tư đau buồn.

Cuối cùng, Chung lão gượng gạo thi lễ và nói :

— Mang ơn đại nhân không chê cảnh bần tiện, cùng con lão kết nghĩa tâm giao. Lúc lâm chung con lão có dặn : *Vì lúc sống không tròn được đạo làm con, lúc chết xin chôn dưới chân núi Mã Yên để trọn đạo nghĩa bạn bè đã cùng với quan Đại phu nước Tấn ước hẹn.* Theo lời trăn trối của con lão, lão phu đã chôn Tử Kỳ nơi ven rừng ở chân núi. Con đường đại nhân vừa đi đến, bên phải có mô đất nhỏ đó là ngôi mộ của con trai lão. Hôm nay mới vừa tròn đúng một trăm ngày lão mang vàng hương đến viếng mộ, may gặp được đại nhân.

Bá Nha lau nước mắt nói :

— Sự đời biến đổi, may rủi khó lường. Nay đã đến nỗi này tệ cúi xin theo lão bá đến trước mộ phần của Chung hiền đệ để viếng vong hồn cho vơi nỗi lòng mong nhớ.

Dứt lời, Bá Nha sai quân hầu xách giỏ cho Chung lão, rồi cùng nhau kẻ trước người sau trở lại nơi chân núi.

Đến nơi, Bá Nha thấy nấm mộ đất bên đường cỏ xanh chưa kín, lòng gợi lên một mối thê lương. Bá Nha vừa khóc, vừa lạy, tuy miệng không nói được nửa lời mà lòng như đã nói lên tất cả nỗi hờn ly biệt.

Lạy xong, Bá Nha truyền đem cây đàn đến rồi ngồi trên tảng đá tấu lên một khúc nhạc *Thiên thu trường hận*.

Bỗng thấy gió ngàn rít mạnh, ánh sáng u buồn, mấy tiếng chim kêu u uất vọng lên từ xa như những hồn ma bóng quế dật dờ khi tỉnh khi say.

Bản nhạc ngưng, gió ngừng thổi, trời lại sáng dần.

Bá Nha nói với Chung lão :

— Có lẽ hồn Tử Kỳ đã hiện về đó. Chẳng hay lão bá có biết vừa rồi cháu đàn khúc gì chăng ?

Chung lão đáp :

— Lúc nhỏ lão cũng có biết chút ít về cầm tháo, nhưng nay tuổi đã già, tâm thần hỗn loạn, không còn phân định được khúc gì.

Bá Nha nói :

— Cháu vừa đàn khúc *đoản ca* để viếng người tri âm tài hoa mệnh yểu.

Tiếp đó, Bá Nha đọc lên thành bài thơ :

Ức tính khi niên xuân
Giang thượng tằng hội quân
Kim nhật trùng lai phỏng
Bất kiến tri ân nhân
Đán kiến nhất phân thổ
Ẩn nhiên thương ngã tâm
Bất giác lệ phân phân
Lai hoan khứ hà khổ
Giang ban khởi sầu vân
Tử Kỳ ! Tử Kỳ hề !
Nhĩ, ngã thiên kim nghĩa
Lịch tận thiên nhai vô túc ngữ
Thử khúc chung hề bất phụ đàn
Tam xích Dao cầm vị quân tử

Dịch :

Từ nhớ thuở mùa thu năm trước
Bến trường giang gặp bạn cố nhân
Năm nay lại đến Giang Tân
Giòng sông lạnh ngắt cố nhân đâu rồi !
Buồn chỉ thấy nấm mồ bên núi
Cõi ngàn năm chia cách đau lòng
Ôi ! Thương tâm ! Ôi ! Thương tâm !
Sụt sùi lai láng bao dòng lệ rơi
Mây sầu lấp loáng chân trời
Đêm vui đổi lấy một đời khổ đau
Tử Kỳ đâu !Tử Kỳ đâu !
Ngàn vàng không chuộc được bầu tâm giao
Thôi từ đây, với phím đàn,
Ngàn thu thôi hết mơ màng cố nhân.

Đọc xong, Bá Nha hai tay cầm cây đàn đưa lên cao, đập mạnh xuống tảng đá. Cây đàn vỡ tung ra từng miếng, trục ngọc, phím đồng rời rã, tơi bời.

Chung lão hoảng kinh, hỏi :

— Sao đại nhân giận gì mà đập cây đàn.

Bá Nha đọc tiếp bốn câu thơ để đáp lời Chung lão :

Thốt đoái Dao Cầm phượng vĩ hàn,
Tử Kỳ bất tại, hướng thùy đàn ?
Xuân phong mãn diện giai bằng hữu
Dục mịch tri âm, nan thượng nan !

Dịch :

Dao cầm đập nát đau lòng phượng
Đã vắng Tử Kỳ đàn với ai ?

Gió xuân bốn mặt bao bè bạn
Muốn tìm tri âm thật khó thay !

Chung lão thở dài nói :

— Chỉ vì không có người biết nghe mà kẻ đàn đành thất vọng !

Bá Nha hỏi :

— Lão bá ở thôn Tập Hiền nào ?

Chung lão đáp :

— Tệ xá ở nơi thôn Tập Hiền thượng. Xin mời đại nhân nếu không chê cảnh nghèo nàn, mời đến đó nghỉ ngơi.

Bá Nha buồn bã đáp :

— Hạ quan xin cảm ơn lão bá. Nay nếu hạ quan trở về đó cũng chỉ thêm gợi sầu vương nhớ mà thôi. Nhân dịp hạ quan có đem theo mười nén vàng xin dâng cho lão bá dùng trong việc cung dưỡng tuổi già, và mua mấy mẫu ruộng để làm tự cho Tử Kỳ. Mai sau hạ quan dâng biểu từ quan sẽ trở về đây rước bá phụ, bá mẫu về chung sống để yên hưởng cảnh ngày tàn. Hạ quan và Tử Kỳ xem như một.

Tiếp đó, Bá Nha dâng mười nén vàng cho Chung lão, sụp xuống đất lạy tạ rồi ra đi.

Chung lão đứng nhìn theo, lòng bùi ngùi cảm kích.

9. SÔNG TƯƠNG

Sông Tương có người gọi là Tương giang, là một con sông thuộc huyện Ninh Lăng, tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc) cũng còn có tên là sông Tiêu Tương nữa.

Theo sử Trung Quốc thì vua Thuấn băng hà ở đất Thượng Ngô, hai bà vợ của vua Thuấn là bà Nga Hoàng và bà Nữ Anh thương tiếc ra sông Tiêu Tương khóc than thảm thiết đến nỗi nước mắt của hai bà rơi vào bụi trúc bên bờ sông, làm cho bụi trúc nổi vân lên rất đẹp.

Bởi vậy, ở khắp nước Tàu chỉ có cây trúc trên bờ sông Tiêu Tương là nổi vân lên đẹp hơn cả.

Người thợ làm mành trúc (màn cửa) ở vùng Hồ Nam thường đến bờ sông Tiêu Tương mua những cành trúc có vân đẹp đó để về làm màn cửa.

Những tấm mành trúc có vân đặc biệt đó được người đời gọi là Mành Tương, tức là tấm mành làm bằng trúc sông Tiêu Tương.

Trúc sông Tiêu Tương sở dĩ đẹp là do nước mắt nhớ thương tạo thành, nên khi nói đến *mành tương* tức là nói đến sự cách biệt giữa gái trai yêu thương nhau.

Trong truyện Kiều có câu :

Mành tương phảng phất gió đàn.

là lấy ở tích Mành Tương trên.

Trúc sông Tiêu Tương còn được người dân Hồ Nam làm thành những ống tiêu, một thứ nhạc khí có sức truyền cảm trong âm nhạc.

Điển tích *Sông Tương* theo tình sử Trung Quốc chép như sau :

Về đời nhà Châu, có chàng nho sĩ tên là Lý Sanh yêu một nàng thiếu nữ tên là Lương Ý Nương.

Tình yêu của đôi trai gái này rất đậm đà thắm thiết. Nhưng vì chàng chăm việc sử kinh nên chưa tiện xe duyên chỉ thắm. Còn nàng Lương Ý Nương cũng đang lo việc tằm tơ, giúp đỡ nuôi nấng mẹ già, chưa thể nghĩ đến việc riêng.

Tuy chưa là vợ chồng, nhưng tình yêu không gì ngăn cách nổi. Hai bên hẹn ước chờ chàng Lý Sanh thi cử xong sẽ làm lễ thành hôn.

Nhưng mọi việc không phải lúc nào cũng chiều theo lòng người. Những ước mơ của con người đôi khi trở thành những đau thương trong cuộc sống. Gió bụi bốn phương ầm ầm nổi dậy, giặc giã nổi lên khắp trong nước. Tình yêu của những đôi trai trẻ phải nhường chỗ cho chiến tranh. Mưa gió bao giờ cũng tàn nhẫn trước cảnh trăng trong, hoa nở. Chiếu vua ban xuống chiêu mộ thanh niên đi đầu quân dẹp loạn, thế là số phận chàng Lý Sanh cùng chung với sự đau buồn ly biệt. Chàng phải dẹp bút nghiên lo việc kiếm cung.

Gia nhập vào đoàn quân viễn chinh, Lý Sanh phải chuyển lên tận phía bắc sông Tương.

Ngày tiễn người yêu, nàng Lương Ý Nương phải chia tay trên bờ sông Tiêu Tương để nhận mối sầu cách

biệt của người chinh phụ. Nỗi đau buồn của đôi uyên ương này không có bút mực nào tả nổi. Và, sông Tiêu Tương cũng trở thành nơi chứa đựng những mối sầu ly biệt của gái trai.

Trong *Chinh phụ ngâm* cũng có đoạn thơ diễn tả mối sầu ly biệt của một chinh phụ trên bến sông Tiêu Tương.

Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương,
Nơi Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xa xa những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

Sau khi tiễn chân người yêu qua sông Tiêu Tương để ngược về phía bắc, nàng Lương Ý Nương đành gạt lệ trở về.

Nhà nàng Lương Ý Nương ở bên bờ sông Tương thuộc mạn hạ lưu, nên mỗi lần nhớ đến người yêu là Lý Sanh, nàng thường ra bờ sông đứng trông về phía thượng lưu sông Tương mà khóc lóc, thở than.

Đau khổ nhất là những buổi chiều, lúc hoàng hôn xuống, vừng kim ô lặn về phía trời tây, để lại trên nền trời xanh những tia sáng vàng nhạt, mặt sông Tương trở màu bạc, những khóm trúc bên sông bắt đầu tiễn những đôi chim rủ nhau về tổ ấm.

Những hình ảnh đó chính là những kỷ niệm gợi lại trong trí nhớ của nàng Lương Ý Nương mối tình yêu thơ mộng.

Nàng lặng lẽ ngắm bóng mình in trên sông Tương, và nàng tưởng như ở đầu sông Tương, người yêu của nàng là Lý Sanh chiều chiều cũng ra bờ sông, đứng nhìn về phía hạ lưu, trông ngóng bóng hình người đẹp của lòng chàng.

Dòng sông Tương xuôi chảy, nước lững lờ trôi, nàng Lương Ý Nương đưa lòng bàn tay xuống mặt sông múc một bụm nước đưa lên miệng uống. Nàng có cảm giác ngọt ngào, tưởng tượng dòng nước ấy từ phương bắc sông Tương, người yêu của nàng là Lý Sanh cũng đang uống.

Càng trông dòng sông Tương xuôi chảy, nàng Lương Ý Nương càng thấy lòng sầu muộn, thương nhớ người yêu trong những buổi chiều về.

Nhìn dòng sông Tương đôi bờ nước chảy, nàng Lương Ý Nương cảm xúc trước mối tình chia ly đau khổ của người chinh phụ, đã tác thành những vần thơ độc đáo mà người đời sau lưu truyền rất nhiều trong thi văn.

Nhân đạo Tương giang thâm,
Vị đề Tương giang bạn,
Giang thâm chung hữu đề,
Tương tư vô biên ngạn,
Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ.
Tương tư bất tương kiến,
Cộng ẩm Tương giang thủy.

Dịch :

Tương giang người bảo sâu,
Chẳng bằng lòng thương nhớ,

Sông sâu còn có đáy,
Tương tư không bến bờ !
Chàng ở đầu sông Tương,
Thiếp ở cuối sông Tương,
Nhớ nhau mà không thấy !
Cùng uống nước sông Tương.

Mối tình biệt ly của nàng Lương Ý Nương và chàng Lý Sanh rất đau khổ, nhưng cao đẹp.

Người đời sau thường lấy tích *Sông Tương* của đôi trai gái Lý-Lương để nói lên sự chia ly cách biệt của tình yêu.

Trong truyện Kiều, Kim Trọng thương nhớ Thúy Kiều, cách nhau chỉ một bức tường hoa mà phong tục lễ giáo đã ngăn cách không cho phép đôi trai gái gần gũi nhau theo ý muốn. Cụ Nguyễn Du cũng mượn điển tích sông Tương để diễn tả nỗi buồn của chàng Kim :

Từ phen đá biết tuổi vàng
Tình càng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ
Sông Tương một giải nông sờ
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.

10. GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH

Gương vỡ lại lành là do câu *Phá cảnh trùng viên* mà ra. Tích *gương vỡ lại lành* để chỉ cho tình duyên trắc trở được ráp nối lại. Sau 15 năm Thúy Kiều lưu lạc, tác giả có dùng điển tích lấy ý *gương vỡ lại lành*.

Những là rày ước mai ao
Mười lăm năm ấy biết bao là tình
Bây giờ gương vỡ lại lành
Khuôn thiên lừa lọc đã đành có nơi

Đoạn thơ này là ý Thúy Vân muốn ráp nối tình ái giữa Thúy Kiều và Kim Trọng.

Điển tích *gương vỡ lại lành* có chép trong tình sử Trung Quốc như sau :

Tại nước Trần, bên Trung Quốc, có nàng công chúa tên Lạc Xương sánh duyên với một nho sĩ tên Từ Đức Ngôn

Phò mã Từ Đức Ngôn và nàng công chúa Lạc Xương đang vui cảnh gia đình hòa hợp, thì bông đâu trong nước có loạn, giặc giã nổi lên khắp nơi, các nước lân bang lăm le chiếm nước Trần, còn nước Trần quân lực yếu kém, không sao chống cự nổi.

Cảnh nội loạn, ngoại xâm làm cho vua nước Trần rối bời. Công chúa Lạc Xương lại là một giai nhân tuyệt sắc, mà hồng nhan trong loạn lạc thường vướng những tai họa không thể lường được.

Vì thương con, vua nước Trần gọi công chúa Lạc Xương đến bảo :

— Thế nước đang nguy, ta không muốn để con gái ta phải chứng kiến cảnh làm tôi cho ngoại bang, vậy con nên cùng phò mã Từ Đức Ngôn sớm cải trang thành thường dân trốn ra khỏi nước, chờ ngày ta khôi phục, để tránh nạn binh đao.

Công chúa Lạc Xương buồn bã tâu :

— Tâu phụ vương, từ nhỏ đến lớn con sống gần gũi với phụ vương, nay con không nỡ xa rời phụ vương mà đi nơi khác.

Vua nước Trần không nghe, bắt buộc công chúa Lạc Xương và phò mã Từ Đức Ngôn phải xa kinh thành lập tức.

Không dám cãi lời cha, công chúa Lạc Xương đành sắp xếp ra đi lánh giặc.

Lúc vợ chồng Từ Đức Ngôn chia tay, công chúa cầm tấm gương soi hàng ngày của hai vợ chồng đập ra làm hai mảnh, trao cho chồng giữ một mảnh.

Nàng nói :

— Ngày nay giặc giã nổi lên khắp nơi, kinh thành không thể giữ được, phụ vương đã có lệnh di tản để bảo tồn lực lượng mà khôi phục mai sau. Vậy phò mã giữ một nửa tấm gương này để làm tin.

Phò mã Từ Đức Ngôn không hiểu ý của công chúa hỏi :

— Chúng ta cùng đi với nhau, sao công chúa bảo là cách biệt.

Công chúa Lạc Xương nói :

— Phò mã làm trai, cần phải cùng với triều thần xông pha nơi lửa đạn, lẽ nào đi theo vợ mà tránh việc binh đao.

Từ Đức Ngôn hỏi :

— Vậy thì nửa mảnh gương này dùng để làm gì ?

Công chúa Lạc Xương dặn :

— Nếu rủi ro trong cảnh nước mất nhà tan vợ chồng chia cách nhau, thì cứ hàng năm đến ngày thượng nguyên chàng đem mảnh gương này ra chợ Tràng An bán. Nếu thiếp còn sống thiếp sẽ mang gương đến để nhận ra nhau, so hai mảnh gương vào một tức là hai vợ chồng đã gặp nhau rồi.

Phò mã Từ Đức Ngôn gạt nước mắt cầm mảnh gương chia tay cùng vợ.

Quả thật, chiến tranh tàn nhẫn và khốc liệt, chỉ một tháng sau, kinh thành nước Trần thất thủ, vua tôi lưu lạc mỗi người một nơi, không ai biết đến ai, mỗi người tìm một nơi lánh nạn.

Vợ chồng Từ Đức Ngôn từ ngày chia tay mỗi người một ngả, không còn biết thêm tin tức gì nữa.

Ngày kinh thành bị thất thủ, quân của Việt Công tràn đến cướp phá kinh thành, nơi nơi tràn ngập máu lửa. Công chúa Lạc Xương vì thương cha nên trở về

dọ thám tin tức, chẳng may mắc kẹt trong vòng vây của Việt Công.

Việt Công vào đến cung điện vua Trần, gặp công chúa Lạc Xương, thấy nàng sắc đẹp phi thường, hỏi ra biết được là công chúa của nước Trần liền bắt ép nàng làm hầu thiếp.

Nặng tình với phò mã Từ Đức Ngôn, trong người còn mang nửa mảnh gương thề, làm sao công chúa Lạc Xương có thể kết duyên với kẻ địch. Nàng nhất quyết quyên sinh, không chịu làm hầu thiếp cho Việt Công.

Việt Công thấy nàng tỏ ra đức hạnh, không nỡ áp bức, nên truyền cho bọn cung nữ bắt nàng giam một nơi, sai người hầu hạ, để có thời gian khuyên giải, dỗ dành.

Bị bọn cung nữ canh giữ ngày đêm, không thể nào quyên sinh thủ tiết với chồng được, nàng đành ôm hận chờ đợi tin tức của phò mã Từ Đức Ngôn.

Thấm thoắt thoi đưa, Tết Nguyên Đán vừa tới, gió xuân hây hẩy rung bức mành tương, công chúa Lạc Xương ở trong cung cấm nhớ đến ngày hẹn ước với phò mã lúc chia tay, nhưng chưa biết phải làm sao để dò là tin tức.

Còn phò mã Từ Đức Ngôn từ khi kinh thành thất thủ, chạy giặc khắp nơi, kịp lúc xuân về, chàng nhớ đến lời ước hẹn của vợ, nên đem mảnh gương vỡ đến chợ Tràng An ngồi bán đúng vào ngày thượng nguyên (rằm tháng giêng).

Trong cung cấm, công chúa Lạc Xương lúc này cũng đã tránh thủ được một nàng hầu tâm phúc, nên

đúng ngày thượng nguyên, nàng trao nửa mảnh gương cho nàng hầu đem ra chợ bán để dọ xét tình hình.

Người đi chợ trông thấy một chàng trai ăn mặc rách rưới, giữa chợ bán tấm gương bể, ai nấy đều cười thầm, cho là kẻ mất trí. Đến khi lại thấy có một nàng con gái ăn mặc sạch sẽ, cũng đem nửa tấm gương bể ra bán, thì ai nấy lấy làm ngạc nhiên.

Có người đến hỏi mua thì Từ Đức Ngôn đòi với giá ngàn vàng.

Các cô con gái thấy vậy trêu chọc.

Một lúc sau, nàng hầu của công chúa Lạc Xương đi đến, lấy mảnh gương của nàng đem ráp với mảnh gương của Từ Đức Ngôn thì hai mảnh ráp lại y nguyên.

Từ Đức Ngôn trố mắt nhìn cô gái, thấy không phải công chúa Lạc Xương liền hỏi :

— Nửa mảnh gương này ở đâu nàng có ?

Cô gái nhìn kỹ Từ Đức Ngôn, thấy chàng tuy ăn mặc rách rưới, nhưng dáng điệu uy nghi, ăn nói lưu loát, biết đó là phò mã, chồng của công chúa Lạc Xương nên lễ phép nói :

— Có người muốn mua tấm gương này, phò mã bằng lòng bán không ?

Biết công chúa còn sống, Từ Đức Ngôn hỏi thăm cô gái mới biết hiện nay nàng đang bị Việt Công giam cầm nơi cung thất để ép duyên, chàng dàu dàu nét mặt không vui, bèn viết vào hai mảnh gương một bài thơ rồi trao cho nàng hầu của công chúa Lạc Xương.

Ảnh dử nhân câu khứ
Ảnh qui nhân vị qui

Vô phục hằng nga ảnh.
Không lưu minh nguyệt huy.

Dịch :

Người đi gương cũng đi
Gương về người chưa về
Chị hằng đâu chẳng thấy
Chỉ thấy bóng trăng lòe,

Nàng hầu thân tín của công chúa Lạc Xương đem gương và thơ về. Công chúa thấy gương biết phò mã còn sống, và khi đọc thơ công chúa cảm xúc, ôm gương vào lòng khóc thảm thiết.

Việt Công trông thấy hỏi sự tình. Công chúa Lạc Xương không còn cách nào đành kể lại nỗi đau khổ của nàng lúc cùng phò mã chia tay, và đưa tấm gương ra chỉ cho Việt Công xem. Việt Công cảm động trước tình yêu chân thật của công chúa, liền sai bọn quân hầu ra chợ Tràng An đón mời phò mã Từ Đức Ngôn vào nội thành, đãi đằng trọng thể và trả công chúa Lạc Xương lại cho chàng để vợ chồng vui hưởng hạnh phúc lứa đôi.

Và, vợ chồng Từ Đức Ngôn được sum họp từ đây, hình thành nên điển tích : *gương vỡ lại lành*

Sa-Đéc, March 10, 2015

11. NẰM GAI NẾM MẬT

Điển tích *nằm gai nếm mật* lấy ở truyện Chiến quốc Xuân thu, nói đến mối thù sâu giữa Câu Tiễn và Ngô Phù Sai.

Trong thi văn cổ Việt Nam có nhiều bài bình luận về mối thù nước Ngô và nước Việt, và nhắc đến điển tích *Nằm gai nếm mật* để chỉ sự quyết tâm rửa hận.

Theo sử chép :

Hạp Lư là vua nước Ngô, năm thứ 24 đời Chu Kinh Vương, đã già yếu, nhưng tánh còn nóng nảy, nghe vua nước Việt là Duẫn Thường chết, con là Câu Tiễn lên nối ngôi, thừa cơ nước Việt chưa ổn định đem quân đánh nước Việt để trả thù.

Triều thần can ngăn, nhưng con trai Hạp Lư ỷ mình làmvua nước Ngô, và lấy việc Câu Tiễn giết Hạp Lư làm cừu hận, thường ngày nuôi chí báo thù. Sợ mình sống trên nhung gấm, quên lãng nhiệm vụ, nên bắt mười người nội thị, thay phiên nhau, hàng ngày đứng trước sân chầu, mỗi lần thấy Phù Sai đi ngang qua thì hét lên :

— Phù Sai ơi ! Mày quên cái thù vua nước Việt giết cha mày rồi sao ?

Mỗi lần như thế Phù Sai lại khóc lớn lên đáp :

— Dạ ! Không bao giờ dám quên !

Bấy giờ triều thần nước Ngô có Ngũ Viên (tức Ngũ Tử Tư) và Bá Hi là tôi thần trí thức và mưu lược. Phù Sai giao cho Ngũ Viên và Bá Hi luyện tập thủy quân ở Thái hồ, lập trường bắn ở Linh Nhan sơn, chuẩn bị chiến tranh.

Vua nước Việt là Câu Tiễn nghe tin, họp triều thần thương nghị.

Tôi thần nước Việt bấy giờ có Phạm Lãi và Văn Chủng là những danh nhân thuộc về hàng lược thao trong thiên hạ.

Phạm Lãi tâu :

— Nước Ngô bị ta giết mất vua, nay lập chí báo thù, khí thế đang hăng, ta khó lòng địch nổi, nên nghĩ cách cố thủ là hơn.

Quan đại phu Văn Chủng nói :

— Theo ý tôi, kkông gì bằng sai người đến xin lỗi để cầu hòa, gây tình thân thiện giữa hai nước.

Câu Tiễn nói :

— Trong hai người, một người muốn thủ, một người muốn cầu hòa. Hai kế ấy đều không phải thượng sách. Nước Ngô đang cố ý trả thù, nếu thấy ta nhụt chí thì quân Ngô lại càng kiêu căng hơn nữa. Dẫu thua hay thắng ta cũng phải giao tranh một trận.

Chỉ ba ngày sau, Câu Tiễn điểm ba vạn binh ra dàn trận tại Tiêu Sơn.

Ban đầu, quân Ngô gặp sức kháng cự mãnh liệt nên lùi bước. Câu Tiễn thừa thắng đuổi theo giết quân Ngô khá nhiều.

Vừa được mấy dặm thì gặp đạo thủy quân của Phù Sai kéo đến. Phù Sai đứng trên mũi thuyền giục

trông rất hăng, làm quân Ngô tăng nhuệ khí quay thuyền lại cự địch.

Gặp lúc gió bấc nổi lên, sóng bủa dữ dội. Ngũ Viên và Bá Hi mỗi người điều khiển một chiếc thuyền lớn, thừa lúc thuận gió ra lệnh cho quân sĩ dùng cung nỏ bắn như mưa, quân Việt ngược gió không cự nổi, bị quân Ngô đuổi theo giết chết không biết bao nhiêu mà kể.

Câu Tiễn chạy vào cổ thành, bị quân Ngô vây kín bốn mặt, không còn đường đi lấy nước.

Phù Sai mừng rỡ nói với các tướng :

— Ta chắc nội trong mười ngày, quân Việt phải chết khát.

Không ngờ trên đỉnh núi cổ thành có một con suối rất lớn, dưới suối có nhiều cá ngon. Câu Tiễn liền sai quân bắt mấy trăm con cá đem biếu vua Ngô.

Phù Sai thấy vậy kinh sợ nói :

— Nếu trong cổ thành có đủ nước và lương thực như vậy ta phải tăng cường lực lượng mới phá nổi.

Liền ra lệnh dẫn hết binh bộ, thay phiên ngày đêm công phá rất gấp.

Câu Tiễn sợ hãi, giao cho Phạm Lãi thủ thành, còn mình trốn về Cối Kê, thu góp được hơn năm ngàn quân để tự vệ.

Câu Tiễn than :

— Trong đời ta chưa lúc nào bị thảm bại như ngày hôm nay. Nếu trước đây ta nghe lời Phạm Lãi và Văn Chủng thì đâu đến nỗi này.

Văn Chủng hiến kế :

— Nay tuy việc đã nguy cấp, nhưng nếu có người ra cầu hòa cũng chưa muộn.

Câu Tiễn buồn bã nói :

— Nước Ngô cố chí phục thù thì khó cầu hòa được.

Văn Chủng tâu :

— Nước Ngô có quan Thái Tể Bá Hi, người ấy tham lam lại mê sắc, hay ganh ghét những người có tài hơn mình. Nay tuy cùng Ngũ Viên lo việc nước nhưng không hợp ý nhau. Ta đem lễ vật nhờ Bá Hi liệu việc cầu hòa ắt xong. Ngũ Viên dù có cản trở cũng không được.

Câu Tiễn hỏi :

— Nhà ngươi định đem lễ vật gì kiến Bá Hi ?

Văn Chủng tâu :

— Trong cung không thiếu gì nữ sắc. Ta tìm mỹ nữ đem dâng, nếu trời còn vì nước Việt thì Bá Hi tức nghe lời.

Câu Tiễn liền sai sứ trở về kinh đô nói với Hoàng Hậu nước Việt tuyển chọn tám người có sắc đẹp, ăn mặc lịch sự, kèm theo hai mươi đôi ngọc bích và một nén hoàng kim, giao cho Văn Chủng sang dinh Bá Hi xin yết kiến.

Bá Hi ban đầu toan từ chối, nhưng sau nghe nói có nhiều lễ vật và gái đẹp, liền đổi ý kiến, thuận cho Văn Chủng vào.

Văn Chủng nói với Bá Hi :

— Chúa công tôi là Câu Tiễn tuổi còn trẻ, chưa biết gì, gây chuyện bất bình với nước lớn, nay hối hận muốn

đem cả nước Việt làm tôi nước Ngô, nhưng sợ vua Ngô không chịu. Chúa công tôi biết ngài là người có công lớn với nước Ngô, có thể cáng đáng được việc hệ trọng nên sai tôi đem chút lễ mọn đến để cầu thân, nếu ngài thương tình giúp cho thì còn ơn nghĩa về sau.

Nói xong, Văn Chủng cầm bản kê khai lễ vật dâng cho Bá Hi. Bá Hi làm mặt giận hét :

— Nước Việt sớm tối thuộc về nước Ngô thì bao nhiêu của cải nước Việt là của nước Ngô. Ta cần gì chút lễ mọn này sao ?

Văn Chủng nói :

— Nước tôi dẫu thua, nhưng những đại binh ở Cối Kê còn hơn năm ngàn. Số quân tinh nhuệ ấy nếu liều một trận chưa chắc nước Ngô đã thắng nổi. Mà dù nước Ngô có thắng, nước Việt đi cầu với nước Sở thì chưa chắc nước Việt tôi đã về nước Ngô. Hay nói cho cùng, chúa công tôi trong lúc bức bách, thế nào cũng đốt hết kho tàng, đem quân đi trốn, thì nước Ngô chiếm nước Việt chẳng qua là chiếm mảnh đất hoang vu mà thôi. Nay nước Việt tự nhận làm tôi nước Ngô, nếu ngài giúp sức thì nước Việt sẽ về nước Ngô, của cải nước Việt sẽ về nước Ngô, mà trước nhất là về ngài, như thế chẳng lợi hơn sao ?

Văn Chủng thuyết một hồi làm cho lòng tham Bá Hi nổi dậy. Nghĩ đến nữ sắc, vàng bạc, Bá Hi mỉm cười nói :

— Quan đại phu không sang dinh Ngũ Viên mà lại dinh tôi thì đã hiểu đạo đức của tôi đến bực nào rồi. Thôi thì ngày mai tôi đưa quan đại phu vào yết kiến Ngô Vương.

Bá Hi nhận các lễ vật rồi lưu Văn Chủng trong dinh bày tiệc đãi.

Sáng hôm sau Bá Hi đưa Văn Chủng vào yết kiến Phù Sai, và đem những tình ý của Câu Tiễn xin cầu hòa.

Phù Sai sa sầm nét mặt nói :

— Nước Ngô và nước Việt có cái thù không đội trời chung, lẽ nào lại cho cầu hòa.

Bá Hi tâu :

— Đại Vương không nhớ lời của Tôn Vũ hay sao ? Việc binh nên dùng tạm chứ không nên dùng lâu. Vua Việt đã dâng nước làm tôi nước Ngô, vợ vua Việt xin làm thiếp nước Ngô, bao nhiêu vàng bạc châu báu nước Việt đều đem dâng cho nước Ngô, thế thì nước Việt chỉ còn xin lại tôn miếu để cúng tế. Nếu Đại vương cố diệt nước Việt để báo thù thì Câu Tiễn sẽ đốt phá hết nhà tôn miếu, đốt hết đền đài, của cải, đem vợ đi trốn thì lúc đó Đại Vương chỉ chiếm một mảnh đất hoang, đã không được gì lại mang tiếng ác với chư hầu. Tôi tưởng thế này cũng đã trả được thù rồi vậy.

Phù Sai hỏi Văn Chủng :

— Vua nước Việt có xin làm tôi vua nước Ngô chăng ?

Văn Chủng quì tâu :

— Đã xin làm tôi Đại Vương thì thế nào chúa công tôi cũng vâng mạng.

Bá Hi nói với Phù Sai :

— Vợ chồng Câu Tiễn đã xin về Ngô thì nước Ngô

dù tha cho nước Việt cũng khác gì đã chiếm nước Việt rồi. Đại Vương còn chần chờ gì mà không quyết đoán.

Phù Sai liền tha cho nước Việt, chấp thuận lời cầu hòa.

Ngũ Viên hay được việc này vội vào triều ngăn cản, không cho nước Việt cầu hòa, nhưng Phù Sai không nghe.

Ngũ Viên tức giận bước ra ngoài nói với quan đại phu Vương Tôn Hùng :

— Nước Ngô nhiều lắm cũng chỉ giữ được khoảng hai mươi năm sẽ hóa thành hoang địa.

Vương Tôn Hùng không tin, hỏi Ngũ Viên :

— Nước Ngô đang hồi thịnh vượng, triều đình và nhân dân một lòng dựng nước, sao tướng quốc lại đoán như thế ?

Ngũ Viên nói :

— Mình không trả thù người ta thì người ta trả thù mình.

Phù Sai cho Văn Chủng về báo lại với Câu Tiễn, buộc vợ chồng Câu Tiễn phải sang nước Ngô làm tôi tớ.

Văn Chủng tâu :

— Chúa công tôi mang ơn Đại Vương, xin Đại Vương tạm hoãn kỳ hạn sang chầu. Nếu chúa công tôi thất tín thì cũng không tránh khỏi tội.

Phù Sai chuẩn y lời xin, cho ước định trung tuần tháng năm, vợ chồng vua Việt phải sang Ngô. Lại sai Vương Tôn Hùng theo Văn Chủng sang kinh thành nước Việt để thúc giục vua Việt đi cho đúng kỳ, còn

quan Thái Tể Bá Hi đem một vạn quân đóng ở Ngô Sơn để phòng vua Việt thất hứa thì hãm thành tức khắc.

Điều khiển xong, Phù Sai kéo đại binh về nước.

Văn Chủng trở về tâu với Câu Tiễn :

— Nay nước Ngô đã chấp thuận cầu hòa, rút quân về nước, nhưng buộc Chúa công và Hoàng hậu phải sang chầu nước Ngô. Quan đại phu Vương Tôn Hùng theo tôi về đây để giục Chúa công khởi hành, còn quan Thái Tể Bá Hi đang đóng quân nơi Ngô Sơn để phòng bất trắc.

Câu Tiễn nghe nói ứa nước mắt, ngồi lặng thinh một lúc, rồi hỏi :

— Kỳ hạn triều cống vua Ngô đã đến chưa ?

Văn Chủng tâu :

— Kỳ hạn đã gần đến nơi, xin Chúa công sắp xếp lên đường thì vừa. Việc đại sự, chỉ có ý chí con người mới mong thành công.

Câu Tiễn trở về kinh thành, thu xếp vàng bạc, châu báu đong thành mấy xe, tuyển lựa được ba trăm ba chục mỹ nữ, ý định đem ba trăm dâng cho Phù Sai, còn ba chục dâng cho Bá Hi.

Kỳ hạn đến, Câu Tiễn dần dà chưa khởi hành, Vương Tôn Hùng phải giục mãi, Câu Tiễn khóc nói với triều thần :

— Ta nối nghiệp tiền nhân, không dám lười biếng, nay vì thua một trận mà phải đem thân làm tôi đòi xứ khác, chắc không hy vọng trở về.

Các quan đều khóc theo. Văn Chủng tâu với Câu Tiễn :

— Ngày xưa vua Thang bị giam ở Hạ Đài, vua Văn Vương bị giam ở Du Lý mà sau dựng nên nghiệp đế. Tề Hoàn Công phải chạy sang nước Cử, Tấn Văn Công phải chạy sang nước Địch, mà sau dựng nên nghiệp bá. Xem thế thì cảnh khổ chỉ là cái lò đúc nên người tài. Chúa công cứ vững lòng tin ở mệnh trời. Tôi dám chắc nước Việt ta có ngày nhờ sự bền chí của Chúa công mà hưng thịnh đó.

Câu Tiễn gạt nước mắt, làm lễ nhà Thái Miếu, rồi dắt vợ ra đi. Các quan triều tiễn chân đến bờ sông Tích Giang. Phạm Lãi nói :

— Các bậc thánh hiền xưa cũng gặp nhiều gian nan, nhiều tủi nhục, chẳng phải một mình Chúa công đâu.

Câu tiễn nói :

— Nay ta phải bỏ nước Việt, đi làm tôi cho nước Ngô, giao nước Việt cho các quan đại phụ trông coi, các quan đại phu phải làm sao để ta khỏi phụ lòng tin cậy.

Phạm Lãi nói với các triều thần :

— Tôi thiết tưởng làm tôi để vua nhục thì thà chết còn hơn. Nay Chúa công bỏ nước sang quê người, há trong bầy tôi chúng ta không có vài kẻ hào kiệt để vì Chúa công mà chia buồn hay sao ?

Các quan đồng thanh đáp :

— Chúng tôi đều là tôi của Chúa công. Dù xa hay gần chúng tôi vẫn giữ một lòng trung liệt. Đại vương muốn điều gì xin cứ sai khiến.

Câu Tiễn nói :

— Cảm ơn các quan. Nếu các quan còn mến ta thì

cứ xin tự hỏi mình xem ai có thể theo ta, ai có thể ở nhà giữ nước.

Văn Chủng nói :

— Ở nhà xem xét việc nước thì Phạm Lãi không bằng tôi, còn theo Chúa công để tùy cơ ứng biến thì tôi không bằng Phạm Lãi.

Phạm Lãi nói :

— Văn Chủng xét việc rất sáng suốt. Chúa công nên đem việc nước giao cho Văn Chủng, còn tôi, tôi xin theo phò Chúa công, để giúp Chúa công nhẫn nại báo thù.

Câu Tiễn nói :

— Ta dẫu sang làm một tù nhân nước ngoài, nhưng được các quan đốc lòng giữ nước, thì dù khổ nhọc đến đâu cũng quyết trở về để báo thù và đền ơn các quan.

Nói xong, Câu Tiễn từ biệt triều thần cùng với Phạm Lãi xuống thuyền sang nước Ngô.

Câu Tiễn ngửa mặt lên trời nói :

— Cái chết ai cũng kinh sợ, nhưng ta thấy cái chết rất thường.

Vợ Câu Tiễn bước theo chồng, tay vịn mạn thuyền, mắt nhìn đàn ô thước bay lượn trên sông, lòng hoài cảm, cất giọng hát :

Đàn chim bay cao
Vẫy vùng đường mây
Thân thiếp vô tội
Trách trời độc thay
Gió thổi hây hây

Cánh chim lữ thứ
Trở về có ngày
Bước chân ly biệt
Muôn ngàn đắng cay
Nước mắt vơi đầy...

Câu Tiễn nghe mấy câu than của vợ, lòng bối rối nói :

— Ồ ! Chim trời đã cất cánh thì giang sơn thu gồm trong khóe mắt. Ngày trở về chắc không lâu, cần gì phải hát câu vĩnh biệt.

Thuyền nhổ neo, xuôi mái, Câu Tiễn không quay đầu nhìn lại, trong lúc đó triều thần sững sờ nhìn theo cánh buồm trắng mỗi lúc một xa dần rồi mất hút.

Khi thuyền đến địa phận nước Ngô, Phạm Lãi vào yết kiến quan Thái Tể nước Ngô là Bá Hi, hiện đang đóng ở Ngô Sơn, dâng các châu báu và mỹ nữ.

Bá Hi nói :

— Văn Chủng sao không thấy đến.

Phạm Lãi đáp :

— Văn Chủng phải ở lại kinh thành giữ nước cho Chúa công tôi nên không cùng đi được.

Bá Hi theo Phạm Lãi xuống thuyền gặp Câu Tiễn và nói :

— Thế nào tôi cũng tìm cách xin cho ngài được trở về nước Việt.

Câu nói ấy đặt nhiều hy vọng vào lòng Câu Tiễn, làm cho Câu Tiễn an ủi phần nào.

Bá Hi đem quân giải Câu Tiễn về nước Ngô vào ra mắt Phù Sai. Câu Tiễn trần vai áo, phục lạy Phù Sai mà nói :

— Tôi Câu Tiễn nước Việt, vì không biết sức mình nên đắc tội với Đại Vương, nay Đại Vương tha tội cho tôi, được sang đây hầu hạ, thực cảm nghĩa vô cùng.

Phù Sai nói :

— Nếu ta nghĩ đến cái thù của tiên vương thì không thể nào dung thứ cho ngươi được.

Câu Tiễn tha thiết tâu :

— Tội tôi thật đáng chết, nhờ Đại Vương nhân đức tha cho kẻ tôi hèn.

Bấy giờ Ngũ Viên đang đứng bên cạnh, quắc mắt nói :

— Con chim bay trên mây xanh, ta còn muốn giương cung ta bắn, huống hồ nay nó lại đậu trước sân. Câu Tiễn là người nham hiểm, bây giờ thân cá chậu chim lồng, tìm lời nịnh hót để khỏi chết, mai sau khi đắc chí rồi khác nào như hổ vào rừng. Đại Vương hối hận sao kịp ?

Phù Sai nói :

— Dẫu thù oán ai mà kẻ ấy đã hối cải, ta nỡ nào khư khư mối thù ấy cho đành. Ta cũng chẳng phải yêu vua nước Việt, song giết đi sợ trái đạo trời.

Bá Hi nói :

— Quan tướng quốc cứ nghĩ tới cái lợi hiện tại mà không xét cái lợi về sau. Đại Vương đối xử như thế là phù hợp với kẻ đại nghĩa.

Ngũ Viên thấy Phù Sai không nghe lời mình liền bỏ đi nơi khác. Phù Sai truyền nhận lễ vật của Câu

Tiễn rồi sai Vương Tôn Hứng làm một cái thạch thất (nhà xây bằng đá) giam vợ chồng Câu Tiễn ở đó. Cho mặc quần áo vải thô, bắt chăn ngựa.

Muốn mưu lợi riêng, Bá Hi ngày nào cũng lén sai người đem thực phẩm đến cho nên vợ chồng Câu Tiễn không đói khát lắm.

Mỗi khi Phù Sai đi chơi lại bắt Câu Tiễn dắt ngựa. Người nước Ngô trông thấy tủm tỉm cười nói với nhau :

— Kia ! Vua nước Việt !

Câu Tiễn cúi gằm mặt xuống không nói gì cả.

Ở nơi thạch thất hai năm, được Phạm Lãi hầu hạ, Câu Tiễn cũng bớt buồn bã và cực nhọc.

Một hôm Câu Tiễn vào yết kiến Phù Sai, Phạm Lãi đi theo, đứng hầu phía sau, Phù Sai trông thấy nói với Phạm Lãi :

— Ta nghe nói người tiết phụ không lấy chồng ở nhà phá vong, kẻ danh niện không làm tôi ở nước bị tiêu diệt. Nay Câu Tiễn vô đạo, nước bị diệt, vua bị đày, như thế là nhục lắm rồi, ta muốn tha tội cho nhà ngươi, nếu nhà ngươi biết lỗi, bỏ Việt theo Ngô, thì ta sẽ trọng dụng.

Câu Tiễn nghe nói thất kinh, ôm mặt khóc vì sợ Phạm Lãi tham phú quí bỏ mình.

Phạm Lãi sụp lạy và nói với Phù Sai :

— Kẻ mất nước không dám xưng mình tài, tướng đã thua trận không dám xưng mình giỏi. Tôi là kẻ bất trung, bất trí ở nước Việt, không giúp được Chúa công tôi để đắc tội với Đại Vương, nay được Đại Vương thương tình không giết, cho vua tôi được gần gũi nhau, như thế đã là mãn nguyện rồi, đâu còn dám tham cộng danh phú quí.

Phù Sai nói :

— Nhà ngươi không chịu làm quan nước Ngô thì theo vua nước Việt trở về chăn ngựa nơi thạch thất.

Phạm Lãi cúi lạy tâu :

— Xin tuân lệnh.

Câu Tiễn cùng Phạm Lãi trở về thạch thất, ăn mặc tồi tàn, ngày ngày dắt ngựa đi ăn, cắt cỏ ngựa đem về chứa đầy máng. Vợ chồng Câu Tiễn cũng đi gánh nước, quét nhà, dọn chuồng phân, còn Phạm Lãi thì đi kiếm củi, nấu cơm. Ai nấy mặt mũi gầy gò.

Phù Sai cho người dọ thám, biết được tôi nước Việt làm lụng tối ngày, không hề oán giận buồn than, cho rằng đó là kẻ giá áo túi cơm, nên không ai để ý đến nữa.

Một hôm, Phù Sai đến chơi Cô Tô đài, trông thấy vợ chồng Câu Tiễn ngồi bên đống phân ngựa, Phạm Lãi cầm chổi đứng hầu một bên, mới ngoảnh lại nói với Bá Hi :

— Câu Tiễn chẳng qua là vua một nước nhỏ, còn Phạm Lãi chẳng qua là một cậu học trò, thế mà lúc hoạn nạn không quên đạo làm tôi, thật là đáng kính.

Bá Hi nói :

— Chẳng những đáng kính mà còn đáng thương nữa.

Phù Sai nói :

— Ta thấy tình cảnh ấy cũng thương tình, nếu vua tôi nước Việt đã hối lỗi, có thể tha được chăng ?

Bá Hi nói :

— Đại Vương mở lượng hải hà, dung tha kẻ khốn cùng, ban ơn cho vua nước Việt thì làm sao họ không đội ơn được.

Phù Sai nói :

— Ta truyền cho quan Thái sử chọn ngày tốt tha cho vua nước Việt về.

Thấy ý của Phù Sai muốn buông tha cho Câu Tiễn, Bá Hi cho người mật tin cho Câu Tiễn hay.

Câu Tiễn mừng thầm, bảo Phạm Lãi bói một quẻ xem hung kiết thế nào.

Phạm Lãi bói xong, nói với Câu Tiễn.

— Dầu có tin như vậy, nhưng chưa lấy gì làm mừng.

Ngũ Viên nghe Phù Sai muốn thả Câu Tiễn về nước, vội vàng vào yết kiến, nói :

— Ngày xưa vua Kiệt giam vua Thang, vua Trụ hạ ngục Văn Vương mà không giết, đến lúc đạo trời thay đổi, chuyển họa thành phúc thì vua Kiệt bị vua Thang đuổi, vua Trụ bị nhà Châu diệt. Nay Đại Vương giam Câu Tiễn mà không giết, oán thù chồng chất lâu ngày, tôi e nước Ngô sắp có tai họa như nhà Hạ, nhà Thương đó.

Phù Sai nghe lời nói của Ngũ Viên, có ý muốn giết Câu Tiễn, liền sai người triệu Câu Tiễn đến.

Bá Hi được tin lại mật báo cho Câu Tiễn biết. Câu Tiễn sợ hãi, nhưng Phạm Lãi vẫn bình tĩnh nói với Câu Tiễn :

— Chúa công đừng sợ, vua Ngô giam Chúa công đã ba năm mà không nỡ giết, nay không thể sớm chiều mà đổi ý đâu. Xin Chúa công cứ vào yết kiến.

Câu Tiễn nói :

— Lâu nay ta nhẫn nại được là nhờ lời khuyên giải của hiền khanh.

Câu Tiễn vào yết kiến Phù Sai, nhưng chầu chực mãi đã ba ngày mà không thấy Phù Sai làm triều. Bá

Hi trong cung truyền ra, bảo Câu Tiễn trở về thạch thất.

Câu Tiễn lấy làm lạ, hỏi thăm duyên cớ. Bá Hi nói :

— Đại Vương nghe lời Ngũ Viên định đem ngài giết nên sai người triệu ngài đến. Nhưng chẳng may gặp lúc Đại Vương bị cảm thương hàn, không thể lâm triều được. Tôi vào thăm bệnh thấy thế tâu với Đại Vương chỉ ngài trở về thạch thất, chờ lúc Đại Vương hết bệnh sẽ kêu.

Câu Tiễn tỏ lời biết ơn Bá Hi, trở về thạch thất, chờ đến ba tháng sau vẫn không thấy Phù Sai đòi vào hầu.

Lấy làm lạ, Câu Tiễn bảo Phạm Lãi bói thử một quẻ coi lành dữ ra sao.

Phạm Lãi bói xong, nói :

— Phù Sai bệnh chưa khỏi, xong đến ngày Kỷ Tỵ thì bớt, rồi đến ngày Nhâm Thân thì thuyên hẳn. Bây giờ Chúa công cố xin vào thăm, trong lúc đó phải nhắm mắt nếm phân của Phù Sai rồi lạy mừng mà nói kỳ bệnh khỏi. Đến kỳ bệnh khỏi thật, tất Phù Sai phải biết ơn Chúa công mà ra lệnh tha.

Câu Tiễn ứa nước mắt, khóc và nói :

— Ta dẫu chẳng ra gì cũng là vua một nước, không lẽ chịu nhục nếm phân cho người ta hay sao ?

Phạm Lãi nói :

— Ngày xưa vua Trụ giam Văn Vương nơi Dũ Lý, giết con Văn Vương là Bá Ấp Khảo rồi làm mắm đem cho Văn Vương ăn, thế mà Văn Vương vẫn chịu nhục, ăn thịt con. Ta muốn thành đại sự không nên câu chấp

điều nhỏ mọn. Vua Ngô tính nết đàn bà, không quả quyết, nay tha mai giết, nếu Chúa công không dùng kế liên tục đánh vào tình cảm thì làm sao chinh phục được kẻ thù.

Câu Tiễn gạt lệ, nhận làm theo lời, đến nói với Bá Hi :

— Tôi nghe Đại Vương bị bệnh, lòng hồi hộp không yên, xin được theo ngài vào thăm để tỏ tình thần tử.

Bá Hi nói :

— Ngài có lòng tốt, xin đợi tôi chuyển tấu đã.

Phù Sai đang lúc buồn bã, nghĩ thương tình Câu Tiễn nên cho phép vào hầu.

Câu Tiễn vào sụp lạy bên giường bệnh, gặp lúc Phù Sai muốn đi tiêu, nên ra hiệu cho Câu Tiễn ra, rồi truyền nội giám đem thùng phân đến cạnh long sàng.

Câu Tiễn nói :

— Khi tôi ở Đông Hải, có học người y sư cách nếm phân mà biết bệnh lành chóng hay chầy.

Rồi đợi cho Phù Sai đi tiêu xong, Câu Tiễn bước đến giở thùng thò tay bốc phân qui xuống nếm.

Mọi người xung quanh đều bịt mũi lại. Câu Tiễn bước đến sụp lạy tâu :

— Tù nhân xin chúc mừng Đại Vương. Bệnh Đại Vương đến ngày Kỷ Tỵ thì bớt, sang tháng ba, vào ngày Nhâm Thân thì lành hẳn.

Phù sai hỏi :

— Vì sao nhà ngươi biết được ?

Câu Tiễn đáp :

— Tôi nghe người y sư có dạy : Phân là Cốc Vị, hễ thuận thời khí thì sống, trái thời khí thì chết. Nay tù nhân nếm phân Đại Vương thấy vị đắng và chua, hợp thời khí xuân hạ phát sinh, vì thế mà biết được.

Phù Sai cảm-động nói :

— Câu Tiễn đối với ta còn nặng hơn đạo thần tử đối với quân vương. Ta chưa thấy ai chịu cực như thế bao giờ.

Rồi quay sang hỏi Bá Hi :

— Quan Thái Tể có nếm phân được chăng ?

Bá Hi nói :

— Tôi rất yêu kính Đại Vương, nhưng việc này không sao làm được.

Phù Sai nói :

— Chẳng những quan Thái Tể không làm được mà thái tử con ta cũng không thể làm được việc ấy.

Phù Sai không còn buộc Câu Tiễn ở trong thạch thất nữa, mà cho ra ngoại thành tìm chỗ ở, để chờ Phù Sai lành bệnh sẽ xuống chiếu tha cho về nước.

Quả nhiên, Phù Sai khỏi bệnh đúng với kỳ hạn Câu Tiễn đã báo trước. Trong tinh thần phấn khởi, Phù Sai cho Câu Tiễn là kẻ tận trung với mình, truyền mở tiệc đãi đằng, cho Câu Tiễn vào dự.

Câu Tiễn vẫn khiêm tốn, mặc áo vải theo lối tù nhân. Phù Sai truyền cho tắm gội rồi ban áo mão. Câu Tiễn hai ba lần tạ từ rồi mới nhận.

Phù Sai nói với các quan :

— Vua Việt là người nhân đức, ta không nên làm

nhục lâu. Ta định tha cho về nước, các khanh nên tiếp đãi tử tế.

Các quan đại phu đều nhường Câu Tiễn, và cùng mời vào tiệc.

Ngũ Viên thấy Phù Sai quên hẳn thù xưa, lòng căm tức không chịu được, bỏ ra về.

Bá Hi nói :

— Đại Vương là người nhân đức, gặp kẻ nhân đức thì đem lòng thương. Ai nhân đức thì ngồi lại, ai ít nghĩ đến điều nhân nên thẹn với lòng không muốn dự thì thôi.

Mãn tiệc, Vương Tôn Hùng đưa chúa tôi nước Việt trở về nhà quán xá.

Sáng hôm sau, Ngũ Viên vào tâu với Phù Sai :

— Hôm qua Đại Vương lấy lễ khách mà đãi kẻ thù, như vậy là ý nghĩa làm sao ?

Phù Sai nói :

— Ta bị bệnh đã ba tháng, quan tướng quốc chẳng có một lời thăm viếng. Còn Câu Tiễn bỏ nước sang đây, đem thân tôi tớ, chịu nếm phân để xét bệnh. Nếu quan tướng quốc bảo ta giết kẻ ấy thì còn gì là nhân luân. Ta không muốn nghe lời quan tướng quốc làm việc bất nhân bất nghĩa.

Ngũ Viên thở dài :

— Đại Vương xét việc như thế là lầm ! Khi con hổ mà thu mình lại là muốn chụp mồi. Bây giờ Câu Tiễn cúi xuống nếm phân Đại Vương nhưng chắc gì sau này Câu Tiễn không ngẩng lên mà ăn bộ đồ lòng của Đại Vương.

Phù Sai xua tay :

— Quan tướng quốc chớ nói nữa. Ý ta đã quyết dẫu có ngăn cản cũng vô ích.

Ba hôm sau, Phù Sai bày tiệc nơi Sa môn để đưa Câu Tiễn về nước. Trong tiệc, Phù Sai nói với Câu Tiễn:

— Ta cho hiền hầu về nước, nên nhớ ơn ta, chớ đem lòng oán giận

Câu Tiễn sụp lạy nói :

— Đại Vương không nỡ giết kẻ có tội, lại đối xử tử tế, rồi tha cho về. Tôi nguyện suốt đời chẳng dám quên ơn.

Dứt lời, Câu Tiễn sụp lạy, nước mắt chảy ròng ròng, tỏ lòng quyến luyến.

Phù Sai cầm tay, đưa Câu Tiễn lên xe, Phạm Lãi cầm cương. Câu Tiễn phu nhân cũng sụp lạy tạ ơn rồi tháp tùng về nước.

Vó ngựa dập dồn, bánh xe lăn nhanh, thẳng tiến về phía Nam.

Câu Tiễn thở phào, nói với Phạm Lãi :

— Ta tưởng không có ngày trở lại, ngờ đâu lại có ngày thấy lại quê hương.

Khi về đến kinh đô, Văn Chủng dẫn triều thần ra đón tiếp. Trông thấy Câu Tiễn mọi người đều hớn hở reo vui.

Phạm Lãi nói :

— Xin Đại Vương chớ bao giờ quên cái nhục nơi thạch thất ở nước Ngô.

Câu Tiễn nói :

— Ta xin ghi nhớ mãi lời dặn đó.

Bấy giờ Câu Tiễn giao việc quốc chánh cho Văn Chủng và giao việc quân chính cho Phạm Lãi, để lo việc quốc kế dân sinh. Trong nước trăm họ hết thảy đều an vui.

Câu Tiễn gấp muốn báo thù nước Ngô, nên chăm chỉ làm việc suốt ngày đêm. Khi nào buồn ngủ thì lấy cỏ lục đánh vào mặt. Mùa đông thường ngồi nơi tuyết băng, mùa hạ thường ngồi bên đống lửa. Lấy gai xếp lên giường chớ không nằm nệm, lại treo một cái mật nơi chỗ thường ngồi để mỗi ngày nếm một ít. Tưởng nhớ đến việc cay đắng nơi nước Ngô. Đêm nào Câu Tiễn cũng sụt sùi khóc, miệng nhắc đến hai tiếng *Cối Kê*.

Đến mùa làm ruộng, Câu Tiễn và vợ ra đồng chăm lo việc cày cấy, sống gần gũi với dân. Năm nào cũng sai sứ sang nước Ngô triều cống.

Phù Sai khen Câu Tiễn là người trung thành, sai người phong thêm đất cho nước Việt.

Ngũ Viên thấy vậy cáo bệnh bỏ không vào triều.

Phù Sai nói với Bá Hi :

— Ngày nay nước mạnh dân an, ta muốn lập ra một chỗ vui chơi, chẳng biết nên chọn nơi nào.

Bá Hi nói :

— Nơi Cô Tô thành nước ta là chỗ thắng cảnh, nhưng các đời vua trước chưa sửa sang để thành một nơi du lãm. Nay Đại Vương nên sửa lại, bề cao phải một trăm trượng, bề rộng phải chứa được một ngàn người, rồi họp các cung phi mỹ nữ múa hát, tôi tưởng không còn gì vui hơn.

Phù Sai khen phải, liền ra lệnh chọn các thứ gỗ lớn để xây đài Cô Tô.

Tin ấy đồn đến nước Việt, Văn Chủng hay được, vào nói với Câu Tiễn :

— Tôi nghe nói con chim bay cao thường chết vì miếng ăn ngon, con cá lặn dưới vực sâu thường chết vì miếng mồi thơm. Nay Đại Vương muốn báo thù nước Ngô sao không lựa cây gỗ tốt quý giúp cho vua nước Ngô lập Cô Tô đài.

Câu Tiễn hiểu ý, truyền vào rừng sâu lựa được hai cây gỗ lớn, một cây là Tử, một cây là Nam, cho thợ khéo chạm trổ tinh vi rồi sai sứ thần đem dâng cho nước Ngô.

Phù Sai thấy gỗ quí mừng lắm, khen Câu Tiễn là người chí tình.

Ngũ Viên nói :

— Ngày xưa vua Kiệt làm Linh đài, vua Trụ làm Lộc đài vét hết của kho, dân chúng than oán. Nay Câu Tiễn muốn hại ta nên đem cây đến dâng, khuyến khích nước ta đi vào thời Kiệt, Trụ.

Phù Sai nói :

— Câu Tiễn được gỗ quí không để dùng mà lại đem dâng cho ta, như thế lòng của Câu Tiễn đáng quí, sao lại từ chối.

Liền truyền đem hai cây gỗ ấy sửa đài Cô Tô.

Cô Tô đài phải làm trong năm năm trời mới xong. Dân chúng ngày đêm phục dịch, khổ sở không cùng.

Câu Tiễn nghe Cô Tô đài đã làm xong, liền hỏi Văn Chủng :

— Trước kia ta đem gỗ tốt dâng cho nước Ngô lập đài Cô Tô, tốn công tốn của rất nhiều, dân nước Ngô.

khổ sở than oán, kế ấy đã thành công, nay Cô Tô đài đã làm xong, ta có kế sách nào nữa ?

Văn Chủng nói :

—Nước Ngô lập đài Cô Tô là để vui chơi với mỹ nữ, ca nhi. Ta nên chọn gái đẹp giỏi ca vũ đem dâng cho Phù Sai, đó là kế hay.

Câu Tiễn nói :

— Nước Việt ta tìm đâu ra mỹ nhân.

Văn Chủng tâu :

— Mỹ nhân không thiếu gì trong dân gian, xin Đại Vương phái một trăm nội thị đi khắp nơi trong nước lựa chọn.

Câu Tiễn nghe theo, sai bọn nội thị đi tìm giai nhân, mỹ nữ.

Chẳng bao lâu, trong số gái đẹp của nước Việt tuyển lựa được hai giai nhân tuyệt sắc, khuynh thành. Đó là nàng Trịnh Đán và Tây Thi. Câu Tiễn mừng rỡ, giao cho Phạm Lãi dạy cách ca múa, dạy cách làm mê hoặc quân vương, dạy lòng mến nước thương dân.

Ngoài ra, Phạm Lãi còn tập luyện đoàn nữ nhạc rất tinh xảo về nghệ thuật để theo hầu, giúp cho hai nàng Trịnh Đán và Tây Thi nữa.

Phạm Lãi vâng lệnh Câu Tiễn đem hai nàng mỹ nhân và đoàn nữ nhạc sang Ngô.

Phù Sai truyền dẫn Tây Thi và Trịnh Đán vào. Vừa trông thấy hai nàng, Phù Sai như hồn phiêu phách lạc, nhìn không nháy mắt.

Ngũ Viên thấy vậy can :

— Nhà Hạ mất nước vì nàng Hi Muội, nhà Ân mất nước vì nàng Đát Kỷ, nhà Châu mất nước vì nàng Bao

Tự, xem thế thì mỹ nữ là vật làm cho nước mất, xin Đại Vương chớ qui nó.

Phù Sai nói :

— Người ta ai cũng có lòng hiếu sắc. Câu Tiễn tìm được gái đẹp mà chịu đem dâng cho ta, tấm lòng trung thành ấy không lấy gì ví nổi. Quan tướng quốc chớ nghi ngờ.

Phù Sai nhận lấy mỹ nữ và đoàn nhạc. Trong hai nàng mỹ nữ thì Tây Thi được Phù Sai yêu mến chiều chuộng hơn, cho ở tại Cô Tô đài. Còn nàng Trịnh Đán tuy sắc đẹp không kém Tây Thi, nhưng thiếu duyên dáng nên Phù Sai cho ở nơi Ngô Cung.

Qua một thời gian, Câu Tiễn được tin Phù Sai say đắm Tây Thi, mải lo việc ăn chơi trụy lạc, bỏ bê việc nước, liền triệu Văn Chủng đến để mưu tính việc xuất quân đánh nước Ngô báo thù.

Văn Chủng tâu :

— Tuy vua nước Ngô ăn chơi, bỏ bê việc nước, nhưng ta chưa nên động binh.

Câu Tiễn hỏi :

— Phải chờ đến lúc nào nữa ?

Văn Chủng nói :

— Muốn thu phục thiên hạ, trước phải lấy dân làm gốc. Nay nước Việt mùa màng không sung túc, Đại Vương nên vay thóc nước Ngô đem về cấp cho dân. Thóc nước Ngô nuôi dân nước Việt là cái kế làm cho hưng Việt đó.

Câu Tiễn theo lời sai Văn Chủng đem lễ vật sang nước Ngô vay thóc.

Bá Hi đưa Văn Chủng vào yết kiến Phù Sai.

Văn Chủng quì tâu :

— Nước Việt tôi năm nay mất mùa, dân Việt đói khổ, xin Đại Vương phát cho nước Việt một vạn hộc thóc ở kho Thái Lương để cứu nước Việt khỏi đói. Sang đến mùa lúa chín, nước tôi xin đem nộp.

Phù Sai nói :

— Vua nước Việt thần phục nước Ngô ta, thì dân nước Việt đói cũng như dân nước Ngô đói, ta há không giúp đỡ sao ?

Ngũ Viên nghe Phù Sai nói vội can :

— Không nên ! Đại Vương giúp lương cho kẻ thù chẳng khác nào tìm đường tự vận. Nước Việt vay thóc nước Ngô không phải vì dân Việt đói mà để cho dân nước Ngô đói đó.

Phù Sai nói :

— Khi Câu Tiễn bị giam ở nước ta, phải dắt ngựa cho ta du ngoạn, các chư hầu ai cũng biết việc đó. Nay ta tha cho về, vua nước Việt cảm cái ơn ấy mà tùng phục, có đâu tạo phản được. Vả chăng, nước Việt mấy năm liền đem vàng bạc, châu báu đến nước ta triều cống, xá gì mấy vạn hộc thóc mà ta cho là quí sao ? Nói rồi liền ra lệnh lấy thóc cho nước Việt vay và nói với Văn Chủng :

— Ta không nghe lời triều thần, cho nước Việt vay thóc, vậy đúng mùa lúa chín phải mang trả, chớ có thất tín.

Văn Chủng lãnh mười vạn hộc thóc của nước Ngô đem về phát cho dân nghèo. Dân nước Việt tạ ơn Câu Tiễn không ngớt.

Năm sau, nước Việt được mùa, Câu Tiễn hỏi Văn Chủng :

— Nếu ta không trả thóc cho nước Ngô là thất tín, mà trả thóc thì làm lợi cho nước Ngô, nên tính lẽ nào?

Văn Chủng nói :

— Chủ trương của ta là đối với nước Ngô bên ngoài thì phải giữ đức tín, để tìm cách làm lũng đoạn bên trong, làm cho nước Ngô rối loạn về chính trị và kinh tế. Vì vậy, ta nên chọn thứ thóc thật tốt đem luộc chín, rồi trả cho nước Ngô. Dân nước Ngô thấy thóc tốt thế nào cũng cất làm thóc giống. Như thế mùa sau nước Ngô sẽ đói.

Câu Tiễn làm theo kế ấy, đem thóc luộc chín phơi khô trả cho Phù Sai.

Phù Sai khen nức nở :

— Câu Tiễn thật là người thành tín.

Truyền đem thóc tốt phân phát cho dân. Dân Ngô thấy thóc tốt để dành làm giống cho mùa sau.

Năm ấy, khắp nước Ngô đều gieo giống lúa luộc chín của nước Việt, nên đồng ruộng hoang vu, không một cây lúa nào mọc lên cả.

Cả nước Ngô bị đói, Phù Sai không hiểu được mưu kế của nước Việt, cho là giống lúa nước Việt không hợp với thủy thổ nước Ngô.

Câu Tiễn nghe nước Ngô bị đói, toan đem quân đánh báo thù, Văn Chủng can :

— Chưa nên vội, vì nước Ngô còn có Ngũ Tử Tư là bậc đại hiền.

Câu Tiễn nói :

— Bấy lâu nay Ngũ Viên không tính toán được việc gì ích lợi cho nước Ngô, nay nước Ngô kinh tế, chính trị đã khủng hoảng, sao ta lại sợ Ngũ Viên.

Phạm Lãi xen vào nói :

— Ngũ Viên không làm được việc gì vì Phù Sai nghe lời Bá Hì. Nếu một mai có chiến tranh, Ngũ Viên ắt trở thành một mưu thần lợi hại của nước Ngô. Để chờ đợi sự biến động về chính trị, ta nên tập luyện binh mã đã.

Câu Tiễn nghe lời, giao cho Phạm Lãi mở các lớp huấn luyện quân binh.

Ngũ Viên nghe được, vào bàn với Ngô Phù Sai :

— Lâu nay Đại Vương một lòng tin yêu nước Việt, nay Phạm Lãi ngày đêm tập luyện kiếm cung, chiêu binh mãi mã, tích thảo dồn lương, tôi e cái họa Việt—Ngô đến không lâu.

Phù Sai nghe nói kinh hoàng, đòi Bá Hì vào hỏi :

— Nước Việt đã đầu phục ta, sao còn luyện tập binh mã.

Bá Hì nói :

— Nước Việt được Đại Vương cắt đất phân cho, bờ cõi nới rộng, nếu không lo việc binh bị làm sao giữ nổi. Việc tập luyện binh bị chỉ là việc làm thông thường của một nước, có gì quan trọng đâu.

Phù Sai nghe Bá Hì nói, an lòng, không để ý đến nữa.

Ngũ Viên nổi giận, nói :

— Xã tắc nước Ngô đã đến lúc tan tành. Tiếc cho các tiên vương thuở xưa đã dầy công xây dựng, nay chỉ vì lũ nghịch thần mà phải mất nước. Ta không giúp

được gì nước Ngô, để cho nước Ngô bị mất là bất tài, chẳng khác nào Long Bàng gặp vua Kiệt, Tỷ Can gặp vua Trụ. Chữ trung, chữ tín đối với bọn hôn quân thì còn giá trị gì.

Nói xong, Ngũ Viên chạy ra trước sân, lấy kiếm đâm vào cổ tự vận.

Lúc này Câu Tiễn cho người dò xét nước Ngô, thấy Phù Sai vẫn đắm say tửu sắc, trong nước mất mùa, nhân dân đói khát, liền bàn với Phạm Lãi cử binh diệt nước Ngô để báo thù.

Quân Việt vừa kéo ra khỏi thành, Câu Tiễn ngồi trên xe, trông thấy một con ếnh ương đang phình bụng có vẻ tức giận, Câu Tiễn cúi đầu cung kính.

Các tướng thấy vậy hỏi :

— Đại Vương trông thấy gì mà tỏ ra kính trọng.

Câu Tiễn nói :

— Ta vừa thấy một con ếnh ương tức giận nên nghĩ đến quân sĩ trong lúc lâm trận mà kính trọng.

Quân sĩ nghe nói đều bảo nhau :

— Con ếnh ương tức giận mà Đại Vương còn đem lòng kính trọng như vậy huống hồ quân sĩ. Chúng ta cố sức đánh giặc để được lòng kính trọng của Đại Vương.

Ba quân hăng hái một lòng quyết tử. Chỉ giao chiến ba trận, quân Ngô rối loạn và tan rã. Hai viên đại tướng của nước Ngô bỏ mình. Phù Sai kéo tàn quân chạy vào kinh thành cố thủ.

Câu Tiễn đuổi theo, vây thành, tuyên bố diệt quân Ngô không để một tên sống sót. Quân Ngô xôn xao, mất tinh thần. Phù Sai thấy tình thế không giữ thành

được lâu, sai Vương Tôn Lạc trần áo, quì xuống đất, tiến sang cầu cứu Câu Tiễn.

— Ngô thần là Phù Sai ngày trước đắc tội với Đại Vương nơi Cối Kê. Nay Đại Vương kéo binh sang đánh Ngô thần để trừng phạt, vậy xin Đại Vương nghĩ đến thâm tình mà dung mạng sống cho Phù Sai.

Câu Tiễn nghe nói còn chưa quyết định. Phạm Lãi nói :

— Bao nhiêu năm Đại Vương *nằm gai nếm mật* lo việc báo thù, nay sắp thành công, Đại Vương lại vì tình cảm nhỏ nhen quên việc đại sự quốc gia hay sao.

Câu Tiễn như thức tỉnh, không cho cầu hòa, đốc quân phá thành Ngô.

Bá Hi ở trong thành thấy thế nguy, vội mở cửa thành đầu hàng.

Quân Việt kéo tràn vào thành. Phù Sai thất kinh cùng với Vương Tôn Lạc và ba người con chạy sang Dương Sơn lánh nạn, đi suốt ngày đêm, bụng đói mắt mờ.

Phù Sai thở dài :

— Ta đã lầm rồi ! Nếu biết nghe lời Ngũ Viên thì đâu có ngày hôm nay.

Vương Tôn Lạc nói :

— Tôi xin vì Đại Vương sang cầu xin vua Việt một lần nữa xem sao.

Phù Sai nói :

— Ta cũng không muốn về nước nữa. Nếu vua Việt thuận cho ta làm phù dung đời đời tùng phục ta cũng bằng lòng.

Vương Tôn Lạc vào dinh yết kiến vua Việt, Văn Chủng và Phạm Lãi không tiếp. Câu Tiễn thấy sứ nước

Ngô cầu khẩn không được, lau nước mắt trở về, sai người đến bảo Phù Sai :

— Ta nghĩ cái tình nhà ngươi ngày trước nên cấp cho năm trăm nóc nhà nơi Dũng Đông để trọn đời sinh sống.

Phù Sai sụt sùi đáp :

— Nước Việt không thương tình phá xã tắc nước Ngô, bảo tôi phải bỏ tôn miếu, nhận năm trăm nóc nhà để nuôi sống, thế thì nhục nhã quá, tôi không thể vâng mệnh được.

Câu Tiễn nghe nói, chống gươm đứng trước quân, sai người nói với Phù Sai :

— Ở đời không có một ông vua nào vạn tuế. Nay ngươi đã già, còn tiếc gì mạng sống, không tự hủy mình còn danh dự hơn đợi người ta đưa gươm vào cổ.

Phù Sai ngửa mặt lên trời, rút gươm tự vận.

Câu Tiễn truyền đem thi thể Phù Sai chôn ở Dương Sơn còn ba người con thì đày ra Long Vi Sơn.

Khi Câu Tiễn kéo quân vào thành Ngô, các quan văn võ đến lạy mừng. Bá Hi cũng có mặt trong số đó.

Câu Tiễn nói với Bá Hi :

— Nhà ngươi là quan Thái Tể của nước Ngô, sao không theo vua nước Ngô tới Dương Sơn, còn ở lại đây ?

Bá Hi hổ thẹn lui ra. Câu Tiễn sai võ sĩ bắt giết cả vợ con giòng họ, không để một người sống sót.

Quan quân nước Việt mở tiệc ăn mừng tại kinh thành nước Ngô.

Ngày hôm sau, Phạm Lãi vào từ giã Câu Tiễn nói :

— Tôi nghe nói hễ vua nhục thì tôi phải chết. Ngày trước Đại Vương bị nhục ở Cối Kê mà tôi không chết là ẩn nhẫn để báo thù nước Ngô. Nay nước Ngô đã bị diệt rồi, xin Đại Vương gia ân cho thân già này được an nghỉ.

Câu Tiễn thở dài nói :

— Ta nhờ ngươi mới gây dựng được cơ nghiệp thế này, ta đang nghĩ cách đền ơn, cớ sao nhà ngươi lại bỏ ra đi ? Nhà ngươi ở lại thì ta giao hết quyền hành cho, còn nếu bỏ đi, vợ con ngươi ta sẽ giết hết.

Phạm Lãi nói :

— Giết tôi còn có ích chứ giết vợ con tôi có ích gì ?

Đêm hôm sau, Phạm Lãi đi một chiếc thuyền nhỏ qua Tam Giang vào Ngũ Hồ.

Câu Tiễn hay được, sai Văn Chủng đuổi theo bắt lại. Nhưng lúc Văn Chủng đi đến nửa đường bỗng lượm được một bức thơ của Phạm Lãi, nét mực vừa ráo :

— *Vua nước Việt môi dài, mỏ quạ, đó là người chịu nhẫn nhục mà ghét kẻ có công. Cùng ở lúc hoạn nạn thì được, chứ chung hưởng lúc phú quí, cao sang thì không toàn. Nay Ngài không tính trước tất mang họa.*

Văn Chủng buồn rầu trở về dinh. Hôm sau Câu Tiễn rút quân về nước, đem theo cả nàng Tây Thi.

Câu Tiễn phu nhân mật sai người bắt Tây Thi đem ra bờ sông buộc vào một viên đá lớn ném xuống giữa dòng, và nói :

— Nó là vật vong quốc, còn để làm gì ?

Bấy giờ Văn Chủng có công to mà Câu Tiễn không ban thưởng xứng đáng, nên buồn rầu không muốn vào chầu.

Câu Tiễn vốn biết tài của Văn chủng, tự nghĩ : « Nay nước Ngô đã diệt xong, còn dùng người tài làm gì nữa. Nếu một mai nó làm phản thì lấy ai trị nó ? ».

Từ ấy Câu Tiễn tính cách hại Văn Chủng nhưng chưa tìm ra duyên cớ...

12. TRAO TƠ GIEO CẦU

Trao tơ, gieo cầu có ý nói về việc kén chọn kết duyên, hứa hôn giữa trai gái.

Trao tơ tức là trao sợi tơ đỏ (hồng ti) cho người đính ước. Hồng ti dịch là tơ hồng.

Trong Cung Oán Ngâm Khúc, tác giả Ôn Như Hầu có câu :

Dang tay muốn dứt tơ hồng
Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra.

và trong truyện Kiều có câu :

Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
Trăng thề còn đó trơ trơ
Dám xa xôi mặt mà thừa thớt lòng.
Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy
Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.

Trao tơ là do tích Trương Gia Trinh đời Đường, kén rể và gả con.

Trương Gia Trinh có năm người con gái rất đẹp, tuổi tác xấp xỉ nhau, mỗi người một vẻ nhưng đều sắc nước hương trời.

Vương tôn công tử xa gần thảy đều dòm ngó, nhưng không chàng trai nào phân biệt được vẻ đẹp riêng biệt của một nàng nào.

Cùng sống trong một gia đình nên lối ăn mặc, lối giao du của năm cô gái đều cùng một vẻ.

Bấy giờ có một chàng nho sĩ tài danh thường lui tới gia trang làm quen với Trương Gia Trinh. Chàng tên Quách Nguyên Chấn, một công tử phong lưu, tuấn tú. Chàng muốn xin làm rể nhà họ Trương, nhưng không làm sao phân biệt để chọn một cô gái trong số năm người này.

Về phần Trương Gia Trinh cũng muốn kén chàng Quách Nguyên Chấn làm rể, nhưng hỏi chàng yêu cô nào thì chàng ấp úng không trả lời được.

Trương Gia Trinh biết Quách Nguyên Chấn có thể lấy cô nào làm vợ cũng được, nên nghĩ ra một kế, cho năm người con gái của ông ngồi sau một bức mành, mỗi người cầm một sợi tơ màu khác nhau.

Những sợi tơ ấy treo lủng lẳng ngoài cửa, không ai nhận thấy bóng hình cô gái nào cầm sợi tơ nào.

Quách Nguyên Chấn từ ngoài vào, rút được sợi tơ của cô gái nào cầm, thì chàng sẽ xe duyên với người ấy.

Quách Nguyên Chấn rút sợi tơ hồng, nhằm người con gái thứ ba, người con gái có nhiều đức hạnh quí. Thế là chàng được trao tơ tức là đã lựa được vợ.

Còn tích *gieo cầu* là ném quả cầu để kén chồng.

Ngày xưa, vua Hán Võ Đế có một nàng công chúa tuyệt sắc, đã đến tuổi kết duyên, nhưng chưa quyết định được ai là phò mã.

Trong triều, vương tôn công tử, con các vị đại thần cũng nhiều trang lương đống, ngoài dân gian cũng không thiếu gì bậc danh nhân, tài tử. Nghe nói đến sắc đẹp và tài năng của công chúa, chàng trai nào không muốn cầu thân.

Vua Hán Võ Đế không biết chọn ai, bèn truyền tất cả các vương tôn công tử và những bậc tài hoa trong nước đến hoàng cung, rồi lập một cái lầu cao cho công chúa ngồi trên đó, cầm một quả thanh cầu bằng vải, từ trên ném xuống.

Trong số vương tôn công tử và các chàng trai tài hoa trong nước được mời đến dự, nếu ai bắt được quả cầu của công chúa thì được vua kén làm phò mã.

Trong hội tung cầu kén rể thời xưa đã xảy ra nhiều chuyện ly kỳ. Có nhiều chàng nho sinh nhà nghèo, may hứng được quả cầu cũng được duyên may sánh đôi cùng công chúa.

Sách *Tam hợp bảo kiếm* có nói đến lệ gieo cầu của các vị công chúa kén chồng từ đời vua Hán Võ Đế. Tất cả có hai mươi ba nàng công chúa kén chồng theo lệ *Gieo cầu*.

Trong truyện Kiều, lúc Vương ông bị bắt, sau nhờ nàng Kiều bán mình lấy tiền chuộc cha, được thả ra. Vương ông than :

Nuôi con vẫn ước về sau
Trao tơ phải lứa, gieo cầu phải nơi
Trời làm chi cực hỡi trời
Này ai vu thác cho người hợp tan

Sách *Thần tiên truyện* lại chép một tích gieo cầu theo ý khác :

Chàng nho sĩ Thôi Sanh đi chơi trong núi gặp một nàng tiên rất đẹp. Thôi Sanh ngỏ lời ân ái, nàng tiên thuận tình và kết duyên thành chồng vợ. Nàng tiên tên Trác Tiên Cô.

Trác Tiên Cô cho Thôi Sanh một lá bùa *ẩn thân*, hễ đeo lá bùa ấy vào người thì không ai còn thấy hình dáng Thôi Sanh đâu nữa.

Thôi Sanh lợi dụng lá bùa ẩn thân của Trác Tiên Cô làm điều xằng bậy. Cứ mỗi đêm, vào lúc chạng vạng, Thôi Sanh cặp lá bùa *ẩn thân* vào mình lẻn giữa đám quân canh, đi vào hoàng thành, rồi đi thẳng về phía tam cung lục viện để rình mò xem chuyện ân ái của bọn phi tần mỹ nữ trong cung cấm.

Những đêm đầu, Thôi Sanh chưa dám đi lại nhiều trong các phòng riêng của cung nữ, vì sợ lá bùa *ẩn thân* không linh ứng, nhưng sau đó chàng thấy không ai phát hiện được nên vững lòng tin.

Cứ mỗi tối, hàng trăm cung nữ trang điểm lộng lẫy, ngồi trong các phòng hoa, chờ đợi đức quân vương. Tuy nhiên, đức Hoàng Thượng chỉ có một mà mấy trăm gái đẹp thì làm sao thỏa niềm trăng gió. Cho nên, có nhiều cung phi buổi tối mặt tươi như hoa trong niềm hy vọng, mà về khuya mặt héo như hoa tàn. Có nhiều cung phi đã nửa đời người không thấy mặt vua, nên niềm khát vọng gió trăng không thể bền gan với tuế nguyệt.

Chính ở hoàn cảnh này, trong Cung Oán Ngâm khúc tác giả Ôn Như Hầu đã diễn tả sự giận dữ của một cung phi :

Dang tay muốn dứt tơ hồng
Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra

Hoặc :

Phải duyên hương lửa cùng nhau
Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào.

Thôi Sanh thấy rõ cảnh ấy hàng đêm, trong lúc tam cung lục viện im lìm dưới ánh huyền đăng khao khát những cuộc giao hoan trong chăn hoa nệm gấm.

Nơi nào có vua ngự đến thì đàn ca múa hát vui vầy, nơi nào thiếu bóng vua thì khói trầm quyện gió, phảng phất nỗi buồn của giai nhân trong cảnh gối chiếc chăn đơn.

Thôi Sanh nhìn những hình vóc nõn nà của cung phi lòng xuân không dằn được, chàng đã lẻn vào các cung vắng, ghẹo nguyệt trêu hoa.

Ban đầu, các nàng cung phi còn e ngại, nhưng sau đó không thấy ai phát hiện được Thôi Sanh nên vững lòng trao duyên nơi cung cấm.

Thế là, Thôi Sanh cứ hàng đêm vui với cảnh trăng hoa, hết cung này đến viện khác, hết giai nhân này đến mỹ nữ nọ, luôn luôn đổi mới mà vẫn chưa tìm ra cái cũ. Chàng khai thác nguồn vui trong ân ái tưởng không bao giờ cạn.

Tuy nhiên, việc làm bí mật của Thôi Sanh rồi cũng bị lộ Vì có một số cung phi có thai mà sổ của thái giám không ghi là đức vua đến hợp cẩn.

Thái giám báo lại việc này với nhà vua. Nhà vua tức giận, đòi các cung phi có thai đến xét hỏi mới biết

trong cung có một chàng lén lút làm chuyện gió trăng, phạm tội khi quân.

Thôi Sanh cũng nghe được việc nhà vua ra mật lệnh trong cung cấm, nhưng mùi ái ân trong vàng son đã tận hưởng, lòng còn đang thèm khát những dục vọng ngông cuồng, nên không thể nhịn được.

Chàng tiếp tục lẻn vào cung cấm. Rồi đang lúc giao hoan với cung phi, bùa *ẩn thân* đâu còn che được, nên bị họn thái giám phát hiện, họp với đoàn cận vệ binh đuổi bắt.

Thôi Sanh bỏ chạy ra ngoài thành, đoàn cận vệ binh của nhà vua rượt Thôi Sanh chạy đến một bờ sông, không còn lối thoát. Trong lúc vạn tử nhất sinh, không biết phải làm sao, Thôi Sanh gọi lớn :

— Trác Tiên Cô, cứu ta với ! Trác Tiên Cô cứu ta với !

Bấy giờ vợ của Thôi Sanh là Trác Tiên Cô đang ở trên mây, nghe tiếng kêu, trông thấy chồng sắp bị hại, thương tình rút chiếc khăn thắt lưng màu xanh ra, gieo xuống mặt sông, hóa ra một cây cầu.

Thôi Sanh vội chạy lên chiếc cầu xanh ấy qua bên kia bờ thoát nạn.

Đó là điển tích *gieo cầu* chép trong *Thần tiên truyện.*

13. GƯƠM BÁU

Trong Chinh Phụ Ngâm, bản dịch nôm của bà Đoàn Thị Điểm có câu :

Trống trường thành lung lay bóng nguyệt
Khói cam toàn mờ mịt thức mây
Chín từng gươm báu trao tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh

Theo tích xưa, luận về gươm báu thì có ba loại gươm được gọi là gươm báu.

— Thiên tử kiếm

— Tề tướng kiếm

— Nguyên nhung kiếm

Thiên tử kiếm tên *Bạch Hồng tử kiếm* của Ngô vương, thường treo trên vách. Nơi nào có *Bạch Hồng tử kiếm* thì tà ma xa lánh, quỉ mị phải ẩn mình hoặc chạy trốn.

Tề tướng kiếm có hai cây. Một cây trống, một cây mái. Cây trống gọi là *Long tuyền kiếm*, cây mái gọi là *Thái a kiếm*. Hai thanh Long tuyền kiếm và Thái a kiếm đều chiếu ánh sáng lên tận sao Ngưu, sao Đẩu.

Có lần hai cây Long tuyền kiếm và Thái a kiếm bị thất lạc vào đời Chiến quốc Xuân thu, cho tới sáu trăm

năm sau, trên nước Tấn, một vị đại thần xem thiên văn thấy trên sao Ngưu, sao Đẩu có đám mây tía chiếu sáng rực.

Vua nước Tấn đòi quan Tề tướng Thôi Hoán đến hỏi về hiện tượng này. Thôi Hoán giải thích là hiện nay trên đất Tấn có đôi Tề tướng kiếm bị vùi chôn nơi đất Phong Thành.

Vua Tấn liền ra lệnh cho Thôi Hoán đến đất Phong Thành để tìm kiếm báu. Quả nhiên lúc Thôi Hoán đào dưới nền nhà ngục thì tìm thấy một cái hộp đá, trong đó có đựng cặp kiếm là Long tuyền kiếm và Thái a kiếm.

Về nguyên nhung kiếm cũng có hai cây, cây trống là *Can Tương kiếm*, cây mái là *Mạc Du kiếm*.

Về hai cây kiếm Can Tương và Mạc Du có tích như sau :

Đời Đông Châu chiến quốc, Ngô Hạp Lư giết anh để soán ngôi. Vì muốn bảo vệ thân mình, chống lại những kẻ thù mưu ám sát, Hạp Lư cần phải có một thanh kiếm tốt, chặt sắt như chặt bùn, để đề phòng các dũng sĩ đối nghịch.

Lúc đó có một người luyện thép nổi danh tên Can Tương, đã mấy đời làm nghề chuyên nghiệp.

Hạp Lư mời đến hỏi :

— Nhà ngươi làm nghề luyện thép mấy đời, nay ta muốn nhờ nhà ngươi rèn một thanh kiếm báu có thể chém sắt như chém bùn có được không ?

Can Tương nói :

— Rèn kiếm báu phải cần đến công phu và kinh

nghiệm đã đành, nhưng còn phải có những nguyên liệu tốt.

Ngô Hạp Lư nói :

— Ta làm vua một nước, sắt thép, vàng bạc, châu báu đầy kho, lẽ nào không cung cấp đủ để cho nhà ngươi rèn một cây kiếm báu.

Can Tương lại nói :

— Mỗi loại kiếm báu có một tác dụng khác nhau, như Thiên tử kiếm là loại kiếm trấn áp tà ngụy, chú trọng về uy quyền tuyệt đối. Muốn luyện kiếm ấy, phải có một công phu đặc biệt. Còn loại Tể tướng kiếm là loại kiếm trong sáng, công minh, chú trọng về hào quang, nên công phu rèn luyện cũng khác.

Ngô Hạp Lư nói :

— Ta muốn ngươi rèn kiếm báu để tự vệ, địch lại các thứ vũ khí khác.

Can Tương nói :

— Đó là Nguyên nhung kiếm, loại kiếm của các bậc võ tướng.

Hạp Lư hỏi :

— Muốn rèn nguyên nhung kiếm phải dùng loại sắt thép gì ?

Can Tương nói :

— Phải có thép tốt, đá qui và vàng ròng.

Hạp Lư cho Can Tương được vào kho báu chọn lựa những loại sắt tốt, đá qui và vàng ròng.

Xong, Hạp Lư hỏi :

— Còn cần thứ gì để luyện thép không ?

Can Tương nói :

— Nếu chỉ có thứ thôi thì xưa nay trong thiên hạ có thiếu gì kiếm báu, vì ai cũng rèn được. Nếu Đại Vương đã quyết lòng rèn gươm báu thì xin tuyển chọn ba trăm mỹ nữ còn trinh đến chỗ lò luyện để tiện nhân đốt lò than nấu thép.

Hạp Lư kinh ngạc :

— Tại sao luyện kim lại phải dùng đến ba trăm trinh nữ.

Can Tương nói :

— Muốn cho vàng và thép chảy ra hòa lẫn với nhau không thể thiếu những bộ xương của trinh nữ được.

Hạp Lư truyền tuyển ba trăm trinh nữ giao cho Can Tương.

Can Tương chọn một khu đất tốt, án theo ngũ hành bát quái xây lò, đốt cháy đỏ rực cả ba tháng trời mà vàng và thép không chảy hòa tan được.

Can Tương không biết làm sao để đúc được kiếm báu, nên ngày đêm buồn bã.

Hạp Lư cho người sang dò xét, thấy Can Tương đã dùng rất nhiều vàng bạc, châu báu để luyện kim, nhưng chưa đạt được kết quả thì lòng không vui.

Bấy giờ Can Tương có một người vợ tên Mạc Du vốn thương chồng, thấy vậy khuyên :

— Vàng và thép không hòa tan được vì khí âm dương trong lò chưa hòa. Thiếp xin vì chàng mà cho vàng chảy, gươm hóa.

Nói xong, Mạc Du tắm rửa sạch sẽ, lấy dao cắt hết tóc, lấy kim nhổ hết răng, sai người đốt lò cho đỏ thêm.

Trong lúc lửa hồng đang reo, nàng Mạc Du gieo mình vào lò, thịt xương đỏ rực. Bấy giờ vàng và thép mới chảy ra, hòa tan với nhau.

Can Tương lấy kim khí trong lò rèn được hai lưỡi gươm thật tốt, chém sắt như chém bùn, chém người không dính máu, sợi tóc gió thổi qua đứt làm hai đoạn.

Hai lưỡi gươm thọ âm dương khí, nên một lưỡi thuộc về âm (gươm mái) Can Tương đặt tên là Mạc Du, còn lưỡi thuộc về dương (gươm trống) Can Tương đặt tên là Can Tương.

Can Tương đem gươm Mạc Du dâng cho Hạp Lư, còn gươm Can Tương để lại dùng.

Nào ngờ, trong những ngày rèn gươm đúc kiếm Hạp Lư cho người dọ thám, biết Can Tương rèn được hai lưỡi kiếm báu, nhưng chỉ trao cho mình một lưỡi, còn một lưỡi cất dấu, nên truyền bọn cận vệ bắt Can Tương để trước đoạt thanh kiếm. Can Tương hay được, một mình mang theo kiếm báu bỏ đi mất. Từ đó không ai còn biết Can Tương và thanh kiếm báu đâu nữa.

Điển tích *gươm báu* chép lại từ xưa đều có những chuyện lý kỳ như trên.

Sa-Đéc, March 10, 2015

14. NGÔ KHỞI VÀ MÃI THÀN

Điển tích *Ngô Khởi và Mãi Thần* trong truyện Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu có nhắc đến trong lúc Lục Vân Tiên đi thi, vâng lệnh cha mẹ, ghé lại nhà Võ Công để trình thơ.

Nàng Võ Thế Loan là con gái Võ Công hứa gả cho Vân Tiên, nên Vân Tiên lúc từ giã đến kinh thành ứng thi, nàng Thế Loan sợ Vân Tiên sau này đỗ đạt giàu sang phụ rẫy người vợ do hai bên cha mẹ hứa hôn.

Trời vừa mờ sáng, Thế Loan đứng trước sân, tiễn Vân Tiên và dặn :

Xin đừng tham đó bỏ đăng
Thấy lê quên lựu, có trăng quên đèn.

Vân Tiên đáp lại :

Tiên rằng : như lửa mới nhen
Dễ đâu một bếp mà chen mấy lò
Lòng người như bể khôn dò
Chớ ngờ Ngô Khởi mà lo Mãi Thần

Trong đoạn thơ này tác giả đã dùng điển tích *Ngô Khởi Mãi Thần* để nói lên sự phụ bạc của vợ chồng trong nghèo khổ và lúc cao sang danh vọng.

Trong truyện *Xuân Thu Chiến Quốc* có chép điển tích *Ngô Khởi sát thê cầu tướng* như sau:

Ngô Khởi là người nước Vệ, lúc nhỏ tánh ham chơi, du đãng nên bị bà mẹ trách mắng mãi.

Một hôm, Ngô Khởi cắn cánh tay chảy máu, rồi thề với người mẹ:

— Từ nay con xin từ giã mẹ đi học phương xa, nếu không làm đến bậc khanh tướng, lên xe xuống ngựa thì quyết không trở về nước Vệ để trông thấy mặt mẹ nữa.

Người mẹ nghe con nói, khóc nức nở. Ngô Khởi vẫn cất bước ra đi.

Lang thang mấy tháng, Ngô Khởi tìm đến nước Lỗ, xin vào học thầy Tăng Sâm là môn đệ của đức Khổng Tử.

Ngô Khởi ngày đêm chăm chỉ, không quản khó nhọc. Quan đại phu nước Tề là Điền Cư đến nước Lỗ, nghe nói Ngô Khởi là người chăm học, nên tìm đến dọ hỏi đôi lời. Ngô Khởi ứng đáp thông suốt như nước chảy, Điền Cư khen nức nở, sau đó gả con gái mình cho Ngô Khởi.

Được mấy năm, Tăng Sâm biết được Ngô Khởi còn mẹ già, không ai nuôi dưỡng, mới hỏi Ngô Khởi:

— Con đi học lâu ngày, không về thăm mẹ sao đành lòng.

Ngô Khởi đáp:

— Con đã thề, nếu không làm nên khanh tướng quyết không trở về gặp mặt mẹ già.

Tăng Sâm nói:

— Đối với người khác thì nên thế, còn đối với cha mẹ sao lại thề như vậy?

Từ đó, Tăng Sâm có ý ghét Ngô Khởi.

Chưa bao lâu, có tin người mẹ Ngô Khởi chết, Ngô Khởi ngửa mặt lên trời kêu ba tiếng rồi lau nước mắt đọc sách như thường.

Tăng Sâm nổi giận nói:

— Ngô Khởi nghe mẹ chết không về để tang mẹ, thì là kẻ mất gốc. Nước không nguồn phải kiệt, cây mất gốc phải chết, người quên ơn tổ tiên, cha mẹ chẳng bao giờ nên được. Ngô Khởi chẳng phải là học trò của ta nữa.

Nói xong, sai môn đồ đuổi Ngô Khởi đi. Ngô Khởi bỏ đạo Nho, sang học tập binh pháp trong ba năm. Thấy đã đạt được sự hiểu biết khá vững, Ngô Khởi xin làm quan nước Lỗ. Quan tướng quốc nước Lỗ là Công Nghi Hưu thường bàn việc với Ngô Khởi, thấy Ngô Khởi là kẻ có tài, bèn tâu với vua Lỗ, cho Ngô Khởi làm quan đại phu.

Bấy giờ quan tướng quốc nước Tề là Điền Hòa muốn cướp ngôi nước Tề, nhưng sợ nước Lỗ xưa nay thông giao với Tề, tất đem binh vấn tội nên tìm cách sang đánh nước Lỗ, để nước Lỗ sợ uy.

Công Nghi Hưu bàn với Lỗ Mục Công:

— Muốn lui binh Tề phải dùng Ngô Khởi mới được.

Lỗ Mục Công nói:

— Ta cũng biết Ngô Khởi là kẻ có tài, song Ngô Khởi kết duyên cùng con gái họ Điền nước Tề, chỗ tình vợ chồng sao khỏi thiên vị.

Công Nghi Hưu cho là phải, cáo từ trở về trường phủ để chọn người khác cầm binh, nhưng vừa ra khỏi sân triều lại gặp Ngô Khởi đi đến. Ngô Khởi hỏi Công Nghi Hưu :

— Quân Tề kéo đến rất đông, chẳng hay chúa công đã định sai ai đi dẹp giặc chưa ? Tôi tuy bất tài, song nếu được làm tướng quyết không để tên quân Tề nào chạy thoát.

Công Nghi Hưu nói :

— Tôi vốn biết tài của tướng quân nên tôi đã đôi ba phen tiến cử, nhưng Chúa công thấy tướng quân kết duyên với họ Điền nước Tề, vì vậy mà nghi ngờ chưa quyết.

Ngô Khởi nói :

— Muốn làm Chúa công khỏi nghi ngờ, tôi nghĩ cũng không khó gì.

Ngô Khởi liền trở về dinh; hỏi vợ là Điền Thị :

— Tại sao người ta qui vợ ?

Điền Thị nói :

— Vì người vợ là nội tướng, biết trông nom cửa nhà, biết xây dựng gia đình hạnh phúc, biết giúp chồng làm nên sự nghiệp.

Ngô Khởi hỏi :

— Có phải người vợ luôn luôn mong muốn người chồng làm nên sự nghiệp và danh vọng lớn không ?

Điền thị đáp :

— Phải !

Ngô Khởi nói :

— Thế thì ta yêu cầu nàng giúp cho ta một việc để ta làm nên danh vọng.

Điền Thị nói :

— Tôi là đàn bà, làm sao có thể giúp được việc khó khăn như vậy.

Ngô Khởi nói :

— Nay quân Tề đánh nước Lỗ, vua nước Lỗ muốn ta làm đại tướng nhưng nghi ngờ ta có vợ họ Điền, không dùng. Nếu ta có cái đầu nàng đem dâng cho vua Lỗ thì chắc vua Lỗ không còn nghi ngờ gì nữa.

Điền Thị kinh sợ, chưa kịp mở miệng phân trần thì Ngô Khởi đã rút gươm chém một nhát, đầu Điền Thị rơi xuống đất.

Ngô Khởi lấy lụa bọc lại, xách đầu Điền Thị vào triều tâu với vua Lỗ :

— Tôi một lòng tận trung báo quốc, chỉ vì vợ tôi mà Chúa công nghi ngại không dùng, nay tôi chém đầu vợ tôi, để Chúa công không còn nghi ngờ gì nữa.

Lỗ Mục Công không vui, nói :

— Như thế là tướng quân lầm rồi !

Một lúc sau, Công Nghi Hưu vào yết kiến, Lỗ Mục Công nói :

— Ngô Khởi giết vợ để xin được làm tướng. Người như vậy thật là tàn nhẫn, lương tâm khó lường được.

Công Nghi Hưu nói :

— Ngô Khởi không qui vợ, mà ham công danh nếu Chúa công không dùng tất Ngô Khởi sang nước cầu phú qui.

Lỗ Mục Công suy tính một lúc rồi quyết định cho Ngô Khởi làm đại tướng, Tiết Liêu và Thiên Trường làm phó tướng đem hai vạn quân chống đánh quân Tề.

Những tướng theo Ngô Khởi đều là những người tham danh vọng, lúc được làm tướng tỏ ra hống hách kiêu căng, nhưng Ngô Khởi thì trái lại, lúc nào cũng tỏ vẻ khiêm tốn, cơm ăn áo mặc không khác gì quân sĩ, nằm không trải nệm, đi không ngồi xe, thấy quân sĩ làm công việc nặng nề chạy đến giúp, trong quân có ai đau ốm Ngô Khởi thân hành đến chăm sóc, quân sĩ cảm cái ơn ấy nên dốc lòng đánh giặc.

Bấy giờ, quân Tề đã kéo quân đến đóng ở nơi Nam Bi (đất Lỗ) khi nghe tin Ngô Khởi cầm binh. Điền Hòa cười lớn, nói với hai thượng tướng là Điền Kỵ và Đoàn Bằng :

— Người ấy là rể họ Điền, chỉ biết háo sắc chứ không biết gì đến việc quân cơ. Nước Lỗ đến hồi suy vong nên mới dùng người ấy làm tướng.

Dứt lời, Điền Hòa sai Trương Sửu là phó tướng giả vờ đến giảng hòa với Ngô Khởi để dọ thám địch tình.

Ngô Khởi liền đem các đoàn quân lão nhược ra ngoài, còn các quân tinh nhuệ thì dấu sau chân núi, rồi làm ra vẻ sợ sệt trong lúc đón Trương Sửu.

Trương Sửu nói :

— Tôi nghe nói tướng quân giết vợ để được làm tướng có thật hay không.

Ngô Khởi đáp :

— Tôi dẫu hèn mạt, nhưng chưa có bước vào cửa thánh, dám đâu làm chuyện vong tình. Vợ tôi làm bệnh

mà chết trong lúc tôi được tấn phong nên người ta dị nghị.

Trương Sửu nói :

— Nếu ngài còn vì họ Điền thì cũng xin chúng tôi giảng hòa được chăng ?

Ngô Khởi nói :

— Tôi là một thư sinh, tài năng thô thiển, dám đâu chống lại với họ Điền. Nếu tướng quân cho tôi giải hòa thì thật là may mắn.

Đêm ấy, Ngô Khởi lưu Trương Sửu lại trong dinh, thết tiệc đãi đằng, không nói đến chuyện quân cơ nữa.

Tiệc xong, Trương Sửu ra về, Ngô Khởi lập tức chia quân ra làm ba đạo kéo đến đánh bất ngờ.

Quân Tề không kịp chuẩn bị, hàng ngũ rối loạn, bị quân Lỗ đuổi đánh tơi bời.

Điền Hòa kiểm điểm tàn quân, lòng đau như cắt, trách Trương Sửu :

— Nhà ngươi mang trách nhiệm dọ thám mà không làm xong nên mới thất bại như vậy.

Trương Sửu nói :

— Tôi những tưởng Ngô Khởi là kẻ bất tài, ngờ đâu nó dùng binh chẳng khác nào Tôn Vũ ngày xưa. Nếu nước Lỗ dùng Ngô Khởi làm tướng thì nước Tề khó yên được.

Điền Hòa nói :

— Ta muốn sai ngươi sang nước Lỗ một lần nữa tìm đến Ngô Khởi bàn chuyện hai nước giải hòa.

Trương Sửu nói :

— Nếu thế thì sang bàn thẳng với vua nước Lỗ, cần gì phải tư thông với Ngô Khởi.

Điền Hòa nói :

— Ta muốn làm kế cho vua Lỗ nghi Ngô Khởi không dùng hắn nữa.

Trương Sửu hiểu ý liền chọn hai người mỹ nữ tuyệt đẹp cùng với lụa là châu báu đem qua nước Lỗ yết kiến Ngô Khởi.

Ngô Khởi vốn là kẻ háo sắc, thấy gái thì nhận lời, nói với Trương Sửu :

— Nếu Tề không xâm phạm Lỗ, thì Lỗ chẳng bao giờ xâm lấn Tề.

Trương Sửu trở về báo lại cho Điền Hòa và thuật lại lời nói của Ngô Khởi. Điền Hòa đem tung tin ra khắp nước Lỗ. Vua Lỗ nghe được tức giận toan bắt Ngô Khởi trị tội tư thông với giặc.

Ngô Khởi hay tin bỏ trốn sang nước Ngụy được Địch Hoàng tiến cử làm quan trấn thủ đất Tây Hà. Nhưng chẳng bao lâu, vì tánh hay cậy công, mà không được trọng dụng nên oán trách vua nước Ngụy.

Vua nước Ngụy sợ Ngô Khởi làm phản, toan giết thì Ngô Khởi bỏ trốn sang nước Sở.

Kết cuộc, Ngô Khởi bị triều thần nước Sở giết vì đã bắt vua nước Sở truất bỏ một số chức tước trong triều.

Trên đây là điển tích *Ngô Khởi sát thê cầu tướng.*

Còn đây là điển tích *Mãi Thần* bị vợ bỏ trong lúc nghèo nàn, chưa làm nên chức phận.

Mãi Thần họ Chu, tên Mãi Thần, tự là Ông Tử, người quận Cối Kê, nhà nghèo, đốn củi sanh nhai, nhưng lại có chí, hàm việc sách đèn, lúc nào cũng hy vọng tiến thân.

Hai vợ chồng sống trong túp lều tranh, nơi ngõ hẻm, cuộc sống quạnh hiu.

Mãi Thần thường đốn củi trên núi gánh xuống chợ bán. Vai gánh củi mà tay cầm sách đọc.

Người ta đi chợ thấy thế có kẻ thương tình, có người chế nhạo. Mãi Thần gạt bỏ ngoài tai, bán củi được bao nhiêu tiền mua sách đọc, không màng đến việc mua sắm quần áo, hay dành dụm trong nhà.

Một hôm, người vợ đi chợ mua gạo thấy một bầy trẻ theo đằng sau Mãi Thần, vỗ tay reo hò trêu chọc, vì thấy Mãi Thần áo vải quần nâu rách nát, vai gánh củi, tay cầm sách, miệng ngâm nga. Hình ảnh đó làm cho người vợ khó chịu và cảm thấy xấu hổ vô cùng.

Lúc Mãi Thần về nhà, vợ nói :

— Ông muốn đọc sách thì đừng đốn củi nữa, còn muốn đốn củi thì thôi đừng đọc sách. Lớn tuổi rồi, cũng không điên khùng tại sao lại làm trò lố lăng như vậy để cho người ta cười chê.

Mãi Thần nói :

— Người ta làm sao biết được chí hướng của ta. Ta đốn củi là để nuôi thân trong lúc cơ hàn, còn đọc sách là để chờ ngày bước lên thang danh vọng.

Người vợ cười lớn :

— Thật là mơ mộng viển vông. Xưa nay cũng có gã tiều phu làm nên danh vọng, nhưng đó là các bậc

thánh nhân. Còn chàng là kẻ tầm thường, không biết phận lại đi học đòi các danh nhân ẩn dật sao ?

Mãi Thần nói :

— Trong đường học vấn với bước công danh, có kẻ may như Cam La sớm hưởng cao sang, có người như Lã Vọng ngồi câu nơi Bàn Thạch đến tám mươi tuổi mới ra giúp nước. Sớm muộn có khác nhau, nhưng đều giống nhau là phải có chí kiên nhẫn.

Người vợ mỉa mai :

— Thôi thôi, tôi đã nghe ông nói quá nhiều về người xưa, mơ ước nhiều về danh vọng, mà suốt đời chỉ là một gã tiều phu bán củi đốt than, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, không nuôi được người vợ cho lành lẽ với người ta.

Chu Mãi Thần nhìn vợ, phân trần :

— Tôi năm nay bốn mươi ba tuổi, cũng còn trẻ chứ đâu đã già nua gì. Nàng cố gắng chịu khổ cực trong cảnh thanh bần, mai sau tôi có làm nên thì vợ chồng cùng hưởng.

Người vợ nói :

— Tôi không muốn cái danh vọng hão huyền mà ông mơ ước đâu. Nếu ông còn mơ màng cuộc sống cao sang thì ông cho tôi dứt bỏ nghĩa vợ chồng, đi xây dựng một cuộc sống khác, còn phần ông, ông muốn làm gì thì làm.

Chu Mãi Thần thở dài :

— Nếu không cùng nhau sống được trong khổ cực thì tùy ý nàng, muốn dứt tình ra đi cũng được, nhưng sau này đừng hối hận.

Người vợ nói :

— Tìm một người chồng cao sang phú quí thì khó, chứ tìm một người chồng đốn củi, đốt than thì trong thiên hạ thiếu gì. Tôi ra đi, và sẽ lấy người chồng ít nhiều cũng hơn ông chứ.

Chu Mãi Thần thấy vợ nhất quyết ra đi nên không nói nữa, buồn bã lấy bút mực ghi lên vách một bài thơ tự thán, đại ý oán trách vợ ham phú phụ bần, không chung thủy, nỡ bỏ chồng trong cảnh hàn vi.

Bị vợ bỏ, Chu Mãi Thần vẫn tiếp tục nghề đốn củi và đọc sách, mặc thế gian cười chê.

Bảy năm sau, Mãi Thần vừa đúng năm mươi tuổi, gặp lúc Hán Võ Đế hạ chiếu cầu hiền, tìm người tài ra giúp nước. Mãi Thần bèn tìm đến Tây Kinh tiến thân. Bấy giờ Mãi Thần gặp một người đồng hương là Nghiêm Trợ, đang làm quan tại triều. Vì thương tình kẻ nghèo khó, lại thấy sức học của Mãi Thần khá uyên thâm, chắc chắn là một nhân tài về sau, nên Nghiêm Trợ tiến cử Mãi Thần với vua Hán Võ Đế.

Vua Hán biết Mãi Thần là người quận Cối Kê, chắc là am tường về dân tình ở địa phương nên phong chức Thái Thú Cối Kê.

Trong thời gian chuẩn bị nhậm chức, nhà vua ban thưởng tiền bạc áo mão, xe cộ đủ mọi tiện nghi.

Quan Thái Thú Cối Kê cũ bỏ nhậm về triều, nhưng trước khi đi, ông ta truyền dân chúng trong vùng đắp đường, khai thông cống rãnh làm sạch nơi môn đường để quan Thái Thú mới đến đẹp lòng vừa ý.

Chẳng bao lâu, Mãi Thần ngồi trên xe ngựa, có quân hầu hộ tống, đến trấn nhậm Cối Kê.

Khi đi ngang qua đoạn đường đang đắp đất, thấy trong đám dân phu có vợ cũ của mình. Trong lúc đó, người vợ cũ của Mãi Thần cũng liếc thấy chồng cũ của nàng uy nghi giữa đám quân hầu, nên lấy làm hổ thẹn.

Mãi Thần cho đòi người vợ cũ đến, cho ngồi sau xe trở về dinh.

Về đến dinh, lại sai quân đòi người chồng mới của nàng đến.

Cả hai vợ chồng đều quì mọp dưới đất không dám ngẩng đầu lên nhìn Mãi Thần.

Mãi Thần nói với người vợ cũ của mình :

— Nàng khuyên ta không nên sống ảo vọng lúc ta còn hàn vi. Ta đã cho nàng biết chỉ có quyết tâm bền chí mới làm nên việc lớn. Hôm nay ta thấy nàng bỏ ta, lấy chồng khác, người chồng mới của nàng có hơn ta được chăng ?

Người vợ xấu hổ, cúi đầu nói :

— Tôi có mắt mà không biết nhìn người tài nên đã làm lỡ cuộc đời. Nay xin được giáng xuống làm tiểu thiếp để hầu hạ đại quan trọn đời.

Mãi Thần nói :

— Việc đã lỡ rồi. Bát nước đã đổ rồi không hốt lại được đâu. Ta tưởng tình vợ chồng thuở xưa, mặc dù nàng không chung thủy, nhưng cũng cấp cho hai vợ chồng người mảnh vườn sau dinh để chung sống làm ăn.

Người vợ theo người chồng mới, lạy tạ Mãi Thần, lui ra khỏi dinh.

Dân chúng bên ngoài theo sau nàng, chỉ tay chế biếm :

— Kìa ! Người vợ cũ của quan Thái Thú đấy.

Người vợ cũ của Mãi Thần nghĩ mình là kẻ đã phụ tình chồng vợ trong lúc hàn vi nên ân hận và hối tiếc. Cách mấy hôm sau, nàng nhảy xuống sông tự vận.

15. ĐÔNG SÀNG

Điển tích *Đông Sàng* dùng để chỉ người con rể quí. Trong thơ Lục Vân Tiên, lúc Vân Tiên đến nhà Võ Công trình thơ, Võ Công xem thấy Vân Tiên là một chàng thanh niên uy nghi tuấn tú, xứng đáng làm rể nhà họ Võ, nên khen :

Nhẫm đà đẹp đẽ hòa hai
Này đâu nam giản nọ trai đông sàng.

Đông là phía Đông, sàng là cái giường. Đông sàng lấy ở câu *Đông sàng nhản phúc* mà ra (có nghĩa là nằm ngay bụng ở phía Đông), do chuyện nàng Tạ Đào Uẩn kén rể.

Thân phụ nàng Tạ Đào Uẩn là Tạ Công làm quan Thái Úy đời Tấn, một gia đình phong lưu thế phiệt, con cái đỗ đạt cao sang, người nào cũng văn hay chữ tốt không ai bì kịp.

Bấy giờ, cùng trong một xóm, có họ Vương cũng là dòng dõi gia phong, con cháu cũng thuộc vào bậc vọng tộc.

Họ Tạ và họ Vương bắt thông gia với nhau. Con gái họ Vương lấy con trai họ Tạ, con gái họ Tạ lấy con trai họ Vương. Vì có giao ước như vậy nên con cháu hai họ rất hòa nhã.

Con cháu họ Vương và họ Tạ cùng mặc quần áo màu đen để khỏi lộn với người ngoài, nên thường gọi là xóm áo đen (ô hạng).

Con gái Tạ Công có nàng Tạ Đào Uẩn thông minh rất mực, tuy đàn bà mà thơ phú hay đến nỗi lừng danh khắp nơi, không ai sánh kịp, các vương tôn, công tử tài danh khi nói đến Tạ Đào Uẩn đều lắc đầu gọi là « Ả Tạ ».

Trong truyện Kiều có câu :

Khen tài nhà ngọc phun châu

Nàng Ban, Ả Tạ cũng đâu thế này.

Ả Tạ là Tạ Đào Uẩn.

Khi Tạ Đào Uẩn đến tuổi xe duyên, quan Thái Úy Tạ Công sai người em là Tạ An sang nhà họ Vương xem con cháu họ Vương có ai xứng đáng làm chồng nàng Tạ Đào Uẩn không, để cho họ Tạ kén rể.

Lúc này bên nhà họ Vương có Vương Đạo đang dạy học. Số môn sinh nhà họ Vương theo học rất đông. Chàng nho sinh nào nghe tiếng Tạ Đào Uẩn cũng kính nể, không dám mơ ước được làm chồng nàng.

Tuy nhiên, đã có tin quan Thái úy Tạ Công cho người sang dò xét để kén rể thì chàng nho sinh nào lại có thể thản nhiên trước sự lựa chọn của cô gái tài sắc lỗi lạc ấy.

Thế là, bắt đầu từ ngày Tạ An qua làm môi giới, tất cả nho sinh nhà họ Vương người nào cũng quần áo tươm tất, ăn nói đoan trang, xưng mình là bậc tài hoa thế phiệt.

Tạ An để ý từng người, nhưng chưa tìm được người nào vừa ý.

Một hôm, Tạ An muốn thử tài các nho sinh xem người nào là kẻ thông minh lỗi lạc để về bàn với Tạ Công kết thúc việc lựa chọn. Trong lúc mọi người đang nghiêm chỉnh học tập thì Tạ An liếc nhìn về phía đông, trên giường có một chàng trai tuấn tú, nét mặt sáng láng, nhưng hình như không để ý đến việc kén rể của Tạ Công. Chàng trai này trật áo, để bụng ra ngoài, ngồi vắt chân chữ ngũ, cử chỉ rất tự nhiên, không giống như các chàng nho sinh khác.

Tạ An hỏi Vương Đạo :

— Công tử nằm ở giường phía đông tên gì vậy ?

Vương Đạo nói :

— Chàng tên Vương Ngưng Chi, tự Vương Hưu Quân, có tiếng ham học và thông minh nhất.

Tạ An đem việc này nói với quan Thái úy Tạ Công. Tạ Công vỗ tay nói :

— Người đó mới là rể tốt của ta đó !

Vài ngày sau, Tạ Công gọi Vương Ngưng Chi đến gả nàng Tạ Đào Uẩn.

Tạ Công quả có mắt tinh đời, Vương Ngưng Chi là chàng trai thông minh và bặt thiệp.

Ngày thường, Vương Ngưng Chi thường ra nơi bờ sông Lan Chữ thuộc tỉnh Triết Giang để ngâm vịnh, tập viết trên miệng hồ những nét chữ rất đẹp mà người sau gọi là *Thiếp Lan Đình*, lối chữ đẹp nhất ở Trung Quốc.

Trong truyện Kiều có câu :

Khen rằng bút pháp đã tinh

So vào với Thiếp Lan Đình nào thua.

Thiếp Lan Đình là chỉ lối viết đẹp của Vương Ngưng Chi, chồng Tạ Đào Uẩn.

Trong truyện Nhị Độ Mai có câu :

Có Tây Tử đó, thiếu Đông Sàng nào ?

Người sau dùng điển tích *Đông Sàng* để chỉ người rể quí, xứng đáng với người con gái thuyền quyên.

Vương Ngưng Chi sau đỗ làm quan đến chức Hữu quân.

16. GÁI QUẠT MÒ

Điển tích *Gái quạt mò* trong dân gian thường chỉ cho những người đàn bà lang tâm, trắc nết, không chung thủy với chồng, ham thích việc gió trăng.

Trong một bài thơ cổ có câu :

Mồ chồng chưa kín cỏ xanh
Trăng hoa đã thấy yến anh dập dìu

Điển tích *Gái quạt mò* có chép trong *Thần tiên truyện* như sau :

Cuối đời nhà Chu, tại ấp Mông nước Tống có một người họ Trang tên Chu, tự Tử Hưu. Trang Chu làm quan dưới triều nhà Chu, nhưng vì tu luyện theo đạo tiên, nên không muốn câu thúc ở chốn cao sang quyền quí, bỏ đi tìm cảnh *thanh tịnh vô vi*.

Trang Chu sang chơi nước Tề, Điền Tôn là người rất trọng học vấn, thấy Trang Chu thông minh học rộng đem lòng yêu mến, gả con gái mình cho Trang Chu. Điền Thị là một cô gái tuyệt thế giai nhân, Trang Chu tuy không phải là người hảo sắc song cũng yêu thương.

Thời ấy vua nước Sở nghe Trang Chu là người tài danh, cho người đón thỉnh về triều gia phong quyền tước để giúp nước, cứu dân, nhưng Trang Chu đã là

bậc tu hành, có thiết gì đến vinh hoa phú quí, nên từ chối ngay, dẫn vợ là Điền Thị về ngụ tại Nam Hoa Sơn thuộc phận Tào Châu, để sống một cuộc sống an nhàn ẩn dật.

Một hôm, Trang Chu đang thơ thẩn nơi chân núi bỗng gặp một thiếu phụ mặc tang phục, tay cầm quạt ngồi bên nấm mồ, quạt một ngôi mộ mới đắp, đất còn chưa ráo.

Trang Chu lấy làm lạ hỏi :

— Tại sao nàng lại ngồi quạt nấm mồ ấy làm gì ?

Thiếu phụ đáp :

— Chồng thiếp không may chết sớm, nằm xương tàn chôn cất nơi đây. Lúc sinh tiền đang nồng duyên hương lửa, chồng thiếp có dặn, nếu rủi ro mà chồng thiếp mất sớm, thì hãy đợi cho nấm mồ xanh cỏ đã rồi hãy tái giá. Nay chồng thiếp rủi đã mất rồi mà gió mưa tơi tả biết bao giờ nấm đất mới khô để cỏ mọc lên được. Mà ba thu đằng đẵng, đêm xuân một khắc ngàn vàng, tiện thiếp chờ sao được ! Vì vậy thiếp mới quạt cho đất khô để cỏ mau mọc, chừng ấy thiếp có tái giá thì cũng khỏi phụ lòng người chín suối.

Trang Chu nghe dứt lời, thở một hơi dài não nuột, trách cho lòng người sớm bạc tình, và nói :

— Nếu nương nương muốn cho đất khô không khó gì cả, tôi xin giúp nương nương làm việc ấy.

Thiếu phụ nghe Trang Chu nói lấy làm mừng rỡ, trao chiếc quạt cho Trang Chu.

Trang Chu có phép tu hành, vận dụng hết bản năng, hướng vào nấm mồ dùng phép thuật quạt mấy cái,

nấm mồ bỗng nhiên khô ráo và cỏ xanh lấm tấm chồi.

Thiếu phụ mỉm cười, mặt tươi như đóa hoa sáng, quì gối tạ ơn Trang Chu, và nói :

— Thiếp mang ơn tiên sinh rất trọng, nơi đây biết lấy gì đền ơn. Vậy xin tặng tiên sinh chiếc quạt này.

Vừa nói, thiếu phụ vừa nâng chiếc quạt lên ngang mày, trao cho Trang Chu, rồi hớn hở ra đi.

Trang Chu cầm cây quạt the ngắm nghía, lòng nao nao một nỗi buồn khó tả. Cho hay sự đời chỉ là một bức màn thưa, ân tình chỉ là một lớp vỏ che đậy những bản năng dục vọng kinh tởm của con người.

Về đến nhà, Trang Chu ngâm một bài thơ trước khi bước chân lên thềm :

Bất thị oan gia, bất tụ đầu
Oan gia tương tự kỷ thời hưu ?
Tảo tri tử hậu vô tình nghĩa
Tựa bả sinh tiền ân ái câu

Dịch :

Nếu chẳng oan gia đâu gặp nhau
Oan gia nàng buộc được bao lâu ?
Nếu hay lúc chết không tình nghĩa
Thì sống thà đừng ân ái nhau.

Thấy chồng bước vào nhà mặt rầu rầu, miệng ngâm thơ, tay cầm cây quạt phe phẩy, Điền Thị ngạc nhiên hỏi :

— Sao chàng đi chơi về lại buồn bã ? Chiếc quạt kia ở đâu vậy ?

Trang Chu đem chuyện gặp một thiếu phụ quạt mồ chậm rãi kể lại cho vợ nghe, và nói thêm :

— Đây là cây quạt bạc tình mà thiếu phụ ấy tặng cho ta.

Điền Thị nghe chồng kể đầu đuôi, nổi giận mắng :

— Cái thứ đàn bà quỉ quái ấy, chồng chết nấm mộ chưa xanh cỏ đã toan bề ân ái. Lẽ ra phải bắt hết những loại đàn bà ấy đem thả trôi sông để cho cõi đời này khỏi nhơ uế.

Trang Chu nghe vợ nói chỉ mỉm cười, không đáp, buồn bã ngâm bốn câu thơ :

Sinh tiền cá cá thuyết ái ân
Tự hậu nhân nhân dục phiến văn
Họa hồ họa bì nan họa cốt
Tri nhân tri diện bất tri tâm.

Dịch :

Khi sống người người khoe ân ái
Lâm chung kẻ kẻ muốn quạt mồ
Vẽ cọp, vẽ da xương khó vẽ
Biết người, biết mặt, biết lòng mồ.

Điền Thị nghe Trang Chu ngâm thêm mấy câu thơ lòng càng bực tức, mặt giận phừng phừng, trách chồng sao đem những hạng người đàn bà đốn mạt ấy mà so sánh với vợ mình.

Nàng nói :

— Chẳng lẽ đàn bà trong thế gian này đều thuộc vào loại người ấy sao ?

Trang Chu mỉm cười nói :

— Thôi, đừng làm giận, làm hờn mà chi, giả sử nay mai tôi bất hạnh qua đời, liệu đóa hoa hải đường kia đang độ phơi phới hương xuân có thể phong kín nhụy hương mà chờ quá hạng thiều quang chín chục được không ?

Điền Thị cắn môi, phì cười nói :

— Trung thần không thờ hai chúa, gái tiết trinh không thờ hai chồng. Nếu bất hạnh mà chàng có bề gì, thiếp xin cam phận chứ không bao giờ nghĩ đến chuyện trăng hoa như vậy.

Trang Chu nghe nói cười xòa, tỏ ý không tin. Điền Thị tức giận chụp lấy cây quạt xé nát ra từng mảnh, nói:

— Để làm gì cái đồ phụ bạc này nhìn thêm nhơ mắt. Chỉ có lúc chàng chết đi mới rõ hạng người đàn bà này tiết hạnh đến đường nào.

Trang Chu nói :

— Thôi, nàng đừng giận làm gì, đó là ta thử lòng nàng, nếu nàng quả có lòng tiết trinh như vậy thì còn gì quí hơn.

Tuy nói thế, nhưng nét mặt Trang Chu vẫn không phai vẻ chán ngán.

Chẳng bao lâu, Trang Chu lâm bệnh, mỗi ngày một trầm trọng thêm. Điền Thị suốt ngày sụt sùi bên giường.

Một hôm, Trang Chu gọi vợ đến nói :

— Bệnh tôi nguy ngập, không thể sống được lâu, rất tiếc là cây quạt mồ không còn nữa để nàng quạt cho nấm mồ tôi mau xanh cỏ, để nàng sớm tái giá, khỏi mang tiếng người đời dị nghị.

Điền Thị vừa khóc vừa nói :

— Xin chàng cứ tịnh dưỡng, chớ buồn bã như thế mà tổn hại tinh thần, thiếp là người có học, biết lấy chữ *Tàng nhất nhi chung* mà giữ đạo, lẽ đâu lại làm chuyện hẹn mạt. Nếu chàng không tin thiếp xin tử tiết trước mặt chàng, để chàng thấy hết lòng chung thủy.

Trang Chu hổn hển nói :

— Lòng nàng đã như thế thì dẫu có nhắm mắt tôi cũng an lòng.

Tối hôm ấy Trang Chu tắt thở. Điền Thị vật mình than khóc rất thảm thiết.

Nàng mặc đồ tang, lo việc tẩm liệm, quàn quan tài chồng ở giữa nhà để phúng điếu.

Qua mấy ngày, Điền Thị khóc sướt mướt, bỏ ăn bỏ ngủ. Đến ngày thứ bảy bỗng có một chàng thư sinh, mặt như dồi phấn, môi tợ thoa son, áo tía quần đen, phong nghi tuấn tú, có dắt theo một người lão bộc vào nhà tự xưng là Vương Tôn nước Sở, ngày trước có đính ước cùng Trang Chu theo đòi học tập, nay đến nơi mới hay Trang Chu đã chết, nên Vương Tôn cảm nghĩa xin vào phúng điếu.

Điền Thị phải ra tiếp kiến.

Khi Vương Tôn khóc lạy linh cữu xong, Điền Thị mời Vương Tôn vào nhà khách để dùng trà.

Thấy một gã thư sinh trẻ đẹp như thế, Điền Thị thoắt động lòng, tuy bên ngoài giữ lễ nghĩa nhưng bên trong cũng muốn kiếm cách làm quen để tiện bề gần gũi.

Vương Tôn nói :

— Trang tiên sinh đã ra người thiên cổ, nhưng lòng ngưỡng mộ của tôi vẫn còn. Nay tiểu tử muốn

xin lưu lại nơi đây một trăm ngày, trước là trọn đạo cư tang, sau mượn sách vở của tiên sinh để học đạo được phần nào hay phần nấy.

Vớ được dịp may, Điền Thị tủm tỉm cười, cung kính đáp :

— Tình nghĩa thầy trò, xin Vương Tôn đừng nghĩ gì cả.

Nói xong nàng xuống bếp lo sửa soạn cơm nước đãi khách rất hậu.

Thảo đường gồm ba gian. Gian giữa quàn linh cữu, gian bên phải Vương Tôn ở, Điền Thị đêm đêm lấy cớ khóc chồng để nhìn ngắm Vương Tôn, mắt liếc, lòng mơ, mối tình mỗi ngày một tha thiết.

Tuy nhiên, hình như có một dòng sông nào ngăn cách, Điền Thị không biết làm sao vượt qua bờ sông ân ái.

Một hôm, nàng đánh liều gọi người lão bộc đến hỏi :

— Chủ nhân của ông có vợ con chưa ?

Người lão bộc đáp :

— Thưa phu nhân, chủ tôi lâu nay lo trau dồi kinh sử, chưa có thì giờ nghĩ đến vợ con.

Điền Thị mỉm cười hỏi tiếp :

— Ông liệu xem những người đàn bà nào hợp ý Vương Tôn ?

Lão bộc thưa :

— Mấy hôm nay chủ nhân tôi ước ao có một người nhan sắc mặn mà như phu nhân thì mới toại ý.

Điền Thị không dè dặt nữa hỏi :

— Ông có thể tác thành cho hai bên chúng tôi được không ?

Người lão bộc làm ra vẻ e ngại nói :

— Điều đó chủ tôi còn gì mong ước hơn, song sợ e tiếng thầy trò, thiên hạ dị nghị.

Điền Thị dẫn giải :

— Vương Tôn tuy trước kia có lời nguyện ước, nhưng chưa học với chồng tôi ngày nào, thì sao gọi là nghĩa thầy trò. Vậy ông là lão bộc trung thành, tôi nhờ ông giúp đỡ, nếu việc thành tôi sẽ trọng thưởng.

Người lão bộc tỏ ý thuận tình rồi bước đi. Điền Thị còn dặn theo :

— Nếu lúc nào có kết quả ông nhớ báo cho tôi biết liền đấy nhé.

Một ngày trôi qua, thời khắc đối với Điền Thị như dài đằng đẵng, lòng nàng rạo rực không yên.

Sáng hôm sau, Điền Thị nóng ruột quá, gọi người lão bộc đến phòng hương để hỏi chuyện.

Vừa thấy mặt Điền Thị, người lão bộc nói :

— Nương tử ơi, công việc không thành rồi !

Điền Thị nghe nói, trong người lạnh toát, mồ hôi rướm rướm ướt áo, hỏi vội :

— Sao ? Sao lại không thành ?

Người lão bộc chậm rãi nói :

— Chủ tôi nói cũng có lý. Nói về người thì vẻ đẹp của nương nương tuyệt sắc lắm rồi, còn tình thầy trò thì cũng không đáng ngại, chỉ có một điều thật khó khăn...

Điền Thị nóng lòng hỏi :

— Việc gì khó khăn, ông nói mau đi !

Lão bộc e ngại :

— Điều thứ nhất là chiếc quan tài còn quàn nơi giữa nhà, thây người chết chưa lạnh, nếu bàn tính tới chuyện hôn nhân e bất nghĩa. Điều thứ hai là Trang tiên sinh cùng Nương tử lâu nay ân ái đượm đà, tình chăn gối không gì thương tổn. Vả lại, Trang tiên sinh là một bậc tài hoa lỗi lạc, còn chủ nhân của tôi học mọn tài sơ, e không xứng đáng với Nương tử chăng. Điều thứ ba, chủ nhân của tôi đến đây không mang theo tiền bạc, lấy gì lo việc sính lễ. Vì các lẽ đó mà công việc e không thành.

Điền Thị nghe xong, cười nói :

— Cả ba điều ấy đều không có gì quan trọng. Điều thứ nhất, đằng sau nhà có một phòng trống, tôi sẽ thuê người khiêng quan tài quàn tại sau đó. Điều thứ hai, vong phu có gì là đạo đức đâu, trước kia đã có hai đời vợ, nhưng vì dạy không được nên bỏ đi. Thiên hạ đều cho là bạc bẽo, sau đó vua nước Sở hâm mộ rước về phong chức tước ra giúp nước, vong phu sợ mình không đủ tài nên từ chối, đem thân sống ẩn dật nơi thôn dã. Hôm trước, vong phu có dạo chơi quanh núi, gặp một thiếu phụ quạt mồ, vong phu giở trò ghẹo nguyệt trêu hoa, đoạt cây quạt của thiếu phụ đem về đây, tôi nổi giận xé chiếc quạt ấy ra từng mảnh. Ông xem đó, như vậy còn gì tình nghĩa yêu thương nữa chứ. Điều thứ ba, việc tiền bạc Vương Tôn khỏi lo. Tôi là chủ rồi, còn ai mà đòi sính lễ nữa. Đến như việc tiệc tùng thì tôi còn hơn mười lạng vàng lại không đủ chi dùng sao ? Nếu Vương Tôn mà có tình chuyện trăm năm kết tóc với tôi, thì chúng ta làm một lễ mọn để động phòng hoa chúc cũng đủ rồi.

Nói xong Điền Thị lấy vàng trao cho lão bộc đem về đưa cho Vương Tôn và hẹn đêm hôm ấy sẽ làm lễ hợp cẩn.

Tối hôm ấy, Điền Thị được tin Vương Tôn chấp thuận mọi ý kiến của nàng, nên mừng lắm, mượn người khiêng chiếc quan tài của Trang Chu đem ra nhà sau, rồi thay đồ tang, mặc áo gấm, quần hồng, thắt hoa, kết lá trước thảo đường muôn màu sắc rực rỡ.

Sửa soạn xong, Điền Thị ngồi chờ Vương Tôn đến.

Mãi đến khuya, Vương Tôn mới qua thảo đường. Điền Thị lòng như lửa đốt, đôi mắt long lanh, hai má ửng hồng, nhìn Vương Tôn khôi ngô tuấn tú trong chiếc áo cẩm bào màu xanh lục.

Hai người làm lễ xong, men rượu hiệp cẩn chưa trôi qua cổ, Điền Thị phát động hương tình, dục Vương Tôn vào phòng ngủ sớm.

Bỗng Vương Tôn mặt mày nhăn nhó, ôm bụng lăn nhào xuống đất la ối, ối.

Không rõ chuyện gì. Điền Thị đến ôm Vương Tôn vào lòng.

Người lão bộc nghe tiếng rên la chạy đến, thấy vậy, nói với Điền Thị :

— Chủ tôi trở lại bệnh cũ rồi ! Bệnh này không có thuốc nào chữa nổi, chỉ trừ một vật ấy mà thôi.

Điền Thị lo lắng hỏi :

— Vật gì thế ?

Người lão bộc nói :

— Trước kia, cứ mỗi lần bệnh tái phát thì vua nước Sở phải giết một tù nhân, lấy bộ óc ngâm rượu cho

Vương Tôn uống thì mới khỏi. Nay bệnh tái phát mà ở nơi hiu quạnh này lấy đâu ra thứ thuốc ấy, chắc là chủ tôi phải chết mà thôi.

Điền Thị sốt ruột mà hỏi :

— Thế thì óc của người chết có dùng được không ?

Người lão bộc nói :

— Người chết chưa quá một trăm ngày cũng dùng được. Trước kia tôi có nghe nói như vậy.

Điền Thị mừng rỡ nói :

— Vong phu tôi chết chưa quá mười ngày, vậy thì ta bửa quan tài, lấy vật ấy.

Người lão bộc làm ra vẻ ngần ngại nói :

— Chỉ sợ nương tử không dám làm như vậy.

Điền Thị bĩu môi nói :

— Ta cùng Vương Tôn kết nghĩa đá vàng cho đến răng long đầu bạc, thân ta còn chưa tiếc, huống chi một nắm xương tàn kia mà ăn nhằm vào đâu.

Nói xong, Điền Thị gởi gắm Vương Tôn cho người lão bộc chăm sóc, một mình chạy thẳng xuống nhà dưới nơi để linh cữu của chồng, tay cầm một cái búa, tay cầm một con dao.

Vừa đến nơi, Điền Thị không một chút nghĩ ngợi gì cả, đưa búa bửa vào quan tài mấy cái, lấy dao nạy nắp tung ra. Bên trong nghe tiếng rên rỉ. Điền Thị đang kinh ngạc thì thấy Trang Chu ở trong quan tài lò mò ngồi dậy.

Điền Thị thân mình run sợ rồi đứng im như trời trồng, hai tay rụng rời, khrỡi búa và con dao rơi xuống đất.

Trang Chu nói :

— May phước nhà ta nên tôi chưa đến nỗi tuyệt mạng, tôi chết đi đã mười ngày mà còn sống lại được, vậy thì chúng ta cùng về phòng nói chuyện cho vui.

Trang Chu đi trước, Điền Thị nối gót theo sau mồ hôi toát ra như tắm, da mặt xanh nhợt như một thây ma. Nàng sợ về phòng gặp Vương Tôn và người lão bộc thì không biết phải ăn nói làm sao với Trang Chu.

May thay, lúc về đến phòng trong thì Vương Tôn và lão bộc biến đâu mất.

Điền Thị vững lòng, lấy hết can đảm nói :

— Từ hôm phu quân mất đến nay, suốt ngày đêm thiếp khóc than, bỏ ăn bỏ ngủ. Bỗng nghe trong quan tài có tiếng rên, nên thiếp lấy búa bửa ra xem chàng có sống lại không.

Trang Chu mỉm cười nói :

— Phu nhân có lòng như vậy ta rất cảm ơn, nhưng ta chết chưa quá mười ngày sao nàng lại mặc áo gấm quần hồng, mà không mặc tang phục.

Điền Thị không biết nói sao, đành làm thinh đứng trơ ra đó.

Trang Chu chỉ cười, và chỉ biết cười mà thôi. Chàng sai lấy rượu uống cho say mèm rồi lấy bút đề thơ :

Lòng tự hiểu khuốc oan gia trái
Nhứ ái chi thời, ngã bất ái
Nhược kim nhi tố phu thê
Phụ nhi phủ phách thiêng linh cái

Dịch :

Từ đây nguyện dứt dây oan trái
Người yêu ta lắm... ta tê tái
Nay dầu giữ mãi nghĩa phu thê
Búa kia sẽ bửa đầu ta bể.

Điền Thị nghe xong, biết chồng làm phép thuật để thử mình, xấu hổ quá thắt cổ mà chết.

Trang Chu đem xác vợ bỏ vào chiếc quan tài bị phá vỡ rồi lấy một cái bồn úp lên trên, vừa gõ, vừa ca :

Ngô tại, nhĩ ngoa khẩu
Ngã tử nhĩ bất giá
Thê bị tha nhân hữu
Ngã bị tha nhân khóa
Ngã nhược chân cá tử
Nhất trường đay tiêu thoại.

Dịch :

Ta sống nàng khoe khoang
Có chết nguyện thủ tiết
Nhưng rồi lại thay chồng
Ngựa hồng người khác cỡi
Nếu ta mà chết thực
Trò cười thật mỉa mai ...

Ca xong, Trang Chu đập vỡ bồn, rồi nổi lửa đốt ngôi nhà. Tất cả đều cháy rụi. Từ đó Trang Chu ngao du trong thiên hạ, sớm chiều bạn với trăng sao, cây cỏ, không còn muốn gần gũi với thế gian nữa.

17. ĐẰNG VƯƠNG CÁC

Trong thi văn cổ Trung Quốc có câu :

Thời lại phong tống Đằng Vương Các

Vận khứ lôi oanh tiến phúc bia

Có nghĩa là : lúc thời vận tới thì gió đưa đẩng tới chỗ may.

Trong truyện Kiều có câu :

Duyên đằng thuận nẻo gió đưa

Những chữ *duyên đằng, gió đưa, đằng các* đều có nghĩa là vận tới, duyên may, tất cả mọi việc tình cờ gặp nhau, xưa nay thường lấy điển tích *Đằng Vương Các.*

Theo sử Trung Quốc thì thái tử con vua Cao Tôn nhà Đường được vua cha phong chức Thái sử ở Hồng Châu thuộc quận Nam Xương tỉnh Giang Tây. Thái tử vốn là người làm thơ nổi danh thời ấy, nên thường mời các văn nhân thi sĩ đến tư dinh ngâm vịnh.

Muốn tỏ lòng thành kính, ưu ái với các bậc nho sĩ, thái tử cho dựng bên sông Tầm Dương một cái lầu để hứng gió, đặt tên là *Đằng Vương Các.*

Sau đó, Diêm Bá Dư được bổ giữ chức Đô đốc Hàng Châu nên đặt tiệc tại Đằng Vương Các để thết đãi các quan khách, nho sĩ danh tiếng nhất thời bấy giờ.

Văn nhân, thi sĩ, các bậc phong nhã hào hoa từ khắp nơi nghe tiếng kéo đến, không để sót một người tài nào.

Diêm Bá Dư là một người hiếu khách, tiếp đãi rất tử tế, không để một vị khách nào không vui trong buổi tiệc.

Trong lúc mọi người đang ăn uống vui vẻ, Diêm Bá Dư truyền bọn quân hầu đem bút mực đến cho mỗi vị khách làm một bài vịnh về Các Đằng Vương để chúc mừng và kỷ niệm buổi gặp gỡ hiếm có của khách tài hoa.

Trên hai ngàn thực khách vừa nghe chủ nhân ra đề tài, lập tức mọi người muốn tranh đua nhau tỏ rõ tài năng của mình trong ngày vui ấy.

Trong lúc mọi người đang múa bút thì có một quân hầu từ ngoài chạy vào báo với Diêm Bá Dư :

— Ngoài cửa có một vị nho sinh, tuổi còn niên thiếu tên là Vương Bột, vì thuận gió đi lạc đến các Đằng Vương, nghe có cuộc thi thơ xướng họa nên cũng muốn xin vào dự phần cảm hứng của thi nhân.

Diêm Bá Dư nghe nói có khách lạ từ phương xa đến, lòng mừng, vội bước ra ngoài mời khách vào dự tiệc.

Vương Bột năm ấy mới mười sáu tuổi, tuy dáng điệu nho nhã, dung mạo khôi ngô tuấn tú, nhưng khuôn mặt còn non choẹt, như một gã thiếu niên.

Thấy Diêm Ba Dư ân cần mời mọc một thư sinh nhỏ tuổi như vậy, bao nhiêu tân khách mỉm cười, bảo nhau :

— Chủ nhân có lòng mến khách thật, như vị khách thiếu niên này thì chữ nghĩa bao nhiêu mà dám chen vai vào bàn tiệc cùng với các danh nhân, nho sĩ đương thời.

Sau đó, không ai để ý đến Vương Bột nữa. Mỗi người đều bận ngâm nga, phô diễn những gì ưu tú nhất trong sở trường văn học của mình.

Tiệc mãn, tất cả những tác phẩm vịnh các Đằng Vương được gom lại tặng cho chủ nhân, trong đó chàng thiếu niên cũng góp bài mình vào đó.

Diêm Bá Dư xem qua các bài thơ thì thấy bài của Vương Bột có những ý rất độc đáo, nổi bật lên trên các bài thơ khác, bèn đem công bố với mọi người.

Nghe xong, mọi người đều đứng dậy, công nhận chàng thiếu niên Vương Bột, khách tha phương, quả là một danh tài xuất chúng.

Trong bài thơ của Vương Bột vịnh các Đằng Vương có hai câu được người đời sau truyền tụng, lưu lại trong cổ thi :

Lạc hà cô vụ tề phi
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

Dịch :

Ráng chiều chim vạc cùng bay
Trời dài chung với nước thu một màu.

Thấy người trẻ tuổi mà văn chương lỗi lạc như vậy, hai ngàn danh nhân trong bữa tiệc đều muốn biết tông tích của Vương Bột, kẻ đột nhiên ghé vào các Đằng Vương.

Vương Bột kể lại :

Vương Bột là con quan Thứ sử, trấn nhậm ở đất Giao Châu. Họ Vương biết làm thơ từ lúc mới lên sáu tuổi, đến năm mười sáu tuổi, Vương Bột đã nổi tiếng là một danh nhân trong vùng.

Vừa rồi, chàng đang xuôi thuyền đi Giao Châu thăm thân phụ thì nửa đường gặp một trận gió lạ, thổi bạt thuyền của Vương Bột chạy thẳng về bến Mã Dương, mặc dù bọn gia nhân bẻ lái thế nào cũng không cưỡng lại được.

Thuyền của Vương Bột thuận gió chạy thẳng đến sông Tầm Dương mới chịu dừng lại thì đã vào lúc nửa đêm.

Trên sông Tầm Dương có các Đằng Vương đèn đuốc cháy sáng, tiệc tùng mở hội chiêu anh, các danh nhân khắp nơi tụ họp, đang ngâm thơ xướng họa. Vương Bột là một kẻ kỳ nhân của thế hệ, làm sao bỏ qua được. Chàng ra lệnh cho gia nhân ghé thuyền vào bến để xin phép chủ nhân được chung vui.

Nghe Vương Bột kể, ai nấy đều cho là duyên may, cuộc gặp gỡ kỳ lạ này đã lưu lại đời sau một điển tích nói lên cái duyên may đó :

Duyên Đằng thuận nẻo gió đưa

Chính nơi Đằng Vương Các này về sau đã chứng kiến nhiều cuộc gặp gỡ và tiễn đưa của các thi nhân và nhạc sĩ lừng danh, lưu lại trong thi ca những kỷ niệm về sông Tầm Dương, nơi hò hẹn của giới tao nhân mặc khách.

Xin ghi lại đây một khúc *Tỳ Bà hành.*

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Chạm hơi thu thấp thoáng trên thuyền
Tiếng tỳ bà ai khéo gẩy nên

Xuôi lòng khách ngũ lăng đầu vắng ta
Yên thủy mang mang chung hữu dạ
Tỳ bà khúc khúc nguyệt tam canh
Bến Tầm Dương cảnh ấy xiết bao tình
Chiếc thuyền luyến đi về trong bóng nguyệt
Người viễn thú biết chăng chẳng biết
Khúc đàn này biết gảy cùng ai
Đang đầu hành hữu khách lai.

18. TƯỜNG ĐÔNG

Tường đông nghĩa đen là bức tường ở phía Đông, nghĩa bóng là nơi có giai nhân ở.

Trong truyện Kiều, lúc Kim Trọng tìm được ngôi nhà hàng xóm nhà Thúy Kiều để mướn, ngày ngày chàng Kim ra phía tường Đông, thấp thỏm ngóng trông bóng hình người đẹp.

Tố Như tiên sinh có viết như sau :

Song hồ nửa khép cánh mây
Tường Đông ghé mắt ngày ngày hằng trông
Tấc gang đồng tỏa nguyên phong
Tịch mù nào thấy bóng hồng nào ra.

Trong thơ Lý Bạch cũng có câu nói đến giai nhân ở phía tường Đông :

Tự cổ hữu tự sắc
Tây Thi dự Đông lâng.

Dịch :

Từ xưa có sắc đẹp
Tây Thi ở xóm Đông.

Lúc tả tư cách của hai nàng Kiều, cụ Nguyễn Du cũng có đoạn thơ viết :

Phong lưu rất mực hồng quần
Xuân xanh xấp xỉ đến tuần cập kê
Êm đềm trướng phủ màn che
Tường Đông ong bướm đi về mặc ai.

Như vậy, tường Đông là chỗ người đẹp ở, mà cũng chỉ nơi giai nhân tài tử trao tình với nhau.

Cũng trong một đoạn thơ của truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã diễn tả nơi tiếp khách ở chốn thanh lâu của mụ Tú bà :

Dập dìu lá gió cành chim
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm chàng Khanh

Hai câu thơ này cũng gần với điển tích *Tường Đông* tức là nơi ăn chơi của trai gái.

Trong điển tích, khi nói tới tường Đông thì nhiều người liên tưởng đến Tống Ngọc, vì Tống Ngọc là một chàng trai có sắc đẹp, thơ hay, phú giỏi, cốt cách giang hồ, tánh tình trăng hoa nổi tiếng, làm nhiều mỹ nhân say mê đến phải ôm ấp những trang tình hận.

Tống Ngọc là chàng nho sinh nước Sở, vừa lớn lên đã ôm mộng hải hồ, gió trăng. Chàng thường ở nơi có nhiều gái đẹp.

Trong bài phú tự tình, Tống Ngọc có viết :

Thiên hạ chi giai nhân, mạc nhược Sở quốc
Sở quốc chi lệ giả, mạc nhược thần lý
Thần lý chi mỹ giả, mạc nhược thần đông gia chi tử.

Tạm dịch :

Người đẹp trong thiên hạ không đâu bằng nước Sở
Người đẹp trong nước Sở không đâu bằng ở xóm hạ

thần. Người đẹp trong xóm của hạ thần không ai bằng nàng con gái láng giềng ở phía tường đông của hạ thần.

Chữ *tường đông* do đó mà đi vào điển tích với một trang tình sử lâm ly sau đây :

Vương Trung là một đại thần nước Sở, trong lúc có giặc, vua Sở sai đem quân dẹp loạn, Vương Trung đem binh đến chậm trễ, không cứu vãn được tình hình, bị vua Sở giáng chức, bổ làm thiên hộ vệ quân tại Nam Dương.

Vương Trung vâng lệnh, đem cả gia quyến cùng đi theo để nhậm chức mới. Người con gái của Vương Trung là Vương Kiều Loan cũng đi theo cha.

Vương Kiều Loan lúc đó đang độ trăng tròn, tuổi xuân phơi phới, mắt xanh chưa lọt vào ai, năm tháng lặng lẽ trong khuê phòng vui với sách đèn thơ mộng. Nàng rất thông minh, lại được cha mẹ nuông chiều, nên từ lúc nhỏ đã thông kinh sử, văn hay chữ tốt. Nếu là con trai thì tài năng ấy ắt chiếm bảng vàng, phò vua giúp nước, danh tiếng truyền trong thiên hạ. Tiếc thay, nàng là nhi nữ, trong thời ấy, dù có lắm tài năng thì cũng chỉ để chọn một người chồng siêu quần suất chúng mà thôi.

Mà chính vì lẽ đó, mà Kiều Loan lựa mãi chưa gặp được người kết tóc xe tơ. Lòng nàng cánh cánh niềm riêng, không ai hiểu nổi. Ngày xuân đáng giá ngàn vàng, hoa xuân dù tươi đến đâu rồi cũng phải có ngày tàn tạ. Đó là nguyên nhân nỗi buồn của người thiếu nữ cô đơn trong tuổi đương thì. Kiều Loan có một người cô là Tào Di, bị góa bụa nên mẹ của Kiều Loan đem về ở chung với gia đình để hôm sớm bầu bạn với Kiều Loan.

Một hôm, vào tiết thanh minh, trời mát mẻ, hoa cỏ tươi tốt, Kiều Loan cùng Tào Di và mấy nàng thị nữ đến hoa viên thưởng ngoạn.

Hoa xuân muôn màu, cảnh xuân muôn vẻ, khiến khách du xuân càng đượm tình xuân. Giữa lúc ấy thì bên bức tường bỗng có bóng một chàng trai, đăm đăm nhìn Kiều Loan không chớp mắt.

Kiều Loan thoắt trông thấy đôi mắt gợi tình kia, đã khiến nàng e thẹn, đôi má ửng hồng, cúi nhìn xuống đất, vẻ tươi vui của cô gái chứa đầy những ngượng ngùng bối rối.

Rồi như cảm thấy đôi mắt của chàng kia đính mãi vào người mình, Kiều Loan hấp tấp núp vào sau lưng Tào Di và giục Tào Di trở về.

Tào Di thấy Kiều Loan đang vui vẻ bỗng trở nên bối rối, không hiểu vì lẽ gì, nhưng không dám hỏi.

Các khóm hoa bên tường lay động, bóng Kiều Loan rẽ bước trở về phòng hương, bọn tỳ nữ cũng líu ríu theo sau.

Cảnh vật trong vườn hoa trở lại với màu sắc thiên nhiên trong cô quạnh. Chàng thanh niên kia bấy giờ thấy vườn hoa không còn ai mới nhẹ bước vào.

Mỹ nhân tuy vắng bóng, nhưng hương thơm như còn phảng phất chưa tan.

Chàng trai chống tay lên ghế đá thở dài, nhìn bâng quơ như tiếc một cái gì đã mất. Trước sắc đẹp của Kiều Loan, chàng thấy như muôn hoa kia không còn tươi thắm nữa.

Đành thả hồn theo mộng ảo, chợt thấy dưới gốc hoa có một vật gì trắng trắng, chàng bước đến gần xem kỹ thì đó là một chiếc khăn the, mùi hương còn đượm nồng nàn.

Chàng thư sinh mỉm cười, nhặt chiếc khăn lên, nâng trong lòng bàn tay, mân mê có vẻ trìu mến lắm.

Bỗng bên tường có tiếng động, rồi một bóng thiếu nữ hiện ra, chàng thư sinh giật mình núp trong khóm hoa để chờ xem.

Sau khi đoán biết thiếu nữ kia là người hầu của Kiều Loan ra tìm chiếc khăn vừa đánh rơi, chàng thư sinh mới bước ra ngoắc nàng tỳ nữ đến gần nói :

— Cô nương ơi, đừng tìm uổng công, chiếc khăn đã vào tay người khác rồi !

Nàng tỳ nữ đứng nhìn chàng thư sinh lạ từ đầu đến chân, thấy chàng có vẻ phong lưu, tuấn tú, liền bước đến kính cẩn chào hỏi :

— Thưa công tử, nếu quả tình công tử lượm được chiếc khăn, xin công tử vui lòng trao lại, ơn ấy không bao giờ quên.

Chàng thư sinh hỏi :

— Chiếc khăn của ai đánh rơi mà nàng đòi xin lại ?

Tỳ nữ thấy chàng thư sinh mặt như dồi phấn, môi tợ thoa son, vẻ đẹp của chàng trai thuộc vào hàng thanh nhã, nên không dám khinh thường, mặc dù lời nói có vẻ lả lơi, đùa cợt. Nàng nói :

— Chiếc khăn là của tiểu thư tôi, xin ân nhân cho biết quí danh để tiểu thư tôi tạ ơn.

Chàng thư sinh đáp :

— Tôi họ Tống tên Ngọc, người quận Ngô Châu, hiện cư ngụ ngay mé sau tôn phủ.

Tỳ nữ reo to :

— A ! Té ra công tử nhà ở mé sau tôn phủ mà lâu nay tôi không biết, tiểu thư tôi là Kiều Loan, con gái quan Thiên hộ.

Tống Ngọc hỏi :

— Tiểu thư cô là Kiều Loan, tên đẹp lắm ! Còn cô tên gì ?

Tỳ nữ e thẹn, chúm chím cười đáp :

— Tôi tên Minh Hà.

Tống Ngọc trêu cợt :

— Đẹp cả thầy lẫn trò, nhưng thôi, bây giờ tôi nhờ cô đem bức thư về trao cho Kiều Loan có được không?

Minh Hà ý không dám nhận, nhưng sợ làm phật ý Tống Ngọc e chàng không trả lại chiếc khăn, nên chiều lòng nói :

— Được, công tử cứ trao cho tôi.

Tống Ngọc nói :

— Cô ở đây chờ tôi một chút. Tôi sẽ ra ngay.

Nói xong chàng nhảy qua bờ tường, đi mất.

Một lúc sau, Tống Ngọc trở ra, tay cầm một tấm hoa tiên trao cho Minh Hà.

Minh Hà chỉ thấy thơ mà không thấy trả khăn, lòng không vui nói :

— Đã không trả khăn sao còn bắt đưa thơ ? Tôi không dám nhận đâu.

Tống Ngọc nói :

— Cô đừng lo ! Hễ tiểu thư cô mà phúc đáp thư này thì chiếc khăn kia lập tức được trao lại.

Minh Hà cực chẳng đã phải nhận tấm hoa tiên của Tống Ngọc, rồi bước vào nội phủ.

Trong lúc đó, Kiều Loan đang ngồi đợi Minh Hà tại thơ phòng, lòng nàng như có cái gì bồn chồn không yên, đôi mắt xanh biếc của nàng mãi nhìn vào chốn xa xăm.

Minh Hà vừa bước vào, Kiều Loan hỏi ngay :

— Sao ? Chiếc khăn có tìm ra không ?

Minh Hà ấp úng :

— Thưa tiểu thư, chiếc khăn đã lọt vào tay... chàng công tử đẹp trai ban chiều cứ mải nhìn tiểu thư đó.

Thấy Minh Hà cũng để ý đến chàng trai ban chiều, Kiều Loan làm ra vẻ nghiêm nét mặt nói :

— Tại sao em không đòi ?

Minh Hà đáp :

— Em có đòi, nhưng chàng trai ấy lần khần quá, đã không chịu trả khăn còn buộc em đem tờ hoa tiên này về đưa cho tiểu thư.

Kiều Loan nóng lòng hỏi :

— Người ấy có xưng tên là gì, quê quán ở đâu không ?

Minh Hà nói :

— Người đó họ Tống, tên Ngọc, quê ở Ngô Giang, cha làm quan Tư Giáo, hiện ngụ sát bên vách phủ đường, chỉ cách có mấy bức tường thôi.

Nói xong, Minh Hà thò tay vào túi lấy tấm hoa tiên trao cho Kiều Loan.

Kiều Loan cố nén xúc động trước người tỳ nữ, mở thư ra xem, bên trong có bài thơ :

Phạ xuất qui nhân phận ngoại hương
Thiên công giao phó hữu tình lang.
Ân cần kỳ thủ tương tư cú
Nghi xuất hồng ty xuất động phòng.

Dịch :

Khăn rơi mỹ nữ đượm hơi hương
Tạo hóa khiến xui kẻ vấn vương
Gởi khúc tương tư tình tha thiết
Chỉ hồng buộc chặt mối lương duyên.

Đọc xong mấy câu thơ đó, mặt thiếu nữ nửa mừng nửa thẹn, không muốn cho Minh Hà hiểu được lòng mình, Kiều Loan dặn :

— Từ nay em đừng đòi chiếc khăn ấy làm gì nữa cho sanh việc lôi thôi. Chàng có nhờ đưa thơ cũng đừng nhận nữa, coi như việc đó không có gì vậy.

Tuy nhiên, dù làm ra vẻ điềm tĩnh đến đâu, lòng thiếu nữ đang xuân cũng không khỏi xúc động vì mối tình đầu, làm sao trấn an được sóng lòng. Kiều Loan bỏ đi nằm một lúc rồi ngồi dậy cất bước đi quanh khuê phòng. Cuối cùng nàng quyết định lấy tấm hoa tiên để thơ phúc đáp :

Thiếp thân nhất điểm ngọc vô hà
Linh thi hầu môn tướng tướng gia
Tình lý hữu thân đồng đối nguyệt
Nhàn trung vô sự độc khán hoa
Biết ngô chi hứa lai kỳ phương
Thúy trúc nang dung nhập lãi nha

Kỳ dữ dị hương cô lãnh khách
Mặc tương tâm sự loạn như ma.

Dịch :

Thân em như khối ngọc trong lành
Khuê các sớm chiều với tuổi xanh
Ngày vắng dạo xem hoa dưới mái
Đêm thanh thưởng thức nguyệt bên mành
Cành ngô phượng vĩ chen màu biếc
Khóm trúc ô môn đượm mảnh tình
Nhắn nhủ phượng xe người lữ khách
Đừng trao tâm sự rối ren lòng.

Viết xong, Kiều Loan đưa cho Minh Hà, dặn đi theo ngả sau, đừng để ai thấy, trao cho Tống Ngọc.

Minh Hà làm đúng lời dặn, cầm thơ lẻn ra cửa sau. Giữa lúc đó Tống Ngọc cũng nóng lòng chờ đợi thơ phúc đáp của Kiều Loan.

Thấy Minh Hà bước ra, Tống Ngọc hỏi :

— Tiểu thư có phúc đáp rồi chứ ?

Minh Hà tủm tỉm cười tinh quái nói :

— Có, nhưng công tử phải trả chiếc khăn cho tôi trước đã.

Thấy dáng điệu của Minh Hà cũng dễ mến, Tống Ngọc mỉm cười đáp lễ, nói giọng cợt đùa :

— Tiểu thơ cô đã phúc đáp, tôi tưởng chiếc khăn kia không cần thiết nữa. Hãy đưa thơ cho tôi rồi sẽ hay.

Minh Hà trao tấm hoa tiên cho Tống Ngọc, chàng trai đa tình khẽ cười, mở ra đọc. Bao nhiêu lời lẽ trong

thơ khiến Tống Ngọc khâm phục vô cùng. Tài sắc ấy ngàn vàng khó mua. Mặc dù Tống Ngọc là kẻ sàm sỡ, đa tình, tuổi còn trẻ nhưng một tay đã mở biết bao khóa động đào để vào hái hoa bắt bướm.

Tống Ngọc nói với Minh Hà :

— Cô chờ tôi một chút, tôi có bức thơ này cần gởi lại.

Rồi chàng về phòng, viết một bài thơ tứ tuyệt đem trao cho Minh Hà.

Từ đó, thơ qua thơ lại, mối tình vừa chớm nở thì cũng vừa khắng khít trên lãnh vực văn chương thi họa.

Còn Minh Hà là cánh chim xanh, cứ đi đi lại lại mãi để chắp nối tình cảm hai bên.

Thời gian sau, Kiều Loan gợi ý Tống Ngọc tính chuyện mai mối, nhưng Tống Ngọc chần chờ mãi, viện cớ song đường còn bận việc, chưa rảnh rang. Trong lúc đó, Tống Ngọc luôn tỏ ý muốn gần gũi Kiều Loan về xác thịt.

Tình yêu đến mức say đắm rồi thì dù cho sông sâu, núi cao đến đâu cũng không ngăn cách nổi. Hơn nữa, Tống Ngọc là chàng trai trẻ đẹp, Kiều Loan là cô gái quốc sắc thiên hương, khi đã gần gũi nhau thì khó mà gìn giữ nổi. Một chiều, Tống Ngọc lén đến vườn hoa gặp Kiều Loan tỏ ý muốn sang phòng hương một lần cho biết.

Kiều Loan e thẹn đáp :

— Tuổi trẻ có ý cuồng loạn, mong muốn những chuyện vu vơ, chỉ sợ sau này hối hận.

Tống Ngọc thề thốt hết lời, nhưng Kiều Loan thần thờ chưa chấp nhận.

Tuy nhiên, lúc Tống Ngọc ra về thì Kiều Loan lại sai Minh Hà đem đến một tấm hoa tiên, Tống Ngọc mở ra xem :

Ám tương tế ngữ ký anh tài
Thảng hướng nhân tiện mạc loạn khai
Kim dạ hương khuê xuân bất toả
Nguyệt di hoa ảnh, ngọc nhân lai.

Dịch :

Đôi lời xin ngỏ cùng ai
Nỗi riêng chớ để người ngoài thị phi
Phòng xuân mở rộng đêm nay
Bóng hoa rung động gót lài rẽ sang.

Được thơ này, Tống Ngọc như điên đại, trong lòng rộn lên, ngồi đứng không an.

Đêm ấy, hoàng hôn vừa rủ bóng, vầng trăng vừa ló dạng trên đỉnh núi như tò mò nhìn vào đáy lòng thầm kín của kẻ đang say sưa cuồng nhiệt. Bên rèm, mấy đóa hoa như đang hững hờ chờ hứng những giọt sương đêm. Tống Ngọc vội vàng nhẹ bước đến tường Đông, đôi mắt sáng ngời như muốn chọc thủng màn đêm đang bao quanh căn phòng nhốt một mùi hương ngọt ngào.

Khi đến cửa phòng, thấy Minh Hà mặt buồn thiu. Cô gái hóm hỉnh ấy lẽ ra có những cử chỉ vồn vã, nhưng má hồng đang độ xuân xanh, nghĩ đến phận mình mà buồn tủi... trước người thanh niên tuấn tú ấy.

Kiều Loan lúc ấy cũng đang đi đi lại lại trong phòng có ý trông chờ khắc khoải. Nhưng lúc Minh Hà

dẫn Tống Ngọc đến, nàng bỗng đổi nét mặt lạnh lùng, sai Minh Hà mời người cô là Di Nương đến để hội kiến.

Tống Ngọc lòng đang rạo rực, sáng ngời như chứa đựng một trời sao, bỗng thấy thái độ Kiều Loan, chàng ngạc nhiên không hiểu gì cả, mặt mày xám ngắt, lòng em thấy một mối e dè lo sợ.

Kiều Loan thấy vậy thương hại, mỉm cười nói :

— Thiếp vốn là người đoan chính, mong chàng cũng không phải là kẻ phàm phu. Sở dĩ ngày hôm nay chúng ta yêu nhau là do chữ sắc tại trở thành keo sơn gắn bó. Đa yêu chàng thiếp còn đâu tiếc lấy thân, xong chỉ sợ vườn xuân cảnh bướm, biết lòng kia có giữ được lời nguyện ước hay không. Vậy chúng ta hãy cùng nhau đọi trước thần minh mà thề thủy chung đầu bạc, nếu không thề tế ra chúng ta đã vì ân ái mà quên nghĩa đá vàng.

Giữa lúc đó, Di Nương bước vào, Tống Ngọc nhờ Di Nương đứng ra chứng dám lời thề nguyền, nguyện với Kiều Loan sắc cầm trăm năm không thay đổi.

Di Nương nói :

— Hai cháu muốn ta chứng kiến thì phải lập lời thề, lưu lại để làm bằng cớ.

Tống Ngọc không chút e ngại, vội lấy giấy bút viết lời minh thệ. Di Nương cười nói :

— Ta thử lòng công tử đó thôi, tình yêu ở tại lòng người, không phải bằng lời nói.

Dứt lời, Di Nương đem rượu và hoa quả đến, ba người ngồi uống rượu cho đến khuya.

Di Nương cáo từ, Tống Ngọc và Kiều Loan đưa nhau vào phòng hương để xem hoa nở trong sương khuya.

Tiếng gà dục sáng, Kiều Loan thẹn thùng nói nhỏ với Tống Ngọc :

— Cuộc đời và thân thiếp đã gởi cho chàng rồi, nay chỉ mong chàng giữ lấy lời thề, để cành hoa không vì gió đồng mà phải phai sắc. Từ nay về sau nếu có dịp, thiếp sẽ sai Minh Hà đến đón chàng, đừng quá tự do mà sinh ra dị nghị.

Tống Ngọc từ giã. Kiều Loan sai Minh Hà đưa ra tận khu vườn. Đôi mắt Minh Hà bùi ngùi chứa đựng một tâm hồn kín đáo, khó ai hiểu nổi.

Từ đó, đôi trai tài gái sắc không còn xướng họa bằng tâm hồn thi thơ nữa, mà bằng thể xác. Cứ vài ba ngày thì Kiều Loan lại sai Minh Hà đi đón Tống Ngọc. Tương Đông như rộn ràng hoa bướm.

Khổ thay, Minh Hà lúc đó vẫn là một đóa hoa phơi phới cành xuân, buồn riêng có đọng để rồi một ngày thổ lộ hết nỗi lòng mình. Tống Ngọc, một chàng trai trẻ đa tình, rạt rào yêu đương, khi hoa bướm đã gần nhau, dù là hoa rừng bướm dại đi nữa, làm sao khỏi cảnh trùng phùng. Thế là câu chuyện « Sứ giả... thánh hoàng » lại diễn ra âm thầm trong cảnh sớm khuya hầu hạ đài trang của những kẻ tôi đòi bất hạnh.

Thời gian lặng lẽ trôi, cuộc yêu đương thầm kín cũng êm đềm như nước chảy, thì một hôm, Tống Ngọc ngỏ ý cầu hôn.

Vương Thiên Hộ lâu nay nghe Tống Ngọc là một chàng trai chuyên bề trăng gió, sắc đẹp và văn chương

của chàng đã làm cho biết bao giai nhân lầm lỡ, nên nhất định không gả Kiều Loan cho Tống Ngọc.

Nhưng Vương Thiên Hộ làm sao biết được, trong ba năm trời, nơi tường Đông bướm ong đã quấy động, và chính Kiều Loan, con gái của ông cũng đã chung số phận với các giai nhân lỡ làng, góp phần đánh giá chàng trai Tống Ngọc, một chàng trai nổi tiếng trong làng chơi.

Tống Ngọc bị từ hôn, thả bước giang hồ, tiếp tục cuộc đời trăng gió. Riêng Kiều Loan, từ ngày vắng Tống Ngọc đã mang bệnh trầm tư, hình vóc gầy gò, mỗi ngày một kiệt sức.

Trước khi chết, nàng đã cầm bút viết ba mươi bài thơ tuyệt mệnh và một bài *Trường hận ca.*

19. CHỈ HỒNG

Chỉ hồng, chỉ đỏ là dịch chữ « hồng ty », lấy điển tích « ông tơ bà nguyệt », nói lên duyên chồng vợ.

Trong cổ văn Việt Nam, ngay cả trong chuyện dân gian, khi nói đến duyên vợ chồng đều dùng điển tích « Ông tơ bà nguyệt ».

Trong truyện Kiều, lúc Kim Trọng và Thúy Kiều yêu nhau, Kim Trọng hỏi về duyên nợ mai sau, Thúy Kiều nói :

Dẫu khi lá thắm chỉ hồng
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

Những câu nói trong dân gian như *tơ hồng vương vấn* hoặc *nguyệt lão xe tơ* đều lấy trong điển tích *ông tơ bà nguyệt.*

Về điển tích này, có nhiều sách chép lại, ngay trong truyện cổ tích cũng có ghi.

Theo sách *Thần tiên truyện* thì vào thời Nguyên Hòa nhà Đường, có một viên quan đại thần rất giàu sang, thuộc vào hàng danh gia vọng tộc.

Thuở ấy, trong nước thanh bình, thỉnh thoảng viên quan đại thần tổ chức các cuộc săn bắn trong rừng sâu để tiêu khiển.

Quan đại thần họ Chung tên Thôi, tự là Hi Minh, nổi tiếng là người có tài an bang tái thế.

Chung Thôi có một người con trai tên Chung Hạo, nối nghiệp nho gia, mới 12 tuổi đã thông minh đĩnh ngộ, văn hay chữ tốt, khắp triều thần ai cũng khen. Mỗi lần các quan đại thần trong triều mở tiệc đãi thì Chung Thôiđều dẫn công tử Chung Hạo đi theo để làm thơ, ngâm vịnh, trổ tài thơ văn với các bậc tài hoa trong nước.

Tuy còn nhỏ, nhưng Chung Hạo chắc chắn sẽ trở thành danh nhân sau này, nên các bậc danh gia vọng tộc trong nước đều ước mơ có được con gái sắc tài để kén chàng rể Đông sàng.

Phần vì Chung Hạo thấy được mọi người ngợi khen và kính trọng nên cũng đem lòng tự phụ trước mọi sắc đẹp kiều diễm của giai nhân.

Nhiều lúc bọn quan thần vui đùa, giới thiệu chàng với các tiểu thơ cùng lứa tuổi, nhưng chàng chẳng những không vui, lại còn rầy la, quở mắng :

— Sau này ta sẽ tìm một nàng quốc sắc thiên hương mới chịu sánh đôi.

Chung Hạo lại thường theo cha vào rừng săn bắn, ngoài những lúc bận rộn trong thú vui cầm kỳ thi họa.

Một hôm, Chung Hạo đi săn, mải đuổi theo một con thỏ nên lạc vào rừng sâu, chàng đi mãi không thấy lối ra mà mỗi lúc rừng càng hoang vu.

Một mình trong rừng rậm, chàng trai nhỏ tuổi kia cảm thấy mình yếu đuối, bất lực trước một khung cảnh âm u dày đặc. Bất giác chàng thét lên, nhưng khi tiếng thét dội lại, cũng chỉ thấy bóng chàng với rừng rậm, không một ai nghe cả.

Chàng cắm đầu chạy, như để trốn cảnh hoang vu, lạnh lùng đang bao quanh chàng.

Trời tối dần...

Bóng tối gieo vào lòng chàng một nỗi khủng khiếp vô bờ. Mà chàng đã quen sống với cảnh kẻ hầu người hạ giữa chốn kinh thành náo nhiệt, đâu hiểu được cảnh hoang vu ghê sợ này.

Tuy nhiên, khi vầng trăng sáng lên từ góc trời đông, đã có thể phân định được phương hướng nhưng cũng không thể tìm đường ra được trong đêm tối.

Với trí khôn, chàng định leo lên một cây cao để tránh tai họa thú rừng.

Chàng vừa nghĩ vừa đi tới trước mặt. Bỗng dưới ánh trăng nghe tiếng suối chảy rốc rách, chàng đang lúc đói khát, lần đến lấy nước uống.

Ánh trăng, mặt nước tỏa ra một bầu không khí làm cho lòng nàng bớt cô đơn sợ sệt.

Chàng đưa mắt nhìn xa xa, dưới ánh trăng bỗng thấy có một bà lão, ngồi bên một động đá, đang xe chỉ.

Chung Hạo đến nơi, thấy bà lão tóc bạc như sương ngồi xe chỉ đỏ dưới ánh trăng vàng.

Chung Hạo kính cẩn nói :

— Tiểu nhân đi săn, lạc đường vào rừng sâu, không biết đường về, xin hỏi lão bà đây là nơi đâu ? Tại sao lão bà ngồi một mình xe chỉ đỏ dưới trăng.

Bà lão liếc nhìn Chung Hạo rồi cúi xuống xe chỉ, đáp :

— Đây là động tiên, ta là nguyệt lão, ta đang ngồi xe duyên cho những đôi vợ chồng yêu nhau dưới trần gian.

Chung Hạo nghe nói lấy làm lạ hỏi :

— Lão bà xe như vậy mà dưới trần gian trai gái yêu nhau sao ?

Nguyệt lão đáp :

— Phải, đây là dây tơ hồng, hễ ta xe nhiều thì trai gái thương nhau nhiều, xe ít thì trai gái thương nhau ít. Việc yêu đương ở dưới trần gian là quyền ở ta. Ta muốn xe đôi trai gái nào thành vợ chồng thì đôi trai gái ấy kết duyên và không xa lìa nhau được.

Chung Hạo động tánh tò mò hỏi :

— Lão bà có thể cho tiểu nhân biết sau này tiểu nhân sẽ kết duyên với ai không ?

Lão bà đưa mắt nhìn vào cửa động, ở đó có một ông lão đang chăm chú nhìn vào cuốn sách dày cộm, nói :

— Đó là việc của ông tơ. Công tử nên hỏi ông già kia.

Chung Hạo bước lại cửa động, cúi chào một ông già râu tóc bạc phơ hỏi :

— Xin phiền lão trượng cho biết tiểu tử sau này được xe duyên với ai ?

Ông lão hỏi :

— Công tử tên gì ? Con ai ?

Chung Hạo đáp :

— Tiểu nhân tên Chung Hạo, con quan đại thần Chung Thôi, ở tại kinh thành nhà Đường.

Ông lão lật sổ bộ, tra cứu một hồi rồi nói :

— Sau này công tử sẽ được xe duyên với con gái mụ ăn mày ở chợ Đông, gần kinh thành, nàng tên Tố Lan

Chung Hạo trố mắt nhìn ông lão :

— Tôi là con quan đại thần, giàu sang nhất thế sao lại lấy con gái mụ ăn mày làm vợ. Xin ông đừng chế nhạo tôi.

Ông lão cười :

— Công tử đừng nóng giận. Đó là duyên trời định.

Quả sức bất bình, Chung Hạo quày quả ra đi, không một lời từ giã. Trong lúc đó, ông tơ vẫn cắm đầu tra cứu sổ bộ, bà nguyệt vẫn ngồi xe chỉ đỏ không lơi tay.

Chung Hạo mang sương, đội gió chạy suốt đêm trong rừng, không cần lựa chọn hướng ra. May thay, trời tờ mờ sáng, chàng gặp đội quân của triều đình đang tỏa ra tìm kiếm.

Quân sĩ dẫn chàng về tư dinh của quan đại thần Chung Thôi. Vợ chồng Chung Thôi tìm lại được con mừng rối rít, trong lúc đó Thôi Hạo buồn bã biếng ăn biếng nói, cũng không lộ ra cho ai biết câu chuyện chàng đi săn lạc vào rừng gặp ông tơ bà nguyệt đang xe chỉ đỏ.

Buồn bã vì nghĩ đến thân phận một công tử phong lưu, tài kiêm văn võ, con quan đại thần lại phải lấy con gái mụ ăn mày ở chợ Đông làm vợ thì sống để làm gì.

Thấy công tử Chung Hạo tánh tình đổi khác, biếng ăn, ít nói, một tên gia đồng theo hầu hạ lựa lời hỏi han. Chung Hạo vẫn không thố lộ nỗi buồn của mình.

Một hôm, Chung Hạo nói với tên gia đồng :

— Ngươi theo ta xuống chợ Đông xem chơi có được không ?

Tên gia đồng hỏi :

— Xuống đó làm gì ? Công tử cần gì thì sai tôi tớ đi cũng được, cần gì phải đến đó.

Chung Hạo nói :

— Ta chỉ muốn tận mắt xem cảnh mua bán ở chợ Đông mà thôi.

Tên gia đồng ngỡ là Chung Hạo buồn lòng muốn dạo chơi cho vui, nên không ngăn cản. Hai thầy trò dắt nhau đến chợ.

Mục đích là Chung Hạo đến để xem thử có mẹ con mụ ăn mày như ông tơ, bà nguyệt đã nói không.

Khi đến nơi, sau một lúc dạo chơi trong chợ, Chung Hạo quả thấy có mụ ăn mày rách rưới, hai mắt mù lòa, tay cầm một cái bị, miệng lẩm nhẩm van xin bố thí. Đằng trước có một con bé đang cầm tay dắt đi.

Chung Hạo thất kinh lẩm bẩm :

— Đúng là mụ ăn mày chợ Đông rồi, chẳng biết đứa con gái kia có phải tên là Tố Lan không ?

Chung Hạo bảo tên gia đồng đến hỏi xem đứa con gái dắt mụ ăn mày tên gì, thì được mọi người cho biết con bé tên là Tố Lan.

Không còn nghi ngại gì nữa, trên động tiên kia, ông tơ bà nguyệt đã nói đúng rồi ! Chàng thở dài một tiếng, bước theo con bé dắt mụ ăn xin, nhìn tận vào mặt con bé thì thấy con bé vào khoảng chín tuổi, mặt mày dơ dáy không thấy rõ làn da, chỉ thấy đôi mắt đen huyền trong chiếc khăn che mặt rách nát.

Chung Hạo lại càng buồn bã hơn, dắt tên gia đồng trở về dinh.

Từ đó Chung Hạo không dám ra khỏi cửa, mặc cảm sau này chàng sẽ lấy con bé ăn mày mà lòng tê tái.

Một hôm, Chung Hạo suy nghĩ một cách táo bạo :

— Không thể chôn vùi cuộc sống tương lai của ta trong định mệnh được. Ta phải tìm cách giết chết con bé ăn mày kia đi, xem ông tơ bà nguyệt lấy gì xe duyên ta với con bé đó.

Chung Hạo cho đó là phương pháp hay nhất để giải thoát đời mình.

Thế rồi một hôm chàng lén đến chợ Đông một mình, tay cầm một hòn đá lớn, thừa lúc con bé dắt mụ ăn mày đi tới cửa, chàng ném hòn đá vào đầu con bé rồi cắm đầu bỏ chạy không cho ai thấy.

Những người trong chợ nghe con bé ăn mày bị hãm hại xúm nhau cứu chữa. Rồi từ đó, chợ Đông không thấy bóng mẹ con mụ ăn mày dắt nhau đi xin ăn nữa.

Sau khi ném đá vào đầu con bé ăn mày, Chung Hạo cho người đi thăm dò. Bọn gia đồng về báo tin không còn thấy mẹ con mụ ăn mày ở chợ Đông nữa. Tin ấy làm cho Chung Hạo an tâm, trở lại vui vẻ như cũ, trau dồi thi phú văn chương, nổi tiếng là một danh nhân nơi kinh thành.

Thời gian trôi trong quên lãng !

Cho đến bảy năm sau.

Tại huyện Trúc Giang, có con gái quan Thái úy nổi tiếng là một giai nhân sắc nước hương trời, có nghề cầm kỳ thi họa nổi tiếng. Các công tử gần xa ngày đêm đến cầu thân nhưng chưa ai lọt được mắt xanh. Nàng tên Tố Lan.

Bấy giờ, Chung Hạo cũng chưa thành gia thất. Chàng cũng có yêu một vài cô nương nhưng không được tình yêu của các nàng đó đáp lại cho nên vẫn lạnh lùng một thân. Chính vì tánh kiêu của chàng mà trước đây nhiều giai nhân đã cự tuyệt.

Nhân một hôm có dịp đến huyện Trúc Giang, Chung Hạo bấy lâu nghe đồn cũng muốn thử xem tiếng tăm của nàng Tố Lan có thực là một mỹ nhân xuất chúng hay không. Chàng thuê một phòng trọ trước mặt phủ đường, có đem theo một tên tùy tùng để sai khiến.

Thường ngày Chung Hạo ăn mặc chỉnh tề, ra vào với phong độ một nho sinh tuấn tú, khiến khắp vùng ai cũng để ý đến.

Rồi một chiều, Chung Hạo trông thấy nơi ngôi biệt thự nhỏ phía phủ đường có bóng mỹ nhân tha thướt sau bức rèm the, hình như đang để ý đến chàng.

Đoán chắc đó là nàng Tố Lan, mỹ nhân đang được thiên hạ đồn đãi, tiếng tăm đến tận kinh thành. Chàng tìm cách cầu thân, để được xem mặt người ngọc.

Cuộc diện kiến bất ngờ diễn ra trong phòng khách của Tố Lan, trong lúc cha nàng đang bận việc công, mấy hôm liền chưa về.

Từ ngày thấy mặt Tố Lan, Chung Hạo cảm thấy như say bởi nỗi nhớ nhung, yêu mến. Từ nét mặt hài hòa đến tánh tình hiền hậu, tài ba lỗi lạc, tất cả như ghi vào lòng chàng mối cảm hoài mà chàng chưa từng thấy trong lúc tiếp xúc với các mỹ nữ giàu sang khác.

Qua một thời gian trọ lại khách sạn, Chung Hạo quyết định trở về nói với Chung Thôi, phụ thân chàng để tính đường mai mối.

Quan Thái úy Trúc Giang thấy hai bên đã vừa đôi vừa lứa, nên tác thành hôn nhân.

Thế là Chung Hạo và nàng Tố Lan trở thành đôi uyên ương yêu nhau thắm thiết.

Một hôm nàng Tố Lan gội đầu, Chung Hạo thấy vợ mình có một vết thẹo lớn, liền hỏi :

— Người đẹp thế kia, tại sao có thẹo như vậy?

Tố Lan mỉm cười, kể cho chồng nghe :

— Lúc nhỏ thiếp là con một bà ăn mày ở chợ Đông. Trong lúc đang dắt mẹ đi xin, đến đầu chợ thì bị một chàng trai ném vào đầu thiếp một viên đá lớn, làm thiếp ngất xỉu. Thân mẫu thiếp mù lòa không sao chăm sóc được, nhờ bà con buôn bán cứu chữa, và hàng ngày cho tiền sinh sống. Sau đó, thân mẫu từ trần, đem thiếp cho quan Thái úy làm dưỡng phụ. Từ đó, thiếp được nuôi dưỡng tử tế, cho ăn học và giúp cho dưỡng phụ công việc bút nghiên ở công đường. Trong thời gian đó, có nhiều công tử khắp nơi đến xin cầu thân nhưng dưỡng phụ thiếp không vừa ý kén rể. May mắn, chàng vừa tỏ lời thì dưỡng phụ của thiếp lại bằng lòng ngay. Chúng ta đẹp duyên ngày nay thật là duyên nợ.

Chung Hạo nghe nói nhớ lại chuyện cũ ở chợ Đông nơi kinh thành, giật mình và nhớ lại tên Tố Lan cũng chính là tên cô gái ăn mày lúc trước. Hôm nay sắc đẹp của nàng Tố Lan đã xóa nhòa tất cả hình bóng xấu xa, rách rưới của đứa trẻ dắt mẹ đi xin ngày nào.

Chung Hạo yêu mến Tố Lan và tin tưởng vào việc *thiên định*, xem việc vợ chồng là duyên giai ngẫu.

Đợi cho Tố Lan gội đầu xong, chàng cầm bút thảo mấy dòng thơ :

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng
Ẩm ngã trà hề hoàn ngã trăng
Đô thành huê cổ dĩ chinh đông

Dịch :

Có duyên ngàn dặm xa càng gặp
Không duyên tận mặt vẫn cách lòng
Uống trà xin trả ly không
Đô thành trống đã thì thùng về trưa.

20. LÁ THẮM

Lá thắm tức hồng diệp, một danh từ dùng để chỉ việc thư từ, tin tức, liên hệ giữa gái trai để tạo nên tình cảm yêu thương.

Trong thơ văn Việt Nam có câu :

Ngăn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh

Trong truyện Kiều cũng có câu :

Dẫu khi lá thắm chỉ hồng
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha

Trong các câu đối xưa, văn nhân thường mượn điển tích *Lá thắm* để đánh dấu việc quen biết ban đầu của các đôi uyên ương.

Đây là câu đối dùng những danh từ mang nhiều màu sắc của vợ một anh thợ nhuộm thờ chồng :

Thiếp từ lá thắm đưa tin, khi vận tía lúc cơn đen điều dại điều khôn nhờ bố đỏ.

Chàng nay suối vàng xa cách, thiếp má hồng con răng trắng, tím gan, tím ruột với trời xanh.

Điển tích *Lá thắm* lấy ở trong truyện *Tình sử Trung Quốc*, diễn tả mối tình ngăn cách giữa chàng nho sinh Kim Ngọc và nàng tiểu thư Kiều Nga.

Thân phụ Kiều Nga là Kiều Công Di làm quan đi trấn nhậm tại Tây Đô thuộc nước Sở. Bấy giờ, quanh vùng có nhiều trộm cắp, dân tình không được an cư, nên việc canh phòng rất nghiêm ngặt, mọi người dân qua lại bên thành đều bị xét hỏi kỹ càng.

Có lần tiểu thư Kiều Nga trong một trường hợp gặp gỡ bất ngờ đã để ý yêu một chàng nho sinh tên là Kim Ngọc ở ngoài thành. Kim Ngọc vốn nghèo nàn, đang theo việc bút nghiên nên không dễ dàng tìm gặp Kiều Nga để tâm tình được, hai bên thương nhớ trông mối tình ngăn cách.

Ngày ngày Kim Ngọc ra nơi bờ sông để buồn mơ nhìn về phía tây thành. Đây là một dòng sông chảy từ bên ngoài vào nội thành. Kim Ngọc nẩy ra một ý, chàng hái lá cây, dùng bút viết lên những tình cảm nhớ thương của mình, rồi thả xuống nước, nhờ dòng nước đưa lá thơ vào nội thành.

Bấy giờ, nàng Kiều Nga trong thành cũng thương nhớ chàng nho sinh Kim Ngọc nhưng không sao liên lạc được, hàng ngày nàng ra ngồi nơi bờ sông (Con sông từ ngoài chảy vào) để mơ tưởng. Do đó, khi chiếc lá có đề thơ của chàng nho sinh trôi đến, nàng Kiều Nga vớt được, và biết chàng Kim Ngọc ở ngoài thành cũng nhớ thương mình không ít. Thế rồi nàng lại hái lá viết thơ phúc đáp, mượn dòng nước đưa lá thơ ra ngoài thành. Chàng nho sinh bên ngoài hy vọng Kiều Nga vớt được lá thơ của mình và trả lời, nên đón ở dòng sông bên dưới vớt lá.

Khi đôi trai gái đã tìm được cách gởi thơ thì dòng sông trở thành dòng lá thắm. Và điển tích *Lá thắm* từ đó được các văn nhân thi sĩ dùng để nói đến việc thư từ giữa trai gái.

Nói đến việc thư từ giữa trai gái còn có tích *chim xanh* cũng cùng một ý nghĩa ấy. Chim xanh là loại chim dùng để đưa thơ. Những đôi tình nhân đã dùng loại chim này để trao đổi thư từ, nên khi nói đến *Chim xanh* tức là nói đến sự liên lạc giữa trai gái yêu nhau. Trong bài thơ của thi sĩ Quách Tấn có câu :

Hỏi thăm tin tức bao gì lại
Con thước qua sông vẫn ỡm ờ

Trong Kiều có câu :

Tin sương luống những rày mong mai chờ.

Tin sương có nghĩa là tin tức qua *Chim xanh*.

21. HỮNG HỜ CHÀNG TIÊU

Trong truyện Kiều, lúc Kim Trọng gặp lại Thúy Kiều sau 15 năm xa cách, Kim Trọng nói với nàng Kiều :

Có điều chỉ nữa mà ngờ

Khách qua đường để hững hờ chàng tiêu.

để tự vi mình như một khách qua đường nếu Kiều cứ một mực hững hờ không chịu cùng chàng nối lại duyên xưa.

Điển tích *Khách qua đường* trên đây trong *tinh sử* Trung Quốc có chép đại để nói lên mối tình lâm ly và đồng thời cũng ca tụng cách sử thế của một kẻ quyền cao chức trọng đối với tình nghĩa của con người.

Vào đời Khai Nguyên, có chàng Thôi Giao đã đỗ tú tài, nhưng buồn thay nhà lại nghèo xơ xác, không thể nào tiến thân được trong xã hội tham ô, chỉ biết có tiền bạc.

Trong lúc đó, cả về đường tình ái, chàng cũng không thể tránh được những khổ tâm trong cuộc sống.

Chàng có yêu một thiếu nữ diễm kiều, giỏi về thi phú, đờn ca múa hát, nhưng nàng nhà cũng nghèo không kém Thôi Giao, phải đem thân làm tỳ nữ cho người cô của Thôi Giao.

Có lẽ tình yêu của đôi nam nữ này cảm thông được cái nghèo nàn trong cuộc sống nên càng yêu nhau tha thiết.

Thôi Giao thường đến thăm người cô và chuyện trò với nàng Lục Châu, người yêu của chàng đang sống trong cảnh buồn tẻ cô đơn.

Nàng Lục Châu không còn cha mẹ, anh em, không nơi nương tựa. Nếu được một chàng công tử cao sang gá duyên thì cũng đỡ khổ, đằng này chàng tú tài Thôi Giao tuy có tài học giỏi, nhưng nghèo nàn đến nỗi không sao giúp đỡ được người yêu của mình.

Người cô thấy Lục Châu và Thôi Giao yêu nhau tha thiết, cũng muốn tác thành hôn nhân, nhưng Thôi Giao không làm sao có tiền để tổ chức hôn lễ được.

Thời gian qua, người cô của Thôi Giao làm ăn sa sút, mỗi ngày một túng thiếu, không còn có thể nuôi nổi tỳ nữ Lục Châu, nên phải đem nàng bán cho vị Liên Súy tên là Vũ Đinh để lấy bốn mươi vạn đồng tiền.

Trong lúc chia tay, nàng Lục Châu đau đớn vô cùng, nhưng hoàn cảnh không biết phải làm sao hơn.

Khi về hầu hạ Vũ Liên Súy, nàng thị tỳ Lục Châu được Vũ Liên Súy hết mực yêu thương, quí mến, đối đãi rất tử tế, xem như một người có quyền uy trong gia đình.

Về phần chàng Thôi Giao thì từ lúc mất người yêu, trong cảnh nghèo khổ lại càng làm cho chàng đau đớn thêm. Chàng nghĩ nàng Lục Châu đã về phủ đường Liên Súy rồi thì còn hy vọng gì nối lại duyên xưa nên chàng cố quên đi, mà không sao quên được.

Ngày tháng trôi trong đau thương, nhớ tiếc làm cho Thôi Giao quên ăn, bỏ ngủ, rồi dần dần vì quá tương tư nên chàng lâm bệnh.

Sức chàng yếu mòn, nhưng chàng vẫn ráng gượng lần ra đường, đến trước cửa phủ Liên Súy để hy vọng được trông thấy dung nhan của con người mà chàng đang mong nhớ.

Chàng tự xưng mình là Tiêu Lang (nghĩa là chàng trai nghèo khó) để tự tách mình khỏi những xa hoa, phù phấn trước mắt.

Ngày nào Thôi Giao cũng thẫn thờ trước cổng phủ đường, cực khổ lắm chàng mới thấy được bóng nàng Lục Châu, diêm dúa trong áo quần, đang chăm lo công việc cho Vũ Liên Súy. Cứ mỗi lần như thế thì chàng *Tiêu* lại hững hờ quay mặt đi nơi khác, sợ nàng Lục Châu trông thấy chàng.

Có lần nàng Lục Châu, người thị tỳ của Vũ Liên Súy, cưỡi ngựa qua đoạn đường trước cổng, nơi chàng Thôi Giao mặt mũi gầy gò đang đứng ngóng trông, nhưng chàng Thôi Giao cũng làm ra vẻ hững hờ quay mặt đi nơi khác.

Hôm ấy nàng Lục Châu có trông thấy chàng, nhưng nhìn thái độ hững hờ, không hiểu được lòng chàng nên không dám lại gần.

Và từ đó lòng Lục Châu cũng đau khổ, nhớ nhung không kém Thôi Giao. Hai luồng đau khổ đã gặp nhau, thì những biến chuyển về tâm tư làm sao giữ được. Thế là một hôm, nàng Lục Châu gặp Thôi Giao bên đường, nàng đã ôm Thôi Giao mà khóc sướt mướt.

Bấy giờ, chàng *Tiêu* cũng không còn làm mặt hững hờ được nữa, hai bên kể lể tình cũ nghĩa xưa và sự nhớ nhung cách biệt. Khi hai người từ giã nhau, Thôi Giao viết mấy câu thơ tặng nàng Lục Châu, tự xưng là Tiêu Lang.

Công tử vương tôn trực hậu trần
Lục Châu thúy lệ thấy la cân
Hầu môn Nhất thập nhâm như hải
Tùng thử Tiêu Lang thị lộ nhân.

Nhà văn Ngô Tất Tố có dịch bài thơ này như sau :

Theo chân bao kẻ ngộp mùi hương
Tầm tã khăn the lệ mấy hàng
Một tới cửa hầu sầu tợ biển
Chàng Tiêu từ đó khách qua đường.

Bài thơ của Thôi Giao tặng nàng hầu của Vũ Liên Súy bị một người vốn thù ghét vì cám dỗ nàng Lục Châu không được, nên chép nguyên văn dán trên tường ở phủ đường, cốt để Vũ Liên Súy biết được mà hại Thôi Giao.

Một lần Vũ Liên Súy đi qua, trông thấy bài thơ, liền đứng lại coi, rồi sai lính triệu Thôi Giao đến phủ đường.

Thấy thái độ của Vũ Liên Súy, ai cũng lo cho số phận của Thôi Giao, kẻ nghèo khổ vướng màng tình ái.

Và chính Thôi Giao cũng lo sợ hơn ai hết. Nhưng biết trốn đi nơi nào, đành theo lính vào phủ đường Vũ Liên Súy để chịu tội.

Không ngờ Vũ Liên Súy lại cầm tay Thôi Giao nói

Một tới cửa hầu sầu tựa biển

Chàng Tiêu từ đó khách qua đường !

Những câu thơ này có phải qui nhân làm không?

Thôi Giao không dám chối cãi, nói :

— Tiện nhân xin chịu tội, vì trước kia đã trót lỡ yêu người tỳ nữ ấy.

Vũ Liên Súy nói :

— Ta vẫn nghe qui nhân đậu tú tài, nhưng sức học không phải tầm thường. Chỉ vì nghèo mà phải sống cuộc sống hẩm hiu, lại không thể bảo vệ được tình nhân để phải bán thân làm tôi đòi hết chỗ này sang chỗ khác. Bốn mươi vạn đồng tiền có là bao, nếu qui nhân viết một phong thơ cho tiện chức biết thì đâu đến nỗi mối tình cao qui này phải chôn vùi trong tủi hận.

Nói xong, Vũ Liên Súy liền mời người yêu của Thôi Giao ra, tặng thêm cho nàng nhiều tiền bạc và nữ trang, rồi bảo nàng thay đổi xiêm y lộng lẫy để về với người tình cũ.

Nhờ lòng quân tử của Vũ Liên Súy mà từ đó chẳng những Thôi Giao không bị mất người yêu, mà còn trở nên giàu có.

22. BA ĐÀO

Ba đào là sóng lớn, trong thơ văn xưa có những câu về ba đào như :

Gặp cơn bình địa ba đào

Vầy đem duyên chị buộc vào duyên em

Trong một câu đối của các văn nhân thời xưa có câu :

Vũ vô kiếm tỏa năng lưu khách

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

Điển tích nói về câu *Sắc bất ba đào dị nịch nhơn* trong sách *Dị văn lục* có chép như sau :

Vào năm thứ hai, đời vua Huệ Đế nhà Minh tại huyện Tề Hàng, thuộc tỉnh Sơn Tây có một người học trò nghèo tên Tần Hóa Chiêu tự là Bất Nhứt.

Tần Hóa Chiêu lấy vợ từ năm 17 tuổi. Vợ Hóa Chiêu tên Lương Tiểu Nga, nổi liếng là một trang quốc sắc thiên hương ở vùng Tề Hàng.

Lương Tiểu Nga là con một vị túc nho gia đình lễ giáo. Thuở nhỏ Tiểu Nga được cha mẹ cho theo đòi bút nghiên nên lúc mười hai tuổi nàng đã biết làm thơ, làm phú, đọc thông các sách thánh hiền.

Tần Hóa Chiêu là môn đệ của thân phụ Tiểu Nga. Chàng rất thông minh, ham học, mặt mày sáng sủa, tánh nết đoan trang, chỉ có một điều là nhà nghèo, nên cha nàng Tiểu Nga thương tình gả nàng Tiểu Nga cho, và cho phép Tần Hóa Chiêu được ở rể để lo làm ăn lập nghiệp.

Lương Tiểu Nga càng lớn càng đẹp, các vương tôn công tử trong vùng để ý đến, nhưng là đóa hoa đã có chủ, dù đẹp đến đâu cũng chẳng ai dám lại gần. Nhiều người nhìn sắc đẹp của Tiểu Nga khen Tần Hóa Chiêu là người diễm phúc.

Sau ba năm kết duyên chồng vợ, thân phụ nàng Tiểu Nga vì già yếu qua đời, để lại cho vợ chồng Tiểu Nga một căn phố và ít vốn liếng để buôn bán.

Lương Tiểu Nga là người đảm đang, công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Nàng cùng với chồng mở một gian hàng bán buôn sinh sống trong niềm vui hạnh phúc.

Cuộc sống rất mực êm đềm. Trong vùng có văn nhân thỉnh thoảng đến mua hàng và cùng vợ chồng Tần Hóa Chiêu xướng họa ngâm thơ. Sắc đẹp của Tiểu Nga đôi khi cũng quyến rũ khách say hoa đến mua hàng để được ngắm nhìn người đẹp. Tuy nhiên Tiểu Nga là cô gái đoan trang, mọi ý tưởng trêu hoa ghẹo nguyệt đều bị nàng phản đối.

Bấy giờ, trong vùng có một phú hộ tên Trác Háo Sắc, là một loại cường hào ác bá, thường ỷ tiền, ỷ thế hiếp đáp người cô đơn, hiền lành.

Một hôm, Háo Sắc đi qua cửa hàng của Tiểu Nga, thấy Tiểu Nga đang ngồi vá áo, mà sắc đẹp chói ngời. Nét diễm kiều của giai nhân làm cho nhà phú hộ không sao cất bước đi được.

Háo Sắc nghĩ thầm:

— Làm sao trên thế gian lại có một người đẹp như Tiểu Nga mà sống trong cảnh khó khăn khổ sở, phải làm thân buôn bán qua ngày. Ta không thể không thương hoàn cảnh của nàng được.

Háo Sắc vào cửa hàng Tiểu Nga chơi, mua các món cần dùng. Tiểu Nga tiếp khách ăn nói đoan chính, khiến cho Háo Sắc hiểu rằng với con người như thế không thể dùng những lời trêu trọc được.

Từ ngày thấy mặt Tiểu Nga, Háo Sắc về nhà ngày đêm mong nhớ, luyến thương người thiếu phụ đoan trang ấy, muốn được cái địa vị của Tần Hóa Chiêu để tận hưởng ái ân.

Ý nghĩ ngông cuồng ấy đã khiến cho Háo Sắc quyết tìm mưu lập kế để mua chuộc mỹ nhân.

Háo Sắc dò hỏi biết chồng của Tiểu Nga là Hóa Chiêu vốn nghèo nàn, sống trong tần tiện, không đủ sinh nhai, nên ngày nào cũng đến cửa hàng tìm gặp làm quen với Hóa Chiêu.

Trước lạ sau quen, Hóa Chiêu thấy Háo Sắc vừa mua hàng, vừa giúp đỡ mình thì có ý kính trọng, tiếp đón ân cần và nói với nàng Tiểu Nga lòng tử tế của Háo Sắc.

Tiểu Nga nghe chồng nói tin lời, cùng tiếp đãi Háo Sắc mỗi ngày một thân tình hơn.

Nghe Hóa Chiêu than nghèo. Háo Sắc hứa cho Hóa Chiêu vay vốn để buôn bán trong dịp tết đến. Hóa Chiêu mừng rỡ, đon đả cảm ơn. Quả nhiên, chiều hôm ấy, Háo Sắc đem một ngàn lượng bạc đến cho Hóa Chiêu vay làm vốn.

Được Háo Sắc cho vay vốn, vợ chồng Tiểu Nga mua hàng hóa. Trong dịp tết, vợ chồng Tiểu Nga kiếm được lời khá nhiều.

Đến kỳ trả nợ, vợ chồng Tiểu Nga mang một ngàn lạng bạc đến nhà Háo Sắc, và trả cho Háo Sắc thêm hai trăm lạng bạc tiền lời. Háo Sắc chỉ nhận tiền vốn, còn tiền lời biếu lại cho hai vợ chồng Tiểu Nga.

Vợ chồng Tiểu Nga nài nỉ mãi mà Háo Sắc vẫn không nhận, và nói :

— Tôi là một nhà phú hào, giàu có nhất vùng này, nay được làm bạn với vợ chồng quí nhân, như thế cũng thỏa mãn lắm, nếu vợ chồng quí nhân bắt tôi lấy tiền lời chẳng hóa ra không nghĩ tôi là bè bạn sao ?

Thấy Háo Sắc quá tử tế, ăn nói có vẻ thực lòng, xử sự một cách nhân đạo, vợ chồng Hóa Chiêu vô cùng cảm kích.

Thời gian sau, nhờ vốn của Háo Sắc, vợ chồng Tiểu Nga buôn bán ngày một phát đạt. Mỗi kỳ hàng về, Hóa Chiêu cần bao nhiêu tiền bạc, Háo Sắc cũng đem cho mượn đủ.

Thấy Háo Sắc cho mượn tiền không lấy lời, Hóa Chiêu bàn với vợ :

— Háo Sắc quá tử tế, lẽ nào vợ chồng ta lợi dụng lòng tử tế ấy mãi. Tôi muốn cho Háo Sắc buôn bán chung với chúng ta để chia lời cho Háo Sắc khỏi áy náy.

Nàng Tiểu Nga nghe chồng nói cũng phải, nên không tỏ ý phản đối.

Ba hôm sau, Háo Sắc đến, Hóa Chiêu bàn việc buôn chung. Nàng Tiểu Nga cũng vui vẻ đối đãi với Háo Sắc như người thân trong gia đình.

Còn gì vui vẻ hơn khi được gần gũi mỹ nhân, Háo Sắc đem tiền bạc trao cho Tiểu Nga nói là để góp vốn.

Ba tháng chia lời một lần, Háo Sắc lại đem số tiền ấy biếu cho vợ chồng Tiểu Nga, nói rằng để giúp cho vợ chồng bạn.

Lòng tốt của Háo Sắc càng đưa đến chỗ thân tình hơn. Lúc nào vợ chồng Tiểu Nga áy náy thì Háo Sắc lại bảo là hai vợ chồng Tiểu Nga không nghĩ đến tình bạn.

Những lúc Hóa Chiêu vắng nhà, Háo Sắc cũng không bao giờ đến gặp riêng Tiểu Nga cả. Trong lúc có Hóa Chiêu ở nhà, Háo Sắc đến bàn chuyện cũng không bao giờ liếc xiên nhìn xéo, hoặc trộm ngắm dung nhan của vợ bạn.

Do đó, vợ chồng Tiểu Nga đinh ninh Háo Sắc là người quân tử, trọng nghĩa khinh tài.

Hóa Chiêu còn một bà mẹ già hay đau yếu, mỗi lần bà mẹ Hóa Chiêu lâm bệnh thì Háo Sắc đến thăm, tận tình chăm sóc thuốc men, xem mẹ Hóa Chiêu như mẹ ruột của mình.

Tình bạn bè giữa vợ chồng Tiểu Nga và Háo Sắc kéo dài trong hai năm, không một lúc nào phai nhạt.

Rồi đến kỳ Hóa Chiêu đi Hàng Châu mua đậu, Háo Sắc bàn với Hóa Chiêu :

— Chuyến đi này đường xa diệu vợi, hiền hữu đi một mình không tiện đâu, để tôi đi cùng với may ra có thể giúp hiền hữu bớt mệt nhọc.

Được Háo Sắc cùng đi theo, Hóa Chiêu mừng rỡ nói :

— Hiền huynh bỏ công theo tôi giúp đỡ thì còn gì quí hóa bằng.

Hai người bàn với nhau mượn một chiếc thuyền buôn để chở hàng, vượt sông biển ra đi.

Thuyền ra khơi mấy hôm, vừa đến Hàng Châu thì Háo Sắc nhận được thơ nhà, trong đó có nói đến việc mẹ Hóa Chiêu trở bệnh.

Nhân lúc Hóa Chiêu buồn bực. Háo Sắc sai bọn chèo thuyền mua rượu đem về hai người cùng uống để giải sầu.

Mãi cho đến tận khuya, bọn chèo thuyền đã ngủ hết, Háo Sắc ép Hóa Chiêu uống thật say, rồi xô Hóa Chiêu xuống biển chết chìm. Háo Sắc nói với bọn chèo thuyền là Hóa Chiêu quá say, té xuống sông sâu.

Tỉnh đường điều tra việc này và khám phá ra được chính Háo Sắc giết Hóa Chiêu nên kết án tử hình và làm sổ xin trảm quyết tội nhân Háo Sắc tại huyện Tề Hàng để răn những kẻ háo sắc, mê vợ người rồi dùng kế độc hãm hại chồng.

Tiểu Nga hay được tin này, khóc chồng vì tin bạn mà bị chết oan, lại thấy hai đứa con của Háo Sắc suốt ngày kêu cha khóc thảm thiết, trong lúc Háo Sắc bị giam trong ngục, sắp sửa hành hình, thì lòng đau như cắt.

Tiểu Nga phần thương chồng, phần hối hận vì sắc đẹp của mình mà làm hại cả hai gia đình. Nàng bồng hai đứa con Háo Sắc, lên tận tỉnh đường kêu xin với quan Tổng Đốc cho nàng được chết thay Háo Sắc, để Háo Sắc được về đoàn tụ với vợ con.

Trong đơn xin, Tiểu Nga hoàn toàn đổ lỗi cho sắc đẹp của nàng đã gây ra vụ án. Háo Sắc can tội giết người cũng chỉ vì mê sắc đẹp của nàng mà trở thành

tội phạm. Nàng xin hủy hoại sắc đẹp vì chính nó đã gây nên tội lỗi.

Tuy nhiên, luật pháp trừng trị kẻ giết người chứ đâu có trừng trị người có sắc đẹp bao giờ. Kẻ giết người phải đền mạng, đó là luật công bằng.

Mùa đông năm ấy, vào một buổi sáng tinh sương, tuyết giăng tơ nhuộm trắng cả bầu trời. Ba hồi trống nổi lên nơi pháp trường, bọn đao phủ vung gươm chém bay đầu Trác Háo Sắc. Và qua đó dân trong vùng lưu lại một bài học sau trở thành điển tích :

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

Nghĩa là : *Sắc đẹp không phải là sóng to mà làm chìm đắm con người.*

23. HOA TÀN MÀ LẠI THÊM TƯƠI

Trong truyện Kiều, lúc Kim Trọng gặp lại Thúy Kiều sau mười lăm năm xa cách, tác giả có câu :

Hoa tàn mà lại thêm tươi
Trăng tà mà lại hơn mười rằm xưa.

Điển tích *Hoa tàn trở thành hoa tươi* có chép trong *Tam ngôn truyện* của nước Trung Quốc.

Vào đời vua Nhân Tông nhà Tống, tại thôn Trường Lạc, thuộc huyện Bình Giang, có họ Thu tên Tiên là một nhà ẩn dật, tánh ưa sống trong cảnh an nhàn, cô tịch, không màng đến công danh phú quí. Mọi người gọi ẩn sĩ này là Thu Công.

Thu Công vợ chết sớm, không con, gia tài gồm mấy mẫu đất của cha mẹ để lại, nếu chàng chịu khó chăm sóc ruộng vườn thì cũng đủ cho một cuộc sống phong lưu. Đàng này, Thu Công tính lại thích trồng hoa và suốt đời cũng chỉ thích có hoa mà thôi.

Do đó, bao nhiêu vườn đất, chàng trồng hoa tất cả. Giữa vườn cất một cái trại khá lớn, năm tháng một mình thơ thẩn vào ra lo việc trồng tỉa. Nếu kiếm đâu được thứ hoa lạ, chàng còn quí hơn là tìm được châu báu.

Có bọn người cũng tình quái, thấy chàng Thu Công yêu hoa như vậy nên đi khắp nơi, tìm hoa lạ đem về bán cho Thu Công.

Qua một thời gian, Thu Công bỏ tiền bạc mua hoa, đến độ không còn một đồng trong nhà, phải nhịn ăn nhịn mặc.

Tuy nhiên, để bù lại, vườn hoa của Thu Công mỗi lúc một dồi dào, có rất nhiều hoa quí, nổi tiếng ở đất Giang Nam.

Cứ mỗi sáng, Thu Công dậy sớm, quét dọn trong vườn sạch sẽ, nhặt những cánh hoa rơi đem bỏ vào một cái hộp riêng, cất trong phòng cẩn thận, xong xách nước tưới cây.

Nếu có cụm hoa nào mới nở, chàng đứng bên hàng giờ để nâng niu, ngắm nghía, có khi nhắc ghế ngồi một bên đem rượu uống đến say mèm như thù tạc với người bạn tri âm vậy.

Nếu gặp lúc trời nắng thì chàng đem nước phun cho hoa tươi, nếu gặp trời mưa thì chàng tìm đồ che đậy. Nhất là lúc gió lớn, Thu Công ngồi đứng không an, lo tìm những đồ chống đỡ.

Lúc hoa tàn là lúc làm cho Thu Công đau đớn nhất. Cứ mỗi cánh hoa tàn, Thu Công chờ cho rơi xuống đất rồi nhặt rửa sạch đem cất vào hộp.

Thu Công rất phản đối những kẻ bẻ hoa cắm vào lọ.

Lọ hoa chàng chỉ cắm những cánh hoa rủi ro bị gãy mà thôi. Ngoài ra, những cánh hoa tươi trên cành không bao giờ bẻ cả.

Chàng nói :

— Kiếp hoa mỗi năm chỉ rũ một lần, trong bốn mùa chỉ chiếm được một, và mỗi mùa chỉ nở trong mấy ngày mà thôi. Đời hoa đã mong manh như thế, mà khi hoa nở ta lại đang tay bẻ đi, để làm cho hoa kia mau tàn thì ta độc ác biết bao.

Vì vậy, chàng không bao giờ bẻ hoa, và cũng ghét những kẻ bẻ hoa,

Thời đó, trong thành Bình Giang có một anh chàng họ Trương tên Ủy, vốn là người có quyền thế, tánh nết lại ngang tàng, độc ác, dâm đãng.

Suốt năm tháng chỉ cậy vào thế lực mình để hiếp đáp dân lành. Hễ ai có cái gì đẹp thì nhất định chiếm cho bằng được, bất kỳ là vật gì, cả đến vợ người ta nữa, nếu kẻ nào có chút nhan sắc mà vô phước lọt đôi mắt vọ ấy thì xem như khó thoát.

Dân chúng khắp vùng đều than oán hành động của Trương Ủy, nhưng không biết làm sao, vì Trương Ủy là kẻ có thế lực, đến như các quan phủ, huyện còn sợ thay hướng hồ là dân.

Trương Ủy có nuôi trong nhà một số thuộc hạ, hễ gặp ai có hành vi chống đối lại thói ngang ngược của hắn thì lập tức hắn kêu bọn thủ hạ đến đánh.

Một sớm, Trương Ủy dắt bọn thủ hạ đi qua vùng Trường Lạc, vào quán uống rượu đến say mèm. Khi đi ngang vườn hoa của Thu Công, Trương Ủy nhìn vào thấy hoa nở muôn màu rực rỡ, liền tìm nẻo vào, nhưng quanh vườn ngõ đóng then cài, không sao vào được.

Gặp lúc có người đi ngang qua, Trương Ủy hỏi :

— Đây là vườn nhà ai mà hoa đẹp như thế ?

Người dân lắng nghe hỏi khiếp sợ đáp :

— Thưa công tử, đó là vườn hoa của Thu Công, một người suốt đời chỉ biết yêu hoa mà thôi.

Trương Ủy cau mày hỏi :

— Thu Công trước kia có làm chức gì không ?

— Thưa không. Chàng lâu nay là một ẩn sĩ.

Trương Ủy nghe nói cười híp mắt, lầm bầm :

— Tưởng là một vị quan gia nào to lớn, chứ một anh chàng ẩn sĩ như vậy thì có khó gì mà ta không vào được để xem hoa.

Nói xong, đưa tay vẫy bọn thủ hạ theo mình thẳng đến cửa vườn hoa của Thu Công.

Bọn thủ hạ chạy đến đập cửa ầm ĩ.

Thu Công đang trong vườn ngắm các cành mẫu đơn vừa hé nhụy, bỗng nghe bên ngoài có tiếng đập cửa, vội chạy ra, thấy năm sáu chàng trai lực lưỡng, mặt đỏ gay, nồng nặc mùi rượu đang ra sức phá cổng.

Thu Công hỏi :

— Các anh có điều chi gấp rút muốn hỏi đến tôi chăng ?

Bọn thủ hạ trợn mắt hét :

— Ngươi là dân ở đây lại không biết bọn ta là thủ hạ của Trương công tử sao ? Tội ấy đáng đánh mấy hèo rồi ! Trương công tử có nghe ngươi có vườn hoa đẹp nên muốn vào vườn xem.

Thu Công nói :

— Vườn hoa tôi không có cây nào quí đáng để cho công tử nhọc lòng.

Trương Ủy bước tới chỉ vào mặt Thu Công :

— Nhân dịp ta qua đây muốn ghé vào vườn hoa của ngươi để xem hoa. Đó là một vinh dự cho nhà ngươi, sao dám kiếm lời từ chối. Để ta xem thử vườn hoa của nhà ngươi có những giống hoa gì cho biết.

Nói xong, Trương Ủy hạ lệnh cho bọn thủ hạ phá cửa vào vườn.

Thu Công giận đỏ mặt, vừa bước đến ngăn lại bị một thủ hạ xô té vào khóm trúc. Chúng phá cửa rồi ung dung dắt nhau vào vườn.

Trong vườn có nhiều hoa, nhưng lúc đó chỉ có mẫu đơn đang nở thịnh hơn cả.

Giống mẫu đơn này là chúa muôn loài, trước kia là giống hoa quí của xứ Lạc Dương.

Tục truyền rằng, trước kia Võ Tắc Thiên hoàng đế (tức Võ Hậu) nhà Đường hoang dâm vô đạo, rất yêu hai tên cận thần là Trương Dịch Chi và Trương Xương Tôn.

Một chiều đông rét lạnh, mưa lác đác rơi, Võ Hậu ngự giá, xuất du nơi vườn ngự uyển, thấy cây cỏ xơ xác, trăm hoa ủ rũ, trong lòng hằn học, đề bốn câu thơ:

Lai triều du Thượng Uyển
Hỏa tốc báo xuân tư
Bách hoa liên dạ phát
Mạc đãi biểu phong xuy

Dịch :

Bãi triều dạo Thượng Uyển
Gấp rút báo xuân hay

Trăm hoa đêm nay nở
Không đợi gió xuân lay

Trăm hoa chẳng dám trái mệnh, chỉ một đêm mà đua nhau nở, khoe muôn màu, ngàn sắc, làm cho khu vườn Thượng Uyển bát ngát giữa bầu trời gió lạnh mưa phùn.

Sáng hôm sau, Võ Hậu dắt hai tên cận thần ra vườn ngắm hoa, trông thấy các loài hoa đều hớn hở đón chào, chỉ riêng hoa mẫu đơn bướng bỉnh, không chịu tuân mệnh của bạo chúa, cành lá khô khan, không nứt ra một chồi non, lá mới nào.

Võ Hậu nổi giận, giáng chiếu đày hoa mẫu đơn xuống vùng Giang Nam. Từ đó Lạc Dương không có mẫu đơn mà Giang Nam hoa mẫu đơn đẹp nhất nước.

Khóm mẫu đơn trong vườn Thu Công rất tươi tốt, mỗi cây có trồng một chiếc cột gỗ để chống đỡ, bên trên có giăng một mảnh vải thưa để che nắng. Mỗi cây cao chừng một trượng, hoa nở to như những chiếc mâm ngọc, đủ màu sắc.

Trương Ủy thấy đẹp mắt, chạy đến bẻ một cành hoa để vào mũi ngửi.

Thu Công thấy thế bèn chạy đến bên Trương Ủy nói :

— Xin công tử đừng bẻ hoa, hoa đẹp là để ngắm nghía, chứ bẻ đi thì còn gì là đẹp nữa.

Trương Ủy nổi giận mắng :

— Ta ghé vào vườn hoa của ngươi để xem hoa, đó là vinh hạnh cho ngươi, vừa rồi ngươi cản trở, bây giờ lại còn khinh ta như thế sao ? Khóm mẫu đơn trong

vườn ngươi đáng giá bao nhiêu mà ngươi dám buông lời lỗ mãng.

Dứt lời Trương Ủy bẻ thêm một cành nữa.

Thu Công bực tức quá nhưng biết Trương Ủy là tên ác bá, cậy quyền ỷ thế nên không dám nói, phải năn nỉ:

— Trong vườn tôi chỉ có mấy cành mẫu đơn, công phu tôi vun trồng săn sóc, xin công tử đừng hủy hoại tội nghiệp.

Trương Ủy chẳng trả lời, quay lại gọi bọn thủ hạ đến bảo:

— Hoa nở đẹp thế này ít khi được gặp, vậy chúng bây ra quán mua cho tao mấy hồ rượu đem về đây để tao uống mà thưởng thức hoa đẹp.

Một tên thủ hạ thưa:

— Công tử uống rượu xem hoa là phải. Ngay ở kinh đô Lạc Dương cũng không có hoa mẫu đơn đẹp như ở Giang Nam.

Chúng kéo nhau đi mua rượu, trong lúc Trương Ủy đắc chí tìm chỗ để bày tiệc.

Thu Công nói:

— Thưa công tử, nơi đây chật hẹp, nghèo nàn không có chỗ xứng đáng để công tử uống rượu thưởng hoa. Xin công tử tìm nơi khác cho sạch sẽ hơn.

Trương Ủy lắc đầu:

— Trong vườn này rộng rãi, mát mẻ, có hoa thơm cỏ lạ còn đi tìm chỗ nào nữa. Ta sẽ sai thủ hạ trải chiếu trên mặt đất này.

Chỉ một lúc sau, bọn thủ hạ đã đem đủ rượu thịt và chiếu đến. Chúng ngồi chung quanh mâm thịt, rót rượu uống, nói năng toàn những lời thô tục.

Trương Ủy bảo Thu Công:

— Nhà ngươi là kẻ quê mùa, đần độn, dẫu ngươi có công trồng tỉa, vun quén, song ta thấy ngươi không có tâm hồn để thưởng thức hoa đẹp đâu, ngươi hãy bán lại vườn hoa này cho ta.

Câu nói ấy làm cho Thu Công chạm lòng tự ái, không chịu nổi chàng nói:

— Khu vườn này là tánh mạng, là đời sống của tôi, chỉ khi nào tôi chết thì vườn hoa này mới thuộc về người khác.

Trương Ủy trợn đôi mắt tròn vo, nói với Thu Công:

— Nếu ngươi không chịu bán thì ta sẽ chiếm không khu vườn này cho ngươi xem. Xưa nay chưa có cái gì ta muốn mà không thuộc về tay ta.

Thu Công đỏ mặt, nghẹn ngào chưa kịp nói lời nào thì bọn thủ hạ đã vây quanh Thu Công la hét:

— Ngươi không nghe tiếng Trương công tử đây là người quyền thế như thế nào sao? Nếu khôn thì bán đi để kiếm tiền sinh sống, còn dại ra sức chống đối chỉ có toi mạng mà thôi.

Trương Ủy cười gằn nói từng tiếng:

— Sao? Có bán hay không thì cho ta biết.

Thu Công không biết trả lời sao, tìm cách hoãn binh để đối phó:

— Nếu công tử muốn mua xin thong thả để tôi suy nghĩ lại đã.

Bọn thủ hạ cười lớn:

— A! Có thế mới khôn ngoan chứ! Thôi, nó đã hứa bán thì trước sau gì cũng là vườn của công tử, xin

công tử an lòng uống rượu ngắm hoa cho say sưa một bữa hôm nay.

Nói xong cả bọn thi nhau rót rượu uống.

Một lúc sau cả bọn đều say mèm, không còn uống nổi nữa. Trương Ủy truyền lệnh :

— Thôi, dẹp đồ đạc ra về. Nhưng trước khi ra về ta muốn bẻ vài cành hoa mẫu đơn đem theo để ngửi cho thỏa thích.

Rồi trong lúc bọn thủ hạ lo dọn dẹp mâm rượu thì Trương Ủy lạng quạng bước đến bên khóm mẫu đơn, đưa tay bẻ hoa. Thu Công vội chạy đến cản lại và nói :

— Xin công tử đừng bẻ hoa.

Trương Ủy đang say, thấy Thu Công cản trở không cho bẻ hoa, tức giận hét bọn thủ hạ :

— A ! Thằng khốn kiếp này vô lễ với ta như vậy sao ? Chúng bây xúm lại bẻ hết các khóm mẫu đơn cho ta.

Chỉ trong thoáng mắt, các cành mẫu đơn tan tác, từng cánh hoa lìa cành rơi xuống đất như mưa.

Cảm cảnh ấy người đương thời có bài thơ khóc cho hoa rơi :

Lão quyền, độc thủ gia giao hạ
Thùy diệp, kiều hoa nhất nhật hưu
Hảo tự nhất ban phong vũ ác
Loạn hồng linh lạc nhân thu.

Dịch :

Bàn tay độc ác buông lời
Hoa tươi, lá biếc rã rời kiếp hoa

Khác chi một trận phong ba
Lòng người thương tiếc lòng hoa tủi hờn.

Thu Công nằm lăn lộn dưới đất không ngớt lời van xin.

Người láng giềng nghe tiếng chạy đến, thấy hoa mẫu đơn tơi tả trên đất, còn Thu Công ôm bụng nằm rên la, lại thấy Trương Ủy và bọn thủ hạ mặt giận hầm hầm kéo nhau ra ngõ, thì biết Thu Công đã bị bọn ác bá này hiếp đáp rồi.

Nhưng, dẫu lòng họ có biết Thu Công bị áp bức, họ cũng không dám nói. Họ đợi cho bọn Trương Ủy đi rồi mới đến an ủi Thu Công.

Thu Công mếu máo nói :

— Mẫu đơn tôi trồng đã bao năm rồi, nay mới nẩy chồi kết hoa, ấy thế mà chúng đến đập phá thật tàn nhẫn.

Các người làng xóm nói :

— Ai chẳng biết Trương Ủy là tên ác bá, cậy thế hiếp người. Nhưng nếu chống lại nó e sanh chuyện, chi bằng chịu mất vườn hoa sau này trồng lại.

Thu Công hậm hực, chân bước liêng xiêng tới bên các gốc hoa, nhìn những cánh hoa tan nát rơi dưới đất mà lòng xót xa, đau đớn. Chàng vừa sụt sùi khóc, vừa nhặt từng cánh hoa rơi đem rửa thật sạch, phơi khô cất vào hộp.

Mọi người thấy vậy, nhìn Thu Công mỉm cười rồi kéo nhau trở về.

Thu Công ngồi lại một mình lẩm bẩm :

— Hoa ơi ! Đời ta chưa hề nhẫn tâm để mi phải chịu phũ phàng. Nay vì bàn tay độc ác đến đây phá phách làm cho mi phải rã rời, thật lòng ta đau xót lắm.

Trong lúc Thu Công đang than vãn, thì bỗng chàng giật mình. Đàng sau chàng, một thiếu nữ xinh tươi, kiều diễm đang hé miệng cười, hàm răng trắng như ngọc, khuôn mặt tợ trăng rằm, nhẹ nhàng đi tới.

Thu Công hỏi :

— Tiểu thư từ đâu đến, có việc gì ghé vào tệ xá ?

Thiếu nữ nói :

— Thiếp ở cách đây không xa, vì nghe công tử than khóc nên đến đây để hỏi thăm nỗi buồn của công tử.

Trong lúc buồn, Thu Công sụt sùi đem chuyện vừa rồi kể cho thiếu nữ nghe.

Thiếu nữ thản nhiên, nét mặt vẫn cười tươi, đáp :

— Hoa đã rụng rồi, nhưng nếu công tử muốn hoa tàn trở lại hoa tươi cũng không khó.

Thu Công nghe nói ngạc nhiên, trố mắt nhìn thiếu nữ hỏi :

— Tôi đang buồn vì những cánh hoa rơi này sao công nương đến đây trêu cợt tôi làm chi. Có bao giờ hoa tàn lại còn có thể trở thành hoa tươi được.

Thiếu nữ nói :

— Tôi có học phép chắp hoa, có thể lấy hoa rơi chắp vào cành, làm cho hoa tàn trở thành hoa tươi.

Lấy làm lạ, Thu Công đứng nhìn thiếu nữ hồi lâu tuy trong lòng nghi ngại, song đang lúc buồn bã thương tiếc hoa rơi, nay có người hứa chắp hoa rơi liền cành thì còn gì vui hơn, chàng hy vọng hỏi :

— Công nương không nói đùa chứ ?

Vẫn với nụ cười tươi thiếu nữ nói :

— Tôi đùa với công tử làm gì. Nếu tôi không chắp hoa lại được thì còn mặt mũi nào mà nhìn công tử nữa.

Thu Công mừng rỡ, trao những cánh hoa rơi cho thiếu nữ và nói :

— Xin công nương ra ơn cho.

Thiếu nữ bảo Thu Công múc một bát nước trong đem đến.

Khi múc nước xong, Thu Công bưng bát nước đến gần khóm hoa thì thấy khóm hoa mẫu đơn kia đã nở đầy hoa, đóa nào đóa nấy tươi tốt, phô đủ màu sắc, còn rực rỡ hơn lúc trước. Các mảnh hoa rơi biến đi đâu mất không còn nữa.

Thu Công lấy làm lạ, chẳng biết thiếu nữ kia có phép gì thần thông mà làm hoa rơi liền cành, làm cho hoa tàn trở thành hoa tươi. Chàng định tìm thiếu nữ tạ ơn thì không thấy thiếu nữ đâu nữa.

Sau cùng, Thu Công đoán thiếu nữ đi ra phía cổng vườn, nên vội chạy theo, thì thấy cổng vườn còn đóng.

Thu Công mở cổng, ra ngoài thì gặp hai lão già hàng xóm đến. Chàng hỏi :

— Chẳng hay hai lão trượng có thấy thiếu nữ mặc đồ trắng vừa ra đây không.

Hai ông già ngơ ngác đáp :

— Chúng tôi ngồi từ sớm tới giờ có thấy ai đi đâu.

Thu Công đem việc chắp hoa vừa rồi kể lại cho hai ông lão nghe. Hai ông lão nghe xong cũng lấy làm lạ theo Thu Công vào vườn hoa để xem hư thiệt. Quả

nhiên, trên cành hoa mẫu đơn nở dầy đặc, mỗi đóa hoa to như một cái mâm lớn, rực rỡ sắc màu.

Hai ông lão khen ngợi và nói :

— Nếu vậy thì thần thánh đã vì lòng thành của công tử mà hiện ra làm phép lạ đó.

Thu Công vui mừng, vào nhà xách một bình rượu đem ra cùng uống với hai ông lão láng giềng.

Trong lúc uống rượu, hai ông lão ngâm thơ chúc mừng vườn hoa của Thu Công :

Hoa tàn mà lại thêm tươi
Trăng tà mà lại hơn mười rằm xưa.

Trong lúc mọi người đều vui say thì thiếu nữ hiện đến.

Thu Công mừng rỡ đón tiếp và mời nàng cùng vào tiệc.

— Thưa công nương, công nương đúng là thần thánh đã giúp đỡ tôi phục hồi lại vườn hoa, ơn ấy Thu Công không bao giờ quên.

Thiếu nữ nói :

— Tiện thiếp không phải thần thánh, chỉ là kết tinh của hoa mẫu đơn được công tử săn sóc, vun trồng lâu nay, nên phải đền ơn.

Nói xong, thiếu nữ biến mất vào gốc mẫu đơn.

Thu Công và hai lão hàng xóm nghe nói kinh ngạc. Sau cuộc vui, hai lão đem việc này nói với mọi người trong xóm để vui mừng. Trong lúc đó, bọn Trương Ủy nghe tin đồn, cho người đến dò xét, quả nhiên thấy vườn hoa của Thu Công còn tươi tốt gấp bội phần.

Thầy trò Trương Ủy cho đó là thần thánh đến cứu giúp Thu Công nên không dám kéo đến phá phách nữa.

Từ đó, Thu Công được sống yên ổn để chăm sóc vườn hoa.

24. NGỰA TÁI ÔNG — DỄ LỘ KỲ

Điển tích *Ngựa Tái Ông* trong cổ văn có ghi : *Đắc mã thất mã nan tri họa phúc* tức là : *được ngựa mất ngựa chưa biết họa phúc ra sao.*

Tái Ông là tên gọi tắt của Tái Thượng Ông, một ông lão ở cửa ải Nhạn Môn Quan, nơi giáp với phiên bang (Trung Quốc).

Tái Ông có một con ngựa lang bỗng nhiên đi mất. Người trong xóm được tin Tái Ông mất ngựa liền rủ nhau đến chia buồn.

Tái Ông tươi cười, vui vẻ đáp :

— Mất ngựa chưa chắc là điều họa, biết đâu đó là chuyện may.

Hàng xóm nghe nói rủ nhau ra về.

Vài ngày sau, con ngựa lang của Tái Ông lại trở về, dắt theo con ngựa cái khác.

Hàng xóm nghe Tái Ông được ngựa lại rủ nhau đến chúc mừng.

Tái Ông nói :

— Được ngựa chưa chắc là may ! Biết đâu đó là họa.

Hàng xóm nghe nói lại rủ nhau về.

Tái Ông có người con trai, tuổi vừa thành niên, tánh ham chơi, bỗng nhiên có con ngựa mới, con ngựa này rất hay, nên người con trai Tái Ông thích lắm, ngày nào cũng cưỡi vào rừng săn nai, đuổi thỏ.

Chẳng may, một hôm rủi ro, con trai Tái Ông bị té ngựa gãy tay. Tin đồn khắp nơi, hàng xóm lại chia buồn và nói :

— Chà ! Kỳ này lão ông rủi ro quá ! Con trai bị gãy tay thật đau sót.

Tái Ông nói :

— Con trai tôi gãy tay chưa chắc đó là họa. Biết đâu lại là chuyện may.

Chẳng bao lâu trong nước có giặc, nhà vua ra hịch truyền thanh niên đến tuổi thành niên phải đi lính. Con trai Tái Ông vì bị gãy tay nên được miễn. Kỳ tuyển binh đó nhiều thanh niên bị tử vong, trong lúc con trai của Tái Ông được ở nhà, phụng dưỡng cha già rất hiếu thảo.

Câu chuyện Ngựa Tái Ông là điển tích người đời sau thường dùng để nói lên việc họa phúc trong đời người không biết đâu mà lường trước được.

Trong một bài thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng có nói đến tích *Ngựa Tái Ông* :

Kia tụ tán chẳng qua là tiễn biệt
Ngựa Tái Ông họa phúc biết về đâu.

Dê Lộ Kỳ là chuyện người láng giềng của Dương Chu mất dê.

Lộ là đường, kỳ là lối rẽ ngang. Dê Lộ Kỳ có nghĩa là *Dê đứng ở ngã đường có nhiều ngã rẽ.*

Dương Chu là một triết gia thời xưa, trước Lão tử, thuộc về đời Đông Châu.

Chủ thuyết của Dương Chu là thuyết *vị ngã*, tức là chỉ biết mình mà không cần ai cả.

Dương Chu thường nói :

— Xã hội tự nó không loạn, vì có quá nhiều người lo cho xã hội, làm cho xã hội loạn.

Do quan niệm về xã hội như vậy, nên Dương Chu nói :

Bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ bất vi

Nghĩa là :

Nhổ một sợi lông chân mà lợi cho thiên hạ cũng không làm.

Dương Chu cố tránh việc xen vào sửa đời, cho nên chỉ lo phụng sự cá nhân mình mà thôi.

Trong lúc nhà triết học Dương Chu lo tôn thờ chủ nghĩa *vô vi* thì người hàng xóm mất dê, tìm mãi không được, nên qua nhà Dương Chu nhờ người họ Dương cho mượn người tìm hộ.

Dương Chu hỏi :

— Sao không mượn người khác mà đến mượn ta ?

Người láng giềng nói :

— Đã mượn trong xóm mỗi nhà một người.

Dương Chu hỏi :

— Mất một con dê sao lại phải nhờ đến nhiều người như thế ?

Người láng giềng đáp :

— Con dê mất, đã cho người đi tìm, nhưng người ấy cho biết đường có nhiều ngã ba và nhiều ngã rẽ. Tôi đã nhờ người đi tìm ở các ngã rẽ, nhưng cũng trở về

không và cho biết, trong tất cả các ngã rẽ còn có nhiều ngã rẽ khác nữa. Bởi vậy tôi mới nhờ thật nhiều người để đi tìm khắp các ngã rẽ, may ra mới thấy con dê mất. Nhưng rồi mọi người lại trở về nói : Các ngã rẽ cứ càng ngày càng nhiều thêm, chẳng bao giờ hết, dù số người đông đến đâu cũng không đi khắp.

Dương Chu nghe người láng giềng nói xong, liền chắp tay vái dài, nói :

— Thế thì tôi cũng đành chịu !

Sau buổi tìm dê mất, Dương Chu suy nghĩ quyết định bỏ thuyết *vị ngã* không theo nữa. Trong hoài cổ ngâm có câu :

Tái Ông được ngựa, lộ kỳ mất dê

Chuyện lộ kỳ mất dê có nghĩa là học đạo nếu thiên về những điều quá chi tiết thì chẳng khác nào khách lạ đứng trước ngã ba đường, không biết đi đường nào cho phải, và cũng như người đi tìm dê mất giữa con đường có nhiều ngã rẽ vậy.

Trong thơ Lục Vân Tiên, cụ Nguyễn Đình Chiểu có dùng điển tích *dê lộ kỳ* để nói lên con đường quanh quế quanh co lúc nàng Nguyệt Nga đến phủ đường của Kiều Công :

Trải qua dấu thỏ đường dê
Chim kêu vượn hú bốn bề núi cao

Sa-Đéc, March 10, 2015

25. THẤT TỊCH

Thất tịch là đêm mồng bảy tháng bảy.
Thất là bảy, tịch là đêm.

Điển tích *thất tịch* được truyền tụng trong dân gian, thơ văn cổ qua câu chuyện Ngưu Lang-Chức Nữ. Ca dao Việt Nam có câu :

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiền
Một là duyên, hai là nợ
Dây xích thằng ai gỡ cho ra
Vụng về cũng thể cung nga
Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục đồng
Hay là sợ ế chồng chăng tóc
Hơi đâu mà kén cá chọn canh
Lấy ai, ai lấy cũng đành
Rể trời đâu có những anh áo buồm

Trong *Cung Oán Ngâm khúc* cũng có câu :
Mượn điều thất tịch mà thề bách niên.

Chức Nữ là nàng con gái dệt lụa (Chức là dệt, nữ là gái) cháu của Ngọc Hoàng, coi việc vá may thêu thùa và dệt lụa để hầu hạ Trời. Chức Nữ có tên là Thiên Tôn Nữ (cháu Trời).

Chức Nữ có sắc đẹp, thùy mị, dễ mến. Trong những kẻ hầu hạ trên cung Ngọc Hoàng có chàng Ngưu Lang tức chàng Ngâu chuyên chăn trâu cho nhà Trời. Ngưu Lang chăn trâu rất giỏi, được Ngọc Hoàng yêu mến. Người trên trời gọi Ngưu Lang là Khiên Ngưu.

Người chăn trâu, người dệt lụa, cùng giúp việc nhà Trời, đôi trai gái này thân thiết, rồi dần dần yêu nhau tha thiết.

Thế là cháu Trời lấy chú chăn trâu. Tình yêu ngang trái, nhưng làm sao ngăn cản được lương duyên.

Ngọc Hoàng cũng không vì danh dự nhà Trời mà cắt bỏ tình yêu, nên gả Chức Nữ cho Ngưu Lang.

Từ khi đôi trai gái Ngưu Lang — Chức Nữ ăn ở với nhau, tình chăn gối đậm đà đến nỗi Chức Nữ sanh ra biếng nhác, bỏ bê việc vá may, canh cửi, còn Ngưu Lang cũng bê trễ việc chăn trâu. Ái ân làm cho đôi trẻ say sưa không bờ bến.

Ngọc Hoàng biết được, đòi hai vợ chồng Ngưu Lang đến quở trách, nhưng rồi cũng không thay đổi được sự say mê cuồng nhiệt.

Tức giận, Ngọc Hoàng ra lệnh đày Chức Nữ sang ở bên đông ngạn sông Ngân Hà, còn Ngưu Lang phải sang bên tây ngạn sông Ngân Hà; và chỉ cho phép hai vợ chồng gặp mặt nhau mỗi năm một lần vào đêm Thất tịch (tức là đêm mồng bảy tháng bảy).

Vào đêm đó, Ngọc Hoàng cho đàn chim họa và chim khách, loại chim lông đen, ráp nối nhau thành một chiếc cầu từ bờ sông bên này nối liền bờ sông bên kia để cho Chức Nữ sang gặp Ngưu Lang.

Cầu này gọi là cầu Ô Thước (*ô* là chim quạ, *thước* là chim khách) bắc qua sông Ngân Hà.

Chim quạ và chim khách mỗi năm đi bắc cầu ô một lần nên sói đầu.

Tình yêu giữa Ngưu Lang — Chức Nữ đậm đà như vậy mà mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào đêm thất tịch thì làm sao không chứa chan rơi lệ.

Vợ chồng Ngưu Lang — Chức Nữ đã khóc rất nhiều trong lúc gặp nhau, nước mắt của họ rơi xuống như mưa và người ở cõi nhân gian gọi đó là *Tháng bảy mưa ngâu*.

Về sau, các nhà thơ thường lấy điển tích *Thất tịch* để diễn tả nỗi đau khổ của cảnh vợ chồng chia cách.

Trong phong dao Việt Nam cũng có nói đến chuyện đau khổ của vợ chồng trong cách biệt:

Khi xưa ai biết, ai đâu
Vì chim ô thước bắc cầu sông Ngân.

26. GIẤM CHUA

Điển tích *giấm chua* ám chỉ người đàn bà ghen chồng.

Trong truyện Kiều có câu :

Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng

Lại có câu :

Chanh chua cũng chịu, giấm chua cũng liều

Sách *Các tri tân lục* có ví người đàn bà ghen như sư tử.

Sách *Tục Văn Hiến Thông khảo* chép chuyện sư tử uống ngày ba vò giấm.

Tóm lại, các sách đều ví đàn bà ghen chồng là sư tử, là giấm chua. Nhưng đã là sư tử rồi, mà uống giấm chua nữa thì người đàn bà ghen đến bực nào.

Theo sách *Dị Uyển* thì điển tích giấm chua để chỉ người đàn bà ghen chồng như sau :

Kim Hoàng Đế có hai nàng cung phi tuyệt sắc, nhà vua rất yêu quí, một bước không rời.

Thường ngày ngoài việc triều chính, nhà vua lúc nào cũng ngự tại cung của hai nàng cung phi này để hai nàng hầu hạ.

Tiêu Hoàng Hậu và các cung phi khác trong tam cung lục viện thấy vậy ai nấy đều ghen ghét hai nàng ái phi của nhà vua. Họ tìm cách hãm hại, nhưng được vua che chở, không sao hãm hại được.

Có nhiều cung phi trong cơn ghen tức, đã tìm cách theo dõi cách nuông chiều của hai nàng cung phi kia với Kim Hoàng Đế để bắt chước, nhưng cuối cùng cũng không được nhà vua yêu.

Lòng ghen tức của các cung phi và Hoàng Hậu mỗi ngày một quyết liệt hơn.

Các quan Thái giám biết được việc này, khuyên các nàng cung phi nên tự chế, vì mỗi người đàn bà có một tài sắc riêng để chinh phục đàn ông, không phải ai muốn cũng được.

Các nàng cung phi cũng biết như vậy nhưng không làm sao khai thác được sở thích của Hoàng Thượng, đành phải chịu thua sút. Tuy nhiên, đối với các cung phi không thể nằm yên khi gối chăn chỉ dành riêng cho hai mỹ nhân được sủng ái.

Thế rồi, lòng ghen tức vẫn tồn đọng trong cung cấm cho đến một ngày Kim Hoàng Thượng lâm bệnh nặng.

Bấy giờ, nhà vua đã già, mà sức thì yếu, thuốc thang không còn cứu chữa được.

Biết mình không thể sống lâu, Kim Hoàng Đế sắp xếp việc truyền ngôi cho Thái tử đồng thời gọi các quan Đại Thần và Hoàng Hậu đến bên long sàng dặn :

— Khi trẫm băng hà, các khanh vì trẫm mà đem hai nàng ái phi chôn theo trẫm để trẫm được an vui nơi chín suối, bớt phần cô quạnh.

Nhà vua băng hà, Hoàng Hậu và các quan cận thần tuân theo di mệnh, bắt hai nàng ái phi chôn theo một bên lăng của đức vua.

Tuy nhiên, trước khi chôn cất hai nàng ái phi của Kim Hoàng Đế, Hoàng Hậu chợt nghĩ :

— Nếu chôn hai nàng ái phi nguyên vẹn, sắc đẹp vẫn mặn mà, thì xuống dưới âm phủ hai nàng vẫn được vua sủng ái, ngày đêm hú hí nhau như lúc sanh tiền thật đáng ghét.

Nghĩ như vậy, Hoàng Hậu nổi ghen tức lên, cho đòi các cung phi lúc vua còn sống bị bỏ rơi, cũng cảm ghét như Hoàng Hậu đến bàn bạc.

Các cung phi tâu với Hoàng Hậu :

— Hai nàng này đã dùng sắc đẹp để chinh phục Hoàng Thượng, nay ta phá hủy sắc đẹp của nó thì nó không còn đẹp để vua yêu. Dẫu chúng nó có theo Hoàng Thượng xuống suối vàng mà không còn nhan sắc thì chắc Hoàng Thượng cũng chẳng yêu dùng.

Hoàng Hậu cho là phải, truyền bọn đao phủ hủy hoại thân thể hai nàng, khoét đôi mắt đẹp, cạo đôi mày lá liễu, đốt đôi má hồng, đôi môi đỏ, rồi ngâm cả thi hài vào trong chum giấm chua cho tiêu mòn thể xác của hai nàng ái phi.

Khi đã ngâm vào giấm chua một buổi, Hoàng Hậu cho vớt xác hai nàng ra, thấy mặt mày hai nàng xấu xí như quỷ sứ, không còn chút gì sắc đẹp nữa, mới bằng lòng đem chôn hai nàng bên lăng Kim Hoàng Đế.

Cho nên *Giấm chua* là điển tích chỉ người đàn bà ghen chồng cay độc như vậy.

Cũng còn có điển tích nữa, chỉ người đàn bà ghen qua câu chuyện *Giấm chua* sau đây :

Đường Huyền Linh là một vị đại thần có một người vợ nổi tiếng ghen chồng nhất thế gian.

Vợ chồng Đường Huyền Linh kết duyên đã hơn hai mươi năm mà vẫn không có con nối dõi, nhưng Đường Huyền Linh không lấy vợ nhỏ làm nàng hầu.

Các quan triều thần thì thầm, thấu tới tai vua.

Một hôm, nhà vua gọi Đường Huyền Linh đến hỏi :

— Khanh lấy vợ đã lâu, không con nối dõi tông đường sao không chọn nàng hầu để một mai tuổi già làm sao có con được nữa.

Đường Huyền Linh qui tâu :

— Mang ơn Bệ hạ tưởng đến hoàn cảnh của hạ thần, nhưng người vợ của hạ thần quá ghen chồng nên hạ thần, không dám chọn người hầu thiếp.

Nhà vua cho là chuyện lạ, muốn thử tánh ghen chồng của người vợ Đường Huyền Linh đến mức nào, và cũng để giúp cho Đường Huyền Linh thoát khỏi cảnh ghen tương của vợ, nên truyền bọn cận vệ lấy một chén giấm chua để trước bệ, giả là chén thuốc độc, rồi cho đòi vợ chồng Huyền Linh vào triều hỏi :

— Ta nghe vợ chồng quan đại thần ăn ở với nhau trên hai mươi năm mà không có con, tại sao không chọn hầu thiếp cho chồng. Theo lệ trong triều, các quan tam phẩm trở lên đều phải có hầu thiếp.

Vợ Huyền Linh nghe nói qui mọp dưới ngai vua tâu :

— Xin bệ hạ truyền giết thân thiếp trước rồi truyền lệnh cho chồng thiếp lấy nàng hầu.

Vua nghe nói kinh ngạc, liền đưa tay chỉ chén giấm chua, giả thuốc độc, bảo người vợ Huyền Linh :

— Nếu vậy thì nhà ngươi hoặc uống chén thuốc độc này, hoặc để cho Huyền Linh chọn người hầu thiếp. Hai đàng chọn một.

Huyền Linh phu nhân qui đáp :

— Thần thiếp xin Thánh Thượng cho uống thuốc độc hơn là để thiếp phải cay đắng nhìn thấy chồng chia xẻ tình yêu với kẻ khác.

Dứt lời, vợ Huyền Linh nốc một hơi cạn chén, không tỏ vẻ suy nghĩ gì hết.

Trông thấy vợ Huyền Linh uống chén thuốc ngon lành, không sợ sệt, nhà vua cũng lắc đầu than :

— Lòng ghen của người đàn bà đến mức độ như vậy thì còn biết đâu mà lường. *Thà chịu chết chứ không chịu san sẻ tình yêu.*

Từ đó, nhà vua không còn khuyên Huyền Linh chọn nàng hầu, mà ngay trong cung vua, đức Hoàng Thượng nghĩ lòng đàn bà ai cũng như ai, nếu không sủng ái một người nào và lạt lẽo với một cung phi nào để khỏi làm cho người đàn bà đau khổ, như trong *Tần cung oán*.

27. ĐÀO NGUYÊN

Đào nguyên có chỗ gọi là động đào nguyên, hoặc là Động bích (động xanh).

Đào là cây đào, nguyên là gốc. Chữ Đào nguyên là tên một bài thơ của ông Đào Tiềm tức là Nguyên Lượng Đào Uyên Minh.

Bài thơ « Đào nguyên ký » của Đào Tiềm kể lại rằng :

Về đời nhà Tấn, tại huyện Võ Lăng có một ông lão làm nghề chài lưới, đánh cá dọc theo khe núi.

Một hôm, ông lão đang chèo thuyền đánh cá bỗng thấy một đóa hoa đào trôi từ khe núi ra, lững lờ theo dòng nước chảy.

Ông lão chài lưới nghĩ thầm :

— Hoa đào trôi trên sông chứng tỏ nơi phát nguyên ra dòng khe này có nhà của dân cư và nơi ấy có trồng nhiều hoa quí, nhất là hoa đào.

Nghĩ vậy, lão ngư phủ cho thuyền ngược dòng nước để tìm chỗ *Đào nguyên*.

Thuyền đi mãi, ngư ông quyết chí đi tìm và sau cùng thuyền đã đến một nơi có người ở khá đông, cuộc sống sung túc và có trồng nhiều hoa quí, nhất là hoa đào.

Ngư ông xuống thuyền, đi vào trong xóm, thì thấy ở đây vườn đào san sát, đúng là một động đào. Dân cư trong các vườn đào ấy đều ăn mặc theo y phục kiểu nhà Tần, đời Chiến quốc.

Ông lão ngư phủ lấy làm lạ, không biết thế nào mà tại nơi rừng sâu, núi cao, lại có vùng dân cư, cuộc sống đã có từ lâu đời mà không ai biết.

Ông lão tò mò hỏi thăm, thì được dân cư trong vùng Đào nguyên thuật lại rằng :

Họ vốn là người nước Tần, nhưng không chịu được chế độ hà khắc của Tần Thủy Hoàng và tướng quốc Lý Tư nên rủ nhau di cư lên đây đã mấy đời rồi.

Lưu lại nơi chốn Đào nguyên vài hôm, lão ngư phủ thấy cảnh sống an nhàn, trai thanh gái lịch chứa đựng một cái gì thanh cao, khả ái.

Ông lão chào mọi người, xuống thuyền chèo trở về nơi cũ. Dòng sông đã đưa ông lão chài lưới về đến làng xưa.

Người trong làng chạy đến hỏi thăm, vì đã mấy ngày đêm lão chài lưới bỗng nhiên mất tích.

Ông lão thuật lại cho mọi người nghe, ai cũng muốn vào thăm động Đào nguyên. Nhưng sau đó, lão ngư phủ chèo thuyền trở vào chốn cũ thì không thấy động Đào nguyên đâu cả.

Mọi người cho rằng lão ngư phủ đã lạc vào cảnh tiên.

Từ đó, người đời sau dùng chữ *Đào nguyên* để chỉ nơi tiên cảnh, nơi những người có cuộc sống an nhàn, thanh tịnh.

Trong truyện Hoa Tiên có câu :

Nào hay là khách Đào nguyên đã về

Trong truyện Kiều cũng có câu :

Rước mừng đón hỏi dò la
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây.

Hai câu thơ này tả lúc Đạm Tiên hiện về thăm Thúy Kiều, được Thúy Kiều tiếp đón.

Trong truyện *Tần cung oán* có câu :

Nếu tuổi xanh chẳng nhuốm bụi hồng
Chiếc ngư phủ đã đưa vào động bích

Tác giả truyện *Đào nguyên ký* là nhà thơ Đào Uyên Minh tên là Nguyên Lượng, tự là Đào Tiềm ở vào thời nhà Tấn.

Đào Uyên Minh ra làm quan, trấn nhậm tại huyện Bành Trạch.

Khi ra trấn nhậm huyện Bành Trạch, Đào Uyên Minh có một người con trai nhưng không cho đi theo. Khi đến huyện Bành Trạch, Đào tiên sinh cho một đứa tớ trai khỏe mạnh đem thơ về quê và dặn đứa con trai ở nhà rằng :

— Con sớm tối nhọc nhằn, cha cho một người hầu về giúp đỡ cho có bạn, con phải coi người hầu như người thân, đừng bạc đãi mà trái đạo làm người.

Đào Tiềm làm tri huyện Bành Trạch mới được tám mươi ngày thì nước Tấn bị nước Tống đánh chiếm, triều đình nước Tấn bỏ chạy, các phủ huyện đều ra đầu phục nước Tống. Riêng Đào Tiềm nghĩ mình làm quan nước Tấn, không đủ tài giúp nước, để nước bị mất, đó là điều nhục nhã, nay lại đem thân hầu hạ nước khác thì còn thể diện nào nữa.

Nghĩ như thế, nên lúc tướng nước Tống đến chiêu dụ, thì Đào Tiềm đã treo ấn, bỏ ra về, tìm cảnh vắng trồng hoa cúc, chơi đàn không dây, câu cá bằng lưỡi câu ngay, không móc mồi.

Người bấy giờ gọi Đào Tiềm là Đông Ly, bài thơ nổi tiếng được người đời sau ca tụng như bài *Quy khứ lai từ* và bài *Đào nguyên ký*.

Bài *Đào nguyên ký* của Đào Tiềm tỏ ý mong được sống nơi chốn Đào nguyên, tránh xa những chế độ hà khắc, độc ác của Tần Thủy Hoàng. Trong truyện Lục Vân Tiên cụ Đồ Chiểu có viết :

Thương người Nguyên Lượng ngùi ngùi
Lỡ bề giúp nước lại lui về cày

Hai câu thơ này của ông lão bán quán nói lên trong lúc bạn bè Vân Tiên đang ăn uống chuẩn bị xuống trường ứng thi.

28. KHÚC NGHÊ THƯỜNG

Trong các vũ khúc của cung phi mỹ nữ thường nói đến *Khúc nghê thường*.

Khúc nghê thường là một sáng tác của vua Đường Minh Hoàng, một ông vua có tâm hồn thơ mộng, say mê sắc đẹp, say mê gió trăng, lại có tài năng về văn nghệ.

Nói đến Khúc nghê thường phải nói đến đêm trăng gió mát vào tiết trung thu trăng sáng.

Chính ở mùa này, các tao nhân mặc khách thường ngồi uống rượu đề thơ, và những tài năng sáng tác, những tác phẩm nổi tiếng cũng thường xuất hiện ở mùa trăng.

Điển tích vua Đường Minh Hoàng du nguyệt điện và điển tích *Khúc nghê thường* dẫn đến câu chuyện lâm ly về tình ái trong cung điện mà muôn đời về sau vẫn còn ghi chép sau đây :

Giữa đêm trăng mùa thu, Đường Minh Hoàng ngồi ngắm ánh trăng vàng vằng vặc treo giữa đỉnh trời, ước mơ được lên cung Quảng, nơi mà các tao nhân mặc khách thường ca tụng có chị Hằng kiều diễm với những tiên nga múa hát những khúc thần tiên êm đẹp.

Bấy giờ có một tiên ông là La Công Viễn, biết được ý muốn của vua Đường Minh Hoàng, liền qui tâu xin đức vua lên cung Quảng xem chơi một chuyến cho biết.

Đường Minh Hoàng đang mơ ước, nghe La Công Viễn nói, hớn hở hỏi :

— Lão tiên có thể giúp ta việc ấy sao ?

La Công Viễn nói :

— Điều đó hạ thần có thể làm được.

Đường Minh Hoàng nóng lòng hỏi :

— Bao giờ thì Tiên Lão có thể thực hiện được lời hứa.

La Công Viễn nói :

— Đêm nay tiết trung thu trăng sáng, trên cung Quảng đang hội họp các vị tiên nga, thật là lúc thuận tiện để bệ hạ lên chơi ngắm cảnh.

Đường Minh Hoàng nói :

— Nếu vậy lão tiên giúp trẫm đêm nay được du nguyệt điện để hội ngộ với Hằng Nga.

La Công Viễn tuân lời, cầm sợi giây lụa bạch vứt thẳng lên trời. Tức thì giải lụa trắng như nhuốm ánh trăng vàng biến thành một chiếc cầu vồng bắc từ hạ giới đến Quảng hàn cung.

La Công Viễn thỉnh vua Đường Minh Hoàng lên chiếc cầu lụa.

Đường Minh Hoàng vừa bước chân lên, thì lạ thay nhà vua thấy như mình đang bay bổng lên không trung, rồi giải lụa biến thành một giải hành lang, hai bên có

những đoàn cung nữ, xiêm y lả lướt, uyển chuyển múa hát như đón chào vị khách hào hoa.

Nhà vua bước theo dãy hành lang đi mãi... đi được một lúc Đường Minh Hoàng đến một nơi lâu đài tráng lệ, hoa thơm cỏ lạ đủ màu. Trước lâu đài có tấm bảng đề *Quảng hàn thanh hư chi phủ*, lúc ấy vua mới biết đó là *Cung Quảng* nơi chị Hằng ở.

Từ trong cung một đoàn tiên nữ tay cầm hoa, tay cầm quạt, ra mở cửa đón chào Đường chúa.

Đường Minh Hoàng theo đoàn tiên nữ đi vào nơi cẩm điện, Hằng Nga dẫn đoàn tiên nữ đến chào đón, mời vua Đường nhập tiệc.

Tiếng đàn, tiếng sáo nổi lên, tưng bừng những khúc nhạc vui tươi, từng đoàn tiên nữ trong xiêm y đủ màu hát những khúc hát vui tươi, những điệu múa đẹp mắt mà ở dưới trần gian, dù là bậc thiên tử, đế vương xưa nay chưa từng thấy.

Đường Minh Hoàng là một ông vua nghệ sĩ, lãng mạn, làm sao không rạo rực trước những điệu múa trữ tình như vậy. Nhà vua quay lại hỏi Hằng Nga :

— Chẳng hay vũ khúc mà các nàng tiên nữ đang múa hát gọi là gì ?

Hằng Nga tâu :

— Đó là khúc Nghê thường trên Cung Quảng.

Đường Minh Hoàng càng nhìn càng say, càng nghe nhạc càng mê mẩn tâm thần. Khúc Nghê thường uyển chuyển trong ánh sáng huyền mơ, tiếng nhạc du dương, réo rắt hòa lẫn với điệu múa như một bản trường ca bất tận.

Nếu trong vũ trụ những hình bóng thiên nhiên trong những tiếng động êm ả nhất, những cái gì gọi vào tâm hồn say mê nhất đều được cấu tạo qua vũ khúc Nghê thường.

Sau khi lên chơi cung Quảng, thưởng thức khúc Nghê thường, Đường Minh Hoàng trở về hạ giới truyền may các kiểu xiêm y đúng như xiêm y các tiên nữ trên cung trăng và chế ra các điệu hát, điệu múa như các nàng tiên đã biểu diễn. Óc tưởng tượng, tâm hồn nghệ sĩ, cảm giác say mê của nhà vua đã giúp cho nhà vua ngày đêm suy tưởng và sáng tạo.

Đường Minh Hoàng đích thân dạy đám cung nữ múa khúc Nghê thường.

Chẳng bao lâu, đám cung nữ thuộc làu, để rồi cứ đêm trăng rằm tháng tám, nhân tiết trung thu trăng sáng Đường Minh Hoàng cùng Dương quí phi uống rượu dưới trăng, ngắm đoàn vũ nữ múa hát, xiêm y rực rỡ, lả lướt gọi tình trong khúc Nghê thường của cung trăng.

Các vua về sau thấy khúc Nghê thường của Đường Minh Hoàng quá say mê, hấp dẫn, nên cũng bắt chước dùng làm vũ khúc trong những buổi yến tiệc ở chốn cung vi.

Sau khi chế ra khúc Nghê thường, Đường Minh Hoàng say mê múa hát, cùng với Dương quí phi thưởng thức những đêm trăng mộng triền miên. Dương quí phi lại là giai nhân nổi tiếng nhất trần gian, làm cho nhà vua mê mệt.

Say mê nhan sắc, đắm chìm trong vũ khúc Nghê thường Đường Minh Hoàng không còn kể gì đến việc triều chánh, để đến nỗi Dương Quốc Trung lạm quyền. Tướng ngoài biên cương là An Lộc Sơn kéo quân về nổi loạn.

Việc triều chính đổ nát, loạn An Lộc Sơn nổi lên, Đường Minh Hoàng không sao chống cự nổi phải dẫn nàng Dương quí phi bỏ chạy. Một số tôi thần chạy theo và một số tàn quân trung thành với nhà vua cũng lần lượt theo phò.

Đường Minh Hoàng muốn chạy vào đất Thục, nhưng sau khi đến đất Mã Ngôi thì quân lính đi theo nhà vua không chịu đi theo nhà vua nữa, họ buộc Đường Minh Hoàng phải giết nàng Dương quí phi.

Quân binh kết tội đó nàng có sắc đẹp làm cho nhà vua say mê, cả ngày lo đàn ca múa hát, bỏ bê việc nước, nên sanh ra loạn lạc như vậy. Nếu còn để nàng Dương quí phi sống, binh tướng quyết không theo.

Đường Minh Hoàng bịn rịn không nỡ xa người đẹp.

Dương quí phi thấy lòng quân sĩ phẫn nộ là hết đòi giết mình, nên nàng cúi đầu lạy đấng quân vương rồi tự vận chết.

Đường Minh Hoàng ngất xỉu, buồn bã khóc lóc, nhìn đám quân sĩ hò reo mà uất hận tuôn trào.

Dương quí phi chết rồi, ba quân trở lại hầu vua một lòng giúp nước. Nhưng ngai vàng làm sao đổi được tình yêu và chuộc được người đẹp. Đường Minh Hoàng buồn rầu, thương nhớ Dương quí phi đến nỗi bỏ ăn, bỏ ngủ.

Bấy giờ bên cạnh nhà vua có nhà thơ nổi tiếng tên là Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiên, quê quán ở Thái Nguyên, làm chức Tả Thập Di rồi bị biếm ra làm quan Tư Mã đất Giang Châu. Đến đời Đường Minh Hoàng, Bạch Cư Dị được triệu về kinh thăng chức thượng thơ bộ hình.

Khi loạn An Lộc Sơn, Bạch Cư Dị chạy theo Đường Minh Hoàng vào đất Thục, được chứng kiến cảnh

Dương qui phi tự vận ở đất Mã Ngỡi, cảm thông được tấm lòng của ông vua có máu nghệ sĩ, đau khổ vì mất một nàng qui phi quốc sắc thiên hương, nên Bạch Cư Dị làm một bài thơ Trường hận ca. Bài thơ bày tỏ nỗi đau khổ của nhà vua trước sự bức bách của quân sĩ buộc Dương qui phi phải tự vận ở Mã Ngỡi.

Về sau cứ mỗi đêm trăng sáng, Đường Minh Hoàng nhớ đến người đẹp Dương qui phi, liền truyền một cung nữ tốt giọng ngâm khúc Trường hận ca của Bạch Cư Dị để ôn lại chuyện cũ đau thương ở Mã Ngỡi đã chôn vùi thi hài người đẹp của đấng quân vương.

Tiếng ngâm của nàng cung nữ văng vẳng theo làn gió của đêm trung thu trăng tỏ. Đường Minh Hoàng thẫn thờ ôm bầu rượu nóng, khóc cho tình kia tan vỡ giữa thời ân ái mặn nồng.

Chao ôi! Ngai vàng, điện ngọc làm chi nữa, những vật vô tri vô giác ấy làm sao xóa nhòa được hình bóng giai nhân trong lòng vị thiên tử si tình.

Một thiên trường hận, mấy khúc Nghê thường, Đường Minh Hoàng sầu đau trong cảnh gấm vóc vàng son

29. GIANG CHÂU TƯ MÃ

Giang Châu là một châu ở Hà Bắc, Giang Tây và Vũ Xương bên Trung Quốc. Châu lỵ Giang Châu đóng ở Vũ Xương sau dời sang Tầm Dương. Tư Mã là một chức quan.

Bạch Cư Dị là một nhà thơ danh tiếng về đời Đường, tác giả bài *Tỳ bà hành* đã có câu :

Tọa trung thấp hạ thùy tối đa
Giang Châu Tư Mã thanh ám khắp.

Phan Huy Vịnh, một vị khoa bảng đời Minh Mạng đến đời Tự Đức đã dịch :

Lệ sị chan chứa hơn người
Giang Châu Tư Mã đượm màu áo xanh.

Trong một bài hát nói có câu :

Buồn tâm sự Giang Châu Tư Mã
Nghe tiếng đàn lã chã dòng châu.

Giang Châu Tư Mã là chỉ nhà thơ Bạch Cư Dị, sau này có người dùng danh từ «Giang Châu Tư Mã » để chỉ cho những bậc hào hoa phong nhã, những văn nhân tài tử, nghệ sĩ giang hồ tài hoa.

Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiên, quê ở Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây. Năm 19 tuổi Bạch đỗ tiến sĩ đời Nguyên Hòa nhà Đường, làm quan chức Tả Thập Di.

Năm 47 tuổi, mẫu thân của Bạch đi xem hoa, bị trượt chân rơi xuống giếng khơi mà chết. Bạch vào triều dâng sớ cư tang.

Nhân khi ở quê nhà, cao hứng Bạch làm bài thưởng hoa, có kẻ ganh tài với Bạch đem bài thơ ấy tố cáo với triều đình buộc tội Bạch làm bại hoại lễ giáo. Bạch bị biếm ra làm chức Tư Mã đất Giang Châu. Vài năm sau, Bạch được nhà vua thương tình triệu về kinh cho làm chức Thượng thơ bộ hình.

Làm quan trên ba chục năm, Bạch Cư Dị cáo lão về hưu, ở tại Lạc Hà, lấy danh hiệu là Hương Sơn cư sĩ và Túy Ngâm tiên sinh.

Họ Bạch vui thú điền viên, bạn cùng bầu rượu túi thơ, tạo được mảnh vườn rộng có ao cá, có cây trái, có đủ các giống kỳ hoa dị thảo. Bên trong một căn nhà nhỏ, có gác nghinh phong, bên ngoài có nơi vọng nguyệt.

Thuở làm quan, Bạch là người chí khí, thanh bạch, lấy điều tín nghĩa cư xử với mọi người, lúc về hưu bổng lộc của triều đình cũng tạm đủ không đến nỗi đói khổ.

Vốn là người phong nhã, tánh hay rượu chè, thích ngâm thơ, Bạch về già mà tinh thần còn minh mẫn, thân thể còn tráng kiện.

Bạch Cư Dị chơi thân với các nhà sư trên núi Trung Sơn, kết thân với Vi Sở, thường lui tới với Lưu Mộng Đào và Hoàng Phủ Minh là những người thích rượu thơ, thanh tịnh, bốn người bạn ấy mỗi khi

gặp nhau thì trò chuyện suốt ngày không muốn chia tay, không muốn về nhà.

Gần Lạc Thanh lại có nhiều cảnh đẹp rất thanh tịnh. Nơi nào có chùa chiền, núi non, khe suối, nơi nào có rượu ngon, bạn tốt, sách vở hay, ca nữ đẹp, thì họ Bạch lui tới thường xuyên để vui với cuộc đời xế bóng.

Có nhiều người thấy tiên sinh say sưa suốt ngày, đam vui các thứ thi ca, nhạc họa, có ý trách cho là người phóng đãng.

Bạch Cư Dị nói :

— Phàm là người ít ai được trung bình, phải có cái gì mới được. Ta cũng không thoát khỏi cái đam mê thế tục Nếu chẳng may ta ham lợi, làm nên giàu có, của tiền đầy đủ, lúa thóc đầy kho, thì cũng chỉ mang cái họa giữ cho đời, làm cho người ta thù ghét. Nếu chẳng may ta tham danh, làm đến bậc công hầu, khanh tướng, rồi giữ mình không được liêm chính, lấy cái thế nhất thời của mình để mưu lợi cho tương lai, dành của kho cho con cháu, thì làm sao ta tránh khỏi tội tham ô, nhũng lạm, chết không rửa sạch vết nhơ. Nếu chẳng may ta ham mê cờ bạc, trăm ngàn đổ đi một lúc, phủi tay trắng cả cuộc đời, đến nỗi vợ con đói rách, thân tàn ma dại, thì làm thế nào tránh khỏi tiếng của thế gian cho là phường đê tiện.

Nay ta không ham các thứ ấy, chỉ ham chuộng cuộc rượu, câu thơ, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, phóng túng thì thật là phóng túng, nhưng có gì là hại đâu. Ta bất quá như Lưu Bá Luân thấy vợ nói mà không nghe, như Vương Võ Công chơi với làng say mà quên lối về. Ta sinh ra, sống trong trời đất, tài đức tuy kém cỏ

nhân xa, sòng giàu hơn Kiềm Lâu, thọ hơn Nhan Uyên, no hơn Bá Di, vui hơn Vĩnh Khải Kỳ, khỏe hơn Vệ Thúc Bảo thì đã may cho ta lắm rồi ! Ta còn mong muốn gì hơn ?

Càng về tuổi già, Bạch Cư Dị càng say sưa tối ngày, răng long tóc bạc mà lúc nào cũng vui trong thi tửu.

Trong đời thơ của Bạch Cư Dị có rất nhiều thơ hay, nhưng nổi tiếng nhất có hai bài sau đây :

Một là bài *Trường hận ca*, kể lại sự tích nàng Dương quí phi tự vận ở Mã Ngôi và lòng thương tiếc của Đường Minh Hoàng. Bài thơ nầy thành khúc ca tuyệt tình, nói lên sự đau khổ của tình yêu trong nhân thế.

Bài thơ này về sau có nhiều danh nhân dịch ra thơ Việt và lưu mãi đến ngày nay. Trong các bản dịch thơ Việt, thấy có bản dịch của họa sĩ Nghiêm sát nghĩa với chính bản hơn, vậy xin chép lại đây để lưu lại trong điển tích :

Trường hận ca

Vua trọng sắc tưởng người khuynh quốc
Cầu bao năm chưa được vừa lòng
Họ Dương có gái má hồng
Nâng niu trong chốn khuê phòng ai hay
Của báu trời, đọa đày sao nỡ
Một ngày vào chầu dựa bên ngai
Miệng cười trăm vẻ xinh tươi
Sáu cung như thể không ai mà đào
Ao Họa Thanh gặp chiều xuân lạnh
Rửa ngọc ngà, tắm cảnh ôn tuyền
Con hầu nâng đỡ khôn lên
Ấy là buổi được ơn trên tin dùng

Tóc uốn mây, bông rung uyển chuyển
Màn phù dung nồng luyến đêm xuân
Nắng lên, đêm rút ngắn dần
Buổi chiều từ ấy lui dần xế trưa
Chầu yến tiệc đâu thừa lúc rỗi
Kết đêm này lại nối đêm mai
Ba nghìn cung nữ bao người
Mà lòng yêu dấu riêng nơi một nàng
Trang điểm đoạn nhà vàng chầu chực
Yến tiệc rồi, lầu ngọc say sưa
Anh em cùng đội ơn vua
Họ hàng nhầm thấm móc mưa rỡ ràng
Khiến nên nỗi thói thường cha mẹ
Trọng gái hơn, chẳng kể sinh trai
Cung ly cao ngất lưng trời
Nhạc tiên gió thoảng nơi nơi thấy đều
Nhưng tì trúc dập dìu múa hát
Thâu ngày chưa vừa mắt quân vương
Ầm ầm tiếng trống Ngư Dương
Chợt làm tan khúc « Nghê thường vũ y »
Chín lần thành lầm ly khói bụi
Nẻo Tây Nam lủi thủi ngựa xe
Thấy hoa lúc nghỉ, lúc đi
Dặm đường đã cách kinh kỳ ngoại trăm
Quân chẳng tiến, biết làm sao nhỉ ?
Đành xuống yên lặng lẽ dứt tình,
Vàng rơi, ngọc vãi linh tinh

Thưa vàng, lông thúy người quanh hững hờ
Cứu chẳng được, đức vua che mặt
Đành ngoảnh đi nước mắt tuôn rơi
Bụi vàng gió giải tơi bời
Đường vào Kiếm Các chơi vơi nhịp cầu
Núi Nga Mi người đâu vắng vẻ
Nắng đìu hiu lặng lẽ bóng tình
Đường vào Thục, nước non xanh
Sớm chiều như gợi mối tình quân vương
Cảnh thương tâm hành cung bóng thỉ
Nỗi đoạn trường mưa gió rung chuông
Giặc tan, quay bánh xe rồng
Đến đây đào Ngự như cùng ngự đi
Dưới gò Mã, bốn bề bùn đất
Nào đâu nơi ngọc nát ngày xưa
Vua tôi giọt lệ đầm đìa
Trông vời nẻo cũ, ngựa về đường quen
Vườn ao vẫn giữ nguyên cảnh cũ
Đứng cạnh ao liễu rủ bên đền
Mặt dung mày liễu gợi phiền
Lòng nào thấy cảnh không hoen lệ sầu
Này tiết xuân mận đào vừa nở
Lá ngô bay mấy độ thu mưa
Hai cung cỏ mọc lưa thưa
Hồng giao chật đất quét chưa có người
Bọn Lê viên đà phơi tóc bạc
Khách tiêu phòng tuổi hạc đã cao

Điện đêm, đóm rọi buồn sao ?
Đèn khuya bấc cạn, giấc đào chưa yên
Lúc đêm tối, rền rền tiếng trống
Buổi bình minh lồng lộng vẻ ngâm
Ngói ngên sương nắng lạnh dần
Chăn loan, gối thúy riêng phần cùng ai
Ngày từ biệt, đã ngoài năm chẵn
Mà chiêm bao vẫn bẵng tăm hơi
Hồng đô đạo sĩ có người
Tinh thành làm phép có tài thông linh
Cảm đức vua nặng tình ly biệt
Bèn ân cần tìm hết mọi nơi
Nhanh như điện rẽ làm hơi
Đạo tìm dưới đất trên trời thiếu chi
Trên bích lạc, dưới thì chín suối
Cả hai nơi tìm lối chẳng ra
Chợt nghe ngoài bể xa xa
Lửng lơ có ngọn núi là non tiên
Lầu các ngọc mây liền năm vẻ
Lũ tiên nga thỏ thẻ dịu dàng
Thái Chân tên gọi có nàng
Mặt hoa da tuyết rõ ràng chẳng sai
Kim Khuyết đến mé ngoài hé gõ
Tiểu Ngọc qua lại ngỏ Song Thành
Nghe tin sứ mạng Hán Đình
Cửa hoa trong trướng thất kinh rụng rời

Đầy gối dậy, bồi hồi khép áo
Vén mành châu bình bảo nhẩn nha
Tóc bù giấc mộng vừa qua
Mũ hoa xốc xếch bước ra chào mời
Nhấc tà áo tả tơi trước gió
Còn bâng khuâng như nhớ vũ y
Nét rầu hàng lệ lâm ly
Hạt mưa gieo nặng cánh lê não nùng
Ngâm lệ tải, tâu cùng quân Thượng
Hơi tiếng xa mường tượng mơ hồ
Chiêu Dương ân ái tàn tro
Đào Bồng đằng đẵng ngày so càng dài
Ngoảnh mặt lại nhìn thôi chẳng thấy
Kia Trường An một giải bụi nhòa
Của xưa vật cũ gọi là
Hộp vàng thoa báo gởi nhờ tay dâng !
Thoa cùng hộp một phần giữ lại
Báu cùng vàng ta hãy chia nhau
Vì lòng vàng đá bền lâu
Trên trời dưới đất gặp nhau một lần
Lại gắn bó ân cần lúc biệt
Lời thề xưa ta biết với nhau
Điện Trường sanh giữa ngày Ngân
Nửa đêm vắng vẻ cùng nhau nặng lời
Chim chắp cánh tung trời bay liệng
Cây liền cành quyến luyến không lìa

Trời dài đất rộng có kỳ
Hận này đằng đẵng còn ghi muôn đời

(Họa sĩ Nghiêm dịch)

Bài thơ thứ hai của Bạch Cư Dị cũng được người đời lưu truyền nhiều trong các sách văn học, đó là bài *Tỳ bà hành.*

Bạch Cư Dị đã kể lại lý do ông sáng tác bài *Tỳ bà hành* như sau :

Năm thứ mười, niên hiệu Nguyên Hòa, Bạch Cư Dị bị kẻ ghen ghét dèm pha phải biếm ra quận Cửu Giang làm chức Tư Mã.

Mùa thu năm sau, một đêm Bạch Cư Dị qua bến Tầm Dương bỗng nghe có tiếng tỳ bà từ trong một chiếc thuyền đưa ra. Lắng tai nghe tiếng đàn lanh lảnh như tiếng đàn ở kinh đô. Hỏi mãi mới biết là tiếng đàn của người kỹ nữ ở Trường An, học trò của hai vị tài tử nổi danh là Mục và Tào.

Người kỹ nữ ấy tuổi đã hơi cao, sắc đã tàn đành phải gởi thân cho người lái buôn. Bạch Cư Dị biết được tình cảnh như vậy, liền mời nàng sang thuyền mình uống rượu và bảo đánh vài khúc tỳ bà.

Nàng kỹ nữ tuân lệnh trổi giọng. Khúc tỳ bà nào nghe cũng não nùng, ai oán, khiến cho Bạch Cư Dị không thể giữ mãi mối hoài cảm trong lòng mình mà không tiết lộ.

Nghĩ đến người kỹ nữ, lúc xuân xanh đã làm chấn động khách giang hồ với tiếng tỳ bà, nay tuổi già đành chịu cảnh phiêu linh khổ sở, rày đây mai đó, Bạch Cư Dị bồi hồi viết ra bài thơ trường thiên lấy tên là *Tỳ bà hành* để tặng nàng.

Bài Tỳ bà hành được nhiều văn nhân dịch ra thơ Việt, nay xin chép lại đây bản dịch của cụ Phan Huy Vịnh để các bạn cùng tham khảo :

Tỳ bà hành

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu
Người xuống ngựa, khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti
Say luống những ngại khi chia rẽ
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong
Tỳ bà đâu thoảng bên sông
Chủ khuâng khỏa lại, khách dùng dằng xuôi
Lần tiếng khẽ hỏi ai đâu tá
Bằng tiếng đàn, nấn ná làm thinh
Dời thuyền gần hỏi thâm tình
Chong đèn chuốc chén còn dành tiệc vui
Mời mọc mãi thấy người bỡ ngỡ
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa
Vặn đờn mấy tiếng dạo qua
Khúc tuy chưa trọn, tình đà thoảng bay
Nghe não ruột mấy giây buồn bực
Dường than niềm tấm tức bấy lâu
Chau mày ta gẩy khúc sầu
Dã dề hết nỗi trước sau muôn vàn
Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt
Trước Nghê thường, sau thoắt Lục yên
Giây tơ dường độ mưa rào

Tỉ tê giây nhỏ như chiều chuyện riêng
Tiếng cao thấp lựa chen lần gẩy
Mân ngọc đâu lần nẩy hạt châu
Trong hoa oanh ríu rít nhau
Nước tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh
Nước suối lạnh dây mành ngừng dứt
Ngừng dứt nên phút bặt tiếng tơ
Âm thầm đau giận ngẩn ngơ
Vẻ người lặng lẽ bây giờ càng hay
Bình bạc vỡ, tuôn đầy nước mắt
Ngựa sắt dong sàn sạt tiếng đao
Cùng đàn trọn khúc thanh tao
Tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây
Thuyền mấy lá đông tây lam ngắt
Một bóng trăng trong vắt lòng sông
Ngậm ngùi đàn hát xếp xong
Áo xiêm sửa dáng, dây mong giải lời
Rằng « xưa vốn là người kẻ chợ »
Cồn Hà Mô thủ ở lân la
Học đàn từ thuở mười ba
Giáo phường đệ nhất chỉn đà chép tên
Gã thiên tài sợ phen đưng khúc
Ả Thu Nương ghen lúc điểm tô
Ngũ Lăng, Tương Tử thuở đua
Biết bao the thắm chuốc mua ngón đờn
Vành lược bạc gãy tan nhịp gỡ
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi

Năm năm lần lữa vui cười
Mải trăng hoa chẳng đoái hoài đến xuân
Buồn êm chảy, băn khoăn vì thác
Lần hôm mây đổi khác hình dong
Cửa ngoài xe ngựa vắng không
Về già phải kết duyên cùng khách thương
Khách trọng lợi khinh đường ly cách
Mải buôn chè, sớm tết ngàn khơi
Thuyền không đậu bến mặc ai
Quanh thuyền trăng giọi nước trôi lạnh lùng
Đêm thu sực nhớ lòng tuổi trẻ
Lệ trong mơ hoen vẻ phấn son
Nghe đàn ta đã chạnh buồn
Lại rầu thêm nỗi nỉ non mấy lời
Cùng một lứa bên trời lận đận
Gặp nhau lo lo sẵn quen nhau
Từ xa kinh khuyết bấy lâu
Tầm Dương đất trách mối sầu hôm mai
Chốn cùng tịch lấy ai vui thác
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm
Sông Bồn gần chốn cát lầm
Cau già trực võ nẩy mầm quanh hiên
Tiếng chi đấy nghe liền xóm tối
Quốc kêu sầu vượn hót vẻo von
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn
Mới lần tay chuốc chén son riêng ngừng
Há chẳng có ca rừng, địch nội

Giọng lúc lo buồn nỗi khó nghe
Đàn tỳ bỗng lấy canh khuya
Dường như tiếu nhạc gần kề bên tai
Gượng ngồi dậy gảy chơi khúc nữa
Sẽ vì nàng xếp sửa lời ca
Tần ngần dường cảm lời ta
Lại ngồi lựa phím, đàn bà kịp dây
Bực rầu rĩ, khác thay lần trước
Khắp tiếc nghe tuôn nước lệ rơi
Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu Tư Mã đượm mùi áo xanh.

(Phan Huy Vịnh dịch)

30. KIẾT PHỤ

Kiết phụ là người vợ hiền lành, người vợ có đức hạnh trinh tiết.

Kiết phụ lấy tích nàng Vạn Quốc Trinh vợ chàng Thu Hồ Tủ người nước Lỗ.

Thu Hồ Tủ là người nho sĩ tài hoa tuấn tú, thông minh, học giỏi, nhưng chỉ có cái bệnh hay trêu hoa ghẹo nguyệt.

Sau một thời gian học tập, Thu Hồ Tủ thi đỗ, được triều đình bổ ra làm quan. Trong lúc chờ đi nhận nhiệm sở, thì Thu Hồ Tủ kết duyên với nàng Vạn Quốc Trinh người ở cùng quê.

Tuy nhiên vừa cưới vợ được năm ngày thì Thu Hồ Tủ nhận được chiếu vua điều chàng đi làm quan ở nước Trần.

Từ giã mẹ già vợ dại, Thu Hồ Tủ thu xếp hành trang sang nước Trần nhận việc.

Làm quan ở nước Trần được năm năm, Thu Hồ Tủ được phép về quê thăm mẹ già.

Đường sá xa xôi, Thu Hồ Tủ đi ròng rã ba tháng trời mới về đến cố hương. Nhớ lại cảnh vật ngày xưa

từ con sông uốn khúc, đến rặng dâu xanh, đâu đâu cũng làm cho Thu Hồ Tủ quyến luyến.

Trong lúc đang say mê ngắm cảnh, bỗng chàng liếc mắt thấy một thôn nữ tuyệt sắc, tuổi vừa đôi mươi, đôi má hồng đào, đôi mày lá liễu, cặp mắt nhung huyền, bàn tay búp măng đang thoăn thoắt hái những lá dâu xanh bên đường đê thẳng tắp.

Tuy nhớ nhà, nhớ quê hương, nhưng tánh nào tật nấy, Thu Hồ Tủ thấy gái đẹp, đứng nhìn trân trân một lúc, rồi xuống ngựa bước đến gần buông lời trêu chọc.

Người đẹp hái dâu không trả lời Thu Hồ Tủ, nàng vẫn lặng lẽ hái dâu.

Thu Hồ Tủ nghĩ thầm :

— Người đâu mà đẹp thế vậy ? Trong chốn quê mùa tại sao có được nàng hoa ! Ta làm quan nước Trần, đi đó đi đây đã nhiều nhưng chưa thấy một đóa hương trời sắc nước như vậy. Tiếc thay, ta đã cưới vợ quá sớm, không kịp lựa chọn, bây giờ nghĩ lại thì đã muộn.

Dù biết mình đã có vợ, nhưng gặp gái đẹp thì cũng lựa chiều trêu chọc cho bỏ những thú vui trong tuổi xuân. Chàng gọi nàng thôn nữ diễm kiều nói :

— Nương tử đẹp như Hằng Nga giáng thế, địa vị nàng phải xứng đáng là một vị phu nhân. Bây giờ nàng dùng hết sức mình để hái dâu chăn tằm, ươm tơ, vẫn không bằng gặp một ông chồng làm quan, có quyền có chức. Ta đây sẵn có vàng bạc, châu báu, ngọc ngà, nếu nàng ưng thuận cùng ta sánh duyên thì có thiếu gì của cải, tiền bạc, đâu phải đi hái dâu cực khổ.

Thiếu nữ nhìn Thu Hồ Tủ mắng:

— Tội tuy nghèo khổ quê mùa, nhưng không phải là hạng gái ham vàng bạc, xin quan nhân đi tìm những người con gái khác.

Thu Hồ Tủ say đắm trước sắc đẹp của nàng thôn nữ, chẹn đi không đành, cứ lần khân đứng nói mãi.

Thiếu nữ nổi giận la mắng rồi bỏ về nhà không hái dâu nữa.

Bấy giờ, Thu Hồ Tủ mới chịu lên ngựa về thăm mẹ.

Bà lão từ lúc con ra đi, ngày ngày tựa cửa trông con, nay Thu Hồ Tủ trở về, lòng mừng rỡ vội chạy ra cửa đón con.

Thu Hồ Tủ chào lạy mẹ, và xách hành trang đem vào nhà, thì vợ chàng là nàng Vạn Quốc Trinh nghe chồng về bước ra mừng.

Nhìn thấy vợ, Thu Hồ Tủ giật mình, vì nàng Vạn Quốc Trinh chính là cô thôn nữ hái dâu bị Thu Hồ Tủ chọc ghẹo vừa rồi. Nhìn rõ mặt chồng nàng Vạn Quốc Trinh nói:

— Chàng đi làm quan năm năm mới về, mẹ già mỏi mòn nhớ con, lẽ ra chàng phải hồi hả về thăm mẹ mới phải đạo hiếu thảo, tại sao lại đi chọc gái giữa đường. Chàng đọc sách đã nhiều, thi đỗ làm quan, chẳng lẽ chàng lại không hiểu điều thô thiển ấy.

Cha mẹ nuôi con đến lúc thành nhân, con không nghĩ đến cha mẹ là điều bất hiếu, tham lam nữ sắc là lòng tà dâm, mà lòng tà dâm là bất nghĩa. Làm quan mà bất hiếu, bất nghĩa thì trị dân thế nào được? Người như vậy không xứng đáng làm chồng thiếp đâu.

Thiếp chẳng may lầm chàng là người đọc sách, tưởng đem thân bồ liễu gởi vào bóng tòng quân, lấy

đức quân tử để gởi bông thuyền quyên, bây giờ mới hiểu rõ giá trị con người chàng. Ôi thôi! nhục nhã!

Tối hôm đó, Vạn Quốc Trinh nhảy xuống giếng tự vận.

Người đời sau gọi nàng Vạn Quốc Trinh là *Kiết phụ*.

31. BỂ DÂU

Mở đầu truyện Kiều, Tố Như tiên sinh dùng điển tích *Bể dâu.*

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Bể dâu tức là biển cả và bãi dâu, lấy ở câu *Thương hải tang điền* để nói những việc biến động, thay đổi trong vũ trụ và trong cuộc sống con người.

Nhân sanh bách tuế chi kỳ tức là đời sống con người được qui định trong kỳ hạn một trăm năm.

Bởi vậy, trong truyện Kiều tác giả nói :

Trăm năm trong cõi người ta

Mà trong trăm năm đó việc biến đổi không ngừng.

Theo *Thần tiên truyện* thì tam thập niên vi nhất, thương hải biến vi tang điền, nghĩa là cứ ba mươi năm một lần lại có sự thay đổi biển cả hóa thành nương dâu, nương dâu hóa thành biển cả.

Sách *Tầm Nguyên* có kể chuyện một ông lão sống đủ một trăm tuổi, về già thuật lại cho con cháu nghe rằng:

— Trong đời ta sống một trăm tuổi, ta đã thấy biết bao lần trong vũ trụ biến đổi. Nơi biển cả sóng vỗ muôn trùng trong chốc lát đã biến thành nơi đất bồi để dân chúng đem dâu ra trồng. Nửa năm sau nơi biển cả ngày trước hóa ra ruộng dâu bát ngát xanh tươi, có nơi lại trở thành biển cả, nước xanh sóng vỗ.

Sự thay đổi ấy cứ ba mươi năm lại có một kỳ. Bể cả còn biến thành ruộng đất được huống chi con người chỉ là một phần nhỏ bé của cát bụi vũ trụ, của tạo hóa thì sự biến đổi là lẽ thường.

Đã nhìn thấy cái lẽ biến đổi ấy, cái việc hưng vong ấy, luôn luôn tác động trong đời sống thì võng lọng, ngựa xe chưa là vinh, xiềng xích gông cùm chưa là nhục.

Khi quan niệm *Bể dâu* tức là quan niệm *Tài mệnh tương đố* là thừa nhận những mâu thuẫn trong xã hội, trong vũ trụ, trong cuộc sống luôn luôn thay đổi, dắt thực tại đi vào thay đổi để đi tìm cái mới, và cái mới lại đi tìm cái mới nữa, đó là *qui luật tuần hoàn.*

Trong sách *Tam ngôn truyện* có kể lại một chuyện thăng trầm để nói lên những thay đổi người đời không ai lường trước được.

Vào đời vua Hán Văn Đế có một người tôi thần tên Đặng Thông, vốn kẻ trung nghĩa.

Đối với dân, ông ta là bậc thanh liêm, đối với vua, ông là bậc chính trực, đối với nước, ông là kẻ trung thành.

Với những đức tánh đó, Đặng Thông được vua Văn Đế yêu dùng và biệt đãi hơn các quan cận thần khác.

Vua Văn Đế trao cho Đặng Thông tất cả mọi quyền hành, khi xa giá, lúc ở lầu đài, mỗi mỗi đều tỏ ra là một người phong lưu thế phiệt.

Tài đức như thế, cao xanh như thế thì ở đời ai dám sánh.

Thế mà một hôm, Đặng Thông ra khỏi thành độ vài dặm, bỗng có một gã ăn mặc rách rưới, mặt mày bẩn thỉu, trông thấy ông liền ngửa mặt lên trời cười ha hả, rồi chỉ vào mặt, nói :

— Kìa ! Đặng quan nhân, chớ thấy sang trọng nhất thời mà mừng ! Tôi e ngài chết đói một ngày không xa đấy.

Ôi chao ! Một ông quan đại thần, giàu sang bậc nhất trong thiên hạ mà có kẻ cho là sẽ chết đói thì còn gì ngô nghê hơn. Quân sĩ tùy tùng vội bắt chàng đem nạp cho Đặng Thông để trị cái tội vô lễ đó.

Đặng Thông bình tĩnh hỏi :

— Ta là một bậc đại quan ở triều đình, phú quí có thừa, quyền uy có một, sao ngươi dám bảo là sẽ chết đói. Nhà ngươi tin gì vậy ?

Người đàn ông lễ phép thưa :

— Tôi là Huỳnh Liên, mấy đời chuyên nghề xem tướng. Nay thấy đại quan có tướng chết đói nên phải nói thật, xin đại quan chớ giận.

Đặng Thông mỉm cười nói :

— Chết sống là chuyện thường của người có trách nhiệm với dân với nước. Nhưng ngươi căn cứ vào đâu mà bảo ta sẽ chết đói.

Huỳnh Liên thưa :

— Kìa ! Đại quan có một đường gạch chạy thẳng từ cằm vào mép đó là tướng chết đói. Dẫu đại quan có sang trọng bậc nào cũng khó tránh khỏi.

Đặng Thông không tin. Bọn hầu khúc khích cười, bảo nhau :

— Thật là kẻ điên cuồng. Một vị quan giàu có nhất triều đình mà dám bảo là chết đói.

Có kẻ thưa với Đặng Thông :

— Gã này muốn dùng nghề xem tướng để xỉ mạ đại quan, xin đại quan cho phép chúng con bắt nó đem về trừng trị một bữa cho nó chừa tánh xấc láo.

Đặng Thông xưa nay vốn tính nhân từ, không muốn làm khổ ai nên nghe nói cười lớn, bảo bọn thủ hạ :

— Không nên đánh đập nó làm gì. Nó nói ta chết đói, mà ta không chết đói thì thôi.

Đặng Thông truyền quân khiêng kiệu trở về dinh, không lưu tâm đến câu nói của Huỳnh Liên nữa.

Hai hôm sau, có kẻ hay được việc ấy, vội vào triều tâu với vua Văn Đế.

Vua Văn Đế tức giận phán :

— Chết sống do trời định, còn giàu sang là do ta. Ai dám nói làm cho Đặng Thông nghèo khổ mà chết đói.

Dứt lời, nhà vua truyền xuất kho cấp cho Đặng Thông mấy xe lụa là châu báu để làm của riêng, lại đặc ân cho Đặng Thông cả một hòn núi *thiếc đồng* để đúc tiền xài nữa.

Đặng Thông thấy nhà vua hậu đãi mình quá sức, lòng cảm động nhưng ông không phải là kẻ tham lam, nên cố ý từ chối không nhận.

Vua Văn Đế nói :

— Ta thuở nay không tin vào tướng số, nay có gã thầy tướng số nói như vậy, ta thử cấp cho khanh tiền của như vầy xem thử làm thế nào mà khanh chết đói được.

Đặng Thông tâu :

— Hạ thần được bệ hạ ưu đãi thế này kể cũng đã quá hậu rồi. Tiền của hạ thần dẫu có ăn tiêu đến suốt đời cũng chưa hết, vậy xin bệ hạ để của ấy cấp phát cho dân nghèo.

Vua Văn Đế không nghe, nhất thiết buộc Đặng Thông phải nhận lụa là châu báu và hòn núi Thiếc Đồng kia !

Do đó, Đặng Thông là người giàu có nhất trong nước, sang trọng vô cùng.

Trong thời gian đó, mỗi lần Đặng Thông vào chầu, vua Văn Đế thấy mặt thường cười lớn nói :

— Ta ra lệnh cho khanh phải ăn tiêu thật sang trọng đấy nhé.

Triều thần ai nấy đều thì thầm bảo nhau :

— Gã thầy tướng đã làm giàu cho Đặng Thông như thế thì làm sao Đặng Thông còn sợ chết đói nữa.

Thời gian chẳng bao lâu, vua Văn Đế lâm bệnh nặng, bị thổ huyết, máu tuôn đầy miệng, nghẹt thở, ngồi xỉu trên long sàng.

Đặng Thông cảm nghĩa, xem thân vua như thân mình, vội cúi xuống ghé mồm hút huyết để tiếp hơi, cứu nhà vua tỉnh lại.

Ngay lúc đó, Thái Tử vào thăm, thấy máu ra ràn rụa, và cử chỉ của Đặng Thông trông rất gớm ghê, làm cho Thái Tử trở về cung mấy hôm liền không ăn uống được, nhất là khi ăn các món tươi có máu, Thái Tử thấy rờn rợn trong người.

Và từ đấy Thái Tử cũng ít lui tới viếng thăm vua cha.

Vua Văn Đế biết được việc ấy than :

— Bây giờ ta mới rõ, chỉ có Đặng Thông là bầy tôi trung thành mà thôi ! Đến như Thái Tử con của ta còn gớm ghiếc ta, huống chi tình nghĩa người ngoài.

Câu nói ấy vua Văn Đế chỉ nói riêng với Đặng Thông, nhưng về sau cũng lọt vào tai Thái Tử, làm cho Thái Tử bất bình, nghi cho Đặng Thông là chia rẽ tình cha con.

Đối với Đặng Thông là kẻ tôi trung, hành động của Đặng Thông là hành động đền ơn. Tuy nhiên, làm sao Thái Tử hiểu được. Từ đó Thái Tử đem lòng thù hận Đặng Thông.

Rủi thay, bệnh của vua Văn Đế mỗi lúc một nặng thêm, rồi chẳng bao lâu, nhà vua băng hà, để lại một mối cựu thù sâu sắc trong lòng vị Thái Tử trẻ.

Thái Tử lên kế vị, hiệu là Cảnh Đế.

Lòng đã sẵn thâm thù, vua Cảnh Đế hạ lệnh bắt Đặng Thông trị tội, sung công hết tài sản, giam Đặng Thông vào ngục và cấm không cho đem cơm nước.

Thế là Đặng Thông phải chịu chết đói trong ngục mà không có một lời than oán.

Lời tiên tri của gã Huỳnh Liên lúc ấy mới thấy là đúng. Các quan trong triều nhỏ lớn đều kinh hoàng, cho rằng sự đổi thay trong cuộc sống đời người không thể nào lường trước được.

Bấy giờ tại triều đình vua Cảnh Đế có quan Thái sư Châu Á Phú, vốn là kẻ tham giàu sang, thấy mình đang được trọng vọng, có chức quyền, sợ có điều gì rủi ro nên lén ra ngoài thành tìm gã Huỳnh Liên hỏi thăm tướng mạo.

Huỳnh Liên xem qua rồi thấy quan Thái sư họ Châu lại cũng có tướng chết đói, nên vỗ tay cười lớn nói :

— Ôi thôi ! Quan Thái sư lại cũng có tướng chết đói rồi. Đường chết đói đã hiện ra rõ nét, ngày chết đói không xa.

Quan Thái sư buồn bã vô cùng, trở về dinh lo thu xếp vàng bạc gởi đến nhà một người thân cách kinh đô trăm dặm, phòng khi có xảy ra tai nạn thì trốn đến đó để dung thân.

Việc làm của Thái sư tuy kín đáo, nhưng không khỏi tai mắt của các quan đại thần. Các quan cho là Thái sư sanh tâm nên mật tâu với vua Cảnh Đế.

Vua Cảnh Đế lập tức cho quân cận vệ vây phục tư dinh của Thái sư họ Châu, bắt quan Thái sư hạ ngục và tịch thu tài sản sung công.

Chẳng bao lâu Châu Á Phú cũng chết đói như Đặng Thông trước kia.

Bấy giờ tại kinh thành ai cũng ca tụng Huỳnh Liên là một gã thầy tướng có tài và ai cũng sợ mình có tướng chết đói.

Một hôm, trong xóm nhỏ kia có một gã bán dầu tên Bùi Độ, tuổi trẻ, nhà nghèo, thường gánh dầu lang thang khắp nơi để bán. Lúc Bùi Độ đi ngang qua chợ, gặp gã Huỳnh Liên đưa tay gọi và nói :

— Kìa ! Ông bạn ! Ông bạn nhà nghèo mà lại bị đường chỉ chạy xéo từ cằm đến mép miệng thì tránh sao khỏi chết đói.

Bùi Độ thản nhiên nói :

— Tôi nghèo khổ, buôn bán độ nhật, làm mai ăn chiều thì việc chết đói có gì là lạ.

Dứt lời chàng gánh dầu đi vào thôn quê bán không lấy gì làm buồn bã.

Ngày kia, Bùi Độ đi ngang qua một cánh đồng vắng, vừa tinh sương bỗng thấy một cô gái trạc tuổi đôi mươi nhan sắc diễm lệ, đang ngồi trên bờ giếng lạng khóc nỉ non.

Lấy làm lạ, Bùi Độ bước đến hỏi :

— Cô nương từ đâu đến, có chuyện gì buồn thảm ?

Thiếu nữ ngẩng mặt lên, thấy Bùi Độ, anh chàng bán dầu quần áo rách tơi tả, mồ hôi nhễ nhại, tuy nghèo nàn nhưng khuôn mặt có vẻ hiền từ, nàng lau nước mắt đáp :

— Tôi quả đang có chuyện buồn, nhưng nói với anh cũng chẳng ích gì, xin đừng hỏi đến làm chi.

Bùi Độ thấy người con gái nét hoa ủ dột thương tình nói :

— Xin quí nương chớ ngại, tôi tuy nghèo khó, nhưng nếu quí nương cần tôi điều gì có thể giúp được, tôi không từ chối.

Thiếu nữ thở dài nói :

— Tôi là con gái quan huyện Lạc Châu, nhà ở cách đây mười dặm. Cha tôi đã già, làm quan thuở giờ rất thanh liêm. Vừa rồi, chẳng may cha tôi bị gian thần sàm tấu, bươi móc những lỗi nhỏ nhen, khiến Hoàng đế nổi giận truyền bắt cha tôi hạ ngục tại triều. Tôi đã đến đó thăm viếng và kêu oan, nhưng tên gian thần không cứu xét còn tâu với vua hạ lệnh tịch thu hết tài sản của cha tôi nữa.

Nói đến đây, thiếu nữ òa khóc.

Bùi Độ thở dài, để gánh dầu xuống đất nói :

— Vì mất hết cửa nhà, tài sản mà quí nương buồn bã, đi lang thang đến đây phải không ?

Thiếu nữ đáp :

— Không ! Tên gian thần buộc tôi phải nạp đủ ba nén vàng mới chịu dâng sớ xin tha tội, vì vậy đã sáu tháng nay tôi đem cả tư trang bán hết, và đi xin các người trong thân tộc gộp đủ ba nén vàng, định sáng mai đem về kinh chuộc tội cho cha tôi. Chẳng ngờ vừa đi đến đây vô ý làm rơi nén vàng xuống giếng lạng này.

Nói đến đây, thiếu nữ lại khóc nữa, lần này còn khóc lớn hơn.

Bùi Độ biết nàng đau lòng vì thương cha nên không dám hỏi nữa, đưa mắt nhìn xuống giếng thì thấy giếng không sâu, lá cây nổi lều bều, mùi hôi tanh xông lên nồng nặc.

Chàng thở dài nhủ thầm :

— Ba nén vàng mà đánh rơi xuống giếng này thì còn biết làm sao được !

Nhưng chàng lại nghĩ :

— Ba nén vàng ấy là sinh mạng của cha nàng. Nàng đã cực khổ sáu tháng trời mới góp được, nếu mất đi là sinh mạng của cha nàng cũng mất theo, thế thì nàng đau khổ, khóc than là phải rồi.

Nhìn thấy vẻ thất vọng của thiếu nữ, Bùi Độ động lòng nói :

— Xin quí nương cứ an lòng, tôi lặn xuống giếng xem thử, may ra tìm được.

Thiếu nữ xua tay bảo :

— Không được ! Anh có lòng tốt như vậy tôi rất đội ơn, nhưng dưới giếng này có một con trăn rất lớn, từ hôm qua, tôi đã mướn người vớt lên, nhưng vì giếng có trăn, không ai dám mạo hiểm.

Bùi Độ nói :

— Nếu vậy thì phải làm cách nào để giúp cô nương lấy lại ba nén vàng.

Thiếu nữ nói :

— Tôi đành chịu chết thôi, trời đã muốn hại mạng cha tôi tức như đã cắt đứt tình máu mủ, tôi còn sống làm gì nữa.

Bùi Độ biết ý nàng muốn nhảy xuống giếng quyên sinh, nên không chịu bỏ đi, cứ đứng đó than dài thở ngắn.

Bỗng chàng nhớ đến lời gã thầy tướng Huỳnh Liên và đường vạch *chết đói* nơi miệng, thầm bảo :

— Đã có tướng chết đói thì trước sau cũng chết. Vậy ta hy sinh cứu nàng thì hơn.

Chàng nhìn thiếu nữ bảo :

— Thưa quí nương, tôi vốn chẳng may sinh vào cảnh nghèo khó, lại có tướng chết đói. Nếu có ham sống thì một ngày gần đây cũng không tránh khỏi chết thảm. Vậy quí nương để tôi xuống giếng tìm vàng may ra lấy được vàng tôi có thể cứu được hoàn cảnh nguy biến của quý nương, bằng không nếu rủi ro bị trăn nuốt vào bụng thì tôi cũng chẳng ân hận gì.

Thiếu nữ chưa hiểu tướng chết đói là gì, thì Bùi Độ đã nhảy ào xuống giếng.

Nhờ có sức mạnh và lội giỏi nên chẳng mấy chốc Bùi Độ đã mò được gói vàng gói trong chiếc khăn và trồi lên mặt nước.

Chàng mừng quá, bấu vào các rễ cây lần lần leo lên.

Thiếu nữ vừa mừng vừa sợ, trố mắt nhìn Bùi Độ hỏi :

— Người ta bảo giếng có trăn, sao anh không bị nó quấn ?

Bùi Độ lắc đầu đáp :

— Họ đồn bậy ! Không có gì hết.

Chàng trao gói vàng lại cho thiếu nữ với niềm vui vô biên.

Thiếu nữ tiếp nhận gói vàng, sụp lạy đền ơn.

Bùi Độ cản lại :

— Thưa cô nương ! Công tôi một chút có là bao, miễn sao quí nương cứu được đại quan là tốt lắm rồi. Xin chớ coi đây là ân huệ.

Thiếu nữ nở một nụ cười tươi, nụ cười chứa đầy hy vọng, nói :

— Thưa ân nhân, xin ân nhân cho biết rõ họ tên để có ngày đền đáp.

Bùi Độ nói :

— Tôi chỉ là một gã bán dầu nghèo nàn, lang thang đây đó, không gia cư, sự nghiệp, xin quí nương chớ bận lòng. Từ trước đến nay trong vùng này bà con gọi tôi là Bùi Độ.

Thiếu nữ cúi lạy tạ ơn rồi mang khăn gói ra đi. Trong lúc đó Bùi Độ tiếp tục gánh dầu vào thôn bán như mọi hôm.

Một hôm, Bùi Độ gánh dầu đi ngang qua chợ, gặp gã Huỳnh Liên. Nhưng lần này Huỳnh Liên không nhìn Bùi Độ với thái độ khinh rẻ, mà tỏ ra kính trọng.

Lấy làm lạ, Bùi Độ chưa kịp hỏi thì gã Huỳnh Liên đã nói trước :

— A ! Anh thật tốt phúc ! Tướng chết đói của anh biến mất rồi, thay vào đó là tướng của một công khanh, sang giàu tuyệt đỉnh. Tôi chúc anh sớm được vinh hoa phú quí.

Bùi Độ cười hề hề :

— Thôi, xin ông đừng ngạo tôi. Kẻ nghèo khổ này cơm còn chưa đủ ăn, chẳng biết chết đói lúc nào, làm gì mơ đến cao sang phú quí !

Huỳnh Liên chắp tay xá dài nói :

— Đã mấy đời làm nghề tướng số, không bao giờ tôi nói sai. Chẳng bao lâu nữa anh trở nên công hầu phú quí đó.

Bùi Độ không tin, cười hì hì, gánh dầu đi bán và nói:

— Đời người đâu có lại thay bậc đổi ngôi một cách dễ dàng vậy.

Huỳnh Liên cũng cười nói :

— Đời là cuộc bể dâu ! Có gì tồn tại vĩnh viễn đâu.

Rồi một hôm, vì xông pha trong làng mạc để bán dầu kiếm ăn hàng ngày, Bùi Độ mỏi mệt, để gánh dầu nằm ngủ trên một hòn đá ven bên rừng. Đến lúc thức dậy thấy gánh dầu biến đi đâu mất.

Chàng hoảng vía, chạy tìm khắp nơi cũng không thấy.

Thật nguy khốn ! Một kẻ nghèo khổ thế này, vốn liếng chỉ có gánh dầu, thế mà mất đi thì lấy tiền đâu

trả nợ, lấy tiền đâu nuôi sống trong ngày. Bùi Độ vừa đi vừa lầm bầm :

— Thằng tướng số Huỳnh Liên cố tình nhạo ta. Nó thấy ta sắp chết đói nên tìm lời đùa cợt. Ôi ! Một bữa cơm chiều nay ta biết làm sao kiếm có, nói chi đến chuyện giàu sang !

Tìm một lúc không thấy gánh dầu đâu, Bùi Độ trở lại tảng đá ven rừng, trèo lên nằm nghỉ và nghĩ thầm :

— Thôi, số ta là số chết đói, ta nằm đây mà chết cho xong.

Chàng nằm nhắm mắt để chờ chết. Bỗng trong rừng có hai người xông ra, nắm chân Bùi Độ lay dậy :

— Này, gã bán dầu ! Hãy bán dầu cho ta rồi sẽ ngủ.

Bùi Độ mở mắt nhìn thấy hai người này mặt mày sáng sủa ăn mặc sang trọng, lại có vẻ đùa cợt, nên tức giận nói :

— Gánh dầu của ta bị quân gian lấy mất rồi. Thôi, để cho ta nằm chết đói ở đây !

Hai người kia nhìn nhau cười ngặt nghẽo nói :

— Gánh dầu của anh đã có người mua rồi, giờ anh theo chúng tôi đi lấy tiền.

Bấy giờ, Bùi Độ ngơ ngác hỏi :

— Thật vậy sao ? Mà tại sao có chuyện lạ lùng vậy ?

Một trong hai người kia đáp :

— Có gì mà lạ ! Anh đem dầu đi bán thì người ta mua. Người ta mua thì người ta trả tiền. Anh có bằng lòng theo chúng tôi đi lấy tiền thì đi, đừng nói nhiều huyện nữa.

Bùi Độ nửa mừng, nửa ngại, lủi thủi theo hai người lạ xuyên qua rừng đi thẳng.

Chẳng bao lâu, hai người dẫn Bùi Độ đến trước một cổng lớn, có đề bốn chữ *Lạc Châu huyện đường* và dắt Bùi Độ vào đấy.

Bùi Độ sợ hãi hỏi :

— Sao các anh lại dắt tôi vào đây ?

Một người nói :

— Vì đây là khách mua hàng của anh, nên phải dẫn anh đến đây.

Hai người dẫn Bùi Độ đi vòng quanh một lúc rồi vào hậu đường, chàng thấy trước cửa một ngôi nhà mát có đề hai thùng dầu của chàng, nên chàng mừng quá chạy đến nói lớn :

— Gánh dầu của tôi đây rồi.

Chợt sau vườn hoa có bóng xiêm y phất phơ, rồi một thiếu nữ cực kỳ diễm lệ, mặt hoa da phấn, vóc ngọc mày ngài, lả lướt bước đến gần. Khi trông thấy Bùi Độ, nàng nhoẻn miệng cười cất tiếng oanh thỏ thẻ :

— Ân nhân vẫn mạnh giỏi đấy chứ ? Bùi Độ ngơ ngác nhìn thì thấy thiếu nữ ấy chính là cô gái mà chàng đã lặn xuống giếng lấy gói vàng giúp nàng chuộc tội cho cha hôm nọ. Tuy nhiên, khác với hôm trước, ở đây nàng đẹp như một tiên nga, tươi như đóa hoa trà mi buổi sáng.

Gặp lại người cũ, Bùi Độ hỏi :

— Quí nương đã chuộc tội cho Đại quan rồi chứ ?

Thiếu nữ mỉm cười nói :

— Nhờ anh mà cha con tôi đoàn tụ. Cha tôi lại được phục chức huyện quan. Tôi nhớ ơn ấy nên cho

người tìm mãi mới gặp, lại sợ anh không đến, nên lập kế cho hai người lên gánh hai thùng dầu của anh về đây, xin anh chớ trách.

Dứt lời, thiếu nữ ra hiệu cho mấy tên quân hầu đưa Bùi Độ vào trong phòng trưng bày lộng lẫy, đồ đạc sang trọng.

Bùi Độ thấy chỗ nào cũng sạch sẽ, uy nghi, chưa biết phải ngồi vào đâu, thì bọn lính hầu đã bưng lên một mâm rượu thịt ê hề, món ăn toàn là những món hiếm quí.

Đang đói bụng lại gặp cảnh này, Bùi Độ không còn ngại ngùng gì nữa, ngồi vào bàn ăn và uống rượu cho đến lúc say mèm, nằm gục xuống tấm vách bên cạnh ngủ một giấc ngon lành.

Đến khi tỉnh dậy, Bùi Độ thấy trời đã tối, trong phòng leo lét ánh đèn dầu. Ngoài cửa sổ có tên quân hầu bước vào bảo chàng :

— Xin mời quí nhân qua phòng hương dùng cơm tối.

Bùi Độ vội bước theo tên quân hầu, rẽ qua một căn phòng rất mỹ lệ ở đây ánh đèn leo lét, các cửa đều có treo màn thêu nhiều hoa bướm. Tên quân hầu vừa đưa chàng đến cửa lập tức lui gót. Tức thì bên trong một tỳ nữ, phất tay áo bước ra, cung kính rước Bùi Độ vào.

Qua khỏi bức màn, một mùi thơm ngào ngạt xông lên. Giữa phòng có một chiếc bàn xinh xắn, hai bên có hai chiếc gối thêu, trên bàn có sắp sẵn thức ăn và rượu.

Tỳ nữ đưa Bùi Độ vào ngồi ở đó chưa lâu thì phòng bên cạnh bức màn nhung lay động, tỳ nữ chắp tay thưa với Bùi Độ :

Có cô nương tôi đến.

Bùi Độ vừa quay mặt lại đã thấy thiếu nữ khuê các mà chàng đã cứu nạn trước kia ung dung trong bộ y phục màu hồng từ từ bước đến vui vẻ nói với Bùi Độ.

— Thưa ân nhân chớ lấy làm lạ ! Tiện nữ xin bỏ chút lễ nghi để đền ơn ân nhân ngày nào cứu nạn.

Bùi Độ đứng dậy đáp lễ nói :

— Quí nương là người con chí hiếu, trên đời này thật ít có, phận tôi là kẻ hèn mọn đâu dám chịu lắp ân huệ của quí nương. Chẳng hay quí nương danh hiệu là gì?

Thiếu nữ đáp :

— Em là Ngọc Hà, từ thuở bé đến giờ theo cha trấn nhậm nơi đây, mẹ mất sớm, cố nơi theo nề nếp gia phong, nhưng vì đối với chàng ơn sâu, không thể vì phận gái mà không báo đáp.

Dứt lời, Ngọc Hà cầm lấy chung rượu rót đầy dâng cho Bùi Độ.

Trước cảnh rượu ngon, thịt béo, người đẹp tuyệt trần, Bùi Độ ngất ngây. Chàng ăn mãi, uống mãi, càng uống chàng càng thấy ngon.

Cho đến khuya, rượu say túy lúy, ngọn huyền đăng ánh sáng chập chờn lung linh tỏa khắp phòng một màu huyền ảo, Bùi Độ thần trí như lạc vào cõi tiên bồng, không cầm được dục tình, không còn nhớ đến thân phận hèn mọn của mình, liền cầm tay Ngọc Hà thở hồn hển :

— Quí nương !

Ngọc Hà nghiêm nét mặt bảo :

— Em tiếp đãi ân nhân là để đáp đền lòng hiếu đạo, đâu phải là kẻ trên bộc trong dâu, xin ân nhân chớ làm thế.

Bùi Độ sợ hãi, buông tay Ngọc Hà nói run rẩy :

— Kẻ hèn này biết phận, không được quí nương chiếu cố, vậy thì kẻ hèn này xin từ giã chẳng còn dám ở đây nhìn mặt quí nương nữa.

Thấy vẻ mặt thật thà của Bùi Độ, Ngọc Hà thương cảm nói :

— Ân nhân đã cứu giúp cho thân phụ thiếp thoát khỏi hoạn nạn, thân thiếp còn được ngày hôm nay cũng nhờ ơn của ân nhân. Thiếp không dám tiếc gì mà không đền ơn, cũng không vì chỗ sang hèn mà chia cắt, chỉ sợ ân nhân hiểu lầm thiếp là kẻ không đứng đắn mà thôi.

Được lời như mở tấc lòng, Bùi Độ chớp chớp đôi mắt, nhìn thẳng vào mặt Ngọc Hà nói :

— Nếu được quí nương gầy duyên can lệ thì phận hèn này suốt đời xin ở bên gối để phụng sự quí nương.

Ngọc Hà cầm tay Bùi Độ nói :

— Vì chữ hiếu phải trả ơn cho thân phụ, thiếp chỉ sợ không làm tròn phận sự nâng khăn sửa trâp cho chàng mà thôi. Nhưng việc đó không thể tự chuyên mà phải đợi lệnh của nghiêm đường.

Bùi Độ lửa lòng phừng cháy, không cầm được yêu đương trước sắc đẹp của cô gái diễm kiều, ngày xanh phơi phới và giọng nói trong như ngọc, êm như mơ. Chàng ôm Ngọc Hà vào lòng và không còn biết gì đến trời đất nữa.

Thế rồi từ đấy, Bùi Độ ở luôn tại huyện đường, trong phòng riêng cách phòng hương của Ngọc Hà không xa lắm. Đêm đêm yến tiệc vui vầy. Đôi trai gái vì nghĩa mà kết nên cầm sắc.

Nàng Ngọc Hà vốn là gái trâm anh, từ nhỏ đã theo đòi nghiên bút, nên các môn cầm kỳ thi họa đều làu thông. Bùi Độ được nàng đem hết khả năng con nhà khuê các ra để phụng sự, làm cho chàng chẳng bao lâu cũng nhuốm mùi phong lưu, không còn cử chỉ gã bán dầu thuở nào nữa.

Trong thời gian đó, cha Ngọc Hà bận rộn việc quan, việc nước, không để ý đến, mà nàng cũng dấu kín vì nàng thấy cha nàng là kẻ môn phong quí tộc, chẳng lẽ kén một chàng rể dốt nát, quê mùa. Do đó, Ngọc Hà cố tâm rèn luyện cho Bùi Độ nên người trang nhã trước khi tỏ trình với thân phụ nàng.

Với ý định đó, Ngọc Hà đem hết sách vở, chữ nghĩa ra giảng dạy, khuyên Bùi Độ cố gắng học hành để tìm đường tiến thân về sau.

Được Ngọc Hà yêu mến nuông chiều, Bùi Độ tâm hồn thay đổi hẳn, trở nên thông minh, học đâu nhớ đó và lần lần bước vào địa vị của một tao nhân mặc khách.

Mối tình của đôi trai gái vì thế ngày càng thắm thiết và bền chặt hơn.

Thời gian qua như bóng ngựa, thấm thoát đã ba năm, Bùi Độ trở thành một khách phong lưu, văn hay chữ tốt, tướng mạo đoan trang, hào hoa phong nhã.

Và, cũng trong thời gian thay đổi đó, Ngọc Hà đã hiến trọn chữ trinh cho Bùi Độ, nên đến lúc Bùi Độ thành tài thì đóa trà mi không còn giữ được mùi thanh khiết như xưa.

Giữa lúc hương lửa đang nồng, Ngọc Hà nghĩ đến tương lai của Bùi Độ, quyết không để chàng an phận trong địa vị thấp kém nên một hôm nàng đem câu chuyện ân nghĩa thuật lại với cha nàng, xin cha nàng dung thứ tha tội bất hiếu.

Thân phụ của Ngọc Hà vốn thương con và từ thuở bé đến giờ nàng luôn luôn là đứa con hiếu thảo, nên không nỡ trái, liền cho đòi Bùi Độ đến diện kiến.

Bùi Độ sợ sệt vào yết kiến, Ngọc Lão thấy Bùi Độ đoan trang, nói năng nhã nhặn, văn chương chữ nghĩa sâu lâu, nên có ý mừng thầm, bèn tính chuyện se duyên.

Ngọc Hà thưa :

— Thưa cha, việc lương duyên tuy quan hệ nhưng chẳng muộn gì. Con muốn chồng con trước khi thành gia thất phải có một địa vị nào trong xã hội, xin cha nghĩ đến đường tiến thân cho chàng trước.

Ngọc Lão gật đầu nói :

— Con tính như thế cũng phải ! Song cha chức phận nhỏ nhoi, lại bị một việc không may vừa rồi, nên chưa đủ để triều đình nể mặt. Cha có người bạn ở Thiềm Tây hiện giữ chức Đô Úy, có thể nhờ cậy được. Nếu Bùi hiền tế chịu hạ mình cầu thân, xin tiến cử, thế mới mong toại nguyện.

Ngọc Hà thưa :

— Việc cầu thân để người ta giúp mình thì có gì phải tự ái. Con mong sao cho chồng con được thành danh.

Ngọc Lão tỏ ra áy náy :

— Từ đây đến Thiềm Tây xa xôi diệu vợi. Nếu con có ý ấy thì phải xa cách chồng con một thời gian khá lâu.

Ngọc Hà lại nói :

— Vì tương lai của chồng con, việc tạm thời xa nhau đâu có quan trọng.

Ngọc Lão rất hài lòng, viết bức tâm thư gửi cho người bạn là Đô Úy Thiềm Tây, trao cho Bùi Độ để sửa soạn lên đường

Bùi Độ lạy tạ Ngọc Lão, lãnh thư trở về phòng riêng, mà bùi ngùi không muốn xa cách Ngọc Hà.

Đêm đó Ngọc Hà bày tiệc rượu, thết đãi Bùi Độ trọng thể chẳng khác nào buổi gặp gỡ ban đầu. Bùi Độ lau nước mắt nói :

— Anh muốn trọn đời ở mãi gần em, không muốn có địa vị cao sang làm chi.

Ngọc Hà buồn bã nói :

— Làm trai phải trọng đến thanh danh, nếu cứ say mê ân ái mà không nghĩ đến tương lai thì còn gì là trang nam nhi ? Xa anh em cũng buồn, mong sao đến ngày thành danh, lòng anh cũng như ngày nay không đổi khác là tốt rồi. Từ đây em đóng cửa phòng khuê ấp mình trong chăn đơn, gối lẻ, để chờ ngày anh thành danh trở về.

Bùi Độ khóc sướt mướt :

— Ý em đã muốn, anh không dám trái lời, nhưng lòng anh luôn luôn hướng về đất Lạc Châu để tưởng nhớ đến em, chẳng phút nào quên.

Đêm đó, đôi trai gái tâm sự cho đến sáng, nước mắt vơi đầy, không có cái gì còn đấu giếm, bao nhiêu thương yêu được cởi mở cạn nguồn mà coi như chưa đủ.

Mờ sáng hôm sau, Bùi Độ từ giã lên đường thẳng tới Thiềm Tây, lòng nặng trĩu nhớ thương.

Quan Đô Úy Thiềm Tây họ Đỗ, tên Tâm Giao vốn là bạn thân với Ngọc Lão từ thuở còn bé. Mối tình tri

ám thầm thiết. Do đó, được thơ của Ngọc Lão, Đỗ Lão qui trọng Bùi Độ như một vị tân khách.

Bùi Độ được Đỗ Lão cho ở một phòng riêng, cấp cho hai tên hầu hạ, rồi chọn ngày về triều để vận động cho Bùi Độ được bổ dụng quan chức.

Trong thời gian vắng mặt ở Thiềm Tây, Đỗ Đô Úy giao công việc cho người con gái mình là nàng Tiểu Oanh xử lý.

Tiểu Oanh là con gái duy nhất của Đỗ Đô Úy, từ nhỏ đến lớn theo cha trấn nhậm khắp nơi, nên công việc văn từ rất thông thạo, đã vậy nàng là người thông minh, đĩnh ngộ, mới mười tám tuổi đã tài kiêm văn võ, bậc mày râu ít người sánh kịp.

Từ khi Đỗ Đô Úy về triều, nàng Tiểu Oanh thường lui tới thính đường để giải quyết các công văn, giấy tờ.

Một đêm kia, nhằm tiết trung thu, trăng vàng rực rỡ, vườn hoa trăm màu sắc phô diễm dưới bầu trời sao, Bùi Độ chợt nhớ đến Ngọc Hà mới độ nào đây, cũng cùng chàng dạo gót dưới trăng rằm nói lời tâm sự. Nay chàng tấm thân vò võ một mình, thấy trăng mà nhớ đến tình xưa nghĩa cũ, bồi hồi không sao ngủ được.

Chàng thả gót ra nơi hoa viên, dạo một vòng, mặt buồn vời vợi.

Bỗng phía Tây có ánh đèn le lói chiếu qua cửa sổ, chàng lẩm bẩm :

— Nơi đây là thính đường, mà Đỗ Đô Úy đã về kinh, còn ai ở đó ? Lại sao đêm khuya lại có ánh đèn ?

Chàng tò mò bước đến, ghé mắt nhìn vào trong, một hình ảnh quen thuộc ngày nào lại diễn ra trước mắt.

Trong phòng, một thiếu nữ diễm kiều, vẻ đẹp như tiên nga, mắt phụng mày ngài, đang ngồi trước án thư, bóc từng công văn ra xem, thỉnh thoảng môi hồng chớm nở, vẻ uy nghi không thể tả.

Hai bên có hai thuộc hạ đứng hầu, mỗi lần xem xong một công văn, nàng cầm bút phê vào đấy, rồi trao cho hai tên thuộc hạ.

Bùi Độ say sưa, ngây ngất cả người, chẳng những chàng say sưa vì vẻ đẹp của thiếu nữ, mà chàng còn khâm phục cái uy nghi của con người khuê tú đó. Chàng thở dài lầm bầm :

— Ta những tưởng nàng Ngọc Hà của ta là đẹp hơn cả, ngờ đâu trên thế gian này còn có nhiều người đẹp gấp bội. Ôi ! Trong khuê môn là cả một vũ trụ huyền bí, là cả một bầu trời thiên thai. Ước gì ta được làm thân gái để được lui tới nơi khuê môn của các quan chức, chiêm ngưỡng những nét diễm kiều của các cô tiểu thơ cho thỏa thích.

Chàng đứng ngắm nghía mãi, say sưa như đang chìm trong men rượu tình.

Thời gian không biết bao lâu, mãi cho đến lúc nàng Tiểu Oanh xem hết các án văn, giải quyết hết mọi việc, truyền cho hai tên thuộc hạ lui ra, rồi nàng tắt đèn trở gót về phòng, Bùi Độ mới giật mình sực tỉnh.

Bấy giờ, nàng Tiểu Oanh đã bước ra cửa thính đường, Bùi Độ định lánh mặt, nhưng chân chàng không sao bước nổi, chỉ kịp lê bước rời chỗ núp mà thôi.

Nàng Tiểu Oanh trông thấy bóng chàng, vội cất tiếng hỏi :

— Người là ai ? Sao đêm khuya còn ở đây ?

Bùi Độ lễ phép thưa :

— Kính thưa tiểu thư, kẻ hèn này có tên là Bùi Độ, được quan Đô Úy thương tình, cho lưu lại tư dinh đã hơn nửa tháng nay. Vì đêm khuya chạm lòng nhớ quê hương nên ra đây nhìn trăng giải muộn, chẳng may tiểu thư đến bất ngờ không kịp lánh mặt.

Nàng Tiểu Oanh thấy Bùi Độ ăn nói tao nhã, tướng mạo có vẻ đoan trang, đoán chàng là con nhà thế phiệt. Vả lại lúc cha nàng lai kinh có cho nàng biết việc Bùi Độ, và mục đích cha nàng về triều lần này cũng chỉ vì vận động cho chàng được bổ dụng.

Nghe Bùi Độ nói thế, Tiểu Oanh mỉm cười nói :

— Tôi được nghe công tử vốn là người Lạc Châu, văn tài có một, nay đến chờ ngày tiến thân. Làm trai đứng ở cõi đời này công danh là trọng, sao còn mang nặng tình quê.

Bùi Độ nói :

— Tiện nhân từ bé đến giờ chưa đi xa, nên trước cảnh xứ lạ quê người lòng không tự chủ được xin tiểu thư tha lỗi cho.

Tiểu Oanh nói :

— Nếu thấy buồn xin công tử lấy việc văn chương làm khuây khỏa, việc đó còn ích lợi hơn là vò võ trông tin nhà.

Dứt lời, Tiểu Oanh nhoẻn miệng cười rồi tung xiêm bước về phòng hương, thân hình uyển chuyển chẳng khác một cánh bướm vờn hoa.

Dưới ánh trăng sáng, Bùi Độ ngây ngất nhìn theo, hình ảnh của nàng Ngọc Hà ngày nào như hiện lên

trước mặt chàng, rồi nỗi nhớ nhung tràn ngập cõi lòng người lữ thứ.

Chàng không chịu nổi, và cũng không thể để cho hình bóng của người khuê tú kia khuất mắt chàng. Chàng vội bước theo, đôi mắt đăm đăm nhìn vào tấm lưng ong uyển chuyển, vòng ngực căng tròn đang rẽ hoa bước tới.

Nhưng khổ thay, phòng hương cách hoa viên không xa, chỉ phút chốc mỹ nhân đã bước vào phòng, rồi cánh cửa đóng kín lại, hình bóng mỹ nhân không còn nữa.

Bùi Độ thở dài, ngồi bệt dưới gốc cây mà than thở. Những lời dặn bảo của Ngọc Hà trong lúc ly biệt như còn văng vẳng bên tai.

Chàng khóc, khóc vì nhớ nhung, vì không còn thưởng thức được các cảnh đầm ấm thuở nào.

Đêm càng khuya, bốn bề lặng ngắt, ngoài tiếng dế tỉ tê, tiếng xào xạc của gió khóc hoa rơi, thì hình như chỉ có tiếng thở dài của Bùi Độ mà thôi.

Chàng ngồi mãi cho đến lúc trời hừng sáng, ánh trăng đổi màu, chàng mới lê gót về phòng, áo quần ướt đẫm.

Rồi đêm nào cũng thế, cứ mỗi tối là chàng lên ra vườn hoa để âm thầm nhìn bóng dáng Tiểu Oanh mà nhớ đến Ngọc Hà, ôm lòng nhớ nhung mỗi lúc một tha thiết hơn.

Tâm tư chàng trai si tình không thể nào tả hết. Lúc khóc, lúc cười một mình trong đêm vắng, chàng trai đó đêm nào cũng nhuốm sương để đem hình bóng Tiểu Oanh so sánh với Ngọc Hà, người vợ tương lai của chàng đã cùng chàng thắm đượm nghĩa trọng tình sâu.

Rồi chàng thấy Tiểu Oanh có sắc đẹp hơn Ngọc Hà. Hình bóng Tiểu Oanh bắt đầu xóa dần những nhớ thương trong lòng chàng đối với Ngọc Hà.

Suốt mấy đêm trường, lòng Bùi Độ nóng như lửa đốt, chẳng biết vì nhớ Ngọc Hà hay say nhan sắc Tiểu Oanh, chính chàng cũng không rõ được.

Còn Tiểu Oanh đêm nào xong việc ở thính đường bước ra cũng gặp vẻ mặt của Bùi Độ âu sầu ảm đạm ngồi bên hoa viên. Nàng thấy thương hại muốn tìm cách giúp cho Bùi Độ giải sầu, khỏi nhớ nhà, nên một hôm nàng nói với Bùi Độ :

— Mỗi đêm công tử ra hoa viên nhìn trăng than thở chỉ thêm buồn, lại mất sức khỏe. Thội thì từ nay, mỗi tối công tử vào thính đường xem tôi giải quyết công việc, đọc giúp cho tôi các công văn còn ích lợi hơn. Một là để công tử quên sầu, bớt nhớ, hai là để công tử quen dần với công việc mai sau trên bước đường làm quan trấn nhậm.

Bùi Độ đang ước mong được dịp gần mỹ nhân, nay nghe nàng Tiểu Oanh nói khác nào như kẻ sắp chết đói gặp được bữa cơm, chàng vui vẻ nhận lời :

— Được tiểu thư chiếu cố, kẻ hèn này nguyện xóa hết nỗi nhớ nhung để theo hầu hạ tiểu thư.

Thế là từ ấy, hàng đêm Bùi Độ quần áo chỉnh tề, dung nghi chải chuốt, đến thính đường ngồi song song với Tiểu Oanh để xem các văn án. Việc quả làm cho Bùi Độ vơi sầu, lòng nhớ nhung Ngọc Hà một ngày một dịu đi.

Tuy nhiên, lòng chàng lại tràn ngập niềm yêu mến Tiểu Oanh. Vắng Tiểu Oanh chàng không sao chịu nổi.

Qua một thời gian Bùi Độ lại được thư của Đỗ Đô Úy từ kinh đô gởi về cho biết chàng sắp sửa được triều đình bổ nhiệm vào chức huyện quan và một ngày gần đây phải lên đường trấn nhậm. Công việc của chàng đã lo xong, nhưng quan Đô Úy còn ở nán lại để thù tiếp mấy người bạn thân chưa về được.

Tin ấy làm cho Tiểu Oanh mừng rỡ nói với Bùi Độ :

— Đường công danh của công tử đã mở ra sáng lạn. Ngày gần đây công tử phải đi nhậm chức rồi !

Bùi Độ nghĩ đến ngày ra làm quan phải xa cách Tiểu Oanh, lòng không vui, nhưng nhớ đến lời nói của gã thầy tướng Huỳnh Liên trước kia chàng khâm phục vô cùng. Chàng nghĩ thầm :

— Ta đã có địa vị cao sang trong thiên hạ thì việc gần gũi người đẹp đâu khó khăn gì. Vả lại trong trời đất thiếu gì nữ lưu đài các, đâu đâu cũng có giai nhân. Biết đâu sau này ta còn gặp được người đẹp hơn Tiểu Oanh nữa.

Thế là mộng quan sang đã chiếm trọn cõi lòng của Bùi Độ, làm cho chàng hình dung trước mặt chàng một bầu trời thăm thẳm, trong đó có cõi thiên đàng và những gì thuộc về dĩ vãng chàng đều quên hết.

Một ngày kia, Bùi Độ giã từ Tiểu Oanh trở về làng cũ để thăm viếng Huỳnh Liên, đồng thời cũng để tạ ơn Huỳnh Liên đã cho chàng biết được tương lai sáng sủa này.

Tiểu Oanh nói :

— Xin công tử hãy mau trở lại đây để tiếp nhận chiếu chỉ của triều đình, nếu để thân phụ tôi về đây mà không thấy công tử e người sẽ quở trách.

Bùi Độ nói :

— Tiểu thư chớ lo ! Tôi chỉ đi một thời gian ngắn sẽ trở lại ngay.

Với khăn gói đầy vàng bạc, với mộng cao sang tràn ngập cõi lòng, nét mặt Bùi Độ tươi vui trở về làng cũ.

Chẳng mấy chốc chàng đã đến đầu chợ tìm Huỳnh Liên.

Gã Huỳnh Liên vẫn làm nghề cũ, khi trông thấy Bùi Độ, Huỳnh Liên chưa kịp chào thì Bùi Độ đã nói :

— Này thánh nhân, đúng như lời thánh nhân tiên đoán tôi sắp sửa giàu có, cao sang rồi đây, tôi được triều đình bổ dụng quan chức rồi.

Huỳnh Liên nhìn vào mặt Bùi Độ hỏi :

— Anh phải là người bán dầu thuở xưa không ?

Bùi Độ nói :

— Đúng đấy ! Và là một quan chức trong tương lai đó.

Huỳnh Liên lắc đầu nói :

— Không không ! Tướng chết đói của anh ngày nào nay lại xuất hiện như cũ. Kia, đường vạch nơi miệng nồi lên rất rõ thì giàu có đến đâu cũng không tránh khỏi.

Bùi Độ trợn mắt hét lớn :

— Đừng nói bậy ! Ta sắp được nhà vua xuống chiếu bổ dụng làm quan, trong quyền quí cao sang làm sao chết đói được.

Huỳnh Liên không cãi lại chỉ cười mỉa mai, Bùi Độ không vui, quay lưng bỏ đi, và nghĩ :

— Đợi lúc ta có chức quyền sẽ tìm cách bắt lão này nhốt vào ngục, xem ai chết đói cho biết.

Chàng lập tức trở về Thiềm Tây để dò la tin tức Đỗ Đô Úy.

Bấy giờ, Đỗ Đô Úy đã trở về mang theo sắc dụ của nhà vua bổ dụng Bùi Độ làm quan huyện Hà Lạc.

Bùi Độ vội sửa soạn hành trang, từ giã hai cha con Đô Úy Thiềm Tây, rồi đến nhiệm sở.

Vừa đến huyện Hà Lạc, Bùi Độ đã mang sẵn mộng ảo tìm cho mình một tuyệt thế giai nhân để tận hưởng lạc thú trong lúc tuổi còn xuân bù lại những ngày nhớ nhung khao khát.

Chỉ trong một thời gian ngắn, Bùi Độ đã dùng quyền thế lục lạo khắp nơi trong huyện, tìm đến những danh gia, phú hộ để kiếm giai nhân. Nhưng khổ thay, các mỹ nữ khuê môn trông thấy tư cách của Bùi Độ là kẻ si tình đốn mạt đều khinh bỉ, chẳng ai chịu hòa thân.

Bùi Độ uất quá, nghĩ mình trong lúc hàn vi, chưa có chức quyền, mà còn được mỹ nhân kính trọng, huống chi nay là một viên quan quyền thế cao sang, lại không được người đẹp ấp yêu sao !

Càng nghĩ, càng tức, Bùi Độ đi đến chỗ dùng quyền hành ép buộc, cưỡng bức.

Trong lúc đó thì nàng Ngọc Hà ở tại huyện nhà ngày đêm nghe ngóng tin chồng, những mong đến ngày thành đạt sẽ về tỏ tình chỉ thắm. Nào ngờ, mỗi ngày mỗi biệt tăm. Đến khi nàng nghe tin Bùi Độ đã đến trấn nhậm Hà Lạc, giữ chức huyện quan. Nàng muốn tìm đến. Nhưng than ôi ! Bấy giờ tiếng đồn đã rộn bên

tai. Bùi Độ đã trở thành người bất liêm, bất chính, cậy thế cậy quyền, hiếp đáp dân lành.

Nàng Ngọc Hà nghe tin quá đau đớn, tủi hận, cố tình đến đó xem sao thì cha nàng còn ngờ, chưa cho đi, chỉ cho một tên quân hầu đi dò xét. Thời gian chưa bao lâu đã có tin về báo :

— Quan huyện Hà Lạc vì hiếp đáp gái lành nên bị dân chúng kiện thưa, triều đình cách chức và triệu về kinh để trị tội rồi.

Thật vậy, tin ấy không lầm, hành động cuồng si của Bùi Độ đã làm chấn động khắp nơi, do đó chàng bị cách chức.

Bùi Độ tự biết mình về kinh không thể thoát khỏi tội, nên bỏ trốn vào rừng núi.

Rồi một ngày kia, không có cơm ăn, đói khát, hơn nữa vì đã thất bại trên bước đường đời, Bùi Độ không còn muốn sống nữa, chàng nằm trên mỏm đá ven rừng, chết giữa cảnh âm u cô quạnh.

Nàng Ngọc Hà đau lòng quá, không biết tin tức của chồng ra sao, vội lén cha về kinh đô tìm kiếm, may tìm gặp mặt chồng chăng. Nhưng lúc về đến kinh đô, nàng được biết Bùi Độ đã bỏ trốn, không dám về kinh trần tố.

Nàng thất thểu ra đi, hết nơi này đến nơi khác, hỏi thăm mãi vẫn không tìm thấy bóng chồng.

Sáu tháng trời trôi qua, Ngọc Hà đi từ huyện này sang huyện khác mỏi gối chồn chân, quần áo rách nát, tấm thân tiều tụy tưởng không có bút mực nào tả nổi. Nàng khóc đã cạn nước mắt mà nỗi buồn chưa vơi.

Một hôm, nàng đi qua khu rừng vắng, thấy có một bộ xương khô trên mặt một tảng đá, nàng đoán là bộ xương của chồng nàng.

Nàng ngồi đó khóc mãi. Bao nhiêu giọt nước mắt còn lại rưới trên đống xương tàn, chẳng biết nắm xương khô của Bùi Độ có vì dòng nước mắt chân thành kia mà ân hận nơi chốn suối vàng chăng.

Đau đớn thay, một người đàn bà có nghĩa như Ngọc Hà lại vướng phải kẻ vô tình như Bùi Độ quả là uổng đời hồng nhan.

Ngọc Hà khóc đến mấy ngày đêm, sau đó vì quá đau đớn, buồn duyên tủi phận, nàng đã ngất xỉu trên đống xương khô và chết tại đấy.

Ôi ! Hồng nhan bạc mệnh ! Oán trách cho cuộc đời dâu bể.

Cũng vì vậy mà Tố Như tiên sinh, tác giả truyện Kiều đã mở đầu tập truyện bằng những câu :

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

32. CÔNG DÃ TRÀNG

Phong dao Việt Nam có câu :

Dã tràng xe cát biển đông
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì

Điển tích *Công dã tràng* lấy ở « Sự tích con dã tràng » để nói lên công việc cực nhọc mà không đem lại kết quả gì.

Điển tích này thấy có chép trong sách *Văn học toàn thư* ở phần Thần thoại.

Dã tràng là giống như cua, thường đào hang sống ở các bãi biển.

Vào mùa hè, học sinh đi tắm biển thường đuổi bắt dã tràng, nhưng bắt được chúng là chuyện khó, vì nó thấy bóng người liền chui vào hang.

Sự tích được truyền lại như sau :

Xưa có một người thợ săn tên Dã Tràng thường ngày vào rừng săn bắn. Một hôm anh ta đi ngang qua bụi rậm, thấy một con rắn cái đang lột xác. Con rắn đực đi tìm mồi về cho rắn cái ăn, rồi nằm một bên săn sóc.

Sa-Đéc, March 10, 2015

Anh ta nghĩ thầm :

— Vợ chồng loài rắn còn có tình nghĩa với nhau như vậy huống chi loài người.

Chiều hôm ấy, anh ta kể chuyện cho vợ nghe, vợ chồng rất tương đắc.

Cách ít lâu, anh lại đi ngang bụi rậm ấy, thì thấy đến phiên con rắn đực lột xác, con rắn cái nhân lúc chồng lột xác bỏ sang bụi rậm bên cạnh tình tự với con rắn đực khác.

Lần này anh ta tức giận nghĩ thầm :

— Loài rắn cái thực là bất nghĩa, để chúng nó sống thêm chướng mắt.

Nghĩ như vậy anh giương mũi tên bắn trúng vào bụng con rắn cái chết tươi.

Khi con rắn đực đã khỏe, bò lần ra ngoài tìm vợ, thì thấy vợ mình bị một mũi tên, máu me còn nhầy nhụa

Trông thấy mũi tên, rắn đực biết ngay là của người thợ săn, nên đem lòng oán hận, quyết tìm đến nhà anh để báo thù.

Chiều hôm ấy, rắn đực lần đến túp lều của anh thợ săn Dã Tràng dựng bên mé rừng, nằm trên mái lá chờ sẵn, định tối đến sẽ dùng nọc độc cắn Dã Tràng cho chết.

Trời lờ mờ tối, Dã Tràng đi về, mặt mày hậm hực nói với vợ :

— Giống rắn cái không chung thủy như rắn đực, hôm trước mình đã tưởng lầm.

Đoạn chàng kể lại việc bất nghĩa của con rắn cái cho người vợ nghe và hỏi vợ :

— Đàn bà trên thế gian này bất nghĩa như loài rắn cái đối với rắn đực chăng ?

Người vợ thở dài:

— Những kẻ phụ bạc như vậy thật đáng chết.

Người chồng đắc ý cười lớn nói:

— Vì vậy mà tôi đã cho con rắn cái bất nghĩa ấy một mũi tên để kết liễu một đời lang chạ của nó.

Con rắn đực đang rình trên mái lá, nghe rõ câu chuyện, không còn oán hận người thợ săn nữa mà còn coi người thợ săn là một ân nhân, đã thay mình trừ đứa dâm phụ.

Đêm hôm sau, rắn đực lại bò đến nhà người thợ săn một lần nữa. Lần này không phải để báo thù, mà để nhả ra viên ngọc đền ơn người thợ săn.

Trong lúc người thợ săn đang ngủ, thình lình nghe tiếng một vật gì nặng nặng rơi xuống, anh ta giật mình tỉ ứ dậy thấy một vật tròn to bằng ngón chân cái, sáng lóa, trông rất đẹp. Anh ta lượm bỏ vào túi, rồi mở cửa bước ra ngoài, xem có gì lạ chăng. Chẳng ngờ đó là viên ngọc rắn, khi bọc vào trong túi, thì mọi tiếng nói của thú vật anh đều nghe được hết.

Lấy làm thích thú, người thợ săn cho đó là báu vật trong đời người nên cất thật kỹ, không cho ai biết.

Sáng hôm sau, anh ta vẫn vào rừng săn bắn như thường lệ. Nhưng khi đến bìa rừng, anh ta nghe hai con quạ đang đậu trên cành cây cao nói chuyện với nhau:

— Mé rừng phía nam có một con nai đang mắc kẹt trong lùm cây chằng chịt, không sao thoát ra được, trước sau cũng phải chết. Chúng ta chờ nó chết rủ nhau đến xơi thịt.

Người thợ săn nghe nói liền rẽ sang mé rừng phía nam, quả nhiên ở đó có một con nai rất lớn, hai chiếc

sừng bị loại dây leo quấn chằng chịt, đang dẫy dụa đúng như lời hai con quạ nói chuyện với nhau. Anh thợ săn lập tức xông đến, đập chết con nai kéo xác đem về làm thịt.

Hai con quạ đang chờ mồi, thấy người thợ săn cướp mất con nai, tiếc quá, bay theo gọi:

— Cho chúng tôi bộ lòng! Cho chúng tôi bộ lòng!

Người thợ săn nghe quạ kêu, liền gỡ lấy bộ lòng cho lũ quạ để tỏ ý đền ơn.

Hôm sau, người thợ săn vào rừng, hai con quạ lại bay theo chỉ dẫn nơi có thú. Nhờ vậy mà người thợ săn bắn được rất nhiều thú rừng, và ngày nào anh cũng để cho lũ quạ bộ đồ lòng để tri ân.

Quạ và người thợ săn trở thành bạn liên minh trong việc sinh sống.

Một hôm, phần thịt người thợ săn để dành cho quạ bị chó sói tha mất. Quạ tưởng người thợ săn đã quên ơn mình nên bay đến trước nhà trách móc. Người thợ săn nói gì lũ quạ cũng không nghe, lại to tiếng chửi mắng. Trong lúc quá tức giận, người thợ săn lấy cung tên ra bắn một phát, nhưng vì đang tức giận, tay run run, bắn không trúng đích.

Quạ bay theo cắp mũi tên rơi, kêu lớn:

— Ta báo thù! Ta báo thù!

Cách hai hôm sau, nơi miền đồng bằng có một xác người trôi lềnh bềnh trên sông, trên bụng xác chết có một mũi tên, khắc tên họ Dã Tràng.

Viên quan tổng trấn truyền bọn lính tuần đi khắp nơi, tìm bắt cho được người có tên Dã Tràng, vì nghi là tên Dã Tràng đã giết người.

Tuy nhiên, đây là hành động báo thù của lũ quạ, nhưng quan tổng trấn làm sao biết được.

Quân lính đi tìm khắp nơi, khi đến một vùng rừng thì nghe dân chúng đồn rằng nơi mé rừng có vợ chồng người thợ săn tên Dã Tràng ở.

Thế là Dã Tràng bị bắt, giải về dinh quan tổng trấn.

Dã Tràng kêu oan, nhưng quan tổng trấn vẫn nhất định Dã Tràng là kẻ giết người, không tin lời nói của Dã Tràng.

Để cho việc làm thận trọng hơn, quan tổng trấn cho quân giải Dã Tràng về triều, làm sớ tâu lên vua xin xử tử.

Thế là Dã Tràng lại bị quân lính bắt giải về kinh đô. Ở đây Dã Tràng bị hạ ngục chờ ngày đem ra pháp trường xử trảm.

Dã Tràng ngồi trong ngục quá sức buồn bã, phần nhớ vợ, phần bị hàm oan. Một hôm anh nghe bầy chim sẻ đậu trên mái nhà giam nói với nhau :

— Kho lúa nhà vua không gìn giữ cẩn thận đã bị chim kéo đến ăn hết sạch.

Dã Tràng đem việc ấy nói lại với tên cai ngục. Ban đầu, tên cai ngục không tin, nhưng sau nghe các lính ngự lâm cho biết sự thật như vậy mới khen Dã Tràng có tài biết việc sắp xảy đến.

Cũng từ đó, tên cai ngục kính nể Dã Tràng và cho ăn uống tử tế.

Sau đó, Dã Tràng nghe lũ kiến bảo nhau là sắp có lụt lớn. Anh ta liền nói lại với viên cai ngục. Lần này viên cai ngục vội vã tâu với quan đại thần.

Quan đại thần không tin, nhưng viên cai ngục kể lại lời nói của Dã Tràng lần trước. Quan đại thần liền thông báo cho dân chúng chuẩn bị chống lụt.

Quả nhiên, cách ba hôm sau, trời mưa bão, nước lũ ngập tràn. Dân chúng nhờ chuẩn bị trước mà thoát nạn.

Bấy giờ viên quan cận thần tâu lên đức vua, xin giảm án cho Dã Tràng.

Nhà vua không tin, truyền đem chém vì không thể dung tha kẻ giết người được.

Thế là một buổi bình minh, đao phủ dẫn Dã Tràng ra pháp trường.

Dã Tràng vì oan ức, nằm vật xuống đất kêu than. Trong lúc đó thì viên ngọc rắn trong túi rơi ra, sáng ngời như một ngọn đèn xanh.

Đao phủ kinh ngạc, lượm lên xem thì thấy đó là viên đá quí, liền chạy về triều phi báo.

Nhà vua nghe nói truyền đình việc hành quyết lại, dẫn Dã Tràng vào triều để xét hỏi.

Trước mặt vua, Dã Tràng nói hết nỗi niềm oan ức của mình và câu chuyện về viên ngọc rắn.

Nhà vua nói :

— Nếu quả thật như vậy, nhà ngươi cho ta mượn viên ngọc để xem có đúng hay không.

Dã Tràng dâng viên ngọc cho vua.

Nhà vua bỏ viên ngọc vào mình, truyền bãi triều, bước ra vườn ngự uyển thì đã nghe được tiếng chim chóc trong vườn tâm sự với nhau, chứng tỏ lời nói của

Dã Tràng là thật, truyền tha tội cho Dã Tràng, và lưu Dã Tràng lại kinh đô để trọng dụng.

Thế là từ một gã thợ săn, Dã Tràng trở thành một quan chức tại triều, hầu hạ bên vua.

Dã Tràng xin phép được về quê rước vợ về kinh để đồng hưởng phú quí, nhưng nhà vua không cho, bảo Dã Tràng ở nán lại ít lâu sẽ cho quân đón rước.

Trong lúc đó, nhà vua rất thích thú khi dùng viên ngọc rắn nghe được cả tiếng thú vật xung quanh mình.

Từ ngày có viên ngọc, nhà vua du hành khắp nơi để nghe muôn loài thú nói chuyện. Vua xem mình như đang lạc vào thế giới lạ.

Tuy nhiên cái gì lâu rồi cũng chán, những tâm tư của thú vật cũng chẳng khác gì loài người, nó cũng chỉ là những ham muốn, những khốn khổ, những vô lý trong trạng thái sinh hoạt chi phối bởi lẽ sống mà thôi.

Một hôm vua muốn nghe tiếng nói của những loài ở dưới nước, nên truyền thị thần sửa soạn thuyền vượt biển khơi ít ngày. Vua lại truyền Dã Tràng theo hầu một bên như thường lệ mỗi khi nhà vua có dịp tổ chức du hành.

Cuộc du hành này đem lại rất nhiều thích thú. Các loài thủy tộc sống rất ung dung, thư thái, mặc dù cuộc sống của chúng vẫn không tránh khỏi những cuộc tranh giành, sát hại lẫn nhau.

Một buổi sáng, trong lúc ánh nắng mặt trời vừa mọc nhuộm vàng cả mặt biển, nhà vua đang ngự trên du thuyền, lòng thấy khoan khoái vô cùng, bỗng thấy một con cá nược rất lớn nổi lên, dựa vào bẹ thuyền rồng, uốn mình ca hát, tiếng hát dìu dịu, êm êm, khiến nhà vua say sưa, vui thú chưa từng có. Nhà vua cũng

uốn mình hát theo. Triều thần trông thấy lấy làm lạ, không hiểu lòng vua vui thú đến bực nào.

Nhưng làm sao ai hiểu được thú vui này, chỉ có nhà vua, người có ngọc rắn trong mình mới nghe được giọng hát của cá nược, và cảm thấy được sự dịu dàng êm ái ấy.

Nhà vua sung sướng hát ca mãi, mỗi lúc càng uốn éo nhiều hơn.

Bỗng nhà vua vô ý làm rơi viên ngọc rắn xuống biển sâu.

Dã Tràng trông thấy cuống cuồng, tuyệt vọng trong lúc nhà vua mất ngọc, không còn nghe tiếng hát, tiếng ca của loài cá nữa, ngồi lặng thinh ngó xuống biển.

Một lát sau, nhà vua mới tỉnh trí chắc lưỡi hối tiếc, nhưng việc đã rồi.

Thế là trong nước, tất cả những tay bơi lội giỏi đều được nhà vua triệu đến để tìm ngọc.

Ngày này, ngày kia trôi qua, từng tốp thợ lặn thất vọng bỏ về, không một ai còn có phương cách nào tìm được viên ngọc giữa biển sâu.

Triều thần cũng chán nản, không thiết tha đến việc tìm ngọc nữa. Nhà vua tuy hối tiếc nhưng cũng đành thất vọng trở về triều chăm lo công việc trị nước, chăn dân.

Riêng chỉ có Dã Tràng bị mất ngọc rắn, bỏ ăn, bỏ ngủ, ngày đêm ngơ ngẩn như kẻ mất hồn.

Anh ta sanh ra ý định lấp bể để tìm viên ngọc quí, nên ngày đêm mượn cả ngàn người xe cát đổ xuống bể sâu.

Lúc đầu nhà vua còn giúp đỡ anh ta, nhưng sau đó thấy việc làm ngông cuồng của Dã Tràng kéo dài không ích lợi gì, nên không còn bắt dân phu xe cát nữa.

Thế là còn lại một mình Dã Tràng, ngày đêm ra sức gánh cát lấp bể để tìm ngọc. Anh ta làm đến kiệt sức bỏ xác nơi bãi biển. Sau đó người ta thấy trên bãi biển xuất hiện giống cua này, ngày đêm cứ xe cát, hết hòn này đến hòn khác, bị sóng dạt vào kéo đi, lại đào, lại xe. Cứ thế liên miên ngàn đời không dứt, nên người ta đặt tên giống cua nhỏ ấy là con Dã Tràng, hiện thân của một kẻ tiếc ngọc.

Tuy là chuyện thần thoại, nhưng lưu lại lâu đời thành điển tích trong văn học, trong câu chuyện dân gian, khi ví với *công dã tràng* là ví với việc làm không đem lại lợi ích gì, chỉ hoài công mà thôi.

Sa-Đéc, March 10, 2015

33. DI TE

Di là Bá Di, Tề là Thúc Tề, hai người con vua Cô Trúc.

Lúc vua Cô Trúc sắp băng hà có làm di chúc nhường ngôi cho Bá Di nhưng Bá Di không chịu nhận, hai anh em vì nhường lẫn nhau mà không ai chịu làm vua.

Bá Di nói với Thúc Tề :

— Di mệnh của cha, chúng ta là đạo làm con phải tuân theo.

Thúc Tề xá anh mà thưa rằng :

— Đạo trời là trọng. Anh là anh thì đáng làm vua hơn em.

Không ai chịu làm vua, cả hai anh em đều bỏ nước ra đi, mặc cho triều thần nài nỉ. Sau cùng phải tìm người khác nối ngôi.

Khi Võ Vương cử binh sang đánh vua Trụ, Bá Di, Thúc Tề hay tin ra đón Võ Vương, nắm dây cương cản lại, nói :

— Cha mới chết chưa chôn mà đã lo chinh chiến thì có gọi là *hiếu* được không ? Bầy tôi giết vua cướp nước thì có gọi là *trung* được không ?

Những người hầu cận Võ Vương thấy Bá Di, Thúc Tề cản trở, lại dùng lời vô lễ để xỉ mạ, lấy làm giận, muốn giết đi, nhưng Võ Vương ngăn lại nói :

— Không nên giết ! Hai người này là người nghĩa.

Khương Tử Nha sai quân lính đẩy Bá Di, Thúc Tề ra xa, dẹp đường cho Võ Vương tiếp tục cuộc hành trình.

Sau khi Võ Vương diệt Trụ, lập nên nhà Chu, thiên hạ đều tôn sùng, riêng anh em Bá Di, Thúc Tề cho đó là việc xấu hổ. Chư hầu diệt thiên tử là chuyện bất nghĩa nên không phục nhà Chu.

Vì không phục nhà Chu nên không thèm ăn thóc gạo của nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề dẫn nhau lên núi Thú Dương hái rau vi mà nuôi sống, có làm bài ca Thái vi :

Đăng bỉ Tây Sơn hề thái kỳ vi hỉ,
Dĩ bạo dịch bạo hề, thái kỳ vi hỉ.
Thần Nông, Ngu, Hạ hốt yên một hề
Ngã an thích qui hĩ
Quân ngã tổ hề, mệnh chi suy hĩ.

Dịch :

Ta lên núi Tây Sơn
Ta hái khóm rau vi
Kẻ bạo thay, kẻ bạo
Còn biết phải trái gì
Đời cổ thoáng qua rồi
Biết đâu mà qui y
Than ôi ! Đành chết vậy
Thật vận mệnh ta suy !

Ở núi Thú Dương hái rau vi để sống trưởng qua ngày qua tháng, nào ngờ Bá Di, Thúc Tề lại gặp một người chê bai Bá Di, Thúc Tề nói :

— Không ăn thóc nhà Chu, đi ăn rau mà sống, vậy chứ ngọn rau, tấc đất không phải của nhà Chu sao ?

Bá Di, Thúc Tề nghe nói xấu hổ, bèn nhịn đói chịu chết, không thèm lấy rau vi ăn nữa.

Với điển tích này, ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, những nhà đạo đức, mô phạm thường vẽ ảnh Bá Di, Thúc Tề treo trên vách để làm gương sáng mà soi.

Thường thường dưới bức vẽ Bá Di, Thúc Tề người ta hay chép bài thơ vịnh Bá Di, Thúc Tề sau đây :

Danh chẳng ham, mà lợi chẳng mê
Ấy gang hay sắt hỏi Di — Tề ?
Gặp xe vua Võ tay cầm lại
Thấy thóc nhà Chu mặt ngoảnh đi
Cỏ Trúc hồn về, sương mịt mịt
Thú Dương danh tạc đá trì trì
Cầu nhân hẳn được nhân mà chớ
Cũng chẳng hiềm ai, chẳng oán chi.

Trong truyện *Nhị Độ Mai* có câu :

Treo trên thấy có bức tranh Di Tề

là cũng lấy ý ở tích này.

Sách *Tứ thư* còn có tích :

Khi Đức Khổng Tử ở nước Vệ, đám môn đệ của Ngài nghi Ngài sẽ giúp vua Vệ Công.

Một hôm, thầy Tử Lộ, một cao đệ của Đức Khổng Tử xin vào ra mắt. Hai thầy trò ngồi nói chuyện. Thầy

Tử Lộ không đá động gì đến nước Vệ, nhưng muốn dò ý Đức Khổng Tử nên đem tích Bá Di, Thúc Tề ra hỏi

— Bá Di, Thúc Tề là người thế nào ?

Đức Khổng Tử đáp :

— Ấy là hai người hiền xưa.

Thầy Tử Lộ hỏi tiếp :

— Mà lòng hai người ấy có oán giận gì không ?

Đức Khổng Tử đáp :

— Tìm nhân mà được nhân còn oán hận gì nữa.

Nghe thầy dạy, Tử Lộ trở ra nói với các bạn hữu

— Thầy mình không có ý giúp nước Vệ đâu.

Có người nói Bá Di, Thúc Tề nhịn đói chết trên núi Thú Dương, sau hóa thành con chim lông nâu, mình to, cánh dài, mỏ đen, thường cất tiếng kêu nao nuột từ đầu mùa hè sang cuối mùa thu.

Chim ấy kêu :

Bất thực túc Chu gia ! Bất thực túc Chu gia !

Nghĩa là :

Không ăn lúa nhà họ Chu! Không ăn lúa nhà họ Chu!

Chim ấy kêu cho đến lúc tàn thu rồi gục xuống mà chết.

Tại miền thượng du Bắc Việt và miền Trung Phần (Nam, Ngãi, Bình, Phú) giống chim *Bất thực túc Chu gia* này rất nhiều, có nơi nhái theo tiếng chim gọi là : *Bắt cổ trói cột.*

Những người đi rừng, đồng bào sơn cước đều cho giống chim *Bất thực túc Chu gia* là hiện thân của Bá Di, Thúc Tề.

34. Ả TẠ, NÀNG BAN

Nàng Ban, Ả Tạ là hai người đàn bà học giỏi, thơ phú văn chương xuất chúng.

Về sau, trong văn chương thường lấy tích Nàng Ban, Ả Tạ để chỉ người đàn bà giỏi về văn thơ, nghiên bút :

Trong truyện Kiều có câu :

Khen tài nhà ngọc phun châu
Nàng Ban, Ả Tạ cũng đâu thế này.

Đó là lời của Kim Trọng khen nàng Kiều trong lúc đề thơ.

Về nàng Ban có hai điển tích :

* Có người cho rằng *Nàng Ban* là tên của nàng Ban Chiêu, tự là Huệ Cơ, con gái của vị túc nho Ban Bưu, em của Ban Cơ, một nhà làm sử, nối chí cha soạn bộ *Hán Thư* và cũng là em của Ban Siêu, người đất An Lăng về đời Đông Hán bên Trung Quốc.

Nàng Ban Chiêu sinh ra trong một gia đình nho giáo, chị và hai anh đều là bậc túc nho đương thời, nên nàng được theo học đến nơi đến chốn.

Thuở thơ ấu, Ban Chiêu rất thông minh, học đâu nhớ đó. Năm mười ba tuổi, Ban Chiêu đã biết làm thơ,

các sách Tứ thư, Ngũ kinh đều thuộc làu làu, danh tiếng nàng lừng lẫy khắp trong nước.

Đến tuổi cập kê, Ban Chiêu sánh duyên cùng Tào Thế Thực, một nhà nho nổi danh đời Đông Hán.

Sánh duyên cùng Tào Thế Thực được mười năm thì Thế Thực bị bạo bệnh chết, nàng Ban Chiêu thủ tiết thờ chồng.

Vua Đông Hán thấy Ban Chiêu học rộng tài cao, liền xuống chiếu cho đòi nàng vào cung dạy học, chăm sóc đèn sách cho các hoàng tử và các cung phi. Ban Chiêu dạy học rất nghiêm khắc. Các hoàng tử và các cung phi ai nấy đều kính trọng nàng Ban Chiêu như bậc thầy.

Khi Ban Chiêu được gọi vào cung dạy học cũng là lúc cha nàng là Ban Bưu đang làm quan tại triều được vua cử soạn bộ Hán Thư.

Làm chưa xong bộ Hán Thư thì Ban Bưu chết, anh nàng là Ban Cố được nhà vua triệu vào cung soạn tiếp bộ Hán Thư.

Tuy nhiên, Ban Cố làm chưa xong lại bị bạo bệnh mà chết theo cha.

Thấy cha và anh đều bỏ dở công trình, không kịp soạn xong bộ Hán Thư, nàng Ban Chiêu tâu với vua xin cho nàng tiếp tục công trình của cha và anh nàng bỏ dở.

Đó là thuộc vào đời vua Hòa Đế đời Đông Hán. Ban Chiêu được vào Đông quan tàng thư soạn tiếp bộ Hán Thư. Cũng tại nơi Đông quan tàng thư, nàng Ban Chiêu đã trước tập *Nữ giới* gồm có bảy thiên. Từ đó, tiếng tăm nàng Ban Chiêu càng lừng lẫy.

* Lại có thuyết cho *Nàng Ban* là nàng Ban Tiệp Dư, một nàng cung nữ làm chức Tiệp Dư được nhà vua rất mực thương yêu.

Một hôm, vua Thành Đế du hành ra ngoài thành có gọi nàng Ban Tiệp Dư đến ngồi chung xe với đức vua. Ban Tiệp Dư sợ bên ngoài dị nghị, bên trong ganh ghét nên từ chối không chịu ngồi chung xe với đức vua.

Không ngờ, nàng Ban Tiệp Dư lại bị một nàng thứ phi là Triệu Phi Yến ganh ghét, tìm cách nói xấu nàng với đức vua.

Nàng Triệu Phi Yến nói :

– Ban Tiệp Dư cậy mình có tài có sắc mà khi quân, không tuân mệnh nhà vua.

Vua Thành Đế tin lời, giáng chiếu đày nàng Ban Tiệp Dư ra cung Trường Tín hầu hạ Hoàng Thái Hậu, không được vào ở trong cung hầu hạ đấng quân vương nữa.

Dù mắc oan tình, nàng vẫn một mực cung kính trong đối xử, giữ đạo thần tử.

Ở trong cung Trường Tín hầu Hoàng Thái Hậu, nàng Ban Tiệp Dư đã làm bài *Thu Phiến* (Cái quạt mùa thu) nổi tiếng là hay để ví với đời mình. Bài thơ đó như sau :

Thu phiến

Tân chế Tề hoan tố
Hạo khiết như sương tuyết
Tái thành hợp hoan phiến
Đoàn đoàn tự minh nguyệt
Xuất nhập quân hoài tụ
Động dao di phong phát
Thường khủng thu tiết chi

Lương viêm đoạt viêm nhiệt
Khí quyên giáp tư trung
Ân tình chung đạo tuyệt.

Bài thơ này cụ Tôn Thất Lượng có dịch ra chữ nôm:

Mới chế lụa Tề trắng
Trong sạch như sương tuyết
Đem làm quạt hợp hoan
Tròn hình giống mặt nguyệt
Ra vào trong tay vua
Lay động sanh gió mát
Thường sợ tiết thu đến
Gió mát cướp nồng nhiệt
Ném cất vào xó rương
Nửa đường ân ái tuyệt.

* *Ả Tạ* là chỉ nàng Tạ Đào Uẩn, vợ của Vương Ngưng Chi, cháu Tạ An, một nhà thế phiệt giàu có về đời nhà Tấn.

Nguyên nhà họ Tạ và họ Vương là hai họ thế đại trâm anh, nên kết thông gia với nhau đã nhiều đời. Tạ An gả Tạ Đào Uẩn cho Vương Ngưng Chi.

Họ Vương và họ Tạ muốn phân biệt với người thường nên hai họ ở chung vào một xóm, mặc toàn đồ đen. Dân chúng quanh vùng thường gọi là xóm áo đen (ô y hạng).

Chim én là loài chim khôn, thường tìm đến những nhà quyền quí, trâm anh thế phiệt mà làm tổ, bấy giờ lại lựa nóc nhà họ Vương họ Tạ để ở.

Nàng Tạ Đào Uẩn lúc nhỏ thông minh, học rộng, có tài biện bác, đối đáp rất nhanh. Hồi còn ở nhà với chú, một hôm vào tiết mạnh đông, tuyết rơi lả tả, Tạ An đang ngồi uống rượu nóng, có Tạ Lãng và Tạ Đào Uẩn ngồi hầu một bên, Tạ An chỉ làn tuyết trắng hỏi hai người :

— Tuyết rơi giống cái gì nhỉ ?

Tạ Lãng cũng gọi Tạ An bằng chú, nên kính cẩn đáp :

— *Muối trắng ném giữa trời !*

Nàng Tạ Đào Uẩn lắc đầu nói :

— Ý ấy không bằng *Gió thổi tung tơ liễu.*

Tạ An khen Tạ Đào Uẩn thông minh, nhiều ý hay, biện bạch giỏi. Tạ An cũng là bậc thông minh của họ Tạ, thuở trước đã từng dạy các cháu về văn chương thi vịnh.

Nhiều năm trước, nhà vua nghe tiếng Tạ An tài giỏi có triệu vào triều để bổ nhậm chức, nhưng Tạ An từ chối không chịu xuất chánh.

Đến năm bốn mươi tuổi, Tạ An mới chịu ra làm quan, nhậm chức Tư Mã. Lúc đó giặc giã nổi lên khắp nơi, Tạ An cùng với người cháu là Tạ Huyền đi đánh giặc, lập công lớn, làm đến chức Thái Phó nên trong triều thường gọi là Tạ Thái Phó.

Lúc về già, Tạ An chăm sóc dạy dỗ con cháu. Nàng Tạ Đào Uẩn thường tỏ ra là một cô gái hoạt bát, đối đáp rất nhanh, ý rất cao đẹp. Do đó, Tạ An thường đem nàng Tạ Đào Uẩn ra làm gương cho con cháu rằng :

— Nếu là trai, Tạ Đào Uẩn sẽ là bậc công khanh, nổi danh về tài biện bác không thua Tô Tần, Trương Nghi thời Chiến quốc.

Đến tuổi cập kê, Tạ Đào Uẩn nổi tiếng là gái đẹp, nói năng duyên dáng. Bấy giờ nhà họ Vương xin cưới nàng cho Vương Ngưng Chi, một chàng trai cũng không kém về văn chương, chữ nghĩa.

Về ở với Vương Ngưng Chi, Tạ Đào Uẩn thường thay chồng tiếp khách nhà nho, đàm luận văn chương, thi phú, chính trị, hoặc về các điển cố. Nàng Tạ Đào Uẩn trong mọi trường hợp đều tỏ ra hoạt bát, thông hiểu mọi vấn đề thuộc mọi lĩnh vực, vững chắc khi lập luận, nên nhiều văn nhân khi tiếp xúc với nàng đều rất mực kính phục.

Vương Ngưng Chi, chồng nàng Tạ Đào Uẩn có người em là Vương Hiến Chi tuy học giỏi, nhưng tài biện bác rất kém, mỗi khi nói chuyện với bạn bè thường chịu thua sút, không có tài biện luận.

Nàng Tạ Đào Uẩn thấy thế, sợ em chồng làm mất giá trị gia đình nên mỗi lần Vương Hiến Chi có đàm đạo, tranh luận với bạn bè thì nàng ra đứng sau màn, nhắc nhở cho Vương Hiến Chi cách lập luận đối phó.

Nhờ có Tạ Đào Uẩn giúp đỡ, lần lần Vương Hiến Chi trở nên uyên bác và có được trình độ vững chắc về lý luận trong khi nói chuyện với bạn bè, làm cho mọi người kính nể.

35. MẠNH THƯỜNG QUÂN

Mạnh Thường Quân là một điển tích được dùng rất phổ biến trong văn chương để chỉ việc làm *nghĩa cử*, giúp đỡ người khác trong lúc khó khăn mà không vụ lợi.

Trong văn học Việt Nam có nhắc nhiều đến điển tích *Mạnh Thường Quân*, nhất là trong các áng văn kêu gọi về tình nghĩa.

Chuyện Mạnh Thường Quân có chép trong *Xuân Thu Chiến Quốc* như sau :

Mạnh Thường Quân là người nước Tề, vốn giàu có, nhưng tính hiếu khách, trọng người hiền nên suốt đời làm chuyện chiêu hiền đãi sĩ, ai bị đói khổ đều đến nhờ Mạnh Thường Quân giúp đỡ, và Mạnh Thường Quân không từ chối một ai, do đó các tôn khách phục dịch cho Mạnh Thường Quân có hơn ngàn người. Trong số đó người tài cũng nhiều, người bất tài cũng không ít.

Tuy nhiên, Mạnh Thường Quân là người không vụ lợi, nên ai giúp đỡ được gì thì giúp, không đòi hỏi.

Do đó, số người tài dầu ít, nhưng cũng làm cho các bậc vua chúa có óc đồ vương định bá muốn được Mạnh Thường Quan giúp đỡ.

Bấy giờ, nước Tần muốn chiêu dụ người hiền để tìm cách chế ngự các nước khác, vua Tần hỏi quan tướng quốc Hướng Thọ :

— Nước ta đang cần người hiền, ta nghe bên nước Tề có Mạnh Thường Quân, dưới tay hơn một ngàn tân khách, trong đó nhân tài cũng nhiều, ta làm sao được một người như Mạnh Thường Quân ?

Hướng Thọ tâu :

— Nếu Đại Vương muốn có Mạnh Thường Quân sao không cho người đi triệu ?

Vua Tần nói :

— Mạnh Thường Quân là người nước Tề, chắc gì vua Tề đã chịu cho sang nước ta.

Hướng Thọ nói :

— Nước Tần và nước Tề lâu nay liên minh, không ai xâm lấn ai, Đại Vương lấy tình nghĩa ấy cho người trong hoàng tộc đến cầu viện, xin vua Tề cho Mạnh Thường Quân sang giúp củng cố thế lực cho nước Tần.Sau này Tần và Tề sẽ liên minh chế ngự các chư hầu, như thế chắc vua Tề cho Mạnh Thường Quân sang giúp.

Vua Tần nghe theo, sai Kinh Dương Quân sang Tề thỉnh Mạnh Thường Quân.

Các tân khách khuyên Mạnh Thường Quân không nên đi.

Vua Tề sợ mất lòng vua Tần nên sai Mạnh Thường Quân sang Tần.

Mạnh Thường Quân cùng với hai ngàn tân khách đi đến Hàn Đan vào yết kiến vua Tần.

Mạnh Thường Quân có cái áo lông chồn trắng như tuyết, dầu lạnh đến đâu mặc vào cũng thấy ấm, liền đem dâng cho vua Tần.

Vua Tần thấy áo quí, mặc vào cung khoe với nàng Yên Cơ.

Nàng Yên Cơ nói :

— Áo lông hồ cừu cũng nhiều người có, lấy gì là quí.

Vua Tần nói :

— Giống chồn nếu không sống được ngàn năm thì không có được bộ lông trắng như tuyết. Áo này lấy ở lông nách con chồn sống lâu năm dệt thành nên quí hơn ngàn vàng.

Bấy giờ khí trời còn ấm, vua Tần cởi áo lông hồ cừu giao cho viên giữ kho cất, rồi chọn ngày lập Mạnh Thường Quân lên làm Thừa tướng.

Vu Lý Tất sợ Mạnh Thường Quân cướp mất địa vị mình, nên sai một mưu sĩ đến nói với vua Tần :

— Mạnh Thường Quân là người nước Tề, dù sao cũng vì nước Tề hơn nước Tần. Nếu sau này Mạnh Thường Quân có mưu ngầm gì thì nước Tần ắt lâm nguy.

Vua Tần đem việc ấy bàn với Vu Lý Tất.

Vu Lý Tất nói :

— Lời bàn ấy rất phải, không nên dùng Mạnh Thường Quân là người nước Tề.

Vua Tần hỏi :

— Nếu vậy ta phải cho Mạnh Thường Quân trở về nước Tề hay sao ?

Vu Lý Tất nói :

— Mạnh Thường Quân đem theo hai ngàn tân khách ở lại nước Tần đã hơn một tháng nay, tất biết hết nội tình nước Tần rồi. Nay cho về thì nước Tần nguy hại. Nên giết đi.

Vua Tần nghe theo, liền sai người đưa Mạnh Thường Quân ra quán dịch để tìm cách hại ngầm.

Bấy giờ, Kinh Dương Quân vì đi xứ sang Tề thỉnh Mạnh Thường Quân, được vua Tề và Mạnh Thường Quân tiếp đón tử tế nên cảm nghĩa, nay thấy vua Tần nghe lời Vu Lý Tất định ám hại Mạnh Thường Quân nên đến nói cho Mạnh Thường Quân biết.

Mạnh Thường Quân thất kinh, hỏi kế thoát thân. Kinh Dương Quân nói :

— Trong cung có nàng Yên Cơ được vua yêu mến, nói gì vua cũng nghe. Nếu ngài có thứ báu vật nào đem theo, tôi sẽ vì ngài đem tặng cho Yên Cơ để nàng giúp một tiếng ắt ngài thoát nguy.

Yên Cơ nói :

— Tôi chỉ thích áo hồ cừu trắng, nếu có tôi sẽ giúp cho, còn ngọc bích tôi chẳng thiếu gì.

Kinh Dương Quân báo lại cho Mạnh Thường Quân biết, Mạnh Thường Quân nói :

— Tôi đem theo chỉ có một áo hồ cừu, mà đã tặng cho vua Tần rồi, còn đâu nữa.

Trong lúc đang bí lối, Mạnh Thường Quân nghĩ đến các tân khách của mình, một kho tàng trí tuệ có thể gỡ rối bất kỳ lúc nào, nên cho mời một số tân khách đến vấn kế.

Mạnh Thường Quân kể lại sự ngờ vực và ý đồ hãm hại của vua Tần, việc này có thể nhờ nàng Yên Cơ lo liệu được, nhưng nàng buộc phải tặng nàng một chiếc áo hồ cừu, mà chiếc áo hồ cừu Mạnh Thường Quân chỉ có một cái nay đã tặng cho vua Tần rồi, còn biết phải làm sao ?

Trong đám tân khách có một người bước ra nói :

— Tôi có cách tìm được áo hồ cừu.

Mạnh Thường Quân hỏi :

— Ngài có cách gì tìm được ?

Tân khách đáp :

— Tôi có thể làm chó đi ăn trộm được.

Cả đám tân khách đều cười lớn. Mạnh Thường Quân không còn cách nào hơn đành chấp nhận.

Đêm ấy, người tân khách giả dạng giống như chó, chui qua cổng, lẻn vào kho, sủa lên mấy tiếng không khác gì tiếng chó sủa. Người giữ kho tưởng chó thật, không để ý, người khách lẻn vào trong đợi người gác kho ngủ say mới lấy trộm chìa khóa, mở kho ra lấy chiếc áo hồ cừu của Mạnh Thường Quân vừa rồi dâng tặng cho vua Tần.

Lấy được áo, người tân khách đem về trao cho Mạnh Thường Quân, ai nấy đều mừng rỡ khen :

— Nếu không có tài làm chó thật chẳng biết cách nào để lấy trộm được áo.

Các tân khách lại bàn :

— Việc phải làm gấp, nếu để chậm lộ chuyện thì nguy.

Mạnh Thường Quân vội cho mời Kinh Dương Quân đến trao chiếc áo hồ cừu, nhờ đem dâng cho nàng Yên Cơ.

Đêm hôm sau, Yên Cơ thết tiệc đãi vua Tần và thỏ thẻ nói :

— Mạnh Thường Quân là người hiền ở nước Tề ai cũng biết, nay vì nể lời Đại Vương, vua Tề sai Mạnh Thường Quân sang đây, nếu Đại Vương giết đi sao khỏi bị vua Tề oán trách là bất tín. Nếu chẳng dùng thì cho về nước là hơn, nước Tần khỏi mang tiếng xấu với chư hầu.

Vua Tần khen phải. Sáng hôm sau hạ lệnh cho Mạnh Thường Quân về nước.

Một người trong đám tân khách nói :

— Tuy vua Tần nghe lời Yên Cơ, nhưng sớm muộn gì cũng đổi ý. Vậy ta nên cấp tốc rời khỏi nước Tần là hay hơn cả.

Mạnh Thường Quân nói :

— Tuy có lời truyền bố của vua Tần, nhưng giấy thông hành chưa cấp, làm sao qua ải được.

Một tân khách có tài làm giấy giả, liền tạo ra một tờ chiếu chỉ của vua, giống như thật. Trong đó đổi tên họ, rồi giục Mạnh Thường Quân ra đi ngay trong đêm đó.

Khi đến cửa Hàm Cốc, mới vừa nửa đêm, cửa quan còn khóa chặt. Mạnh Thường Quân sợ có người đuổi theo, buồn bã than :

— Phải đến gà gáy cửa thành mới mở, chúng ta ngồi đây mãi e bị người nước Tần đuổi theo bắt lại.

Bỗng nghe có tiếng gà gáy trong bọn tân khách đưa ra, Mạnh Thường Quân lấy làm lạ, thì ra trong bọn có người giả làm tiếng gà gáy rất giống.

Tiếp theo đó gà trong xóm nghe tiếng đều gáy theo. Viên quan giữ cửa tưởng trời sáng liền dậy khám

xét giấy thông hành rồi mở cửa thành cho qua. Mạnh Thường Quân cùng đoàn tân khách thoát nạn, bươn bả lên đường.

Mạnh Thường Quân nói với đám tân khách :

— Tôi thoát nạn là nhờ tiếng chó sủa, tiếng gà gáy của các bạn.

Vu Lý Tất nghe nói Mạnh Thường Quân được tha về nước, vội vã vào triều nói với vua Tần :

— Nếu Đại Vương không muốn giết Mạnh Thường Quân thì nên giữ lại làm con tin, tại sao lại thả cho về.

Vua Tần hối hận, lập tức cho người đuổi theo bắt lại.

Nhưng khi đến cửa Hàm Cốc mới biết Mạnh Thường Quân đã mạo giấy qua ải không còn trên đất Tần.

Tướng Tần trở về báo lại, vua Tần than :

— Mạnh Thường Quân trốn về nước, nước ta không thể ngồi yên.

Sau đó, nhà vua thấy nàng Yên Cơ mặc áo hồ cừu màu trắng, vội vào kho bảo lấy áo ra xem thì mới biết áo của nhà vua đã mất. Vua Tần hỏi nàng Yên Cơ mới biết bọn tân khách của Mạnh Thường Quân đã lấy trộm đem dâng.

Vua Tần than :

— Bọn thủ hạ Mạnh Thường Quân đông như chợ, hạng nào cũng có, làm gì cũng được. Đó là một khối nhân tài và trí óc tập trung, nước ta thật chưa có ai bằng.

Do điển tích này mà đời sau khi nói đến người làm việc nghĩa, giúp đỡ kẻ nguy khốn, đều ví với Mạnh Thường Quân.

36. LẦU XANH – LẦU HỒNG

Lầu xanh là thanh lâu. *Lầu hồng* là hồng lâu. Cả hai chữ đều chỉ chỗ chứa gái giang hồ, dĩ điếm.

Trong truyện Kiều, có những câu thơ nói đến lầu xanh và lầu hồng :

Lầu xanh có mụ tú bà

và :

Đêm ngày lòng đã dặn lòng
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên

Trong truyện *Bích câu kỳ ngộ* cũng có câu :

Hồng lâu tả các đâu mà đến đây

Thơ của Bạch Cư Dị có câu :

Đào nhất hồng lâu gia
Ái chi khan Bất túc.

Dịch :

Đến một nhà hồng lâu
Lòng yêu xem chẳng chán.

Trong thơ của Vi Trang có câu :

Trường an xuân sắc bổn vô chủ
Cổ lai tận thuộc hồng lâu nữ

Dịch :

Trường an xuân sắc nguyên vô chủ
Xưa nay đều thuộc gái hồng lâu

Thực ra, nguyên chữ hồng lâu cũng như thanh lâu trước kia dùng để chỉ nhà cửa của những bậc vua chúa quyền quý, các bậc công, hầu, khanh, tướng, chứ không phải dùng cho nơi ở của gái giang hồ.

Đời vua Võ Đế có xây một lầu cao để vua ở, lầu ấy cửa trước sơn xanh. Người thời bấy giờ do đó gọi chỗ vua ở là thanh lâu. Tào Thực đời Ngụy, một nhà thơ danh tiếng đã có câu :

Thanh lâu lâm đại lộ
Cao môn kết trùng quan

Dịch :

Lầu xanh cách đường cái
Cửa cao lại tầng then

Chữ lầu hồng trước kia cũng để chỉ nơi các bậc quyền qui, cao sang ở. Các cung vua chúa thường hay sơn đỏ cửa phòng dành riêng cho con gái ở.

Một cuốn tiểu thuyết Trung Quốc có đề tựa *Hồng Lâu Mộng* bên trong diễn tả sinh hoạt của con gái nhà vua. Chứng tỏ chữ *Hồng lâu* không phải dùng cho nơi ở của gái giang hồ.

Vào đời nhà Lương, Lưu Diễn làm thơ có câu :

Xương nữ bất thăng sầu
Kết thúc hạ thanh lâu

Dịch :

Xương nữ sầu mênh mông
Thanh lâu nàng bước xuống

Đến đời Đường, thi nhân đề thơ tặng kỹ nữ có câu :

Liễm tích hạ thanh lâu chi cơ

nghĩa là :

Dấu chân dưới mái lầu xanh.

Thơ Đỗ Mục cũng có câu :

Thập niên nhất giác Dương Châu mộng
Doanh đắc thanh lâu lạc hạnh danh.

Dịch :

Mười năm một giấc chiêm bao ở Dương Châu
Mang tiếng người bạc bẽo ở lầu xanh

Như vậy, chữ *lầu xanh, lầu hồng* đi từ chỗ ở của vua chúa, các vị quan gia, công hầu khanh tướng, lần lần biến thành chỗ ở của gái giang hồ, kỹ nữ. Nơi ở của hạng buôn son bán phấn.

37. TÔN TẪN — BÀNG QUYÊN

Điển tích *Tôn Tẫn, Bàng Quyên* chỉ cho lòng phản trắc giữa tình bạn bè.

Trong truyện Lục Vân Tiên, lúc Vân Tiên cùng bạn bè xuống Trảng An ứng thi, vào một quán trọ chung vui, ông quan thấy Trịnh Hâm có lòng phản trắc, cười lớn nói :

Cười ngươi Tôn Tẫn hững hờ
Một phen sẩy máy chẳng ngờ Bàng Quyên

Điển tích Bàng Quyên phản bạn sau này được dân gian và trong văn học thường nhắc đến.

Trong truyện *Phong kiếm xuân thu* đời Đông Châu có viết : Tại đất Dương Thành có một nơi gọi là Quỉ Cốc. Chỗ ấy núi cao, rừng rậm, âm khí nặng nề không phải là chỗ người ở được.

Tuy nhiên, có một người ẩn sĩ lấy nơi Vân Mộng Sơn làm nơi tu luyện và dạy học trò. Người quanh vùng thường gọi là Quỉ Cốc tiên sinh.

Ban đầu, Quỉ Cốc tiên sinh thỉnh thoảng ra chợ coi bói cho mọi người. Tiên sinh nói đâu trúng đó, nên được mọi người ca tụng. Vì thế có nhiều người theo học, tình nguyện làm đệ tử.

Trong số học trò có mấy người nổi tiếng là Tôn Tẫn người nước Tề, Bàng Quyên, Trương Nghi người nước Ngụy. Ba người này kết làm anh em thân thiết.

Bàng Quyên theo học đã ba năm, tự cho mình là giỏi lắm. Một hôm ra chợ gặp một người gánh nước cho biết nước Ngụy đang xuất tiền của để chiêu hiền đãi sĩ, cầu võ tướng.

Nghe tin ấy, Bàng Quyên lòng khấp khởi, muốn trở về nước Ngụy để cho mọi người biết tài năng của mình, nhưng lại sợ Tiên sinh không cho.

Nhưng Quỉ Cốc tiên sinh thấy nét mặt của Bàng Quyên đã rõ được nỗi lòng, nên nói :

— Thời vận nhà ngươi đã đến, sao không tính chuyện lập thân.

Bàng Quyên mừng rỡ cúi đầu lạy thưa :

— Đệ tử đã có ý ấy, nhưng chẳng biết việc ra đi này có toại nguyện không ?

Tiên sinh nói :

— Vậy thì ngươi xuống núi bẻ một cành hoa lên đây cho ta xem thử.

Bàng Quyên vội vàng xuống núi tìm hoa. Nhưng lúc này trời nóng bức, cây cối ít nở hoa, nên Bàng Quyên tìm mãi không có. Chạy loanh quanh một lúc, Bàng Quyên gặp được nhánh hoa cỏ liền nhổ cả gốc, định đem về trình. Song lại nghĩ cành hoa này chất mềm hoa yếu, không phải là giống hoa quí, nên Bàng Quyên bỏ đi, rồi dạo gót đi tìm cành hoa khác.

Tìm mãi, Bàng Quyên không thấy một cành hoa nào khác, phải trở lại chỗ cũ, nhặt cành hoa đã bỏ héo giấu trong tay áo đem về.

Trông thấy Tiên sinh đang ngồi chờ, Bàng Quyên nói :

— Trên núi không có hoa.

Tiên sinh nói :

— Hoa nở trong tay áo nhà ngươi sao bảo là không có ?

Bàng Quyên không giấu được, vội trình cành hoa lên cho Tiên sinh xem.

Tiên sinh nói :

— Nhà ngươi có biết thứ hoa này là thứ hoa gì không ? Đây là hoa Mã Đầu Linh, mỗi lần nở mười hai nụ, ứng vào số năm nhà ngươi được vẻ vang. Hoa này thấy mặt trời thì héo, tức sau này nhà ngươi sẽ lừa phỉnh người ta, nên bị người ta lừa dối lại. Vậy nên lấy điều đó làm răn. Ta có tám chữ này, nhà ngươi ghi nhớ: *Gặp đê thì vinh, gặp ngựa thì hỏng.*

Bàng Quyên xin ghi nhớ, rồi lạy tạ ra đi.

Tôn Tẫn theo đưa vài dặm đường, Bàng Quyên nói với Tôn Tẫn :

— Tôi cùng anh lâu nay kết thâm tình, tuy không cùng dòng máu nhưng xem như ruột thịt. Nếu tôi gặp bước tiến thân thế nào cũng tiến cử anh để cùng nhau chung vui phú quí.

Tôn Tẫn nói :

— Hiền đệ có giữ được lời chăng ?

Bàng Quyên nói :

— Nếu tôi sai lời với hiền huynh tôi sẽ chết dưới muôn ngàn mũi tên.

Tôn Tẫn nói :

— Đa tạ hậu tình ! Cần gì phải thề độc như vậy.

Nói xong, hai người cùng gạt lệ chia tay. Tôn Tẫn trở lên núi mắt còn chưa ráo lệ. Tiên sinh thấy thế hỏi:

— Bàng Quyên đi, ngươi luyến tiếc lắm sao ?

Tôn Tẫn thưa :

— Nghĩ tình đồng học sao không khỏi nhớ nhau.

Tiên sinh hỏi :

— Ngươi xét tài Bàng Quyên có đáng làm tướng không ?

Tôn Tẫn thưa :

— Được nhờ Tiên sinh dạy bảo lâu lẽ nào không làm được.

Tiên sinh lắc đầu :

— Chưa làm được.

Tôn Tẫn lấy làm lạ, nhưng không dám hỏi.

Ngày hôm sau, Tiên sinh gọi các môn đệ đến bảo :

— Ban đêm ta rất ghét tiếng chuột kêu, các ngươi thay phiên nhau mà thức đuổi chuột cho ta.

Khi đến lượt Tôn Tẫn thức hầu, Tiên sinh lấy ra một quyển sách nói :

— Đây là mười ba binh pháp của ông nội ngươi là Tôn Vũ. Trước kia Tôn Vũ đem dâng cho vua Hạp Lư nước Ngô, Hạp Lư dùng theo phá tan được quân Sở. Sau Hạp Lư tiếc quyển sách ấy không muốn trao cho ai, cũng không muốn truyền bá cho mọi người nên bỏ vào một chiếc hộp sắt, giấu nơi chân cột Cô Tô đài. Từ khi quân Việt đốt Cô Tô đài, quyển sách ấy chẳng còn ai biết đến

nữa. Ta vốn có chơi thân với Tôn Vũ, được xem sách ấy, nên tự tay chú giải những điều bí mật trong sự hành binh, tất cả binh pháp xưa nay đều gồm trong sách ấy, ta chưa từng đem dạy ai, nay thấy ngươi có lòng trung thành nên mới chỉ bảo.

Tôn Tẫn nói :

— Đệ tử cha mẹ chết sớm, loạn lạc trong biến cố, họ hàng cũng không còn ai, dẫu tổ phụ có sách nhưng không truyền dạy thì cũng đốt nát. Nay Tiên sinh thương tình, đệ tử xin cố gắng học.

Tôn Tẫn lãnh sách lui ra, đem về phòng ngày đêm nghiền ngẫm. Sau đó ba ngày, Tiên sinh đòi sách. Tôn Tẫn đem nộp. Tiên sinh theo từng thiên hỏi lại, Tôn Tẫn ứng đáp trôi chảy không sai một chỗ nào.

Tiên sinh mừng rỡ nói :

— Ngươi dụng tâm học tập như vậy không phụ lòng tổ phụ ngươi đã qua đời.

Lúc bấy giờ, Bàng Quyên đến nước Ngụy, được quan tướng quốc nước Ngụy là Vương Thảo đem Bàng Quyên vào tiến cử cùng Ngụy Huệ Vương.

Khi Bàng Quyên vào chầu, gặp lúc quân hầu đem dâng vua Ngụy món đê hầm. Vua Ngụy vừa cầm đũa thấy Bàng Quyên vào vội đón tiếp.

Bàng Quyên mừng rỡ, nghĩ thầm :

— Thầy ta bảo gặp đê thì vinh, lời nói ấy quả không sai.

Huệ Vương thấy Bàng Quyên tướng mạo khôi ngô, có ý kính trọng hỏi :

— Chẳng hay tài học của tráng sĩ như thế nào ?

Bàng Quyên đáp :

— Tôi là học trò của Quỉ Cốc tiên sinh, mấy năm theo học môn binh pháp, đủ tài làm tướng.

Huê Vương hỏi :

— Nước Ngụy ta phía Đông có nước Tề, phía Tây có nước Tần, phía Nam có nước Sở, phía Bắc có nước Hàn, Triệu, Yên, đều là những nước mạnh. Vừa rồi nước Triệu xâm lấn nước Ngụy, thù ấy chưa báo được, chẳng hay tráng sĩ có kế gì hay chăng.

Bàng Quyên nói :

— Đại Vương mà dùng tôi làm tướng, tôi tưởng đánh trận nào cũng thắng, thôn tính cả thiên hạ còn được, kể gì một nước Triệu.

Ngụy Huê Vương nói :

— Tráng sĩ nói quá ê hành động không kịp với lời nói.

Bàng Quyên tâu :

— Tôi lượng sức tôi, chẳng lẽ có thể làm được lại không nói. Nếu tôi không thôn tính nổi sáu nước ấy vào tay Đại Vương, tôi xin chịu tội.

Ngụy Huê Vương rất hài lòng, phong cho Bàng Quyên làm chức Nguyên Soái kiêm luôn chức quân sư. Con trai Bàng Quyên là Bàng Thống, Bàng Mai đều được làm tướng cả.

Từ đó, Bàng Quyên chăm lo luyện tập quân sĩ, trước tiên đánh hai nước Vệ và Tống. Đánh đâu thắng đó, làm cho các nước Vệ, Tống, Lỗ, Trịnh sợ hãi đều đem lễ vật triều cống.

Bấy giờ, nước Tề thấy nước Ngụy mạnh, vội cầu hiền tìm nhân tài để giữ nước.

Mặc Địch là bạn với Quỉ Cốc tiên sinh, nhân đến thăm bạn, thấy Tôn Tẫn khuyên xuống núi giúp đời.

Tôn Tẫn thưa :

— Tôn sư tôi thường nói : *Cuộc thế hỗn độn, thiên hạ đang xâu xé nhau, người trung kẻ nịnh không phân biệt, nước không vua hiền, chi bằng ẩn thân tu hành là hơn.*

Mặc Địch nói :

— Tiên sinh vốn là bạn tôi, nhưng mỗi người một quan niệm khác nhau. Tiên sinh muốn an phận tu hành, còn tôi muốn lấy đạo giúp đời để cứu vớt thiên hạ. Đời loạn cần đến người tài, còn đời thịnh trị người tài không cần đến. Chính vì thế mà ta phải đem cái học ra để giúp cho đời loạn thành trị, đem lại nguồn an vui hạnh phúc cho thiên hạ. Ý ta như thế đâu phải cầu vinh hưởng lạc.

Tôn Tẫn nói :

— Tiên sinh nói cũng phải, song tôi đã có người bạn là Bàng Quyên đang làm quan nước Ngụy, hẹn lúc nào đắc chí sẽ tiến cử nhau, nên tôi cứ chờ đợi.

Mặc Địch nói :

— Bàng Quyên đang làm tướng nước Ngụy, vậy thì ta đến nước Ngụy dò xét xem sao ?

Dứt lời Mặc Địch thẳng đường đến nước Ngụy vào yết kiến Ngụy Huê Vương.

Sau khi dò hỏi, Mặc Địch được biết Bàng Quyên không có ý tiến cử Tôn Tẫn, lại phô trương kinh thơ của mình nên không vui.

Vua Ngụy nghe tiếng Mặc Địch, vội mời vào đàm đạo, Mặc Địch nói qua về binh pháp và thơ chiến, vua

Ngụy thích lắm, muốn lưu Mặc Địch lại để giúp nước, nhưng Mặc Địch từ chối nói :

— Tôi là kẻ quê mùa, không quen mặc áo đội mũ, tôi có biết người cháu của Tôn Vũ là Tôn Tẫn hiện nay đang ẩn tại Quỉ Cốc. Người ấy đủ tài thao lược, có thể giúp cho Đại Vương được.

Ngụy Huê Vương hỏi :

— Tôn Tẫn ở Quỉ Cốc, tức là bạn đồng môn với Bàng Quyên, vậy thì sức học của hai người ai hơn ai.

Mặc Địch nói :

— Tôn Tẫn và Bàng Quyên tuy bạn học, nhưng tài năng cách biệt. Tôn Tẫn được cái bí truyền của tổ phụ, dẫu trong thiên hạ cũng không ai địch nổi đừng nói đến Bàng Quyên.

Nói xong, Mặc Địch từ tạ ra đi. Ngụy Huê Vương cho đòi Bàng Quyên đến hỏi :

— Ta nghe Tôn Tẫn bạn học với tướng quân có những binh pháp của tổ tiên truyền lại, có thể mưu sự chinh phục thiên hạ, sao tướng quân không triệu Tôn Tẫn tới giúp.

Bàng Quyên nói :

— Không phải tôi không biết Tôn Tẫn, song Tôn Tẫn là người quê hương nước Tề, họ hàng còn sống ở nước Tề, nay ra làm quan nước Ngụy sao khỏi trọng Tề khinh Ngụy.

Ngụy Huê Vương nói :

— Kẻ sĩ bao giờ cũng chết với người tri kỷ, cần gì phải lựa người bổn quốc mới dùng được.

Bàng Quyên nói :

— Nếu Đại Vương muốn dùng Tôn Tẫn, tôi xin viết thơ triệu đến.

Tuy ngoài miệng nói thế, nhưng trong lòng Bàng Quyên không muốn Tôn Tẫn đến, sợ Tôn Tẫn đoạt chức quyền của mình.

Dụ dự mãi, nhưng thấy vua Ngụy có ý trông chờ, Bàng Quyên phải viết một phong thơ dâng lên cho Ngụy Vương.

Ngụy Vương dùng xe tứ mã, cùng hoàng kim ngọc bích, sai người cầm thư của Bàng Quyên đến Quỉ Cốc đón Tôn Tẫn.

Tôn Tẫn được thư mở ra xem, trong thư ý nói :

« Quyên này nhớ ơn anh, đến nước Ngụy trọng dụng ngay. Mấy lời hẹn nhau trong lúc giã biệt vẫn ghi nhớ vào lòng. Nay tôi tiến cử anh lên Ngụy Vương và phái người đến đón để cùng nhau chung hưởng phú quí ».

Tôn Tẫn đem thư trình với Quỉ Cốc tiên sinh. Quỉ Cốc tiên sinh thấy Bàng Quyên đã lập được công danh mà không một chữ gởi thăm thầy, cho là đứa bội nghĩa. Lại xét tính tình Tôn Tẫn không thể sống chung cùng Bàng Quyên được, song không nỡ cản ngăn làm phụ lòng Ngụy Vương, nên bảo Tôn Tẫn hái cành hoa để bói xem.

Bấy giờ, vào tiết tháng chín, hoa nở nhiều, Tôn Tẫn thấy trên bàn có bình hoa, liền rút một cành dâng lên tiên sinh.

Tiên sinh nói :

— Sự nghiệp của ngươi không phải nhờ thời mà đạt được, còn gặp gian nan, nhưng sẽ nên danh ở quê mình. Nay ta trao cho con một cẩm nang, lúc nào gặp nguy hãy giở ra xem.

Tôn Tẫn lạy tạ rồi xuống núi, theo sứ giả đến nước Ngụy.

Tôn Tẫn vào yết kiến Bàng Quyên để tạ cái ơn tiến dẫn, Bàng Quyên tỏ vẻ ngạo nghễ, đưa Tôn Tẫn vào yết kiến Ngụy Vương.

Ngụy Huệ Vương thấy Tôn Tẫn đến vội vàng bước xuống thềm đón tiếp rất cung kính.

Tôn Tẫn sụp lạy nói :

— Tẫn này ở nơi sơn dã, thiếu tài thiếu đức, được Đại Vương cho đón rước trọng thể nên lấy làm xấu hổ.

Huệ Vương nói :

— Được Mặc Địch cho biết tráng sĩ có binh thư bí truyền nên ta rất khát vọng, nay được tráng sĩ đến đây, lòng ta tưởng không gì quí hơn.

Liền quay sang hỏi Bàng Quyên :

— Ta muốn phong Tôn Tẫn làm phó quân sư để cùng tướng quân lo việc nước được không ?

Bàng Quyên nói :

— Tôi và Tôn Tẫn là bạn đồng song, mà Tôn Tẫn là bậc anh của tôi, lẽ nào tôi để Tôn Tẫn ở dưới chức tôi. Chi bằng đợi lúc nào Tôn Tẫn lập được công lao, tôi sẽ chịu dưới quyền của Tôn Tẫn thì mới thuận.

Ngụy Huệ Vương nhận lời, đưa Tôn Tẫn đến ở một cái phủ riêng.

Bàng Quyên không muốn phong chức cho Tôn Tẫn, nhưng lại tìm lời khéo léo để can vua, sự ngọt ngào ấy chính là lòng nham hiểm.

Từ đó, Tôn Tẫn và Bàng Quyên thường đi lại với nhau. Bàng Quyên thấy Tôn Tẫn học được binh thư bí truyền liền tìm cách để dò xét.

Một hôm, Bàng Quyên đặt tiệc mời Tôn Tẫn đến dự. Hai người uống rượu đến say, Bàng Quyên đem việc binh thư ra hỏi, thì Tôn Tẫn trả lời thông suốt, đến khi Tôn Tẫn hỏi lại vài câu thì Bàng Quyên không trả lời được.

Bàng Quyên giả cách hỏi :

— Những điều bí mật đó có phải ở trong binh thư của Tôn Vũ chăng ?

Tôn Tẫn đáp phải, Bàng Quyên nói :

— Trước kia đệ cũng được tiên sinh truyền dạy nhưng vì không dụng tâm nên lâu ngày quên mất hết. Nếu hiền huynh cho xem lại thì quí hóa biết chừng nào.

Tôn Tẫn nói :

— Sách ấy do tiên sinh chú giải rõ ràng, khác với chính bản. Tiên sinh chỉ cho mượn trong ba ngày rồi lấy lại.

Bàng Quyên hỏi :

— Hiền huynh có nhớ không?

Tôn Tẫn nói :

— Tôi cũng nhớ mang máng ít điều.

Bàng Quyên muốn Tôn Tẫn truyền lại tập binh thư ấy, nhưng chưa tiện nói ra, nên làm lơ.

Cách mấy hôm, vua Ngụy muốn thử tài hai người nên bày việc thao diễn quân binh, ra lệnh cho Tôn Tẫn và Bàng Quyên trình bày binh pháp.

Bàng Quyên lập ra trận nào Tôn Tẫn đều biết cả, và chỉ rõ cách phá trận, còn Tôn Tẫn lập ra một trận Bàng Quyên mù tịt, không biết đâu mà nói.

Bàng Quyên hỏi nhỏ Tôn Tẫn :

— Trận ấy là trận gì vậy ?

Tôn Tẫn nói :

— Đó là trận *Điên đảo bát môn*, nếu đánh thì nó biến ra trận *Trường xà*.

Bàng Quyên liền tâu nhỏ với vua Ngụy. Đến khi Ngụy Vương hỏi thì Tôn Tẫn nói y như vậy, Ngụy Vương cho tài Tôn Tẫn và Bàng Quyên ngang nhau.

Tuy nhiên, khi về đến trướng phủ, Bàng Quyên thấy tài mình kém hơn Tôn Tẫn thì ganh ghét, muốn hại Tôn Tẫn, nên thân mật hỏi :

— Họ hàng thân thích của hiền huynh có còn ai ở nước Tề chăng ?

Tôn Tẫn thật tình nói :

— Cha mẹ tôi chết hết, lúc nhỏ nhờ một người chú là Tôn Kiều nuôi dưỡng, sau đó vì gian thần dèm xiểm, triều đình đuổi chú tôi ra bể, thất lạc không biết còn mất lẽ nào. Tôi có hai người anh là Tôn Bình và Tôn Trác đem tôi chạy sang đất nhà Châu lánh nạn, gặp lúc mất mùa, hai anh tôi lại gởi tôi lên Qui Cốc học đạo, từ đó không còn tin tức gì ở quê hương.

Bàng Quyên hỏi :

— Bây giờ hiền huynh còn tưởng nhớ một phần nào quê hương chăng :

Tôn Tẫn đáp :

— Người ta đâu phải là cỏ cây mà quên cội rễ, tuy nhiên, nay tôi đã được vua nước Ngụy trọng đãi thì cố đền ơn, việc quê nhà còn nói làm chi.

Cách đó vài tháng, bỗng có một người nói tiếng Sơn Đông xưng là Đinh Ất, quê ở Lâm Tri đi buôn bán ở đất Châu. Tôn Bình và Tôn Trác có nhờ cầm phong thư đến Qui Cốc trao cho Tôn Tẫn, nhưng khi đến đó nghe Tôn Tẫn đã đi làm quan nước Ngụy nên phải tìm đến đây.

Nói xong, người ấy đưa Tôn Tẫn một bức thư. Tôn Tẫn mở ra xem, trong thư đại ý nói gặp việc không may, nhà cửa tan nát, may được vua Tề thương hại giúp đỡ, nay triệu Tôn Tẫn về làng cũ để gầy dựng sự nghiệp.

Tôn Tẫn thấy thư của hai anh, cảm động khóc òa. Đoạn viết một phong thư trả lời, trao cho Đinh Ất, ý nói dẫu nhớ quê hương nhưng đã đem thân phò Ngụy chưa về được, đợi lúc nào lập nên sự nghiệp sẽ về thăm.

Đinh Ất nhận thư của Tôn Tẫn rồi từ giã ra đi. Nào ngờ tên Đinh Ất này chẳng phải là khách buôn mà chính là tên Từ Giáp của Bàng Quyên sai đến để giả cách đánh lừa Tôn Tẫn.

Bàng Quyên được thư phúc đáp của Tôn Tẫn, liền giả chữ viết thêm vào sau bức thư :

« Em dẫu là quan nước Ngụy nhưng lúc nào cũng nghĩ đến quê hương. Bất nhất em sẽ tìm cách về Tề. Nếu vua Tề dùng em thì em hết sức giúp ».

Xong, Bàng Quyên đem thư vào trình Ngụy Huê Vương và tâu :

— Tôn Tẫn phò Ngụy nhưng lại tư thông với Tề. Nếu không lo trước e có hại.

Ngụy Huê Vương xem xong rồi nói :

— Tôn Tẫn lòng nhớ nước cũ, có lẽ ta không trọng dụng nên không muốn ở.

Bàng Quyên nói :

— Tổ phụ Tôn Tẫn là Tôn Vũ làm Đại tướng nước Ngô, sau cũng trở về Tề. Thế thì quê cha đất tổ không ai quên được, Đại Vương dù có trọng dụng Tôn Tẫn, mà Tôn Tẫn không muốn ở thì cũng chẳng ích gì cho nước Ngụy. Tôn Tẫn tài năng không kém tôi, nếu Tôn Tẫn về Tề không thể không xảy ra việc tranh hùng giữa Tề-Ngụy. Chi bằng giết trước đi.

Ngụy Vương nói :

— Tôn Tẫn vì lời thỉnh cầu của ta mà đến đây, nay tội trạng chưa rõ, giết đi sao khỏi mang tiếng là bạc đãi hiền sĩ.

Bàng Quyên nói :

— Đại Vương nói rất phải, vậy để tôi tìm lời khuyên giải, nếu không được sẽ có cách cư xử.

Bàng Quyên trở về dinh nói với Tôn Tẫn :

— Nghe nói đại huynh vừa được thư nhà gởi đến ?

Tôn Tẫn lòng thật, đâu ngờ lòng dạ thâm hiểm của Bàng Quyên, nên cứ thật thà trình bày.

Bàng Quyên nói :

— Tình anh em là trọng, ai chẳng nhớ nhung, sao đại huynh không làm sớ xin vua Ngụy về thăm quê nhà vài tháng rồi trở lại.

Tôn Tẫn nói :

— Chỉ sợ Đại Vương nghi ngờ không cho đi.

Bàng Quyên nói :

— Đại huynh cứ vào tâu xin, đệ hết lòng giúp đỡ.

Tôn Tẫn hứa làm theo lời. Đêm ấy Bàng Quyên vào nói với Ngụy Vương :

— Tôi đã hết lời khuyên giải, nhưng Tôn Tẫn vẫn một mực muốn về Tề. Nếu Tôn Tẫn có dâng sớ xin đi, Đại Vương bắt tội tư thông với giặc giao cho tôi xử trị, tôi sẽ có cách làm cho Tôn Tẫn phải chịu mệnh.

Ngụy Vương gật đầu. Hôm sau, Tôn Tẫn vào dâng sớ xin nghỉ hai tháng về nước thăm nhà, Ngụy Vương nổi giận phê ngay mấy câu vào tờ sớ, giao cho Bàng Quyên.

Nội thị lập tức trói Tôn Tẫn giải về dinh Bàng Quyên.

Bàng Quyên làm bộ thất kinh nói :

— Đại huynh bị oan tình, đệ sẽ liều chết vào can vua Ngụy việc này mới được.

Nói xong Bàng Quyên bỏ đi, vào tâu với vua Ngụy :

— Tôn Tẫn tư thông với Tề, tội ấy đáng chết, song Đại Vương sợ mang tiếng không giết vậy nên chặt chân Tôn Tẫn để cho Tôn Tẫn trở thành tàn phế, không về Tề được, ta khỏi lo hậu hoạn.

Ngụy Huê Vương thuận lời, Bàng Quyên trở về phủ nói với Tôn Tẫn :

— Đại Vương giận lắm, muốn giết đại huynh nhưng tiểu đệ hết lời tâu xin đại huynh mới được toàn mạng.

Nhưng đại huynh phải bị chặt chân và thích chữ vào mặt. Đó là luật nước.

Tôn Tẫn nói :

— Được tiểu đệ tâu xin cho khỏi chết, ơn ấy chẳng dám quên.

Bàng Quyên truyền trói Tôn Tẫn lại, chặt cụt mỗi bàn chân một nửa, rồi thích vào mặt chữ « *tư thông ngoại quốc* ».

Tôn Tẫn đau quá, ngất xỉu, nằm lăn dưới đất. Bàng Quyên giả ý khóc than, lấy khăn băng bó cho Tôn Tẫn, rồi cho người khiêng ra thư quán, dùng lời ngon ngọt an ủi.

Một tháng sau, vết thương của Tôn Tẫn đã lành, nhưng bị mất hết hai nửa bàn chân, không sao đi được, chỉ lê thân từ chỗ này sang chỗ kia rất mệt nhọc. Thường ngày Bàng Quyên sai người đem cơm nuôi nấng và Tôn Tẫn vẫn xem Bàng Quyên là ân nhân, kẻ đã cứu sống mình, không có ý gì khác.

Rồi một hôm, Bàng Quyên thân hành đến thăm, nói với Tôn Tẫn :

— Nay đại huynh đã bị tàn phế, tài năng không xử dụng được, thật uổng công học tập bấy lâu. Đại huynh có học được binh thư bí truyền, cảm phiền đại huynh truyền lại cho đệ, tiểu đệ sẽ nhờ đại huynh mà đem thân ra cứu nhân độ thế.

Tôn Tẫn nghĩ buồn tấm thân tàn phế, không còn hy vọng gì, nên nhận lời. Bàng Quyên truyền đem giấy mực để Tôn Tẫn ghi chép những lời chú giải của Quỉ Cốc tiên sinh trong binh thư Tôn Vũ, lại sai gia đình là Thành Nhi theo hầu hạ.

Một hôm, Bàng Quyên gọi Thành Nhi về hỏi xem Tôn Tẫn đã chép được bao nhiêu.

Thành Nhi nói :

— Tôn Tẫn chỉ mới chép được ba tờ.

Bàng Quyên trợn mắt :

— Mày có nhiệm vụ ở đó hầu hạ, tại sao không hối thúc ?

Thành Nhi phàn nàn :

— Thế thì bỏ mạng ! Ai đời tôi tớ lại hối thúc kẻ có quyền.

Thành Nhi đem chuyện này nói với bạn bè, một tên quân hầu tỏ ý với Thành Nhi :

— Mày không biết sao. Nguyên soái ngoài mặt thì niềm nở với Tôn Tẫn, nhưng trong lòng cố tình hãm hại. Sở dĩ mà còn giữ lại mạng sống Tôn Tẫn là để Tôn Tẫn chép xong binh thư bí truyền. Nếu đã chép xong thì tính mạng của Tôn Tẫn cũng chấm dứt. Đây là việc kín, mày đừng thố lộ ra mà mất đầu.

Thành Nhi thấy thương tình, đem việc này nói lại với Tôn Tẫn. Tôn Tẫn nghe xong biến sắc, nghĩ thầm :

— Bàng Quyên bất nghĩa như thế sao lại truyền binh pháp cho nó ! Nhưng mạng ta hiện đang ở trong tay Bàng Quyên làm sao thoát được.

Nghĩ mãi vẫn bí lối, không biết làm sao để cứu nguy, bỗng nhớ đến cẩm nang của Quỉ Cốc tiên sinh, Tôn Tẫn liền mở ra xem thấy trong đó có ghi chữ «*Cuồng*»

Tôn Tẫn hiểu ý, ngay chiều hôm ấy khi bọn thủ hạ đem cơm đến Tôn Tẫn đạp đổ, trợn mắt hét :

— Chúng bây đem thuốc độc hại ta !

Nói xong lấy mấy tờ giấy vừa viết bỏ vào lửa đốt, miệng chửi rủa không dứt.

Thành Nhi không hiểu Tôn Tẫn giả điên vội chạy về báo với Bàng Quyên.

Ngày hôm sau, Bàng Quyên đến xem, thấy Tôn Tẫn nằm lăn dưới đất, mặt mày lem luốc, đôi mắt đỏ ngầu, lúc cười, lúc khóc.

Bàng Quyên bước đến hỏi :

— Đại huynh vì cớ gì mà cười khóc như vậy ?

Tôn Tẫn ngơ ngác nhìn Bàng Quyên nói :

— Ta cười là cười vua Ngụy, muốn hại mạng ta, nhưng ta có hơn mười thiên binh giúp sức, làm gì ta nổi ! Còn ta khóc là khóc cho nước Ngụy không có Tôn Tẫn thì ai làm đại tướng.

Nói xong trợn mắt nhìn Bàng Quyên, rồi phục xuống lạy lia lịa, nói :

— Xin Quỉ Cốc tiên sinh cứu mạng !

Bàng Quyên nói :

— Tôi là Bàng Quyên đây, đại huynh không nhận ra sao ?

Tôn Tẫn cứ nắm chặt áo Bàng Quyên không buông miệng luôn kêu tiên sinh cứu mạng.

Bàng Quyên sai người hầu gỡ tay Tôn Tẫn ra, rồi hỏi Thành Nhi :

— Tôn Tẫn phát bệnh từ lúc nào ?

Thành Nhi nói :

— Bệnh phát đêm vừa rồi.

Bàng Quyên lên xe về phủ, lòng nghi hoặc sợ Tôn Tẫn tìm thế đánh lừa mình, sai người khiêng Tôn Tẫn đặt vào chuồng ngựa rất bẩn thỉu, Tôn Tẫn xõa tóc phủ kín mặt mày rồi nằm ở đấy.

Bàng Quyên lại sai người giả cách thương mến lén đem cơm cho Tôn Tẫn ăn, Tôn Tẫn biết là kế của Bàng Quyên, liền để chén cơm xuống đất, trợn mắt hét :

— Chúng bây lại đem thuốc độc đến đây hại ta sao?

Tên quân hầu lấy lại chén cơm rồi đưa một chén bùn cho Tôn Tẫn, Tôn Tẫn cầm lấy cục bùn mà ăn.

Tên quân hầu vào thưa lại với Bàng Quyên, Bàng Quyên cho Tôn Tẫn điên thật, không để ý đến nữa. Từ đó thả lỏng Tôn Tẫn mặc ý ra vào.

Tôn Tẫn sớm đi chiều về, hoặc nằm trong chuồng lợn, hoặc ngồi trong quán xá không ai để ý đến. Có lúc Tôn Tẫn nằm giữa chợ cười khóc một mình, dân chúng thấy vậy thương tình cho ăn uống đầy đủ.

Tuy nhiên, Bàng Quyên vẫn còn đề phòng, mỗi ngày sáng ra phải trình cho Bàng Quyên biết Tôn Tẫn ở đâu.

Trong lúc đó Mặc Địch sang chơi nước Tề, ở nhà Điền Kỵ, bỗng có người ở nước Ngụy đến kể chuyện Tôn Tẫn bị nguy khốn.

Mặc Địch thở dài nói :

— Ta muốn tiến cử Tôn Tẫn, không ngờ lại hại Tôn Tẫn. Sự ganh ghét của Bàng Quyên rất hiểm độc, xưa nay chưa từng thấy.

Điền Kỵ nói với Mặc Địch :

— Ta nên cứu Tôn Tẫn phen này.

Liền vào tâu với Tề Uy Vương. Vua Tề Uy Vương muốn đem Tôn Tẫn về nước, Điền Kỵ nói :

— Bàng Quyên đã không muốn Tôn Tẫn làm quan ở Ngụy thì khi nào lại để cho Tôn Tẫn thoát ra nước ngoài. Muốn đem Tôn Tẫn về phải dùng kế mới được.

Tề Uy Vương liền sai Trần Vu Khôn làm sứ, đem trà sang biếu vua Ngụy, còn Cầm Hoạt giả làm quân hầu đi theo.

Khi vào yết kiến vua Ngụy xong, hai người ở nơi quán trọ. Cầm Hoạt lén lút đi tìm Tôn Tẫn. Khi đến một giếng lạng kia thấy Tôn Tẫn đang dựa lưng vào thành giếng, mặt mày lem luốc, áo quần bẩn thỉu, Cầm Hoạt bước đến nói :

— Tôn huynh khốn khổ đến thế này ư? Tôn huynh còn nhớ tôi đây là Cầm Hoạt chăng ? Tiên sinh hay được tin Tôn huynh bị hãm hại nên tâu với vua Tề lập kế đem Tôn huynh về nước, sai Trần Vu Khôn giả làm sứ để đến đây báo tin cùng Tôn huynh.

Tôn Tẫn nhìn Cầm Hoạt mắt ứa lệ nói : -

— Tôi tưởng thân này không còn thấy quê hương nữa, ngờ đâu lại có cơ hội này. Tuy nhiên, Bàng Quyên vẫn còn đang nghi ngờ tôi lắm, sợ không đi lọt.

Cầm Hoạt nói :

— Không hề chi ! Việc này chúng tôi đã sắp đặt xong. Tôn huynh cứ an tâm.

Tối hôm ấy, Cầm Hoạt đem Tôn Tẫn giấu kín trong xe, lấy quần áo của Tôn Tẫn cho một tên đầy tớ là Vương Nghĩa mặc, giả làm Tôn Tẫn đi lang thang khắp chợ. Ai trông thấy cũng tưởng Tôn Tẫn thật. Bọn quân canh cứ thế trình báo lên Bàng Quyên như mọi ngày.

Trần Vu Khôn vào từ giã vua Ngụy về nước, đem theo Tôn Tẫn mà không ai biết cả. Còn Vương Nghĩa giả Tôn Tẫn lang thang ít bữa rồi cởi thay áo quần bỏ nơi bờ giếng lạng trốn đi mất.

Quân lính không thấy Tôn Tẫn đâu nữa, liền báo với Bàng Quyên. Bàng Quyên cho là Tôn Tẫn nhảy xuống giếng chết, nên không để ý đến nữa.

Trần Vu Khôn đưa Tôn Tẫn về Lâm Tri, thay đổi y quan, vào ra mắt Tề Uy Vương.

Vua Tề mừng rỡ, phong Tôn Tẫn làm quan nhưng Tôn Tẫn từ chối :

— Tôi mang ơn Đại Vương cứu mạng đem về đây, nay chưa có công lao gì; xin đợi khi dùng đến sẽ đem hết sức mình ra đền ơn.

Tề Uy Vương theo lời, cho Tôn Tẫn ở nơi dinh Điền Kỵ để cùng nhau bàn việc nước.

Bấy giờ tại nước Ngụy, Bàng Quyên muốn thi thố tài năng của mình, nên xin vua Ngụy cho đem quân đánh nước Triệu để báo thù.

Ngụy Huê Vương nhận lời. Bàng Quyên điểm quân kéo đến vây thành Hàm Đan, ngày đêm công phá rất ngặt. Quân Triệu cự không lại, chúa nước Triệu sợ hãi đem đất Trung Sơn đút lót cho nước Tề, xin Tề cứu viện.

Tề Uy Vương biết tài Tôn Tẫn, muốn phong Tôn Tẫn làm tướng nhưng Tôn Tẫn từ chối nhường cho Điền Kỵ, chỉ lãnh chức quân sư.

Nhờ tài của Tôn Tẫn, Điền Kỵ đem quân cứu được nước Triệu, đánh tan ba ngàn quân xâm lược của Bàng Quyên.

Bàng Quyên thua trận phải kéo tàn quân về nước. Sau trận thua đó, Bàng Quyên phát hiện Tôn Tẫn còn sống đã trở về Tề, nên ngày đêm ăn ngủ không yên.

Chẳng bao lâu, Bàng Quyên hay được nước Tề có quan Tướng quốc Lô Ky, kẻ vốn sợ Điền Ky lập nhiều công to sẽ đoạt mất chức tước của mình nên có ý ganh ghét, liền sai người tư thông với Lô Ky để Lô Ky tâu với Tề Uy Vương đừng dùng Điền Ky và Tôn Tẫn nữa.

Lô Ky nhận lễ vật của Bàng Quyên liền phao tin Điền Ky và Tôn Tẫn mưu tạo phản, làm cho Tề Uy Vương nghi ngờ.

Điền Ky hay được liền cáo bệnh từ chức, giao binh quyền lại. Tôn Tẫn cũng từ chức quân sư.

Bàng Quyên nghe tin ấy mừng rỡ, nói với các tướng :

— Từ nay nước Ngụy có nguy cơ hoành hành trong thiên hạ rồi.

Liền tâu với Ngụy Huê Vương cất quân đánh nước Hàn để trả thù việc Tề giúp Triệu đánh Ngụy.

Vua Ngụy nhận lời, tức thì Bàng Quyên kéo đại binh sang đánh nước Hàn.

Quân Ngụy chưa đến nơi, vua nước Hàn đã sợ hãi sai sứ sang nước Tề cầu cứu.

Lúc bấy giờ, Tề Uy Vương đã qua đời, Tề Tuyên Vương lên nối ngôi, nghe nước Hàn bị xâm lấn, liền triệu tập triều thần bàn luận. Tề Tuyên Vương sai Điền Ky làm tướng, Điền Anh làm phó tướng, Tôn Tẫn làm quân sư đem năm trăm cỗ xe đi cứu nước Hàn.

Điền Ky muốn đem binh thẳng đến nước Hàn, Tôn Tẫn cản lại :

— Không nên, cái thuật của cứu nguy là phải đánh vào chỗ thiết yếu của đối phương, buộc đối phương phải lui về cấp cứu. Nay muốn cứu nước Hàn chỉ cần kéo quân đánh Ngụy, tức khắc quân Ngụy kéo về.

Điền Ky theo lời, hạ lệnh cho ba quân thẳng đường tiến sang Ngụy.

Bàng Quyên đánh nước Hàn thắng luôn mấy trận, định vây thành đô, bỗng nghe quân Tề đánh Ngụy thất kinh giải binh kéo về Ngụy để cứu nguy.

Nước Hàn không đánh thắng mà bỗng lui binh được nước Ngụy.

Khi Bàng Quyên kéo quân về đến đất Mã Lăng thì bị quân Tề phục kích trong một đường núi giết hết không còn một người. Riêng Bàng Quyên bị hàng trăm mũi tên bắn vào người bỏ mình tại trận Mã Lăng (tức là gặp ngựa thì hỏng).

Tôn Tẫn chặt đầu Bàng Quyên treo trên xe rồi cùng với Điền Ky thu quân về nước.

Điền Ky về đến nước Tề, vào yết kiến Tề Tuyên Vương, vua Tề muốn phong chức cho Tôn Tẫn thật xứng đáng để xứng với công lao, nhưng Tôn Tẫn từ chối nói :

— Tôi tàn phế, được Đại Vương đem về dùng nay đã báo được ơn vua, trả được thù riêng, lòng tôi đã thỏa, chỉ xin Đại Vương cho tôi một hòn núi hoang để được an hưởng tuổi già mà thôi.

Tề Tuyên Vương còn lưu luyến nói :

— Quân sư giúp ta cứu lấy nước Tề, ơn ấy ta chưa đền, nỡ nào quân sư ra đi như vậy. Một mai chư hầu đến xâm lấn, ta biết làm sao ?

Tôn Tẫn liền về dinh chép hết mười ba thiên binh thư của Tôn Vũ đem dâng cho Tề Tuyên Vương và nói :

— Tài tôi chỉ ở trong sách này. Đại Vương lưu tôi lại cũng chỉ làm được có thế mà thôi.

Tề Tuyên Vương không làm sao giữ Tôn Tẫn lại được, bèn cho ở núi Thạch Lư. Tôn Tẫn ở đó hơn một năm, sau người ta không còn thấy Tôn Tẫn đâu nữa, và đồn rằng Tôn Tẫn đã theo Quỉ Cốc tiên sinh rồi.

38. CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chức cẩm hồi văn là một bài văn lộn quanh, được dệt trên gấm của nàng Tô Huệ vợ chàng Đậu Thao.

Nàng Tô Huệ là một nữ thi sĩ đời Tần, quê ở Thí Bình, tự là Nhược Lan.

Tuy là một thi sĩ nổi danh, tài văn chương uyên bác, nhưng chỉ tội nhà nghèo, nên nàng Tô Huệ phải làm vợ lẽ chàng Đậu Thao.

Trong bài thơ của cụ Phan Thanh Giản có câu nói đến nàng Tô Huệ :

Sánh nàng Tô Huệ bậc văn chương

Đậu Thao là bậc phú hào, ngoài vợ cả còn có nhiều nàng hầu, nên chàng Đậu Thao không mặn nồng chăn gối với nàng Tô Huệ.

Nghĩ buồn cho số phận, nàng Tô Huệ đã làm một bài văn gởi cho chồng lời lẽ rất cảm động và tha thiết, khiến chàng Đậu Thao cảm mến tài năng mà đối xử với nàng rất tình nghĩa.

Trong lúc vợ chồng đang mặn nồng chăn gối thì có giặc xâm lấn bờ cõi, chiếu vua ban xuống tuyển mộ binh lính đi trấn biên cương.

Chàng Đậu Thao trúng tuyển, phải lên đường đi thủ phương xa.

Vợ chồng đành chia tay. Nàng Tô Huệ tiễn chân chồng mà lòng bồi hồi thương cảm. Nàng trở thành một chinh phụ, tâm hồn theo dõi bóng chồng nơi quan ải xa xôi. ngày đêm nhung nhớ không sao lãng quên được. Những lúc thương nhớ, Tô Huệ thường đứng nhìn về phía trường thành mà lệ tràn mi mắt.

Nghĩ mọi cách để được gần chồng, nàng Tô Huệ chỉ còn cách trông nhờ ở đức vua thương tình ly biệt của vợ chồng nàng mà xuống chiếu cho chàng trở về đoàn tụ.

Tô Huệ liền thảo ra một bản văn nhớ chồng, dệt lên mặt gấm, chạy vòng quanh ghép lại thành một bài văn cực kỳ cảm động.

Đó là bài *Chức cẩm hồi văn* mà các văn nhân, thi sĩ đời sau lưu truyền như một báu vật.

Dệt xong tấm lụa, nàng Tô Huệ đem dâng cho Hoàng Thượng để xin cho chồng nàng được xuất ngũ, hồi hương, trở về với nàng.

Xem xong bài văn dệt trên lụa, đức vua thương tình, mến tài Tô Huệ, liền xuống chiếu cho chàng Đậu Thao được mãn lính trở về sum họp với vợ chàng là Tô Huệ.

Sau đây xin ghi lại bài *Chức cẩm hồi văn* của nàng Tô Huệ :

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Quân thừa hoàng chiếu án biên thư
Tống quân tống biệt hà kiều lộ

Hàm bi yểm lệ tặng quân ngôn
Mạc vong ân tình tiện tưởng khứ.

Hà kỳ nhật khứ âm tìm đoạn
Ý thiếp bình vi xuân bất noãn
Quỳnh dao giai hạ bích đài không
San hô trướng lý hồng trần mãn.

Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn
Tương tâm hà thác cánh phùng quân
Nhất tâm nguyện tác thương hải nguyệt
Nhứt tam nguyện tác lãnh đầu vân.

Lãnh vân tuế tuế phùng phu diện
Hải nguyệt niên niên chiếu đắc biên
Phi lai phi khứ đáo quân bàng
Thiên lý vạn lý dao tương kiến.

Thiều thiều lộ viễn quan sơn cách
Hậu quân tái ngoại trường vị khách
Khứ thời tống biệt lưu diệp huỳnh
Thùy tín kỷ kinh mai huê bạch.

Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo
Xuân ý thôi nhân hứng thùy đạo
Thùy dương mãn địa vị quân thần
Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo.

Đình tiền xuân tảo chính phân phương
Bảo đảo Tần tranh hướng hoa đường

Vị quân đàn đắc Giang Nam khúc
Phó ký tình thâm đáo sóc phương.

Sóc phương thiên đệ sơn hà việt
Vạn lý âm thư trường đạo tuyệt
Ngân trang chẩn nhượng lệ triêm y
Kim lũ la thường hoa giải liệt.

Tam xuân hồng nhạn đô giang thành
Thử thi ly nhân đoạn trường tình
Tranh huyền vi đoạn trường tiên đoạn
Oán kết tiên thành khúc vị thành.

Quân kim ức thiếp trọng như san
Thiếp diệc tư quân thiếp tạm nhàn
Chức tương nhất bản hiến thiên tử
Nguyện phóng nhi phu cấp tảo hoàn.

Dịch :

Chàng vâng chiếu ra ngoài cõi ải
Thiếp đưa chàng tới lối cầu sông
Ngậm sầu gạt lệ nhắn lòng
Chớ ham chốn khác mà vong tình này.

Trông tin tức tới nay thăm thẳm
Đề buồng hương chẳng ấm hơi xuân
Từ ngày đôi ngả cách phân
Màn dần bụi bám, thềm dần rêu phong.

Nỗi ly biệt nghĩ lòng kinh sợ
Thiếp với chàng bao thuở gặp nhau

Nguyện làm trăng giữa biển sâu
Nguyện làm mây phủ trên đầu non cao

Trăng giữa biển năm nào cũng thấy
Mây đầu non dù mấy cũng thông
Bay qua bay lại bên chồng
Dầu ngàn muôn dặm xa trông như gần.

Quan sơn ấy, mấy lần cách trở
Hiềm nỗi chàng làm khách rất lâu
Chàng đi mới ố bông lau
Mà nay mấy độ trắng màu hoa mai.

Hoa trăm thức xuân tươi hớn hở
Xuân giục người than thở với ai
Liễu kia rũ những tơ dài
Hoa kia rã cánh không người quét cho.

Sân xuân sớm thơm tho trăm thức
Chốn hoa đường lựa bậc đàn tranh
Giang Nam năm khúc rành rành
Mượn đâu năm móng gởi tình sóc phương.

Sóc phương ấy đôi đường diệu vợi
Âm thư này nhắn gởi không thông
Gối riêng nước mắt tuôn dòng
Xiêm thêu áo vẽ lâu cùng mục tan

Ba xuân tới, tiếng nhàn gắng gỏi
Xuân giục người bối rối như tơ

Năm giây còn đó sờ sờ
Buồn đà đứt ruột khảy chưa rồi đàn

Chàng thương thiếp tình hơn núi nặng
Thiếp nhớ chàng tình chẳng kém thua
Dệt đem tấm gấm dâng vua
Xót lòng dạ thiếp tha cho chàng về!

Sau đó còn có bài thơ nàng *Tô Huệ nhớ chồng* được người đời ghi lại để thấy rõ tâm hồn của người nữ sĩ ấy.

TÔ HUỆ NHỚ CHỒNG

Đình thảo thành sào liễu tựu ty
Chinh phu hà nhựt thì qui kỳ
Bán liêm tàn nguyệt thường tàn khách
Ức chẩn đề nguyên lạc lệ thủy
Tái bắc vân trường cô nhạn ảnh
Giang nam xuân tận lão nga mỹ
Sạ lai kỳ ngộ tương tư mộng
Tân đáo quân biên trí bất tri

Dịch :

Cỏ loán vào sân liễu chấm vai
Chàng đi ngày lại mãi trông hoài
Tựa mình trăng ngã đau lòng kẻ
Gối lệ khuyên kêu khóc hận ai
Bóng nhạn bắc hòn trôi bạn lẻ
Mây nga nam tủi nét xuân phai
Nhớ nhau chỉ biết như trong mộng
Vơ vẩn bên chung chàng có hay.

Trong niềm thương nhớ qua bốn mùa, nàng Tô Huệ còn dệt trên gấm những vần thơ sau đây :

XUÂN

Ba thì lộng ảnh trao song sa
Ảnh trao song sa ưỡng nhậy tà
Tà nhật ưỡng sa song trao ảnh
Sa song trao ảnh lộng chi ba.

Dịch :

Hoa đùa bóng rọi cửa song sa
Rọi cửa song sa nắng xế qua
Qua xế nắng sa song cửa rọi
Sa song cửa rọi bóng hoa đùa

HẠ

Liên trường thanh thủy điểm thanh tiền
Thủy điểm thanh tiền, số điểm nhiên
Nhiên điểm số tiền thanh điểm thủy
Tiền thanh điểm thủy, thủy tiền nhiên

Dịch :

Ôi sen nước nhỉ lá xanh ngời
Nhỉ lá xanh ngời giọt nước rơi
Rơi giọt nước ngời xanh lá nhỉ
Ngời xanh lá nhỉ nước sen rơi

THU

Du vân bạch nhạn hóa nam lầu
Nhạn hóa nam lầu nhất sắc thu

Thu sắc nhất lầu nam hóa nhạn
Lầu nam hóa nhạn bạch vân du

Dịch :

Mây lầu phủ bóng nhạn về đây
Bóng nhạn về đây đượm sắc thu
Thu sắc đượm màu bên bóng nhạn
Về đây bóng nhạn phủ lầu mây

ĐÔNG

Mai hoa kỷ điểm tiết hoa khai
Kỷ điểm hoa khai xuân tiến lai
Lai tiến xuân khai hoa kỷ điểm
Khai hoa tiết điểm kỷ hoa khai

Dịch :

Cành mai tiết nở thấy vui mừng
Nhìn thấy vui mừng sắp đến xuân
Xuân đến thấy mừng mai sắp nở
Mừng vui thấy nở tiết mai cùng.

Sa-Đéc, March 10, 2015